ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của dự án đầu tư

XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa điểm: Thị trấn Tân Thành, Huyện Bắc Tân Uyên và Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.

CHỦ DỰ ÁN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĨNH TOÀN

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM

GIÁM ĐỐC TƯ VẤN
Ths. Nguyễn Thi Hoàng Oanh

Bình Dương, tháng 05 năm 2023

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU **1**
CHƯƠNG I **3**
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ **3**
1.1. Tên chủ dự án đầu tư **3**
1.2. Tên dự án đầu tư **3**
1.2.1. Tên dự án đầu tư *3*
1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư *3*
1.2.2.1. Vị trí địa lý dự án *3*
1.2.2.2. Hiện trạng sử dụng đất của dự án *7*
1.2.3. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) *9*
1.3. Quy mô hoạt động, quy trình khám, chữa bệnh và chức năng của 02 Trạm y tế tuyến xã **9**
1.3.1. Quy mô hoạt động của 02 Trạm y tế *9*
1.3.2. Quy trình khám, chữa bệnh của 02 Trạm y tế *11*
1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ của 02 Trạm y tế tuyến xã *12*
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư **13**
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất *13*
1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án *16*
1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện của dự án *16*
1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước của dự án *17*
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư **20**
1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án *20*
1.5.1.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật *28*
1.5.1.3. Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường *31*
1.5.2. Máy móc, thiết bị của dự án *38*
1.5.3. Tiến độ thực hiện dự án *44*
1.5.4. Vốn đầu tư *44*
1.5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án *45*
CHƯƠNG II **46**
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, ... **46**
KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG **46**

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 46
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường 47
CHƯƠNG III 49
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN 49
DỰ ÁN ĐẦU TƯ 49
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật 49
3.1.1. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp của dự án....49
3.1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động bởi dự án50
3.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, không khí nơi thực hiện dự án 51
CHƯƠNG IV 61
ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 61
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án 61
4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải 62
4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại 64
4.1.3. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải 65
4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 67
4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác 68
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành 71
4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải 74
4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 85
4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn 89
4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường 98
4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành 99
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường 102
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo 104
CHƯƠNG V 107
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 107
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 107
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 107
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 107

CHƯƠNG VI 108

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 108

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư.. 108

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm 108

6.1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải..... 108

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật..... 109

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ..... 109

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 109

6.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.. 109

6.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm 110

CHƯƠNG VIII 111

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 111

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

ATLĐ	:	An toàn lao động
BCH	:	Ban chỉ huy
BHLĐ	:	Bảo hộ lao động
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
BOD	:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT	:	Bê tông cốt thép
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	:	Chất thải nguy hại
CTR	:	Chất thải rắn
HT XLNT	:	Hệ thống xử lý nước thải
L	:	Lít
NXB	:	Nhà xuất bản
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
QĐ	:	Quyết định
QCXDVN	:	Quy chuẩn xây dựng Việt Nam
SS	:	Chất rắn lơ lửng
TCVN	:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCVSLĐ	:	Tiêu chuẩn vệ sinh lao động
TCXDVN	:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	:	Tổng chất rắn lơ lửng
VLXD	:	Vật liệu xây dựng
WHO	:	Tổ chức y tế thế giới

DANH MỤC BẢNG

Chương 1

Bảng 1. 1 Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất Trạm y tế Tân Thành 4
Bảng 1. 2 Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất Trạm y tế Hòa Lợi 4
Bảng 1. 3 Hiện trạng sử dụng đất của trạm y tế Hòa Lợi 8
Bảng 1. 4 Danh mục khối lượng vật liệu xây dựng của dự án 13
Bảng 1. 5 Lượng nhiên liệu sử dụng của một số thiết bị, phương tiện chính trong giai đoạn xây dựng dự án 14
Bảng 1. 6 Khối lượng hệ thống cấp điện của dự án 17
Bảng 1. 7 Thống kê khối lượng hệ thống cấp nước của Trạm y tế Tân Thành 20
Bảng 1. 8 Thống kê khối lượng hệ thống cấp nước của Trạm y tế Hòa Lợi 20
Bảng 1. 9 Bảng cơ cấu sử dụng đất của trạm y tế Tân Thành 20
Bảng 1. 10 Giải pháp xây dựng khối chính của trạm y tế Tân Thành 22
Bảng 1. 11 Giải pháp xây dựng khối nhà phụ trợ của trạm y tế Tân Thành 23
Bảng 1. 12 Giải pháp xây dựng các công trình phụ trợ Trạm y tế Tân Thành 24
Bảng 1. 13 Bảng cơ cấu sử dụng đất của trạm y tế Hòa Lợi 24
Bảng 1. 14 Giải pháp xây dựng khối chính của trạm y tế Hòa Lợi 26
Bảng 1. 15 Giải pháp xây dựng khối nhà phụ trợ của trạm y tế Hòa Lợi 27
Bảng 1. 16 Giải pháp xây dựng các công trình phụ trợ Trạm y tế Hòa Lợi 27
Bảng 1. 17 Khối lượng san nền khu đất trạm y tế Tân Thành 28
Bảng 1. 18 Khối lượng san nền khu đất trạm y tế Hòa Lợi 29
Bảng 1. 19 Khối lượng hệ thống thoát nước mưa trạm y tế Tân Thành 31
Bảng 1. 20 Khối lượng hệ thống thoát nước mưa trạm y tế Hòa Lợi 32
Bảng 1. 21 Tổng hợp các thiết bị, phương tiện thi công chính trên công trường 38
Bảng 1. 22 Danh mục thiết bị lắp đặt vào công trình 39
Bảng 1. 23 Danh mục thiết bị y tế tại dự án 40
Bảng 1. 24 Tiến độ thực hiện dự án 44
Bảng 1. 25 Vốn đầu tư của dự án 44

Chương 3

Bảng 3. 1 Vị trí lấy mẫu không khí 52
Bảng 3. 2 Kết quả đo đạc chất lượng không khí xung quanh 53
Bảng 3. 3 Vị trí lấy mẫu đất 55
Bảng 3. 4 Kết quả phân tích mẫu đất 56
Bảng 3. 5 Vị trí lấy mẫu nước ngầm 56

Bảng 3. 6 Kết quả phân tích mẫu nước ngầm 57

Chương 4

Bảng 4. 1 Các nguồn gây tác động đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng 61
Bảng 4. 2 Nguồn gây tác động đến môi trường trong giai đoạn hoạt động của dự án.....72
Bảng 4. 3 Tính chất nước thải y tế trước khi xử lý 74
Bảng 4. 4 Thông số thiết kế hệ thống xử lý nước thải tại mỗi trạm y tế.....82
Bảng 4. 5 Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tại mỗi trạm y tế.....82
Bảng 4. 6 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện.....85
Bảng 4. 7 Thành phần chất thải y tế nguy hại của dự án 91
Bảng 4. 8 Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại mỗi trạm y tế 92
Bảng 4. 9 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....102
Bảng 4. 10 Đánh giá độ tin cậy của các đánh giá 104

Chương 6

Bảng 6. 1 Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm của Dự án.....108

DANH MỤC HÌNH

Chương 1

Hình 1. 1 Vị trí khu đất Trạm y tế Tân Thành (hình vệ tinh) 5
Hình 1. 2 Vị trí khu đất Trạm y tế Hòa Lợi (hình chụp vệ tinh) 6
Hình 1. 3 Hiện trạng khu đất xây dựng Trạm y tế Tân Thành 7
Hình 1. 4 Hiện trạng khu đất xây dựng Trạm y tế Hòa Lợi 9
Hình 1. 5 Quy trình khám, chữa bệnh tại 02 Trạm y tế tuyến xã 12

Chương 3

Hình 3. 1 Lấy mẫu không khí xung quanh và đất khu vực trạm y tế Tân Thành 59
Hình 3. 2 Lấy mẫu không khí xung quanh và đất khu vực trạm y tế Hòa Lợi 60

Chương 4

Hình 4. 1 Hệ thống thu gom nước thải của trạm y tế thị trấn Tân Thành 77
Hình 4. 2 Hệ thống thu gom nước thải của trạm y tế phường Hòa Lợi 78
Hình 4. 3 Cấu tạo bể tự hoại 79
Hình 4. 4 Quy trình xử lý nước thải của dự án 80
Hình 4. 5 Sơ đồ phân loại chất thải y tế tại mỗi trạm y tế 95
Hình 4. 6 Màu sắc các thùng chứa và biểu tượng chất thải trên bao bì 96

MỞ ĐẦU

Dự án Xây mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đưa vào danh mục nhiệm vụ, dự án dự kiến đầu tư từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022.

Ngày 17/08/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã có công văn số 4220/UBND-KT về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2), giao cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh phối hợp với Sở Y tế, UBND thị xã Bến Cát, UBND huyện Bắc Tân Uyên và các đơn vị liên quan nghiên cứu thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương", trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Ngày 21/03/2023, dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 596/QĐ-UBND. Dự án Xây mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương gồm:

- Xây mới Trạm y tế Tân Thành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận giao khu đất tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên với diện tích 3.190,3m^2 theo Công văn số 63/UBND-KT ngày 06/01/2023. Hiện tại trên địa bàn có Phòng khám đa khoa Tân Thành trực thuộc Trung tâm Y tế đang tổ chức hoạt động lồng ghép Trạm y tế trong phòng khám đa khoa theo Quyết định số 578/QĐ-SYT của UBND huyện Bắc Tân Uyên ngày 22/7/2014. Do vậy, việc xây mới Trạm y tế Tân Thành là cần thiết đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương.
- Xây mới Trạm y tế Hòa Lợi: được xây mới tại diện tích đất trống bên trong khu đất của Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát hiện hữu. Trạm hiện hữu được xây dựng và đưa vào sử dụng năm 2011 với quy mô công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2. Đến nay, nhiều hạng mục bị xuống cấp đồng thời với quy mô hiện tại không đủ đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương. Do đó, việc đầu tư xây dựng mới Trạm y tế phường Hòa Lợi là cần thiết. Vị trí xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi công trình hiện hữu và không ảnh hưởng đến hoạt động khám, chữa bệnh của Trạm y tế hiện hữu. Theo báo cáo số 37/BC-UBND ngày 22/02/2023 của UBND thị xã Bến Cát, tổng diện tích khu đất của Trạm sau khi đo đạc thực tế là 2.748,3m^2. Sau khi công trình mới hoàn thành, chủ đầu tư sẽ bàn giao cho Trạm y tế phường Hòa Lợi quản lý và vận hành, hoạt động riêng biệt với công trình cũ. Sở Y tế sẽ phối hợp địa phương để giao cơ sở Trạm y tế cũ cho Trung tâm Y tế thị xã quản lý (chuyển đổi công năng sử dụng).

Dự án xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương thuộc lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 và có tổng vốn đầu tư là 24,931 tỷ đồng, nên dự án thuộc nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

Căn cứ theo *Phụ lục II kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP* ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh của Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" khoảng 8m^3/ngày và xây dựng hệ thống xử lý nước thải có tổng công suất 10m^3/ngày. Bên cạnh đó, dự án nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện, căn cứ theo *Phụ lục V (mục số 2)* kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và theo *điều 39 (khoản 1), điều 41 (khoản 3)* của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án cần phải lập Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và thực hiện theo mẫu báo cáo của *Phụ lục XI* - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III).

Dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương.

- Địa chỉ văn phòng: Tầng 4, tháp B Tòa nhà Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, đường Lê Lợi, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Vĩnh Toàn. Chức vụ: Giám đốc.

- Điện thoại: 0274.3855263 Email: banqldadtxd@binhduong.gov.vn

Quyết định số 2109/QĐ-UBND thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/07/2011.

Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Theo đó, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thành Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án, thực hiện thủ tục quyết định đầu tư theo đúng quy định của Luật đầu tư công và pháp luật liên quan.

1.2. Tên dự án đầu tư

1.2.1. Tên dự án đầu tư

XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG

1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

1.2.2.1. Vị trí địa lý dự án

Dự án 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương bao gồm:

A/. Trạm y tế Tân Thành

Trạm y tế Tân Thành: thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 có tổng diện tích 27.517,6m^2 tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, vị trí này đã được UBND tỉnh chấp thuận theo Công văn số 63/UBND-KT ngày 06/01/2023. Xung quanh khu đất có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp đường ĐT 746.

- Phía Tây: giáp thửa đất số 456, tờ bản đồ số 1, thị trấn Tân Thành (hiện trạng khu đất đang trồng cây cao su).

- Phía Nam: giáp Văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành.

- Phía Bắc: giáp một phần thửa đất số 60 tờ bản đồ số 31 (hiện trạng khu đất đang trồng khoai mì).

Tọa độ, vị trí ranh giới khu đất dự án được thể hiện qua *Bảng 1.1, Hình 1.1.*

Bảng 1. 1 Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất Trạm y tế Tân Thành

Số hiệu	Tọa độ		Khoảng cách
	X (m)	Y (m)	
1	1234295.3	619318.98	
2	1234333.9	619320.84	82,67
3	1234335.2	619238.16	38,65
4	1234296.56	619236.32	82,69
1	1234295.3	619318.98	36,85

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Trạm y tế Hòa Lợi được xây mới trong khuôn viên của Trạm y tế hiện hữu tại thửa đất số 38, tờ bản đồ số 19 tại phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát. Tổng diện tích khu đất thực tế của Trạm y tế Hòa Lợi 2.748,3 m^2 (trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ 378,5m^2, diện tích còn lại 2.369,8m^2). Xung quanh khu đất có các mặt tiếp giáp như sau:

- Phía Đông: giáp thửa đất số 27 tờ bản đồ số 19 (hiện trạng khu đất đang trồng cây cao su).

- Phía Tây: giáp đường ĐT 741.

- Phía Nam: giáp thửa đất số 48 tờ bản đồ số 19 (hiện trạng đang là bãi đậu xe).

- Phía Bắc: giáp với Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi.

Tọa độ, vị trí ranh giới khu đất dự án được thể hiện qua *Bảng 1.2, Hình 1.2.*

Bảng 1. 2 Bảng thống kê tọa độ ranh giới khu đất Trạm y tế Hòa Lợi

Số hiệu	Tọa độ		Khoảng cách
	X (m)	Y (m)	
1	1227818.54	599644.04	
2	1227815.24	599608.39	35,81
3	1227802.55	599604.08	13,4
4	1227798.79	599454.52	58,67
5	1227833.45	599545.06	34,66
6	1227835.78	599645.36	100,33
1	1227818.54	599644.04	17,29

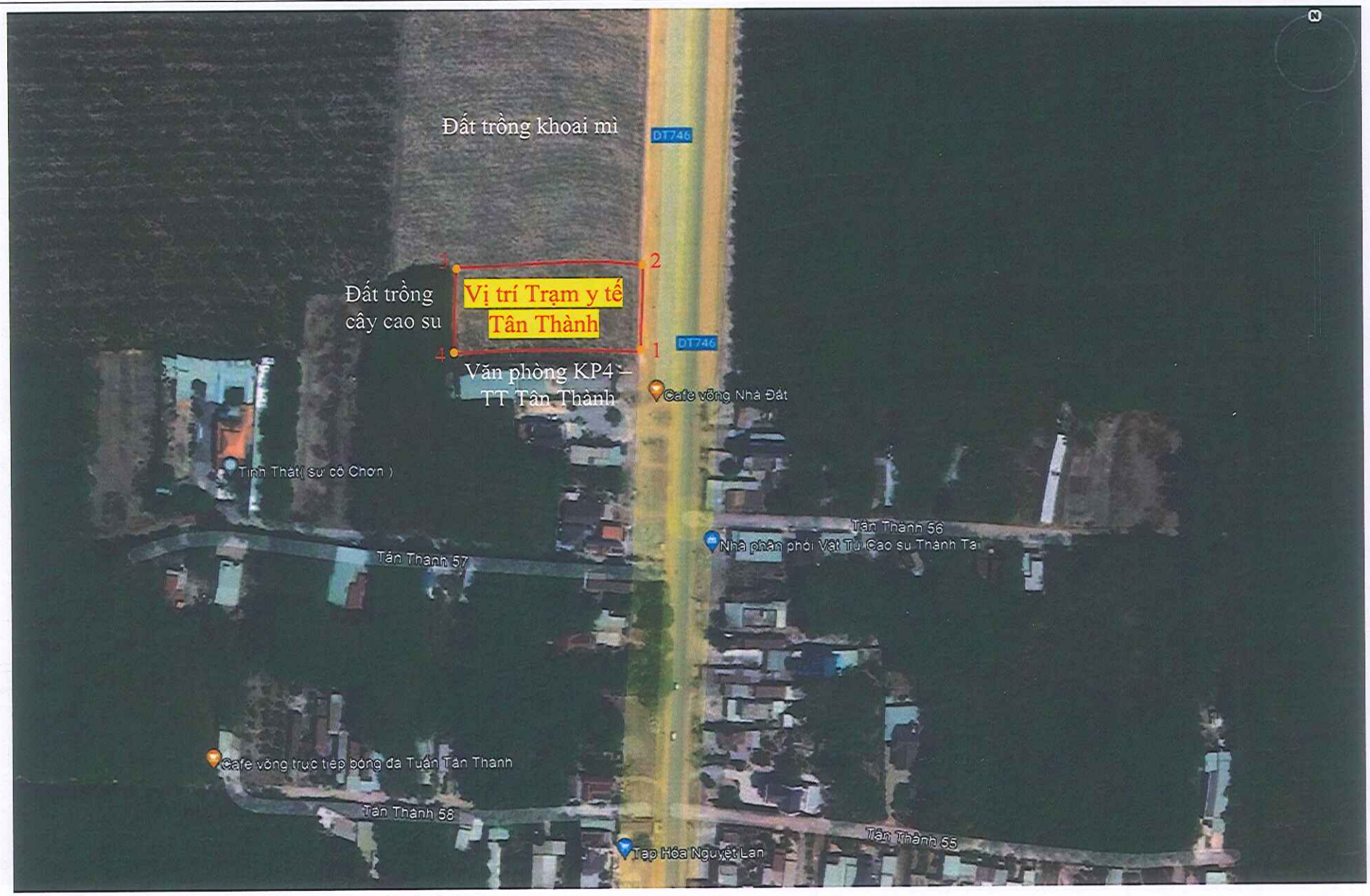

Hình 1. 1 Vị trí khu đất Trạm y tế Tân Thành (hình vệ tinh)

Hình 1. 2 Vị trí khu đất Trạm y tế Hòa Lợi (hình chụp vệ tinh)

1.2.2.2. Hiện trạng sử dụng đất của dự án

A/. Trạm y tế Tân Thành

Hiện trạng khu đất dự án là đất trống, người dân đang trồng khoai mì tại một phần thửa đất số 60 giáp phía Bắc dự án và bên trong khu đất. Khi triển khai xây dựng, người dân sẽ dọn dẹp và hoàn trả mặt bằng cho chủ đầu tư.

Vị trí và hiện trạng khu đất trạm y tế Tân Thành được thể hiện trong bản vẽ Mặt bằng hiện trạng khu đất được đính kèm Phụ lục của báo cáo.

Một số hình ảnh hiện trạng khu đất xây dựng trạm y tế Tân Thành:

Đường ĐT 746 giáp với dự án về phía Đông

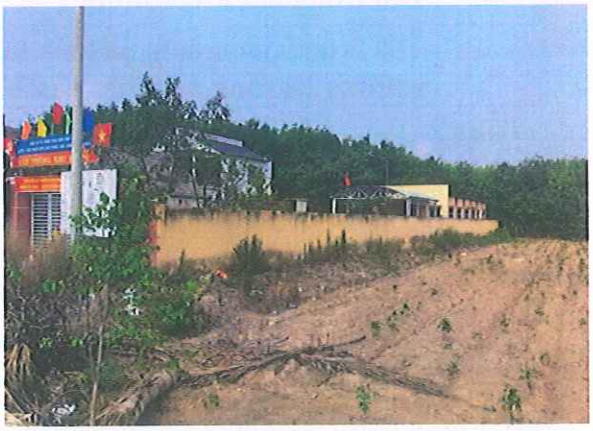

Văn phòng khu phố 4 thị trấn Tân Thành giáp với dự án về phía Nam

Hiện trạng bên trong khu đất dự án

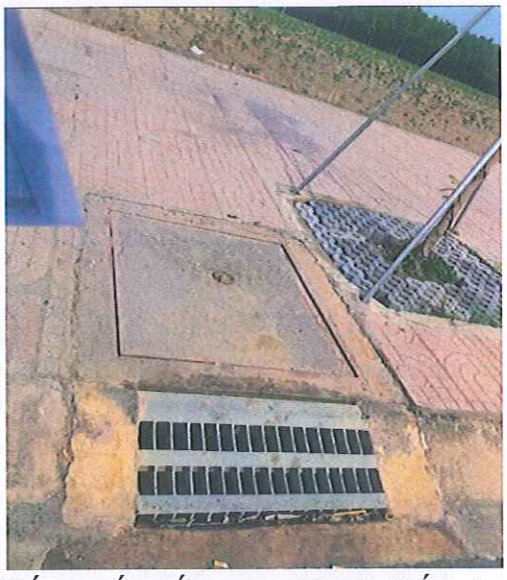

Hố ga đấu nối nước thải dự kiến của dự án trên đường ĐT 746

Hình 1. 3 Hiện trạng khu đất xây dựng Trạm y tế Tân Thành

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Xung quanh khu đất trạm y tế Hòa Lợi hiện có cọc mốc và tường xây bao quanh làm ranh giới. Vị trí xây dựng công trình mới nằm trong khuôn viên (phía sau) của trạm y tế hiện hữu. Hiện trạng sử dụng đất của trạm y tế Hòa Lợi được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 3 Hiện trạng sử dụng đất của trạm y tế Hòa Lợi

STT	*Hạng mục*	*Diện tích (m^2)*	*Tỷ lệ (%)*
1	Đất xây dựng công trình hiện hữu	195,38	7,11
	Khối trạm y tế (nhà cấp IV)	*159,38*	
	Nhà xe (mái tole, nền bê tông)	*36*	
2	Khu vực hệ thống xử lý nước thải và hầm thấm	16	0,582
3	Đất giao thông nội bộ (sân đường bê tông hiện hữu)	544,5	19,8
4	Đất trống chưa xây dựng	1.613,92	58,7
5	Đất thuộc hành lang an toàn đường bộ (đường bê tông xi măng, vỉa hè hiện hữu)	378,5	13,8
Tổng		**2.748,3**	**100**

Nguồn: Trạm y tế phường Hòa Lợi, 2023

Hiện trạng bên trong diện tích đất dự kiến xây dựng có các loại cây do trạm y tế trồng như bưởi, dừa, đu đủ, mít, mận, tre và các loại cây bụi cỏ mọc hoang. Trước khi triển khai xây dựng, đơn vị thi công sẽ thực hiện giải phóng mặt bằng.

Vị trí và hiện trạng khu đất trạm y tế Hòa Lợi được thể hiện trong bản vẽ Mặt bằng hiện trạng khu đất được đính kèm Phụ lục của báo cáo.

Một số hình ảnh hiện trạng khu đất xây dựng trạm y tế Hòa Lợi:

Đường ĐT 741 giáp với dự án về phía Tây

Trạm y tế phường Hòa Lợi hiện hữu

Cổng phụ giáp với UBND P.Hòa Lợi

Bãi đậu xe giáp dự án về phía Nam

Hiện trạng khu đất xây dựng công trình mới

Hệ thống xử lý nước thải hiện hữu

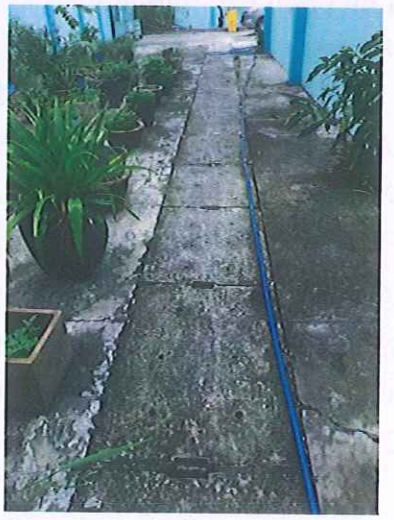

Mương thoát nước mưa hiện hữu

Hình 1. 4 Hiện trạng khu đất xây dựng Trạm y tế Hòa Lợi

1.2.3. Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)

Dự án xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương thuộc lĩnh vực quy định tại điểm a khoản 5 Điều 8 (trạm y tế cấp xã) và có tổng vốn đầu tư là 24,931 tỷ đồng, nên dự án thuộc nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo Luật đầu tư công số 39/2019/QH14.

1.3. Quy mô hoạt động, quy trình khám, chữa bệnh và chức năng của 02 Trạm y tế tuyến xã

1.3.1. Quy mô hoạt động của 02 Trạm y tế

A/. Trạm y tế Tân Thành

- *Quy mô diện tích sử dụng đất:*

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương đã được UBND tỉnh chấp thuận giao khu đất có diện tích khoảng 3.190,30m^2 theo công văn số 63/UBND-KT ngày 06/01/2023 để đầu tư xây dựng mới Trạm y tế Tân Thành. Diện tích này thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 (có tổng diện tích 27.517,6m^2) đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA179752, số vào sổ CT00488 ngày 8/12/2010 cho Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa.

✍ *Quy mô đầu tư:*

Theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21/03/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

- Xây mới Trạm y tế Tân Thành bao gồm:

+ Khối nhà chính: 02 tầng gồm các khu chức năng chung (sảnh đón, quầy đón tiếp, quầy thuốc - kho thuốc, phòng hành chính - giao ban, phòng trực, phòng rửa tiệt trùng, khu lấy mẫu xét nghiệm, phòng tiêm, phòng họp), khu chức năng cho bệnh nhân thường (phòng khám bệnh, y dược học cổ truyền, phòng tập phục hồi chức năng, phòng lưu bệnh nhân thường), khu phụ trợ (kho chung, phòng bếp, khu vệ sinh cho nhân viên, bệnh nhân).

+ Khối nhà phụ trợ: phòng giặt, kho đồ sạch, kho chất thải rắn, nhà che máy bơm, máy phát điện, nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Các hạng mục phụ trợ (cổng, hàng rào, hệ thống xử lý nước thải, nhà xe, sân đường nội bộ, vườn thuốc nam) và hạ tầng kỹ thuật.

- Phần thiết bị: đầu tư đồng bộ thiết bị lắp đặt vào công trình theo thiết kế xây dựng và thiết bị chuyên dùng của ngành theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

✍ *Số giường bệnh:*

- Số giường bệnh: Trạm y tế Tân Thành đầu tư 05 giường bệnh trong đó có 02 giường lưu trú bệnh nhân và 03 giường sử dụng khám bệnh, tuân thủ theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 về quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế (diện tích đất xây dựng Trạm y tế cấp xã từ 500m^2 đến 2.000m^2 với quy mô từ 5 đến 7 giường bệnh).

- Quy mô khám, chữa bệnh: Trạm y tế Tân Thành dự kiến phục vụ khám, chữa bệnh cho người dân tại thị trấn Tân Thành (có quy mô dân số khoảng 7.500-8.000 người). Trạm có khả năng phục vụ cho nhu cầu khám, chữa bệnh khoảng 100 người/ngày.

✍ *Số lượng người làm việc tại Trạm y tế:* dự kiến số lượng cán bộ nhân viên làm việc tại trạm khoảng 7 người, trong đó có 01 trưởng trạm. Số lượng người trực vào buổi tối 3-4 người.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

✍ *Quy mô diện tích sử dụng đất:*

Theo Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 22/02/2023 của UBND thị xã Bến Cát về kết quả xác định diện tích đất thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình của Trạm y tế Hòa Lợi, tổng diện tích khu đất là 2.748,3m^2 (trong đó diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ 378,5m^2; diện tích còn lại 2.369,8m^2).

✍ *Quy mô đầu tư:*

Theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21/03/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

- Xây mới Trạm y tế Hòa Lợi bao gồm:

+ Khối nhà chính: 02 tầng gồm các khu chức năng chung (sảnh đón, quầy đón tiếp, quầy thuốc - kho thuốc, phòng hành chính - giao ban, phòng trực, phòng rửa tiệt trùng, khu

lấy mẫu xét nghiệm, phòng tiêm, phòng họp), khu chức năng cho bệnh nhân thường (phòng khám bệnh, y dược học cổ truyền, phòng tập phục hồi chức năng, phòng lưu bệnh nhân thường), khu phụ trợ (kho chung, phòng bếp, khu vệ sinh cho nhân viên, bệnh nhân).

+ Khối nhà phụ trợ: phòng giặt, kho đồ sạch, kho chất thải rắn, nhà che máy bơm, máy phát điện, nhà điều hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Các hạng mục phụ trợ (cổng, hàng rào, hệ thống xử lý nước thải, nhà xe, sân đường nội bộ, vườn thuốc nam) và hạ tầng kỹ thuật.

- Phần thiết bị: đầu tư đồng bộ thiết bị lắp đặt vào công trình theo thiết kế xây dựng và thiết bị chuyên dùng của ngành theo hướng dẫn của Bộ Y tế kết hợp sử dụng lại thiết bị của Trạm y tế Hòa Lợi hiện hữu.

Số giường bệnh:

- Số giường bệnh:

+ Hiện hữu: Trạm y tế Hòa Lợi hiện có 04 giường không lưu trú, chủ yếu phục vụ khám bệnh. Theo số liệu của trạm, trong 3 tháng gần đây, trung bình 1 ngày có khoảng 30 lượt khám, chữa bệnh.

+ Sau khi xây trạm mới: Trạm y tế Hòa Lợi đầu tư mới 02 giường lưu trú bệnh nhân, 01 giường phục vụ khám bệnh và sử dụng lại 04 giường của trạm hiện hữu. Tổng cộng trạm có 07 giường, tuân thủ theo Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 về quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế (diện tích đất xây dựng Trạm y tế cấp xã từ 500m^2 đến 2.000m^2 với quy mô từ 5 đến 7 giường bệnh).

- Quy mô khám, chữa bệnh: Trạm y tế Hòa Lợi phục vụ khám, chữa bệnh cho người dân tại phường Hòa Lợi (có quy mô dân số khoảng 40.000 người). Trạm có khả năng phục vụ cho nhu cầu khám, chữa bệnh khoảng 100 người/ngày.

Số lượng người làm việc tại Trạm y tế:

+ Hiện hữu: số lượng cán bộ nhân viên làm việc tại trạm là 7 người, trong đó có 01 trưởng trạm. Số người trực vào buổi tối là 4 người.

+ Sau khi xây trạm mới: không thay đổi, số lượng cán bộ nhân viên làm việc tại trạm là 7 người.

1.3.2. Quy trình khám, chữa bệnh của 02 Trạm y tế

Quy trình khám, chữa bệnh tại 02 Trạm y tế tuyến xã được thể hiện qua sơ đồ sau:

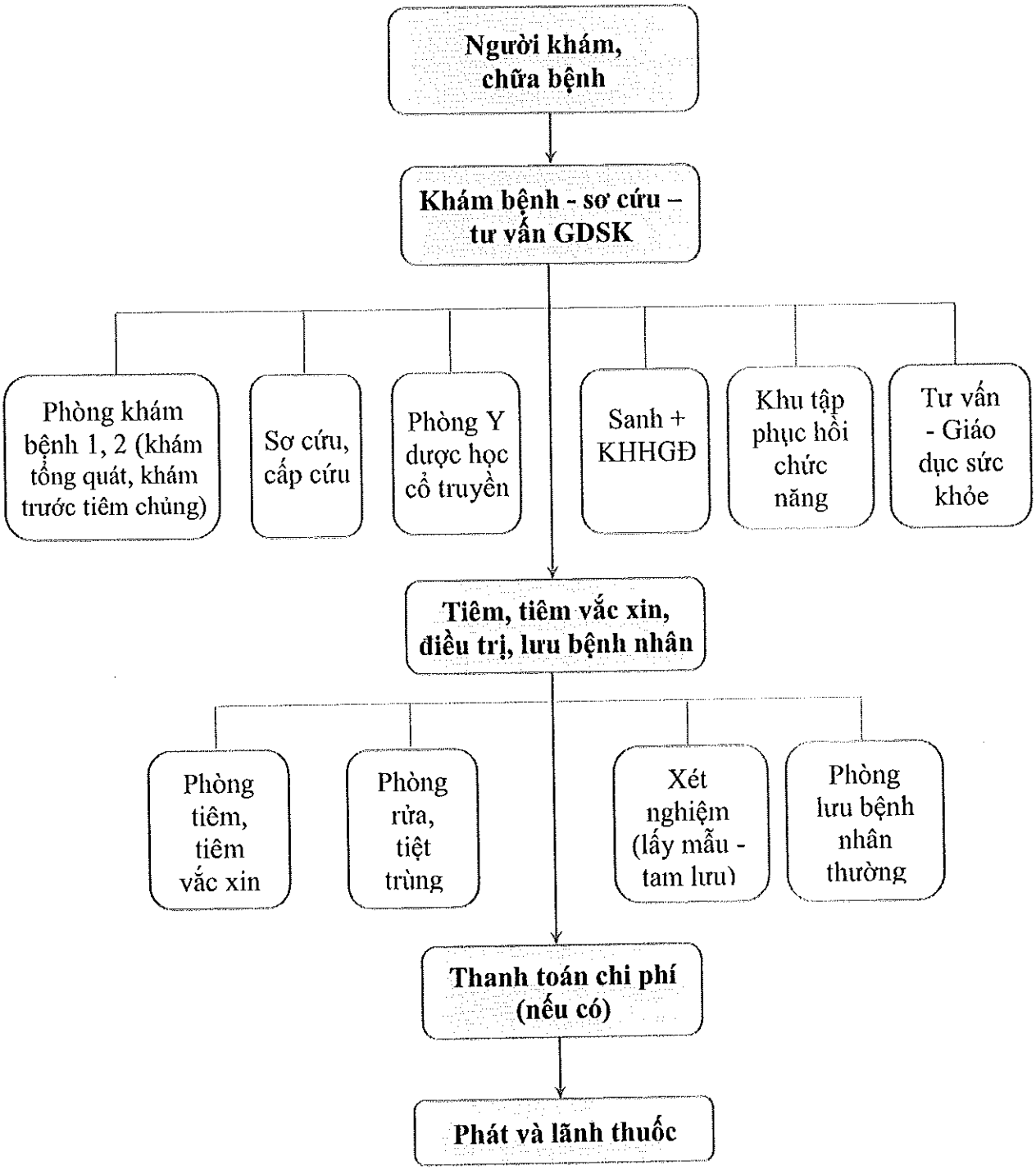

Hình 1. 5 Quy trình khám, chữa bệnh tại 02 Trạm y tế tuyến xã

1.3.3. Chức năng, nhiệm vụ của 02 Trạm y tế tuyến xã

Chức năng của Trạm y tế Tân Thành và Trạm y tế Hòa Lợi: là đơn vị y tế đầu tiên trong bậc thang điều trị để thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu và khám chữa bệnh thông thường cho cộng đồng dân cư trên địa bàn thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.

Nhiệm vụ: 02 Trạm y tế tuyến xã có nhiệm vụ:

- Thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về: y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp, ứng dụng y học cổ truyền trong chữa bệnh và phòng bệnh; chăm sóc sức

khỏe sinh sản; cung ứng thuốc thiết yếu; quản lý sức khỏe cộng đồng; truyền thông giáo dục sức khỏe theo hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên và quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn về chuyên môn và hoạt động đối với đội ngũ nhân viên y tế thôn xã.
- Phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn.
- Tham gia kiểm tra các hoạt động hành nghề y, dược tư nhân và các dịch vụ có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân trên địa bàn.
- Là đơn vị thường trực Ban Chăm sóc sức khỏe cấp xã về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Trung tâm Y tế huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn/phường giao.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu, nhiên liệu, hóa chất

- ***Trong giai đoạn xây dựng:***

a. Nhu cầu nguyên vật liệu:

Nguồn cung cấp: nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho dự án như cát, đá, thép, xi măng, bê tông,... được lấy từ các nguồn cung cấp tại địa phương. Cự ly vận chuyển trung bình đến các công trình tối đa khoảng 50km.

Phương tiện vận chuyển: các phương tiện sử dụng vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị đến dự án bao gồm ô tô tự đổ và vận tải thùng có trọng tải 10-12 tấn.

Khối lượng vận chuyển: theo tính toán của chủ đầu tư và đơn vị thiết kế, ước tính khối lượng vật liệu phục vụ cho hoạt động xây dựng của dự án như sau:

Bảng 1. 4 Danh mục khối lượng vật liệu xây dựng của dự án

TT	Tên vật liệu xây dựng	Khối lượng (tấn)	
		Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*
1	Cát xây tô	4,5	3,43
2	Đá 1x2	226,9	172,9
3	Đá 4x6	58,4	44,5
4	Dây thép	0,23	0,18
5	Đinh, đinh vít các loại	0,18	0,14
6	Bulông	0,14	0,10
7	Dung dịch chống thấm	0,7	0,5
8	Gạch các loại	149,4	113,8
9	Giáo thép	0,10	0,08
10	Gỗ chống, đà nẹp	12,0	9,13
11	Gỗ ván	11,2	8,51
12	Cửa các loại	0,08	0,06
13	Que hàn	0,09	0,07
14	Sơn lót	0,34	0,26

TT	Tên vật liệu xây dựng	Khối lượng (tấn)	
		Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*
15	Sơn phủ	0,55	0,42
16	Thép hình	2,68	2,04
17	Thép tròn	19,4	14,8
18	Xi măng PCB 40	80,8	61,5
19	Bê tông thương phẩm	26,9	20,51
20	Bột bả	1,40	1,07
21	Ống nhựa PVC	0,04	0,03
22	Ống thép STK D114	0,01	0,01
Tổng		**627,3**	**477,9**

b. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu:

Trong quá trình thi công, dự án sẽ sử dụng các loại thiết bị máy móc thi công tương ứng với từng hạng mục, nhiên liệu sử dụng chính cho các thiết bị này chủ yếu là dầu DO. Ngoài ra, còn sử dụng một số thiết bị chạy bằng điện như máy ép cọc, cắt gạch, máy khoan, cần trục,... Nhu cầu sử dụng tại mỗi công trường của trạm y tế dự kiến như sau:

Bảng 1. 5 Lượng nhiên liệu sử dụng của một số thiết bị, phương tiện chính trong giai đoạn xây dựng dự án

Stt	*Thiết bị, phương tiện*	*Số lượng (cái)*	*Lượng dầu DO/thiết bị (lít/ca)**	*Tổng lượng dầu DO sử dụng (lít/ca)*	*Lượng điện/thiết bị (KWh/ca)*	*Tổng lượng điện sử dụng (KWh/ca)*
1	Máy đầm bánh hơi tự hành 9t	1	34	34	-	
2	Máy xúc 1,25 m^3	1	47	47	-	
3	Máy ủi ≤ 110 cv	1	46	46	-	
4	Máy san 108 cv	1	39	39	-	
5	Máy đào 1,25 m^3	1	83	83	-	
6	Máy ép cọc	1	-	-	38	38
7	Búa rung điện 40kW	1	-	-	108	108
8	Máy bơm nước 120cv	2	53	106	-	-
9	Máy trộn bê tông 250 lít	1	-	-	11	-
10	Xe chở bê tông 6m^3	1	43	43	-	-
11	Máy đầm bê tông 1,5kW	2	-	-	7	14
12	Ô tô vận chuyển 10-12 tấn	2	41	82	-	-
13	Máy rải 50-60 m^3/h	1	30	30	-	-
14	Máy phát điện 62,5KVA	1	36	36	-	-

Stt	*Thiết bị, phương tiện*	*Số lượng (cái)*	*Lượng dầu DO/thiết bị (lít/ca)**	*Tổng lượng dầu DO sử dụng (lít/ca)*	*Lượng điện/thiết bị (KWh/ca)*	*Tổng lượng điện sử dụng (KWh/ca)*
15	Máy vận thăng lồng, sức nâng 3T	1	-	-	47	47
16	Máy vận thăng, sức nâng 3T	1	-	-	39	39
17	Máy hàn xoay chiều 14kW	2	-	-	29	58
18	Máy cắt uốn thép 5kW	2	-	-	9	18
19	Máy khoan	2	-	-	5	10
Tổng 1 ca (8 giờ)					**293**	**332**

Nguồn: Thông tư số 11/2019/TT-BXD hướng dẫn xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng (Phụ lục 2)

Trong giai đoạn thi công xây dựng dự án, ước tính khối lượng nhiên liệu chính phục vụ cho các thiết bị máy móc: dầu DO khoảng 293 lít và điện 332 kWh.

c. Nhu cầu lao động:

Dự kiến tổng số lượng công nhân tập trung tối đa trong quá trình xây dựng dự án 02 Trạm y tế tuyến xã dự kiến 120 người, không có công nhân lưu trú tại công trường vào ban đêm, trong đó:

- Số lượng công nhân xây dựng tại Trạm y tế Tân Thành khoảng 70 người;
- Số lượng công nhân xây dựng tại Trạm y tế Hòa Lợi khoảng 50 người.

Trong giai đoạn hoạt động:

Nguyên vật liệu đầu vào của 02 trạm y tế tuyến xã chủ yếu là thuốc, hóa chất sử dụng trong quá trình hoạt động khám, chữa bệnh của trạm. Danh mục thuốc dự kiến sử dụng trong quá trình hoạt động của mỗi trạm y tế được đính kèm Phụ lục của báo cáo.

Ngoài ra, hóa chất còn sử dụng để vận hành hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế, chủ yếu là Clo viên nén. Theo tính toán của đơn vị thiết kế hệ thống XLNT, ước tính định mức sử dụng khoảng 0,6gr/1m^3 nước thải. Như vậy, nhu cầu sử dụng hóa chất cho hệ thống XLNT của dự án: 180gr/tháng; trong đó mỗi trạm y tế sử dụng 90gr/tháng.

Nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của trạm y tế chủ yếu là dầu DO phục vụ vận hành máy phát điện dự phòng. Dự kiến tại trạm y tế thị trấn Tân Thành sử dụng 01 máy phát điện có công suất 5kW, trạm y tế phường Hòa Lợi sử dụng 01 máy phát điện 5kW. Tham khảo thông số kỹ thuật máy phát điện diesel của thương hiệu Kama, ước tính khối lượng dầu DO sử dụng của dự án như sau:

Số lượng (máy)	Công suất (kVA)	Lượng nhiên liệu sử dụng (lít DO/giờ)	Lượng nhiên liệu sử dụng (kg DO/giờ)	Lượng nhiên liệu sử dụng (kg/tháng)
2	5kW	1,4	2,44	36,54

Ghi chú: trọng lượng riêng của dầu DO là 0,87 kg/lít; giả sử trong 1 tháng có 5 ngày mất điện, mỗi ngày mất khoảng 3 giờ.

1.4.2. Nguồn cung cấp điện, nước của dự án

1.4.2.1. Nguồn cung cấp điện của dự án

✍ ***Trong giai đoạn xây dựng:***

Nguồn cung cấp điện của dự án:

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 746.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi: được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 741.

✍ ***Trong giai đoạn hoạt động:***

- Nguồn cung cấp điện của dự án:

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 746.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi: được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 741.

Hệ thống điện của mỗi trạm y tế là hệ thống điện 1 pha 3 dây và 3 pha 5 dây. Ngoài ra, tại mỗi trạm sẽ sử dụng 01 máy phát điện dự phòng 3P-5KW trong trường hợp sự cố mất điện xảy ra.

Hệ thống chiếu sáng tổng thể: sử dụng đèn led 150W kết hợp cần đèn STK Ø60 được gắn trực tiếp vào tường của khối nhà nhằm tiết kiệm chi phí, tạo thông thoáng và trụ đèn STK Ø90 dưới chân các trụ đèn sử dụng cọc tiếp địa chôn sâu dưới đất nhằm đảm bảo an toàn về điện khi có sự cố rò rỉ điện trong suốt quá trình sử dụng.

- Nhu cầu sử dụng điện của dự án:

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: công suất thực tế cho phần chiếu sáng và mạch động lực được xác định dựa trên các hệ số: hệ số công suất (Cosφ) =0,85, hệ số đồng thời (K_s) = 1,0. Theo tính toán của đơn vị thiết kế, ước tính công suất điện của trạm y tế Tân Thành: 34,541 kW/ 40,636 KVA.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi:

- Hiện hữu: căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện của trạm y tế Hòa Lợi do Công ty Điện lực Bình Dương quản lý, nhu cầu sử dụng điện của trạm y tế Hòa Lợi trong 03 tháng gần đây như sau:
  Từ tháng 01/2023 → tháng 02/2023: 1.096 kWh
  Từ tháng 02/2023 → tháng 03/2023: 613 kWh
  Từ tháng 03/2023 → tháng 04/2023: 973 kWh
- Công trình xây mới: Công suất thực tế cho phần chiếu sáng và mạch động lực được xác định dựa trên các hệ số: hệ số công suất (Cosφ) =0,85, hệ số đồng thời (K_s) = 1,0. Theo tính toán của đơn vị thiết kế, ước tính công suất điện của trạm y tế Hòa Lợi: 33,955 kW/ 39,947 KVA.

Bảng 1. 6 Khối lượng hệ thống cấp điện của dự án

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng	
			Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*
1	Vỏ tủ điện kế 500x300x200 (ngoài trời)	tủ	1	1
2	Tủ STĐ ATS C1000xR800xS300 (chuyển nguồn điện lưới - máy phát)	tủ	1	1
3	Điện kế trực tiếp 3 Pha 100A (điện tử)	cái	1	1
4	MCCB 4P-100A, 25KA	cái	2	2
5	MCCB 3P-80A, 15KA	cái	1	1
6	ATS 4P - 40A	cái	1	1
7	MCB 3P-40A, 6KA	cái	1	1
8	MCB 3P-32A, 10KA	cái	2	2
9	MCB 2P-25A, 6KA	cái	2	2
10	Máy phát điện 3P 5KW	máy	1	1
11	Cầu chì 2A + Đèn báo pha	cái	3	3
12	Cần đèn STK D60, bóng led 150W	bộ	6	5
13	Trụ đèn STK D90 + cần đèn STK D60, bóng đèn led 150W + móng trụ + cọc tiếp địa	bộ	2	5
14	Trụ điện hạ thế	trụ	1	1
15	Ngăn tủ bù 30 KVAR	bộ	1	1
16	Bộ cắt sét 80KA-400V-4P	bộ	1	1

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

1.4.2.2. Nguồn cung cấp nước của dự án

✍ ***Trong giai đoạn xây dựng:***

- Nguồn cung cấp nước của dự án:

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: được đấu nối từ tuyến ống cấp nước của khu vực trên tuyến đường ĐT 746.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi: được đấu nối từ tuyến ống cấp nước của khu vực trên tuyến đường ĐT 741.

- Nhu cầu sử dụng:

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCXDVN 33:2006, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của mỗi công nhân khoảng 25 lít/người/ca, hệ số không điều hòa giờ k=3,0.

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: số lượng công nhân xây dựng dự kiến tối đa khoảng 70 người, lượng nước sử dụng ước tính: 70 người x 25 lít/người/ca x 3,0 x 1 ca/ngày = 5,25m^3/ngày.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi: số lượng công nhân xây dựng dự kiến tối đa khoảng 50 người, lượng nước sử dụng ước tính: 50 người x 25 lít/người/ca x 3,0 x 1 ca/ngày = 3,75m^3/ngày.

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng cho dự án trong giai đoạn xây dựng: 9m^3/ngày.

✍ ***Trong giai đoạn hoạt động:***

- Nguồn cấp nước của dự án:

+ Đối với trạm y tế Tân Thành: được đấu nối với hệ thống cấp nước thủy cục của khu vực nằm trên tuyến đường ĐT 746, thông qua ống HDPE Ø50 và đồng hồ nước đi vào bể nước trung chuyển 10m^3. Tại bể trung chuyển có 2 cụm bơm *(mỗi bơm có công suất 2,0HP, 6m^3/h, H=36m)* bơm lên bồn inox nằm trên mái khối chính, từ đây dẫn đến các thiết bị dùng nước phục vụ cho hoạt động của trạm y tế.

+ Đối với trạm y tế Hòa Lợi: được đấu nối với hệ thống cấp nước thủy cục của khu vực nằm trên tuyến đường ĐT 741, thông qua ống HDPE Ø32 và đồng hồ nước dẫn vào bồn inox nằm trên mái khối chính, từ đây dẫn đến các thiết bị dùng nước phục vụ cho hoạt động của trạm y tế. Ngoài ra, tại trạm còn sử dụng giếng khoan để phục vụ tưới cây.

- Nhu cầu sử dụng nước:

a. Nước cấp cho hoạt động khám chữa bệnh:

Cơ sở tính toán:

+ QCXDVN 01: 2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ TCXD 33:2006 (Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế)

+ TCVN 4513:1998: Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế.

Bảng 1. 7 Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động khám, chữa bệnh

STT	Mục đích dùng nước	Định mức	Trạm y tế Tân Thành		Trạm y tế Hòa Lợi	
			Quy mô	*Lượng nước cấp (m^3/ngày)*	*Quy mô*	*Lượng nước cấp (m^3/ngày)*
1	Cấp nước cho bệnh nhân lưu trú (sinh hoạt của bệnh nhân, tắm, giặt drap giường,…)	250 lít/giường/ngày	02 giường	0,5	02 giường	0,5
2	Người nhà chăm sóc bệnh nhân lưu trú	100 lít/giường/ngày	02 giường	0,2	02 giường	0,2
3	Cán bộ y bác sỹ và nhân viên	100lít/người/ ngày	07 người	0,7	07 người	0,7
4	Người dân đến khám, chữa bệnh	15lít/người/ ngày	100 người	1,5	100 người	1,5
5	Nước rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm	10% lượng nước cấp người dân đến khám	-	0,15	-	0,15
Tổng				**3,05**		**3,05**

Bên cạnh đó, căn cứ theo tiêu chuẩn ngành (*tiêu chuẩn 52 CN-CTYT 0001:2002*) kèm theo quyết định số 2271/2002/QĐ-BYT ngày 17/06/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành tiêu

chuẩn thiết kế Trạm y tế cơ sở - Tiêu chuẩn ngành, quy định tại *Mục 5.2.2. Cấp nước*: Tiêu chuẩn cấp nước của một trạm y tế cơ sở từ 3.000 ÷ 4.000 lít/ngày đêm và căn cứ theo lượng nước sử dụng thực tế của trạm y tế phường Hòa Lợi hiện hữu (theo số liệu của trạm, tổng lượng nước sử dụng khoảng 1-3 m^3/ngày).

→ Do đó, dự án lựa chọn tiêu chuẩn cấp nước cho 1 trạm y tế tối đa là 4.000 lít/ngày đêm, tương đương **4 m^3/ngày đêm.**

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh của 02 trạm y tế:

Q_{kb} = 8 m^3/ngày đêm.

b. Nước cấp cho tưới cây:

Cơ sở tính toán: theo QCXDVN 01: 2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, nước tưới cây: 3 lít/m^2.

+ Trạm y tế Tân Thành: với diện tích cây xanh và vườn thuốc nam là 778,86m^2, ước tính lượng nước tưới cây: 778,86m^2 x 3 lít/m^2 /1000 = 2,34 m^3/ngày.

+ Tram y tế Hòa Lợi: với diện tích cây xanh và vườn thuốc nam là 393,67m^2, ước tính lượng nước tưới cây: 393,67m^2 x 3 lít/m^2 /1000 = 1,2 m^3/ngày.

Tổng lượng nước cấp cho tưới cây của 02 trạm y tế: **Q_{tc} = 3,54 m^3/ngày.**

c. Nước cấp cho PCCC:

Căn cứ theo tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế; quy chuẩn QCVN 06:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình.

Tiêu chuẩn cấp nước chữa cháy tối đa cho 1 đám cháy là 10 lít/s, chữa cháy liên tục trong 60 phút. Lượng nước chữa cháy tại mỗi trạm y tế: 1 x 10 lít/s x x 60 phút x 60s = 36 m^3.

Tổng lượng nước cấp cho PCCC của 02 trạm y tế: **Q_{cc} = 72 m^3**

Nhu cầu sử dụng nước tối đa phục vụ cho hoạt động của dự án được thống kê qua bảng sau:

Bảng 1. 8 Thống kê nhu cầu sử dụng nước của dự án 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

TT	Mục đích dùng nước	Lượng nước cấp (m^3/ngày)	
		Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*
1	Nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh - Q_{kb}	4	4
2	Nước tưới cây - Q_{tc}	2,34	1,2
3	Nước cấp cho PCCC - Q_{cc}	36	36
Tổng lượng nước cấp		**42,34**	**41,2**
Tổng lượng nước cấp tối đa của dự án		**83,54 m^3/ngày**	

Khối lượng hệ thống cấp nước của dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 9 Thống kê khối lượng hệ thống cấp nước của Trạm y tế Tân Thành

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Đồng hồ nước DN50	cái	1
2	Đồng hồ áp 0-7BAR	cái	2
3	Bơm 2HP 1PHA, 6m^3/h, 36m	máy	2
4	Ống HDPE D50, dày 4,6mm	m	98
5	Ống HDPE D32, dày 3mm	m	183
6	Ống HDPE D25, dày 2,3mm	m	58
7	Ống PPr D63	m	143
8	Ống PPr D32	m	88
9	Ống PPr D25	m	162
10	Tủ bơm nước (IP65) 600x800x200	tủ	1
11	Bể chứa nước cấp 10m^3	bể	1
12	Bồn chứa 2000 lít	bồn	1
13	Máy nước nóng NLMT 160L	cái	1

Bảng 1. 10 Thống kê khối lượng hệ thống cấp nước của Trạm y tế Hòa Lợi

STT	Tên vật tư	Đơn vị	Số lượng
1	Đồng hồ nước DN32	cái	1
2	Ống HDPE D32, dày 3mm	m	154
3	Ống HDPE D25, dày 2,3mm	m	28
4	Ống PPr D63	m	157
5	Ống PPr D32	m	77
6	Ống PPr D25	m	159
7	Máy nước nóng NLMT 160L	cái	1
8	Bồn inox 2000L (bồn nằm) + chân bồn	cái	1

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Các hạng mục công trình của dự án

A/. Trạm y tế Tân Thành

Tổng diện tích sử dụng đất của trạm y tế Tân Thành là 3.190,30m^2 với cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1. 11 Bảng cơ cấu sử dụng đất của trạm y tế Tân Thành

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Mật độ XD (%)	Số tầng	Diện tích sàn XD (m^2)
A	***Đất xây dựng công trình***	***641,21***	***20,09***		***1.041,74***
1	Khối chính	479,97	15,04	2	880,5
2	Nhà để xe (khách + nhân viên)	100,0	3,13	1	100,0

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m^2)	Mật độ XD (%)	Số tầng	Diện tích sàn XD (m^2)
3	Nhà phụ trợ (nhà điều hành xử lý nước thải, kho rác, nhà che máy bơm, máy phát điện, phòng giặt, kho đồ sạch)	61,24	1,92	1	61,24
B	***Đất sân vườn cây xanh***	***1.585,59***	***49,71***		
1	Vườn thuốc nam	91,0	2,85		
2	Bó vỉa chiếm chỗ	59,1	1,85		
3	Đất dự kiến phát triển	747,63	23,43		
4	Đất trồng cỏ, cây xanh	687,86	21,58		
C	***Đất giao thông nội bộ***	***963,5***	***30,2***		
1	Sân phơi thuốc	32,8	1,03		
2	Sân đường lát gạch Terrazzo	386,42	12,11		
3	Sân đường bê tông	544,28	17,06		
TỔNG CỘNG		**3.190,3**	**100,0**		
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT: 0,33					

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

Các hạng mục công trình xây dựng của trạm y tế Tân Thành:

Khối chính:

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Số tầng: 02 tầng.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 880,50m^2. Trong đó: tầng 1: 440,50m^2; tầng 2: 440m^2. Bố trí công năng như sau:

+ Tầng 1: bố trí sảnh đón tiếp; quầy đón tiếp, quầy thuốc; kho thuốc; phòng hành chính, giao ban; phòng trực; phòng rửa, tiệt trùng; sơ cứu, cấp cứu; phòng khám bệnh 1; khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi; phòng y dược học cổ truyền; phòng khám bệnh 2; lấy mẫu xét nghiệm; khu vệ sinh; cầu thang; hành lang.

+ Tầng 2: bố trí phòng trưởng trạm; phòng nhân viên; sảnh, khu vực chờ tiêm vắc xin; phòng lưu bệnh nhân thường; phòng tiêm, tiêm vắc xin; bếp; kho chung; phòng họp; sân thượng; khu vệ sinh; cầu thang; hành lang.

- Cao độ: nền cao độ ± 0.000 cao hơn so với cao độ sân đường từ 0,47m đến 0,805m tùy từng vị trí. Chiều cao tầng 1, 2 cao 3,6m. Chiều cao khối công trình 10,055m.

- Kết cấu: Móng, cột, đà giằng, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép.

Chi tiết các hạng mục được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 12 Giải pháp xây dựng khối chính của trạm y tế Tân Thành

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
	Tầng 1	**440,5**
I	***Diện tích làm việc***	***272***
1	Sảnh đón tiếp (không gian đa năng)	80
2	Quầy đón tiếp, quầy thuốc	11
3	Kho thuốc	12
4	Phòng hành chính - giao ban	24
5	Phòng trực	10
6	Phòng rửa, tiệt trùng	8
7	Sơ cứu, cấp cứu	11
8	Phòng khám bệnh 1	23
9	Khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi	37
10	Phòng Y dược học cổ truyền	15
11	Phòng khám bệnh 2	35
12	Khu lấy mẫu xét nghiệm	6
II	***Diện tích phụ trợ phục vụ***	***168,5***
13	Khu vệ sinh:	
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nam	*6*
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nữ	*4*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nam	*6*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nữ	*3*
	+ Phòng vệ sinh khuyết tật	*5*
14	Diện tích hành lang, cầu thang bộ và diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	144,5
**	Diện tích bậc cấp	28,67
**	Diện tích ram dốc	10,8
	Tầng 2	**440**
I	***Diện tích làm việc***	***286***
1	Phòng trưởng trạm	18
2	Phòng nhân viên	24
3	Sảnh + khu vực chờ tiêm vắc xin	56
4	Phòng lưu bệnh nhân thường (kết hợp phục hồi chức năng + theo dõi sau tiêm)	35
5	Phòng tiêm + tiêm vắc xin (kết hợp tư vấn TTGDSK)	16
6	Bếp	16

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
7	Kho chung	12
8	Phòng họp	37
9	Sân thượng	72
II	***Diện tích phụ trợ phục vụ***	***154***
10	Khu vệ sinh:	
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nam	*6*
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nữ	*4*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nam	*6*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nữ	*3*
11	Diện tích hành lang, cầu thang bộ và diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	135
Tổng diện tích sàn xây dựng (02 tầng)		**880,5**
Tổng diện tích làm việc		558
Tổng diện tích phụ trợ phục vụ		322,5
Hệ số sử dụng		0,63

Khối nhà phụ trợ:

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 61,24m^2.
- Cao độ: Nền phòng cao hơn cốt sân đường 0,21m. Chiều cao công trình 3,76m.
- Kết cấu: Móng, cột, đà, dầm bằng bê tông cốt thép.

Bảng 1. 13 Giải pháp xây dựng khối nhà phụ trợ của trạm y tế Tân Thành

STT	Hạng mục	Diện tích xây dựng (m^2)
1	Phòng giặt	8
2	Kho đồ sạch	8
3	Nhà che máy bơm, máy phát điện	14
4	Kho chất thải y tế nguy hại	6
5	Kho chất thải rắn thông thường	6
6	Nhà điều hành xử lý nước thải	6
7	Diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	13,24
Tổng		**61,24**

Hạng mục công trình phụ trợ:

Bảng 1. 14 Giải pháp xây dựng các công trình phụ trợ Trạm y tế Tân Thành

STT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Cổng chính	6,7	m
2	Biển tên	3,7	m
3	Hàng rào xung quanh	155,45	m
	+ Hàng rào loại 1	*28,05*	*m*
	+ Hàng rào loại 2	*127,4*	*m*
4	Nhà để xe nhân viên, khách	100	m^2
5	Vườn thuốc nam	91	m^2
6	Sân phơi thuốc	32,8	m^3
7	Bể nước trung chuyển (thể tích nước 10m^3)	27	m^3
8	Sân đường lát gạch terrazzo	478,03	m^2
	+ Sân đường nội bộ	*386,42*	*m^2*
	+ Sân đường thuộc đất giao thông tiếp cận công trình	*91,61*	*m^2*
9	Đường bê tông	630,34	m^2
	+ Sân đường nội bộ	*544,28*	m^2
	+ Sân đường thuộc đất giao thông tiếp cận công trình	*86,06*	*m^2*
10	Trồng cỏ, thảm xanh	687,86	m^2
11	Bó vỉa sân đường, bồn hoa	286,27	m
	+ Bó vỉa loại 1 (BV1)	*204,68*	*m*
	+ Bó vỉa loại 2 (BV2)	*52,2*	*m*
	+ Bó vỉa loại 3 (BV3)	*29,39*	*m*

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Tổng diện tích khu đất của trạm y tế Hòa Lợi là 2.748,3m^2, trong đó: diện tích đất thuộc hành lang an toàn đường bộ 378,5m^2; diện tích còn lại 2.369,8m^2.

Bảng 1. 15 Bảng cơ cấu sử dụng đất của trạm y tế Hòa Lợi

STT	Hạng mục công trình	Diện tích XD (m^2)	Mật độ XD (%)	Số tầng	Tổng diện tích sàn XD (m^2)
I	**ĐẤT THUỘC DỰ ÁN (A+B+C)**	**2.369,8**	**100,0**		
A	**Đất xây dựng công trình (A1+A2)**	**659,78**	**27,85**		**1.014,38**
A.1	***Đất xây dựng công trình hiện hữu***	***195,38***	***8,25***		***195,38***
1	Khối trạm y tế	159,38	6,73	1	159,38
2	Nhà xe	36,0	1,52	1	36,0
A.2	***Đất xây dựng công trình đầu tư mới***	***464,4***	***19,6***		***819,0***

STT	Hạng mục công trình	Diện tích XD (m^2)	Mật độ XD (%)	Số tầng	Tổng diện tích sàn XD (m^2)
1	Khối trạm y tế	427,4	18,04	2	782,0
2	Khối nhà phụ trợ (phòng giặt; kho đồ sạch; nhà điều hành xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng)	29,0	1,22	1	29,0
3	Kho rác	8,0	0,34	1	8,0
B	**ĐẤT SÂN VƯỜN CÂY XANH**	**1.165,52**	**49,17**		
1	Sân lát gạch Terrazzo	741,90	31,31		
2	Vườn thuốc nam	34,05	1,44		
3	Bó vỉa chiếm chỗ	29,95	1,26		
4	Đất trồng cỏ, cây xanh	359,62	15,16		
C	**ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ**	**544,50**	**22,98**		
	Sân đường bê tông hiện hữu	544,5	22,98		
II	**ĐẤT THUỘC HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ**	**378,5**			
	Đường BTXM, vỉa hè hiện hữu	378,5			
Tổng cộng (I+II)		**2.748,3**			

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

Các hạng mục công trình xây dựng của trạm y tế Hòa Lợi:

Khối chính:

- Loại, cấp công trình: công trình dân dụng, cấp III.

- Số tầng: 02 tầng.

- Tổng diện tích sàn xây dựng: 782m^2. Trong đó: tầng 1: 405m^2; tầng 2: 377m^2. Bố trí công năng như sau:

+ Tầng 1: bố trí sảnh đón tiếp quầy đón tiếp, quầy thuốc; kho thuốc; phòng trực; 02 phòng khám bệnh; phòng y dược học cổ truyền; khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi; phòng rửa, tiệt trùng; phòng lấy mẫu xét nghiệm; sơ cứu, cấp cứu; khu vệ sinh; cầu thang; hành lang.

+ Tầng 2: bố trí sảnh tầng; phòng lưu bệnh nhân; phòng nhân viên; phòng trưởng trạm; bếp; phòng hành chính, giao ban; phòng họp; kho chung; phòng tiêm, tiêm vắc xin; khu vệ sinh; cầu thang; hành lang.

- Cao độ: nền cao độ ± 0.000 cao hơn so với cao độ sân đường 0,35m. Chiều cao tầng 1 là 4,0m, tầng 2 cao 3,6m. Chiều cao khối công trình 9,05m.

- Kết cấu: Móng, cột, đà giằng, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép.

Bảng 1. 16 Giải pháp xây dựng khối chính của trạm y tế Hòa Lợi

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
Tầng 1		**405**
I	***Diện tích làm việc***	***231,5***
1	Sảnh đón tiếp	42,6
2	Quầy đón tiếp, quầy thuốc	10,4
3	Kho thuốc	13,9
4	Phòng trực	11
5	Phòng khám bệnh 1	23,6
6	Phòng khám bệnh 2	37,4
7	Phòng Y dược học cổ truyền	17,9
8	Khu tập phục hồi chức năng, không gian đợi	39,4
9	Phòng rửa, tiệt trùng	10,5
10	Phòng lấy mẫu xét nghiệm	10,4
11	Sơ cứu, cấp cứu	14,4
II	***Diện tích phụ trợ phục vụ***	***173,5***
12	Khu vệ sinh	
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nam	*4*
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nữ	*2,7*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nam	*5,1*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nữ	*7,8*
	+ Phòng vệ sinh khuyết tật	*4,1*
13	Diện tích hành lang, cầu thang bộ và diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	149,8
*	Diện tích bậc cấp	15,06
*	Diện tích ram dốc	7,34
Tầng 2		**377**
I	***Diện tích làm việc***	***234,4***
1	Sảnh tầng	42,1
2	Phòng lưu bệnh nhân	39,2
3	Phòng nhân viên	20,3
4	Phòng trưởng trạm	20,3
5	Bếp	18,1
6	Phòng hành chính - giao ban	24,2
7	Phòng họp	34,5
8	Kho chung	12,1

STT	Hạng mục	Diện tích (m^2)
9	Phòng tiêm + tiêm vắc xin (kết hợp tư vấn TTGDSK)	23,6
II	***Diện tích phụ trợ phục vụ***	***142,6***
10	Khu vệ sinh	
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nam	*6*
	+ Phòng vệ sinh nhân viên nữ	*4,9*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nam	*5,1*
	+ Phòng vệ sinh bệnh nhân nữ	*7,8*
11	Diện tích hành lang, cầu thang bộ và diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	118,8
Tổng diện tích sàn xây dựng (02 tầng)		**782**
Tổng diện tích làm việc		465,9
Tổng diện tích phụ trợ phục vụ		316,1
Hệ số sử dụng		0,6

Khối nhà phụ trợ:

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng, cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng: 29 m^2.
- Cao độ: Nền phòng cao hơn cốt sân đường 0,12m. Chiều cao công trình 3,47m.
- Kết cấu: Móng, cột, đà, dầm bằng bê tông cốt thép.

Bảng 1. 17 Giải pháp xây dựng khối nhà phụ trợ của trạm y tế Hòa Lợi

STT	Tên phòng	Diện tích xây dựng (m^2)
1	Phòng giặt	9
2	Kho đồ sạch	9
3	Phòng điều hành xử lý nước thải, máy phát điện dự phòng	8
4	Diện tích kết cấu, tường xây chiếm chỗ	3
Tổng diện tích xây dựng		**29**

Hạng mục công trình phụ trợ:

Bảng 1. 18 Giải pháp xây dựng các công trình phụ trợ Trạm y tế Hòa Lợi

STT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
1	Cổng phụ	4,8	m
2	Cải tạo hàng rào xung quanh xung quanh	209	m
3	Kho chất thải rắn	8	m^2
4	Vườn thuốc nam	34,05	m^2

STT	Hạng mục	Khối lượng	Đơn vị
5	Sân lát gạch terrazzo	741,9	m^2
6	Trồng cỏ, thảm xanh	359,62	m^2
7	Bó vỉa sân đường, bồn hoa	150,65	m
	+ Bó vỉa loại 1 (BV1)	*56,7*	*m*
	+ Bó vỉa loại 2 (BV2)	*88,92*	*m*
	+ Bó vỉa loại 3 (BV3)	*5,03*	*m*
8	Hầm thấm nước mưa (thể tích chứa nước 50m^3)	64	m^3

1.5.1.2. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- ***San nền:***

A/. Trạm y tế Tân Thành

Giải pháp thiết kế:

- Thiết lập tọa độ điểm và cao độ điểm.

- Chia nhỏ diện tích tính san nền bằng cách lập lưới ô vuông khác nhau để tính toán hợp lý và chính xác, mỗi ô kích thước 5mx5m.

- Hệ số nền phải đạt độ chặt: K = 0,90.

- Cao trình thiết kế: H = 84.740m ÷ 85.490m.

- Biện pháp thi công và nghiệm thu: Dùng phương pháp ướt, cán từng lớp dày 0,2-0,3m. Tưới nước đạt độ ẩm không thấp hơn độ ẩm quy định 2% hoặc không cao hơn 1%, và nghiệm thu theo TCVN 4447-2012.

Khối lượng san nền:

Dựa vào mặt phẳng san nền chung của toàn khu, chủ đầu tư và đơn vị thiết kế tính toán khối lượng san nền như sau:

Bảng 1. 19 Khối lượng san nền khu đất trạm y tế Tân Thành

STT	Nội dung	Ký hiệu	Đơn vị	Khối lượng
A	Diện tích san nền	S	m^2	3.322,91
1	*Diện tích đào*	*S_1*	*m^2*	-
2	*Diện tích đắp*	*S_2*	*m^2*	*3.322,91*
B	Đào bỏ lớp hữu cơ bề mặt	V_1	m^3	
C	Khối lượng đào	V_2	m^3	-
D	Khối lượng đắp	V_3	m^3	3.172,95
E	Trừ đất đào các hạng mục (cấu tạo sân đường Terazzo, đất trồng cỏ, cây xanh, sân đường bê tông,...)	V_4	m^3	259,69
F	Khối lượng đất đắp (hệ số 1,33)	V	m^3	**3.874,64**

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Giải pháp thiết kế:

- Thiết lập tọa độ điểm và cao độ điểm.

- Chia nhỏ diện tích tính san nền bằng cách lập lưới ô vuông khác nhau để tính toán hợp lý và chính xác, mỗi ô kích thước 5mx5m.

- Hệ số nền phải đạt độ chặt: K = 0,90.

- Cao trình thiết kế: H = 34.870m ÷ 35.300m.

- Biện pháp thi công và nghiệm thu: Dùng phương pháp ướt, cán từng lớp dày 0,2-0,3m. Tưới nước đạt độ ẩm không thấp hơn độ ẩm quy định 2% hoặc không cao hơn 1%, và nghiệm thu theo TCVN 4447-2012.

Khối lượng san nền:

Dựa vào mặt phẳng san nền chung của toàn khu, chủ đầu tư và đơn vị thiết kế tính toán khối lượng san nền như sau:

Bảng 1. 20 Khối lượng san nền khu đất trạm y tế Hòa Lợi

STT	Nội dung	Ký hiệu	Đơn vị	Khối lượng
A	Diện tích san nền	S	m^2	**1.467,28**
1	*Diện tích đào*	*S1*	m^2	*41,44*
2	*Diện tích đắp*	*S2*	m^2	*1.425,84*
B	Đào bỏ lớp hữu cơ bề mặt	V1	m^3	146,72
C	Khối lượng đào	V2	m^3	3,18
D	Khối lượng đắp	V3	m^3	592,02
E	Trừ đất đào các hạng mục (cấu tạo sân đường Terazzo, đất trồng cỏ, cây xanh, sân đường bê tông,...)	V4	m^3	168,41
F	Khối lượng đất đắp	V	m^3	**754,31**

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

- Vật liệu san nền và nguồn cung cấp: dự kiến sử dụng đất san nền, được đơn vị thi công hợp đồng với nhà cung cấp tại địa phương và các khu vực lân cận vận chuyển đến khu đất dự án, khoảng cách vận chuyển khoảng 10-30km.

- ***Hệ thống giao thông:***

A/. Trạm y tế Tân Thành

- Giao thông bên ngoài:

Trạm y tế Tân Thành có cổng ra vào tiếp giáp với đường ĐT 746 về phía Đông, kết nối giao thông với các vùng lân cận. Đường ĐT 746 đoạn qua khu vực dự án có chiều rộng nền đường 38m bố trí 6 làn xe, dải phân cách giữa, dải an toàn và lề đường.

Đất giao thông tiếp cận công trình có diện tích 177,67m^2 bao gồm: sân đường lát gạch Terrazzo 91,61m^2; sân đường bê tông 86,06m^2.

- Giao thông bên trong:

Đất giao thông nội bộ, sân bãi của dự án có diện tích 963,5m^2; chiếm tỷ lệ 30,2% tổng diện tích khu đất dự án, trong đó:

+ Sân phơi thuốc: 32,8m^2

+ Sân đường lát gạch Terrazzo: 386,42m^2

+ Sân đường bê tông: 544,28m^2

Đường nội bộ bên trong dự án chủ yếu là khoảng sân phía trước và xung quanh khối trạm y tế, khu phụ trợ thuận tiện cho việc đi lại của người dân đến khám chữa bệnh và cán bộ y tế làm việc tại trạm.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

- Giao thông bên ngoài:

Trạm y tế Hòa Lợi có cổng chính hiện hữu (chiều rộng 6,0m) tiếp giáp với đường ĐT 741 về phía Tây, kết nối giao thông với các vùng lân cận. Đường ĐT 741 đoạn qua khu vực dự án có bề rộng nền đường 33m, mặt đường 26m (19m hiện hữu, mỗi bên mở rộng 7m), vỉa hè mỗi bên 3,5m.

Đường bê tông xi măng, vỉa hè thuộc đất hành lang an toàn đường bộ tiếp giáp với cổng chính hiện hữu có diện tích 378,5m^2. Dự kiến trạm sẽ bố trí thêm 1 cổng phụ (chiều rộng 4,8m) để đảm bảo các phương tiện ra vào trạm y tế sau khi xây mới, cũng như thuận lợi cho việc xây dựng công trình không ảnh hưởng đến hoạt động của trạm hiện hữu.

- Giao thông bên trong:

Xung quanh khối trạm y tế hiện hữu là sân đường bê tông có diện tích 544,5m^2; chiếm tỷ lệ 22,98% tổng diện tích khu đất dự án. Đối với công trình mới xung quanh dự kiến là sân lát gạch Terrazzo có diện tích 741,9m^2. Các tuyến đường này kết nối với nhau ra vào cổng chính của trạm y tế.

Đường nội bộ bên trong dự án chủ yếu là khoảng sân phía trước và xung quanh khối trạm y tế, khu phụ trợ thuận tiện cho việc đi lại của người dân đến khám chữa bệnh và cán bộ y tế làm việc tại trạm.

Hệ thống cấp điện:

- Đối với trạm y tế Tân Thành: nguồn cấp điện được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 746.

- Đối với trạm y tế Hòa Lợi: nguồn cấp điện được đấu nối từ đường dây hạ thế hiện hữu của khu vực trên đường ĐT 741.

Hệ thống điện của mỗi trạm y tế là hệ thống điện 1 pha 3 dây và 3 pha 5 dây. Ngoài ra, tại mỗi trạm sẽ sử dụng 01 máy phát điện dự phòng 3P-5KW trong trường hợp sự cố mất điện xảy ra.

Hệ thống cấp nước:

- Đối với trạm y tế Tân Thành: nguồn cấp nước được đấu nối trực tiếp với hệ thống cấp nước của khu vực trên tuyến đường ĐT 746, thông qua ống HDPE Ø50 đi vào bể nước trung chuyển 10m^3. Tại bể trung chuyển có 2 cụm bơm *(mỗi bơm có công suất 2,0HP, 6m^3/h, H=36m)* bơm lên bồn inox nằm trên mái khối chính để cung cấp nước cho công trình.

- Đối với trạm y tế Hòa Lợi: nguồn cấp nước được đấu nối trực tiếp với hệ thống cấp

nước của khu vực trên tuyến đường ĐT 741, đi thẳng vào bồn inox nằm trên mái khối chính để cung cấp nước cho công trình.

1.5.1.3. Công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:

A/. Trạm y tế Tân Thành

Nước mưa từ trên mái công trình thoát xuống bằng ống đứng uPVC Ø90 đặt trong hộp gen rồi chảy vào hệ thống hố ga, cống bê tông cốt thép Ø300, Ø400 bố trí xung quanh công trình.

Nước mưa chảy tràn trên đường nội bộ, sân bãi của dự án thoát vào hố ga và cống BTCT Ø300, Ø400 bố trí xung quanh công trình.

Toàn bộ nước mưa được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm trên đường ĐT 746.

Bảng 1. 21 Khối lượng hệ thống thoát nước mưa trạm y tế Tân Thành

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga loại 2, 1000x1000, H=1300	cái	3
2	Hố ga loại 1, 850x850, H=1100	cái	7
3	Hố ga hàm ếch 1000x1000, H=1300	cái	1
4	Hố ga hàm ếch 850x850, H=1200	cái	8
5	Cống BTLT D400-H30	m	40
6	Cống BTLT D300-H30	m	146
7	Gối cống D400	cái	20
8	Gối cống D300	cái	73

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Hiện hữu:

Hiện trạng trên đường ĐT 741 đoạn qua khu vực trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát chưa có hệ thống thoát nước chung.

Tại công trình trạm y tế Hòa Lợi hiện hữu nước mưa từ trên mái theo ống đứng chảy vào 02 mương thoát nước mưa có chiều rộng 400 (mm), chiều dài 25m dọc 2 bên hành lang của công trình và thấm tự nhiên vào đất. Tại khu vực đất trống, nước mưa chảy tràn theo hướng thoát tự nhiên và thấm vào đất. Theo thông tin của trạm y tế Hòa Lợi, trong thời gian qua tại trạm không xảy ra tình trạng ngập úng do mưa.

Công trình xây mới:

Nước mưa từ trên mái công trình thoát xuống bằng ống đứng uPVC Ø90 đặt trong hộp gen rồi chảy vào hệ thống hố ga, cống BTCT Ø300, Ø400 và mương có chiều rộng 400 (mm) bố trí xung quanh công trình.

Nước mưa chảy tràn trên đường nội bộ, sân bãi của dự án thoát vào hố ga, cống BTCT Ø300, Ø400 và mương có chiều rộng 400 (mm) bố trí xung quanh công trình.

Hiện trạng tại khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước chung, vì vậy toàn bộ nước mưa và nước thải sau xử lý của dự án giai đoạn đầu, được thu gom thoát ra hầm thấm (có thể tích chứa nước 50m^3) và cho tự thấm vào đất. Trong thời gian tới, khi hệ thống thoát nước tại khu vực trên đường ĐT 741 được đầu tư trạm y tế Hòa Lợi sẽ xin phép đấu nối vào vị trí thích hợp.

Hệ thống thoát nước mưa của công trình mới được thiết kế xây dựng cho toàn bộ khuôn viên của Trạm y tế Hòa Lợi. Các mương thoát nước mưa hiện hữu sẽ được cải tạo và hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa chung của trạm.

Bảng 1. 22 Khối lượng hệ thống thoát nước mưa trạm y tế Hòa Lợi

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Hố ga loại 1000x1000, H=1300	cái	7
2	Hố ga loại 850x850, H=1100	cái	10
3	Cống BTLT D400-VH	m	47
4	Cống BTLT D300-VH	m	85
5	Gối cống D400	cái	24
6	Gối cống D300	cái	43
7	Mương M400 đoạn HG1-04 đến HG1-05	m	11
8	Mương M400 đoạn HG1-01 đến HG1-02	m	10
9	Ống HDPE D110, dày 5.3mm	m	42
10	Hầm thấm (thể tích chứa nước 50m^3)	hầm	1

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

(Hệ thống thoát nước mưa của dự án được thể hiện trong bản vẽ Mặt bằng thoát nước mưa tổng thể đính kèm Phụ lục báo cáo).

- **Hệ thống thu gom và thoát nước thải:**

A/. Trạm y tế Tân Thành

Hệ thống thu gom nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải tại trạm y tế Tân Thành bao gồm:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của mỗi khu theo các ống đứng uPVC có đường kính Ø60, 90, 114 dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ nhà bếp theo ống đứng uPVC Ø60, nước thải từ phòng giặt (áo quần bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh) theo ống uPVC Ø90 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ các nguồn khác như lavabo, rửa sàn,... của các khu vệ sinh và các phòng chức năng: phòng y dược học cổ truyền, sơ cấp cứu, tiêm - tiêm văcxin, phòng rửa tiệt trùng, khu lấy mẫu xét nghiệm (gồm nước thải xét nghiệm và nước súc rửa vệ sinh dụng cụ xét nghiệm), kho chứa chất thải được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung bằng các ống uPVC Ø60, Ø90, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Hệ thống thu gom nước thải của trạm gồm các ống HDPE có đường kính Ø90, Ø160, Ø200 được bố trí theo hướng thoát phù hợp (độ dốc 0,3%) dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm.

Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước tính toán cho mạng lưới ống thoát nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh.

Như đã tính toán tại mục *1.4.2.2 Nguồn cung cấp nước của dự án*, lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh tối đa là 4m³/ngày đêm. Như vậy, lưu lượng nước thải phát sinh của trạm y tế Tân Thành: **4m³/ngày đêm**.

Xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh của trạm y tế Tân Thành được thu gom về hệ thống xử lý nước thải y tế có công suất 5m³/ngày.

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BYT, cột A (k=1,2) dẫn vào hố ga giám sát bằng ống HDPE Ø200 (có chiều dài 5,5m), sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của trạm, sau cùng đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ĐT 746 tại 01 điểm.

Khối lượng hệ thống thoát nước thải của trạm y tế Tân Thành được thống kê qua bảng sau:

Bảng 1. 23 Khối lượng hệ thống thoát nước thải trạm y tế Tân Thành

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D160, dày 11,8mm	m	30
2	Lơi HDPE D160 (loại dày)	cái	6
3	Ống HDPE D200, dày 14,7mm	m	21
4	Lơi HDPE D200 (loại dày)	cái	6
5	Ống HDPE D90, dày 5,4mm	m	19
6	Lơi HDPE D90 (loại dày)	cái	5
7	Hố ga nước thải BTCT 850x850 (mm), H=1100	cái	2
8	Hố ga nước thải BTCT 850x850 (mm), H=1400	cái	1
9	Hầm tự hoại 6,8m³ (2,7mx1,8mx1,4m)	hầm	2
10	Bơm chìm nước thải 1,5HP; 12m³/h; H=8m	máy	1
11	Bể chứa nước thải (2,0mx2,0mx1,5m)	bể	1
12	Hệ thống XLNT y tế, 5m³/ngày đêm	bể	1
13	Ống HDPE D200, dày 14,7mm (nước thải sau xử lý)	m	5,5
14	Phễu thu sàn 150x150 (mm)	cái	3

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

+ Đối với công trình hiện hữu:

Hệ thống thu gom nước thải: Nước thải phát sinh của trạm y tế Hòa Lợi hiện hữu chủ yếu là nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại trạm, người dân đến khám chữa bệnh và nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh. Hiện tại được thu gom như sau:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại dẫn vào hệ thống thoát nước thải chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ rửa sàn, lavabo, vệ sinh dụng cụ thiết bị y tế được thu gom vào hệ thống thoát nước thải chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

Khối lượng nước thải: theo số liệu của Trạm y tế Hòa Lợi, trong 3 tháng gần đây mỗi ngày có khoảng 30 lượt đến khám, chữa bệnh; nước thải phát sinh chủ yếu là nước thải sinh hoạt, khối lượng phát sinh khoảng 1-2m^3/ngày đêm.

Xử lý nước thải: Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 10m^3/ngày đêm với quy trình xử lý như sau:

Nước thải → Hố tách rác → Bể điều hòa → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BYT, cột A (k=1,2) tự thấm vào đất.

Hiện trạng từ đầu năm 2023, hệ thống xử lý nước thải này đã xuống cấp hư hỏng và ngừng vận hành, nước thải phát sinh chủ yếu qua bể tự hoại và cho tự thấm. Tuy nhiên, phương án này chỉ tạm thời, sau khi công trình mới Trạm y tế Hòa Lợi hoàn thành khối trạm y tế hiện hữu sẽ được Sở Y tế giao cho Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát quản lý (chuyển đổi công năng sử dụng) và có phương án xử lý nước thải phát sinh nếu có.

+ Đối với công trình xây mới:

Sau khi công trình mới hoàn thành, chủ đầu tư sẽ bàn giao cho Trạm y tế phường Hòa Lợi quản lý và vận hành, hoạt động riêng biệt với công trình cũ.

Hệ thống thu gom nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải tại công trình mới trạm y tế Hòa Lợi bao gồm:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của mỗi khu theo các ống đứng uPVC có đường kính Ø60, 90, 114 dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ nhà bếp theo ống đứng uPVC Ø60, nước thải từ phòng giặt (áo quần bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh) theo ống uPVC Ø90 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ các nguồn khác như lavabo, rửa sàn,... của các khu vệ sinh và các phòng chức năng: phòng y dược học cổ truyền, sơ cấp cứu, tiêm - tiêm vắcxin, phòng rửa tiệt trùng, phòng xét nghiệm (gồm nước thải xét nghiệm và nước súc rửa vệ sinh dụng cụ xét nghiệm), kho chứa chất thải,... được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung bằng các ống uPVC Ø60, Ø90, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Hệ thống thu gom nước thải của trạm gồm các ống HDPE có đường kính Ø90, Ø160, được bố trí theo hướng thoát phù hợp (độ dốc 0,3%) dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm.

Lưu lượng nước thải: Lưu lượng nước tính toán cho mạng lưới ống thoát nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh.

Như đã tính toán tại mục *1.4.2.2 Nguồn cung cấp nước của dự án*, lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh tối đa là 4m³/ngày đêm. Như vậy, lưu lượng nước thải phát sinh của trạm y tế Hòa Lợi: **4m³/ngày đêm.**

Xử lý nước thải:

- Toàn bộ nước thải phát sinh của trạm y tế Hòa Lợi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải y tế có công suất 5m³/ngày.

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BYT, cột A (k=1,2) được dẫn vào hố ga giám sát bằng ống HDPE Ø200 (có chiều dài 3,5m) sau đó đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của trạm, giai đoạn đầu thoát ra hầm thấm nước mưa (có thể tích chứa nước 50m³), cho tự thấm vào đất.

- Trong thời gian tới, khi hệ thống thoát nước tại khu vực trên đường ĐT 741 được đầu tư trạm y tế Hòa Lợi sẽ xin phép đấu nối vào vị trí thích hợp. Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế cũng đã tính toán đầu tư tuyến cống BTCT D400 (chiều dài 11,5m) hướng thoát ra đường ĐT 741 và bịt đầu chờ đấu nối.

Khối lượng hệ thống thoát nước thải của trạm y tế Hòa Lợi được thống kê qua bảng sau:

Bảng 1. 24 Khối lượng hệ thống thoát nước thải trạm y tế Hòa Lợi

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
1	Ống HDPE D160, dày 11,8mm	m	30
2	Lơi HDPE D160 (loại dày)	cái	6
3	Ống HDPE D90, dày 5,4mm	m	28
4	Lơi HDPE D90 (loại dày)	cái	17
5	Hố ga nước thải BTCT 850x850, H=1100	cái	1
6	Hố ga nước thải BTCT 850x850, H=1400	cái	1
7	Hầm tự hoại 6,8m³ (2,7mx1,8mx1,4m)	hầm	2
8	Bơm chìm nước thải 1.5HP, 12m³/h, H=8m	máy	1
9	Bể chứa nước thải (2,0mx2,0mx1,5m)	bể	1
10	Hệ thống XLNT y tế, 5m³/ngày đêm	HT	1
11	Ống HDPE D200, dày 14,7mm (nước thải sau xử lý)	m	3,5
12	Phễu thu sàn 150x150 (mm)	cái	3

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

Công trình quản lý chất thải rắn, CTNH:

Đối với chất thải rắn thông thường:

- Chất thải không phục vụ mục đích tái chế: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi màu xanh, tập kết tại kho chứa chất thải rắn thông thường. Sau đó được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có chức năng.

- Chất thải phục vụ mục đích tái chế: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi màu trắng, tập kết tại kho chứa chất thải rắn thông thường. Sau đó đơn vị quản lý hợp đồng với cá nhân hay đơn vị có nhu cầu định kỳ thu mua.

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 6m^2, tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính, hạn chế ảnh hưởng đến nhân viên y tế và người đến khám chữa bệnh.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 4m^2, tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính, hạn chế ảnh hưởng đến nhân viên y tế và người đến khám chữa bệnh.

Đối với chất thải y tế nguy hại:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: được chứa trong thùng hoặc hộp kháng thủng màu vàng có nắp đậy kín và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi, màu vàng và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi, màu vàng và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: được phân loại, thu gom vào các thùng chứa màu đen tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo, có thùng, dụng cụ lưu giữ riêng, có nắp đậy kín cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất, có tên và mã của từng loại CTNH theo đúng quy định.

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành bố trí kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 6m^2 tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính, hạn chế ảnh hưởng đến nhân viên y tế và người đến khám chữa bệnh.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi bố trí kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 4m^2 tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính, hạn chế ảnh hưởng đến nhân viên y tế và người đến khám chữa bệnh.

- Từng loại chất thải được lưu giữ riêng tại kho chứa. Tùy theo tính chất và khối lượng phát sinh, các loại chất thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Cây xanh

Diện tích đất sân vườn cây xanh tại trạm y tế Tân Thành được quy hoạch là 1.585,59m^2 chiếm 49,71% tổng diện tích khu đất dự án, trong đó đất trồng cỏ, cây xanh là 687,86m^2 để tạo cảnh quan, điều hòa không khí trong khuôn viên dự án.

Diện tích đất sân vườn cây xanh tại trạm y tế Hòa Lợi được quy hoạch là 1.165,52m^2 chiếm 49,17% tổng diện tích khu đất dự án, trong đó đất trồng cỏ, cây xanh là 359,62m^2 để tạo cảnh quan, điều hòa không khí trong khuôn viên dự án.

Với diện tích này, tỷ lệ cây xanh đảm bảo phù hợp theo quy chuẩn xây dựng QCXDVN 01:2021/BXD.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy

Căn cứ Phụ lục V kèm theo Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020. Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" không thuộc đối tượng phải thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy.

Hệ thống PCCC tại mỗi trạm y tế được thiết kế bao gồm:

Hệ thống báo cháy

- Thiết kế hệ thống báo cháy tự động đảm bảo quy định TCVN 5738:2021.

- Thiết kế Trung tâm báo cháy 04 Zone đặt tại hành lang khối chính. Lắp đặt trung tâm báo cháy trên tường và không gần nơi có nguy cơ cháy nổ.

- Từ trung tâm báo cháy 4 Zone thiết kế giám sát báo cháy cho các vùng sau:

+ Zone 1: toàn bộ khu vực sàn tầng 1 (khu vực bảo vệ hở).

+ Zone 2: toàn bộ khu vực sàn tầng 2 (khu vực bảo vệ hở).

+ Zone 3, 4 dự phòng.

- Toàn công trình không có khu vực kín cần bảo vệ.

- Thiết kế đầu báo khói cho các phòng làm việc. Tất cả các đầu báo lắp trên trần hoàn thiện và có cao độ là 3,45m so với nền hoàn thiện. Khoảng các giữa các đầu báo khói tối đa là 9m, khoảng các đến tường tối đa là 4,5m. Khoảng cách giữa các đầu báo nhiệt tối đa là 5m, khoảng cách đến tường tối đa là 2,5m.

- Thiết kế nút nhấn báo cháy trên tường có cao độ 1,4m ±0,2, đảm bảo các vị trí dễ tiếp cận. Khoảng cách giữa các nút nhấn báo cháy tối đa là 45m.

- Thiết kế tổng trở trên mỗi Zone không lớn hơn 100Ω và không lớn hơn giá trị yêu cầu đối với từng loại trung tâm báo cháy.

- Cáp điện tín hiệu và cấp nguồn dùng loại cáp chống cháy Fr/Cv có tiết diện cáp là 1,5mm^2, được bảo vệ bởi ống uPVC.

- Thiết kế các chuông báo động đảm bảo mục 9 TCVN 5738:2021, đảm bảo âm thanh nghe rõ tại mỗi vị trí.

+ Tính chất công trình thời gian hoạt động là giờ hành chính (ban ngày) nên việc thiết kế cảnh báo bằng ánh sáng là không phù hợp.

Hệ thống phòng cháy chữa cháy

Trang bị bình chữa cháy:

- Công trình trang bị bình chữa cháy xách tay đảm bảo theo quy định tại Điều 5.1 TCVN 3890:2023 "Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí" (sau đây gọi là TCVN 3890:2023).

- Quy định định mức trang bị bình, số lượng bình dự trữ:

+ Tham chiếu bảng 2 tại Điều 5 TCVN 3890:2009, định mức trang bị cho mức nguy hiểm cháy trung bình là 1 bình/75m^2.

+ Số lượng bình chữa cháy dự trữ: Điều 5.1.7 quy định phải có số lượng bình chữa cháy dự trữ không ít hơn 10% tổng số bình để trang bị thay thế khi cần thiết.

- Khối lượng bình: Thiết kế bố trí bình chữa cháy gồm: bình bột ABC (trong lượng bột 8kg, trọng lượng tổng 10kg); bình CO_2 (trọng lượng 5kg, trọng lượng tổng 16kg). Đảm bảo đáp ứng theo quy định nêu trên.

Trang bị dụng cụ phá dỡ thông thường

- Căn cứ Mục 5.6.1.1 TCVN 3890:2023 công trình thuộc đối tượng phải trang bị dụng cụ phá dỡ thô sơ. Một bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ theo quy định tại Phụ lục E TCVN 3890:2023 gồm: Rìu cứu nạn (trọng lượng 2kg, cán dài 90cm, chất liệu thép cacbon cường độ cao); xà beng (một đầu nhọn, một dầu dẹt, dài 100cm); búa tạ (thép cacbon cường độ cao, nặng 5kg, cán dài 50cm); kìm cộng lực (dài 60cm, tải cắt 60kg).

- Mục 5.6.1.2 TCVN 3890:2023 quy định phương tiện, dụng cụ phá dỡ thô sơ trang bị cho nhà, công trình được bố trí tại khu vực thường trực về phòng cháy và chữa cháy. Công trình trang trị tối thiểu 01 (một) bộ dụng cụ phá dỡ thô sơ kèm theo tủ chứa các dụng cụ, bố trí tại khu vực thường trực về PCCC đảm bảo tuân thủ các quy định nêu trên.

1.5.2. Máy móc, thiết bị của dự án

A/. Trong giai đoạn xây dựng

Trong quá trình thi công xây dựng, dự kiến sử dụng các thiết bị máy móc chính tại mỗi công trình xây mới trạm y tế như sau:

Bảng 1. 25 Tổng hợp các thiết bị, phương tiện thi công chính trên công trường

Stt	Thiết bị, phương tiện	Số lượng (cái)	Xuất xứ, năm sản xuất	Tình trạng hoạt động
1	Máy lu bánh hơi tự hành 9t	1	2017, Trung Quốc	Hoạt động tốt
2	Máy xúc 1,25 m^3	1	2017, Trung Quốc	
3	Máy ủi ≤ 110 cv	1	2018, Trung Quốc	
4	Máy san 108 cv	1	2018, Nhật	
5	Máy đào 1,25 m^3	1	2018, Nhật	
6	Máy ép cọc	1	2017, Trung Quốc	
7	Búa rung điện 40kW	1	2018, Trung Quốc	
8	Máy bơm nước 120cv	2	2018, Nhật	
9	Máy trộn bê tông 250 lít	1	2017, Trung Quốc	
10	Xe chở bê tông 6m^3	1	2017, Hàn Quốc	
11	Máy đầm bê tông 1,5kW	2	2017, Trung Quốc	
12	Ô tô vận chuyển 10-12 tấn	2	2018, Hàn Quốc	
13	Máy rải 50-60 m^3/h	1	2017, Trung Quốc	
14	Máy phát điện 62,5KVA	1	2018, Trung Quốc	
15	Máy vận thăng lồng, sức nâng 3T	1	2017, Đức	
16	Máy vận thăng, sức nâng 3T	1	2017, Nhật	

Stt	Thiết bị, phương tiện	Số lượng (cái)	Xuất xứ, năm sản xuất	Tình trạng hoạt động
17	Máy hàn xoay chiều 14kW	2	2017, Nhật	Hoạt động tốt
18	Máy cắt uốn thép 5kW	2	2017, Trung Quốc	
19	Máy khoan	2	2017, Nhật	

B/. Trong giai đoạn hoạt động

Danh mục thiết bị trong giai đoạn hoạt động của dự án dự kiến sử dụng bao gồm:

Bảng 1. 26 Danh mục thiết bị lắp đặt vào công trình

Stt	Tên vật tư / thiết bị	Số lượng	Đơn vị
I	**Xây mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên**		
1	Máy điều hòa gắn tường, kèm dàn nóng	11	bộ
*	Máy lạnh 1.0HP, kèm dàn nóng	2	bộ
	Quầy đón tiếp, quầy thuốc	*1*	*bộ*
	Kho thuốc	*1*	*bộ*
*	Máy lạnh 1.5HP, kèm dàn nóng	7	bộ
	Phòng khám 2	*2*	*bộ*
	Phòng Y dược học cổ truyền	*1*	*bộ*
	Phòng Trưởng trạm	*1*	*bộ*
	Phòng tiêm + tiêm vắc xin (kết hợp tư vấn TTGDSK)	*1*	*bộ*
	Phòng họp	*2*	*bộ*
*	Máy lạnh 2.0HP, kèm dàn nóng	2	bộ
	Phòng khám 1	*1*	*bộ*
	Phòng hành chính giao ban	*1*	*bộ*
2	Hệ thống âm thanh phòng họp	1	hệ thống
II	**Xây mới Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát**		
1	Máy điều hòa gắn tường, kèm dàn nóng	11	bộ
*	Máy lạnh 1.0HP, kèm dàn nóng	2	bộ
	Quầy đón tiếp, quầy thuốc	*1*	*bộ*
	Kho thuốc	*1*	*bộ*
*	Máy lạnh 1.5HP, kèm dàn nóng	3	bộ
	Phòng Trưởng trạm	*1*	*bộ*
	Phòng họp	*2*	*bộ*
*	Máy lạnh 2.0HP, kèm dàn nóng	6	bộ
	Phòng khám 1	*1*	*bộ*

Stt	Tên vật tư / thiết bị	Số lượng	Đơn vị
	Phòng khám 2	*2*	*bộ*
	Phòng Y dược học cổ truyền	*1*	*bộ*
	Phòng hành chính giao ban	*1*	*bộ*
	Phòng tiêm + tiêm vắc xin (kết hợp tư vấn TTGDSK)	*1*	*bộ*

Bảng 1. 27 Danh mục thiết bị y tế tại dự án

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
A	**Xây mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên**		
A.1	**Trang thiết bị chuyên ngành**		
I	**Khám, chữa bệnh**		
1	Máy đo đường huyết cá nhân	cái	2
2	Huyết áp kế	bộ	2
3	Ống nghe	bộ	2
4	Đèn khám bệnh	cái	1
5	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	cái	1
6	Bộ khám ngũ quan	bộ	1
7	Đèn khám treo trán (đèn clar)	cái	1
8	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	bộ	1
II	**Sơ cứu, cấp cứu**		
1	Máy khí dung	cái	1
2	Bình ô xy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở ô xy	bộ	1
3	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	cái	2
4	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	cái	2
5	Bộ nẹp chân	bộ	2
6	Bộ nẹp tay	bộ	2
7	Bộ nẹp cổ	bộ	2
8	Cáng tay	cái	1
III	**Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng**		
1	Xe tiêm	cái	1
2	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	cái	1
3	Bàn tiểu phẫu	cái	1
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	bộ	1
5	Giá treo dịch truyền	cái	2

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
6	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	cái	1
7	Bộ mở khí quản cho người lớn	bộ	1
8	Bộ mở khí quản cho trẻ em	bộ	1
9	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	bộ	1
10	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	bộ	1
11	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	bộ	1
IV	**Y dược cổ truyền**		
1	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	cái	1
2	Máy điện châm	cái	2
3	Đèn hồng ngoại điều trị	cái	1
V	**Xét nghiệm**		
1	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	cái	1
2	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	cái	1
VI	**Tiệt trùng**		
1	Nồi hấp tiệt trùng	cái	1
2	Tủ sấy	cái	1
VII	**Khu vực lưu người bệnh**		
1	Giường bệnh	cái	2
VIII	**Thiết bị khác**		
1	Bàn khám bệnh	cái	1
2	Tủ đầu giường bệnh	cái	2
3	Tủ bảo quản thuốc	bộ	1
4	Bảng thông tin, truyền thông	cái	1
5	Tủ đựng tài liệu truyền thông	bộ	1
6	Tivi	cái	1
7	Loa, bộ âm thanh	bộ	1
8	Giường	cái	1
A.2	**Trang thiết bị khác, văn phòng**		
1	Băng ghế ngồi inox	băng	10
2	Bàn làm việc nhân viên	cái	16
3	Ghế xoay văn phòng	cái	16
4	Tủ hồ sơ 2 cánh	cái	10
5	Ghế ngồi bệnh nhân (inox)	cái	20
6	Bàn phòng họp	bộ	1

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
7	Ghế phòng họp	cái	30
8	Tượng Bác hồ	cái	1
9	Bục để tượng Bác	cái	1
10	Bục phát biểu	cái	1
11	Bộ chữ mica	bộ	1
12	Máy giặt	cái	1
13	Máy sấy đồ	cái	1
14	Phông màn, rèm kéo cho y tế	bộ	1
B	**Xây mới Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát**		
B.1	**Trang thiết bị chuyên ngành**		
I	**Khám, chữa bệnh**		
1	Máy đo đường huyết cá nhân	cái	2
2	Huyết áp kế	bộ	2
3	Ống nghe	bộ	2
4	Đèn khám bệnh	cái	1
5	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	cái	1
6	Bộ khám ngũ quan	sử dụng lại	
7	Đèn khám treo trán (đèn clar)	sử dụng lại	
8	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	bộ	1
II	**Sơ cứu, cấp cứu**		
1	Máy khí dung	cái	1
2	Bình ô xy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở ô xy	bộ	1
3	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	cái	2
4	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	cái	2
5	Bộ nẹp chân	sử dụng lại	
6	Bộ nẹp tay	sử dụng lại	
7	Bộ nẹp cổ	sử dụng lại	
8	Cáng tay	sử dụng lại	
III	**Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng**		
1	Xe tiêm	cái	1
2	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	cái	1
3	Bàn tiểu phẫu	cái	1
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	bộ	1
5	Giá treo dịch truyền	cái	2

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
6	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	cái	1
7	Bộ mở khí quản cho người lớn	sử dụng lại	
8	Bộ mở khí quản cho trẻ em	sử dụng lại	
9	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	sử dụng lại	
10	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	sử dụng lại	
11	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	sử dụng lại	
IV	**Y dược cổ truyền**		
1	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	sử dụng lại	
2	Máy điện châm	cái	2
3	Đèn hồng ngoại điều trị	cái	1
V	**Xét nghiệm**		
1	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	sử dụng lại	
2	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	sử dụng lại	
VI	**Tiệt trùng**		
1	Nồi hấp tiệt trùng	cái	1
2	Tủ sấy	cái	1
VII	**Khu vực lưu người bệnh**		
1	Giường bệnh	cái	2
VIII	**Thiết bị khác**		
1	Bàn khám bệnh	cái	1
2	Tủ đầu giường bệnh	sử dụng lại	
3	Tủ bảo quản thuốc	bộ	1
4	Bảng thông tin, truyền thông	cái	1
5	Tủ đựng tài liệu truyền thông	bộ	1
6	Tivi	sử dụng lại	
7	Loa, bộ âm thanh	sử dụng lại	
8	Giường	cái	1
B.2	**Trang thiết bị khác, văn phòng**		
1	Băng ghế ngồi inox loại 4 ghế/băng	băng	10
2	Bàn làm việc nhân viên	cái	16
3	Ghế xoay văn phòng	sử dụng lại	
4	Tủ hồ sơ 2 cánh	cái	10
5	Ghế ngồi bệnh nhân	cái	20
6	Bàn phòng họp	bộ	1

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
7	Ghế phòng họp	cái	30
8	Tượng Bác hồ	cái	1
9	Bục để tượng Bác	cái	1
10	Bục phát biểu	cái	1
11	Bộ chữ mica	sử dụng lại	
12	Hệ thống âm thanh phòng họp	sử dụng lại	
13	Máy giặt	cái	1
14	Máy sấy đồ	cái	1
15	Phông màn, rèm kéo cho y tế	bộ	1

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

1.5.3. Tiến độ thực hiện dự án

Dự kiến tiến độ thực hiện xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 28 Tiến độ thực hiện dự án

TT	Công việc	Thời gian thực hiện dự kiến
1	Thực hiện các thủ tục pháp lý của dự án (phê duyệt chủ trương đầu tư, giấy phép môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế bản vẽ thi công,…)	Từ tháng 05/2023 → tháng 06/2023
2	Thi công xây dựng dự án và hoàn thiện công trình:	Từ tháng 07/2023 → tháng 12/2023
3	Lắp đặt thiết bị	Tháng 01/2024
4	Vận hành thử nghiệm	Tháng 02/2024 → 03/2024
5	Đưa vào vận hành ổn định	Từ tháng 03/2024

Nguồn: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương, 2023

1.5.4. Vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" là 24.929.235.955 (Hai mươi bốn tỷ, chín trăm hai mươi chín triệu, hai trăm ba mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi lăm đồng), các chi phí được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1. 29 Vốn đầu tư của dự án

TT	Hạng mục	Giá trị (đồng)
1	Chi phí xây dựng	20.568.793.040
2	Chi phí thiết bị	1.353.647.750
3	Chi phí quản lý dự án	583.896.449

TT	Hạng mục	Giá trị (đồng)
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.114.737.683
5	Chi phí khác	258.402.079
6	Chi phí dự phòng	49.758.954
Tổng		**24.929.235.955**

Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương (thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

1.5.5. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Việc tổ chức quản lý và thực hiện dự án trong quá trình xây dựng và hoạt động của dự án như sau:

❖ ***Trong giai đoạn xây dựng:***

Chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương làm quản lý dự án và giám sát thi công, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước và địa phương về trình tự, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

- Trong quá trình thi công, ban quản lý dự án thực hiện giám sát quá trình thi công xây dựng theo quy định của pháp luật về các mặt: chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động, vệ sinh môi trường của từng công trình.

- Chủ đầu tư sẽ giao nhiệm vụ, thỏa thuận cụ thể (có nêu rõ trong các hợp đồng) với các nhà thầu thi công để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Khi bàn giao công trình, nhà thầu có trách nhiệm soạn thảo quy trình vận hành, khai thác sử dụng công trình theo quy định.

❖ ***Trong giai đoạn hoạt động:***

Sau khi dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" hoàn thành, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương sẽ bàn giao cho đơn vị quản lý như sau:

+ Trạm y tế thị trấn Tân Thành: bàn giao cho Trung tâm y tế huyện Bắc Tân Uyên quản lý khai thác.

+ Trạm y tế phường Hòa Lợi:

- Đối với công trình mới: bàn giao cho Trạm y tế phường Hòa Lợi quản lý khai thác thực hiện hoạt động khám chữa bệnh đúng với chức năng của trạm y tế và hoạt động riêng biệt với công trình cũ.
- Đối với công trình cũ: Sở Y tế sẽ phối hợp với địa phương để giao cơ sở Trạm y tế cũ cho Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát quản lý và sử dụng cho mục đích y tế. Dự kiến sẽ chuyển đổi công năng, sử dụng cho công tác khám sàng lọc Covid-19, cách ly tạm thời các trường hợp dương tính và tổ chức tiêm ngừa Covid-19.

Đơn vị quản lý công trình tiếp nhận, bảo quản và vận hành theo đúng quy trình, quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp phê duyệt chủ trương đầu tư theo Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21/03/2023. Dự án bao gồm:

A/. Trạm y tế Tân Thành

Công trình xây mới trạm y tế Tân Thành được xây dựng tại khu đất có diện tích 3.190,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận giao khu đất đê xây mới Trạm theo Công văn số 63/UBND-KT ngày 06/01/2023.

Hiện tại trên địa bàn có phòng khám đa khoa Tân Thành trực thuộc Trung tâm Y tế đang tổ chức hoạt động lồng ghép Trạm y tế trong phòng khám đa khoa theo Quyết định số 578/QĐ-SYT của UBND huyện Bắc Tân Uyên ngày 22/7/2014. Do vậy, việc xây mới Trạm y tế Tân Thành là cần thiết cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân tại địa phương và hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của thị trấn Tân Thành cũng như quy hoạch của tỉnh Bình Dương.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Công trình xây mới trạm y tế phường Hòa Lợi, được xây mới bên trong khu đất có diện tích 2.748,3m^2 của trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát hiện hữu. Trạm hiện hữu được xây dựng, đưa vào sử dụng năm 2011 (với quy mô công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2), và được UBND thị xã Bến Cát cấp giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường số 09/GXN-UBND ngày 09/01/2015 và xác nhận hoàn thành công trình hệ thống xử lý nước thải của Trạm theo thông báo số 65/TNMT-MT ngày 19/01/2015.

Đến nay, nhiều hạng mục bị xuống cấp và quy mô hiện tại không đủ đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương. Do vậy, việc xây mới Trạm y tế Hòa Lợi là cần thiết cho nhu cầu khám chữa bệnh của người dân và hoàn toàn phù hợp với quy hoạch của thị xã Bến Cát cũng như quy hoạch của tỉnh Bình Dương.

Vị trí xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi công trình hiện hữu và không ảnh hưởng đến hoạt động khám, chữa bệnh của Trạm y tế hiện hữu. Sau khi công trình mới hoàn thành, Sở Y tế sẽ phối hợp địa phương để giao cơ sở Trạm y tế cũ cho Trung tâm Y tế thị xã quản lý.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

A/. Trạm y tế Tân Thành

Hiện trạng người dân đang trồng khoai mì bên trong khu đất dự án. Qua kết quả khảo sát và lấy mẫu đo đạc tại khu vực dự án cho thấy hiện trạng môi trường tại khu vực tương đối tốt, vẫn có khả năng tiếp nhận chất thải (chất thải rắn, nước thải, khí thải) phát sinh từ hoạt động của dự án trong quá trình xây dựng cũng như hoạt động.

- *Về môi trường không khí:*

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án được trình bày tại Chương III - mục 3.3, cho thấy hiện trạng môi trường không khí tại khu vực tương đối tốt, nên hoàn toàn có khả năng tiếp nhận nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

- *Về môi trường đất:*

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường đất của dự án trình bày tại Chương III – mục 3.3, cho thấy hiện trạng môi trường đất khu vực dự án không có dấu hiệu ô nhiễm. Bên cạnh đó trong quá trình hoạt động, các chất thải phát sinh của dự án được thu gom, quản lý không thải trực tiếp ra môi trường đất nên không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

- *Về môi trường nước ngầm:*

Hiện trạng khu vực dự án sử dụng hệ thống cấp nước thủy cục được đấu nối từ tuyến ống cấp nước trên đường ĐT 746, bên cạnh đó trong quá trình hoạt động dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu tối đa tác động ảnh hưởng đến môi trường nước ngầm, đất nên hầu như không ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm của khu vực.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Vị trí xây dựng công trình mới nằm trong khuôn viên (phía sau) của trạm y tế Hòa Lợi hiện hữu. Qua kết quả khảo sát và lấy mẫu đo đạc tại khu vực dự án cho thấy hiện trạng môi trường tại khu vực tương đối tốt, vẫn có khả năng tiếp nhận chất thải (chất thải rắn, nước thải, khí thải) phát sinh từ hoạt động của dự án trong quá trình xây dựng cũng như hoạt động.

- *Về môi trường không khí:*

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường không khí tại khu vực dự án được trình bày tại Chương III - mục 3.3, cho thấy hiện trạng môi trường không khí tại khu vực tương đối tốt, nên hoàn toàn có khả năng tiếp nhận nguồn khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án.

- *Về môi trường đất:*

Theo kết quả phân tích chất lượng môi trường đất của dự án trình bày tại Chương III – mục 3.3, cho thấy hiện trạng môi trường đất khu vực dự án không có dấu hiệu ô nhiễm. Bên cạnh đó trong quá trình hoạt động, các chất thải phát sinh của dự án được thu gom, quản lý không thải trực tiếp ra môi trường đất nên không có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất.

- *Về môi trường nước ngầm:*

Hiện trạng, trong khuôn viên trạm y tế phường Hòa Lợi có sử dụng 01 giếng khoan, qua kết quả phân tích thể hiện tại Chương III - mục 3.3 cho thấy chất lượng nước ngầm tại khu vực dự án tương đối tốt. Bên cạnh đó trong quá trình hoạt động, dự án áp dụng các

biện pháp giảm thiểu tối đa tác động ảnh hưởng đến môi trường nước ngầm, đất nên hầu như không ảnh hưởng đến nguồn nước ngầm của khu vực.

Như vậy, sự hình thành của dự án đầu tư "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" đối với khả năng chịu tải của môi trường vẫn đảm bảo và phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của tỉnh Bình Dương.

CHƯƠNG III
HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

3.1.1. Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp của dự án

Các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp của dự án bao gồm: môi trường không khí, nước ngầm, môi trường đất, nguồn tiếp nhận nước thải của dự án.

Tại khu vực dự án không có số liệu về hiện trạng chất lượng môi trường, nên báo cáo dựa vào kết quả đo đạc lấy mẫu hiện trạng trong quá trình khảo sát để đánh giá môi trường nền tại khu vực.

- *Hiện trạng môi trường không khí:*

Theo kết quả lấy mẫu hiện trạng môi trường không khí tại khu vực dự án (Trạm y tế Tân Thành và Trạm y tế Hòa Lợi) được thể hiện tại *Bảng 3.2 Kết quả đo đạc chất lượng không khí xung quanh* cho thấy các chỉ tiêu đo đạc đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT, do đó có thể kết luận hiện trạng chất lượng môi trường không khí tại khu vực nơi có khả năng chịu tác động bởi dự án tương đối tốt.

- *Hiện trạng môi trường đất:*

Theo kết quả phân tích chất lượng đất của khu vực dự án (Trạm y tế Tân Thành và Trạm y tế Hòa Lợi) được thể hiện tại *Bảng 3.4 Kết quả phân tích mẫu đất*, cho thấy các thông số kim loại nặng trong đất tương đối thấp đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 03-MT:2015/BTNMT. Điều này chứng tỏ khu vực dự án không bị ô nhiễm do kim loại nặng.

- *Hiện trạng môi trường nước ngầm:*

Theo kết quả phân tích chất lượng nước ngầm tại Trạm y tế Hòa Lợi, thể hiện tại *Bảng 3.6 Kết quả phân tích mẫu nước ngầm,* cho thấy chất lượng nước ngầm tại khu vực dự án tương đối tốt, hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

- *Hiện trạng tài nguyên sinh vật:*

Tại vị trí xây dựng trạm y tế Tân Thành, hiện trạng người dân đang trồng khoai mì bên trong khu đất, không có các hệ sinh thái nhạy cảm, động thực vật quý hiếm hay rừng phòng hộ; động vật chủ yếu là các loại động vật nhỏ như giun, chuột, rết, bò sát, một số loại côn trùng,...

Tại vị trí xây dựng trạm y tế Hòa Lợi, hiện trạng có các loại cây trồng như bưởi, dừa, đu đủ, mít, mận, tre và các loại cây bụi cỏ mọc hoang không có các hệ sinh thái nhạy cảm, động thực vật quý hiếm hay rừng phòng hộ; động vật chủ yếu là các loại động vật nhỏ như giun, chuột, rết, bò sát, một số loại côn trùng,...

3.1.2. Các đối tượng nhạy cảm về môi trường gần nhất có thể bị tác động bởi dự án

Vị trí và diện tích xây dựng trạm y tế Tân Thành thuộc quy hoạch của UBND huyện Bắc Tân Uyên, xung quanh tiếp giáp đường ĐT 746, đất trồng cây cao su, văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành, cách xa khu dân cư tập trung.

Vị trí và diện tích xây dựng trạm y tế Hòa Lợi thuộc quy hoạch của UBND thị xã Bến Cát, xung quanh tiếp giáp đường ĐT 741, bãi đậu xe, UBND phường Hòa Lợi, đất trồng cây cao su, cách xa khu dân cư tập trung.

Căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 4 Điều 25 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Các đối tượng gần nhất có thể bị tác động bởi dự án:

+ Trạm y tế Tân Thành: văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành tiếp giáp với dự án về phía Nam, đường ĐT 746 tiếp giáp với dự án về phía Đông.

+ Trạm y tế Hòa Lợi: UBND phường Hòa Lợi tiếp giáp với dự án về phía Bắc, đường ĐT 741 tiếp giáp với dự án về phía Tây.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

A/. Trạm y tế Tân Thành

Nguồn tiếp nhận nước thải của trạm y tế Tân Thành là hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực trên đường ĐT 746. Nước thải phát sinh từ hoạt động của trạm y tế Tân Thành được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 5m^3/ngày đêm, sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa của dự án sau đó đấu nối vào cống thoát nước mưa trên đường ĐT 746, từ đây đổ ra sông Đồng Nai.

Hiện trạng tại khu vực dọc đường ĐT 746 chưa có hệ thống thu gom nước thải riêng, hiện đã có cống thoát nước mưa BTCT Ø1000 (mm) đi ngầm dưới vỉa hè 2 bên đường và các hố ga có kích thước 1,7x1,7 (m). Hệ thống thoát nước mưa đã được cơ quan ban ngành tính toán thiết kế xây dựng đảm bảo thu gom và thoát nước từ các hộ dân, công trình dọc theo tuyến đường ĐT 746. Vì vậy với lượng nước thải phát sinh của trạm y tế Tân Thành tương đối ít (tối đa 5m^3/ngày đêm), cống thoát nước chung của khu vực hoàn toàn có khả năng tiếp nhận.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Hiện trạng trên đường ĐT 741 đoạn qua khu vực trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát chưa có hệ thống thoát nước chung, vì vậy nước thải từ các hộ dân và các công trình tại khu vực sau khi xử lý cục bộ chủ yếu cho tự thấm vào đất.

Nước thải phát sinh từ hoạt động của trạm y tế Hòa Lợi được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải có công suất 5m^3/ngày đêm, sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN

28:2010/BTNMT, cột A được dẫn vào hầm thấm nước mưa (có thể tích chứa nước 50m^3) và cho thấm tự nhiên vào đất.

Trong thời gian tới, khi hệ thống thoát nước tại khu vực trên đường ĐT 741 được đầu tư thì nước thải sau xử lý của trạm y tế Hòa Lợi sẽ xin phép đấu nối vào vị trí thích hợp.

3.2. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường tại khu vực dự án, chủ đầu tư đã kết hợp với tư vấn và nhóm đo đạc của Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu tiến hành khảo sát và lấy mẫu hiện trạng khu vực thực hiện dự án.

Vị trí và số lượng mẫu để đánh giá chất lượng môi trường nền:

A/. Trạm y tế Tân Thành

- Môi trường không khí: xung quanh khu đất dự án tiếp giáp với đường ĐT 746, đất trồng cây cao su, văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành nên lựa chọn lấy 03 mẫu không khí xung quanh tại các vị trí tiếp giáp và 01 mẫu bên trong khu đất dự án.
- Môi trường đất: lấy 01 mẫu bên trong khu đất dự án để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất tại khu vực dự án.
- Nước ngầm: không lấy mẫu nước ngầm do tại dự án không khai thác nước ngầm mà sử dụng hệ thống nước cấp của khu vực trên đường ĐT 746.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

- Môi trường không khí: xung quanh khu đất dự án tiếp giáp với đường ĐT 741, bãi đậu xe, UBND phường Hòa Lợi, đất trồng cây cao su nên lựa chọn lấy 03 mẫu không khí xung quanh tại các vị trí tiếp giáp và 01 mẫu bên trong giáp với công trình hiện hữu.
- Môi trường đất: lấy 01 mẫu bên trong khu đất dự án để đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường đất tại khu vực dự án.
- Nước ngầm: hiện trạng, trong khuôn viên trạm y tế phường Hòa Lợi có sử dụng 01 giếng khoan, nên báo cáo lấy 01 mẫu nước ngầm tại đây để làm môi trường nền.

Thông tin đơn vị đo đạc, phân tích:

+ Đơn vị lấy mẫu đo đạc khảo sát:

- Tên đơn vị: CÔNG TY CP DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
- Trụ sở chính: số 3 đường Tân Thới Nhất 20, khu phố 4, phường Tân Thới Nhất, quận 12, Tp.HCM.
- ĐT: 028 3816 4421 Fax: 028 3816 4437
- Người đại diện: Ông Thái Lê Nguyên. Chức vụ: Giám đốc
- Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường với số hiệu: VIMCERTS 117, kèm theo Quyết định số 468/QĐ-BTNMT ngày 11/03/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Thời gian đo đạc, lấy mẫu:

Quá trình khảo sát đo đạc lấy mẫu được tiến hành vào thời gian từ 7h40' đến 12h30' vào các ngày:

+ Đợt 1: ngày 17/04/2023
+ Đợt 2: ngày 19/04/2023
+ Đợt 3: ngày 20/04/2023

Điều kiện lấy mẫu: thời điểm lấy mẫu được thực hiện trong điều kiện thời tiết tốt (trời nắng nóng, gió nhẹ).

(1) Môi trường không khí

Các số liệu đo đạc về môi trường không khí có thể được coi như tài liệu nền của dự án, sử dụng làm căn cứ để đánh giá ảnh hưởng đến môi trường không khí khi dự án đi vào hoạt động.

- *Vị trí đo đạc, lấy mẫu:*

Bảng 3. 1 Vị trí lấy mẫu không khí

Stt	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ		Thời gian lấy mẫu
			X	Y	
A/. Trạm y tế Tân Thành					
1	K1	Khu vực phía Đông tiếp giáp với đường ĐT 746	1234317.06	619317.88	7h40'
2	K2	Giữa khu đất dự án	1234316.58	619278.43	8h20'
3	K3	Khu vực phía Nam giáp với Văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành	1234298.85	619275.46	9h00'
B/. Trạm y tế Hòa Lợi					
1	K1	Khu vực cổng ra vào tiếp giáp với đường ĐT 741	1227815.6	599562.27	9h50'
2	K2	Khu vực phía Bắc giáp với UBND phường Hòa Lợi	1227833.47	599612.44	10h30'
3	K3	Giữa khu đất dự kiến xây dựng công trình mới	1227825.92	599623.75	11h10'
4	K4	Khu vực phía Tây giáp với khối trạm y tế hiện hữu	1227815.27	599602.85	11h50'

- *Phương pháp lấy mẫu và phân tích:*

Phương pháp lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm đo đạc hiện trạng môi trường không khí tại dự án như sau:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010
5	SO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995
6	CO	$\mu g/m^3$	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995
7	NO_2	$\mu g/m^3$	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/m^3$	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu

- *Kết quả đo đạc phân tích:*

Bảng 3. 2 Kết quả đo đạc chất lượng không khí xung quanh

Vị trí	Thời gian	Kết quả đo đạc							
		Độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Tốc độ gió (m/s)	Độ ẩm (%)	Bụi (mg/m^3)	SO_2 (mg/m^3)	NO_2 (mg/m^3)	CO (mg/m^3)
A/. Trạm y tế Tân Thành									
K1	Đợt 1	62,9	31,3	1,9	62,3	0,22	0,07	0,068	<6
	Đợt 2	60,8	32,2	1,2	63,2	0,24	0,078	0,06	<6
	Đợt 3	68,5	31,8	1,6	60,8	0,26	0,077	0,058	<6
K2	Đợt 1	51,6	31,6	3,1	61,2	0,2	0,069	0,065	<6
	Đợt 2	53,5	31,7	2,6	62,3	0,18	0,075	0,066	<6
	Đợt 3	57,3	31,1	2,2	59,6	0,21	0,065	0,06	<6
K3	Đợt 1	46,6	31,8	2,1	62,1	0,19	0,077	0,063	<6
	Đợt 2	58,5	31,3	1,5	60,4	0,17	0,079	0,058	<6
	Đợt 3	53,1	30,4	1,8	60,4	0,23	0,071	0,067	<6
B/. Trạm y tế Hòa Lợi									
K1	Đợt 1	75,3	32,4	0,8	58,9	0,23	0,075	0,068	<6
	Đợt 2	73,8	32,1	1,1	59,3	0,23	0,083	0,071	<6
	Đợt 3	70,8	31,2	0,5	60,7	0,22	0,074	0,058	<6
K2	Đợt 1	57,4	32,3	0,6	58,6	0,2	0,068	0,065	<6
	Đợt 2	58,6	32,5	0,7	57,2	0,2	0,072	0,069	<6
	Đợt 3	59,6	31,3	1,0	59,5	0,2	0,062	0,053	<6
K3	Đợt 1	55,9	32,7	0,5	58,5	0,2	0,072	0,064	<6

Vị trí	Thời gian	Kết quả đo đạc							
		Độ ồn (dBA)	**Nhiệt độ** (°C)	**Tốc độ gió** (m/s)	**Độ ẩm** (%)	**Bụi** (mg/m^3)	**SO_2** (mg/m^3)	**NO_2** (mg/m^3)	**CO** (mg/m^3)
	Đợt 2	56,4	32,3	0,2	56,8	0,21	0,077	0,06	<6
	Đợt 3	54,3	32,2	0,9	59,2	0,2	0,075	0,067	<6
K4	Đợt 1	53,4	32,2	1,2	58,9	0,22	0,076	0,066	<6
	Đợt 2	57,5	31,7	1,0	58,2	0,22	0,073	0,062	<6
	Đợt 3	57,4	31,8	1,4	62,4	0,18	0,073	0,069	<6
QCVN 26:2010/BTNMT		**70(1) 55(2)**	-	-	-	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT		-	-	-	-	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu, tháng 04/2023

Ghi chú:

- QCVN 26:2010/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
  (1) khu vực thông thường: 70dBA; (2) khu vực đặc biệt: 55dBA
- QCVN 05:2013/BTNMT: quy chuẩn chất lượng không khí xung quanh.

Nhận xét:

A/. Trạm y tế Tân Thành

- Vi khí hậu: Kết quả đo đạc vi khí hậu khu vực dự án cho thấy tại các thời điểm lấy mẫu, nhiệt độ dao động trong khoảng từ 30,4°C đến 32,2°C; độ ẩm từ 59,6-63,2% và vận tốc gió dao động trong khoảng 1,2m/s đến 3,1m/s.
- Tiếng ồn: Kết quả đo đạc tiếng ồn khu vực dự án dao động trong khoảng từ 46,6-68,5dBA nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT (<70 dBA từ 6 giờ đến 21 giờ đối với khu vực thông thường).
- Chất lượng không khí: qua bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu đo đạc môi trường không khí xung quanh tại 03 điểm khu đất xây dựng trạm y tế Tân Thành qua 3 đợt đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

- Vi khí hậu: Kết quả đo đạc vi khí hậu khu vực dự án cho thấy tại các thời điểm lấy mẫu, nhiệt độ dao động trong khoảng từ 31,2°C đến 32,7°C; độ ẩm từ 56,8-62,4% và vận tốc gió dao động trong khoảng 0,2m/s đến 1,4m/s.
- Tiếng ồn:
  + Tại vị trí cổng ra vào hiện hữu của trạm y tế Hòa Lợi: kết quả đo được dao động từ 70,8-75,3dBA vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA đối với khu vực thông thường), do ảnh hưởng của các phương tiện giao thông qua lại trên tuyến đường ĐT 741 tiếp giáp với dự án về phía Tây.

+ Tại vị trí giáp với UBND phường Hòa Lợi: kết quả đo được dao động từ 57,4-59,6dBA nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA đối với khu vực thông thường).

+ Tại vị trí giữa khu đất dự kiến xây dựng trạm mới: kết quả đo được dao động từ 54,3-56,4dBA nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT (<70dBA đối với khu vực thông thường).

+ Tại vị trí giáp với khối trạm y tế hiện hữu: kết quả đo được dao động từ 57,4-59,6dBA vượt giới hạn cho phép đối với khu vực đặc biệt theo quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT (<55 dBA, từ 6 giờ đến 21 giờ), đạt giới hạn cho phép đối với khu vực thông thường (<70dBA). Tiếng ồn này chủ yếu do ảnh hưởng từ hoạt động của bãi đậu xe (tiếp giáp với dự án về phía Nam), không ảnh hưởng nhiều do hoạt động của Trạm y tế hiện hữu tại thời điểm đo đạc.

- Chất lượng không khí: qua bảng kết quả trên cho thấy, các chỉ tiêu đo đạc môi trường không khí xung quanh tại 04 điểm trong khu vực dự án qua 3 đợt đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT.

(2) Chất lượng đất

Vị trí lấy mẫu:

Bảng 3. 3 Vị trí lấy mẫu đất

Stt	Vị trí lấy mẫu	Ký hiệu	Tọa độ	
			X	Y
1	Trong khu đất xây dựng trạm y tế Tân Thành	Đ1	1234314.28	619282.60
2	Trong khu đất xây dựng trạm y tế Hòa Lợi	Đ2	1227825.4	599627.78

Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

Phương pháp lấy mẫu, bảo quản bằng dụng cụ chuyên dụng theo các tiêu chuẩn TCVN TCVN 7538 – 2:2005, TCVN 4046:1985, TCVN 5297:1995, TCVN 7538 – 3:2005, TCVN 5960:1995.

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1	Asen (As)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
3	Chì (Pb)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
4	Kẽm (Zn)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B
5	Crom (Cr)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010
6	Đồng (Cu)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu

✍ *Kết quả đo đạc phân tích:*

Bảng 3. 4 Kết quả phân tích mẫu đất

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đ1 *(Trạm y tế Tân Thành)*			Đ2 *(Trạm y tế Hòa Lợi)*			QCVN 03-MT:2015/BTNMT *(Đất thương mại, dịch vụ)*
			Đợt 1	*Đợt 2*	*Đợt 3*	*Đợt 1*	*Đợt 2*	*Đợt 3*	
1	As	mg/kg	0,86	0,7	0,49	0,56	0,75	0,65	**20**
2	Cd	mg/kg	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	**5**
3	Pb	mg/kg	15,3	17,8	19,7	22,1	17,8	19,8	**200**
4	Zn	mg/kg	28,1	22,6	26,5	32,3	28,1	27,6	**300**
5	Cr	mg/kg	3,0	3,0	1,6	4,1	3,6	2,3	**250**
6	Cu	mg/kg	20,4	21,4	25,3	20,5	24,4	16,1	**200**

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu, tháng 05/2023

Ghi chú: QCVN 03-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

Nhận xét:

- Tại khu đất xây dựng trạm y tế Tân Thành: kết quả phân tích mẫu đất tại bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu phân tích như As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 03-MT:2015/BTNMT - quy định về giới hạn tối đa cho phép của kim loại nặng trong đất sử dụng cho mục đích đất thương mại, dịch vụ. Điều này chứng tỏ khu vực dự án không bị ô nhiễm do kim loại nặng.

- Tại khu đất xây dựng trạm y tế Hòa Lợi: kết quả phân tích mẫu đất tại bảng trên cho thấy, các chỉ tiêu phân tích như As, Cd, Cu, Pb, Zn, Cr đều đạt quy chuẩn cho phép QCVN 03-MT:2015/BTNMT - quy định về giới hạn tối đa cho phép của kim loại nặng trong đất sử dụng cho mục đích đất thương mại, dịch vụ. Điều này chứng tỏ khu vực dự án không bị ô nhiễm do kim loại nặng.

(3) Nước ngầm

✍ *Vị trí lấy mẫu:*

Bảng 3. 5 Vị trí lấy mẫu nước ngầm

Stt	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X	Y
1	Nước giếng khoan trong khuôn viên của trạm y tế phường Hòa Lợi	1227834.15	599595.37

✍ *Phương pháp lấy mẫu và phân tích:*

- Thiết bị lấy mẫu: can nhựa sạch, găng tay. Nước giếng: bật bơm giếng cho nước chảy xả bỏ 5 – 10 phút (rửa sạch chai nhiều lần bằng nước giếng).

- Thiết bị phân tích: Thiết bị chưng cất Kjeldahl; Máy đo pH Schott; Máy đo Mettler Toledo; Máy ly tâm; Mấy lắc ống nghiệm; Máy khuấy từ; Tủ cấy; Tủ sấy; Tủ ấm BOD; Kính hiển vi; Nồi hấp tiệt trùng; Bếp chưng cách thủy; Cân phân tích.

- Các mẫu được bảo quản ở nhiệt độ 4°C và vận chuyển về phòng thí nghiệm để phân tích các chỉ tiêu còn lại. Phân tích các chỉ tiêu theo TCVN.

- Phương pháp lấy mẫu và phân tích nước ngầm được thể hiện qua bảng sau:

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm
1	pH	--	TCVN 6492:2011
2	TDS	ppm	HD – TDS
3	Độ cứng tổng số	mg/L	SMEWW 2340C:2017
4	Nitrat (N-NO_3^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2017
5	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/L	SMEWW 4110B:2017
6	Cyanua (CN^-)	mg/L	TCVN 6181:1996
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	SMEWW 4110B:2017
8	Sắt (Fe)	µg/L	SMEWW 3111B:2017
9	Amoni (N-NH_4^+)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017
10	Cadimi (Cd)	µg/L	SMEWW 3113B:2017
11	Asen (As)	µg/L	SMEWW 3114B:2017
12	Coliform	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014
13	E. Coli	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu

- *Kết quả phân tích*:

Bảng 3. 6 Kết quả phân tích mẫu nước ngầm

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
1	pH	--	6,0	5,88	6,1	**5,5 – 8,5**
2	TDS	mg/L	288	282	286	**1500**
3	Độ cứng tổng số	mg$CaCO_3$/L	56	57	59	**500**
4	Clorua (Cl^-)	mg/L	150	148	145	**250**
5	Nitrat (N-NO_3^-)	mg/L	1,06	1,03	1,07	**15**
6	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/L	KPH	KPH	KPH	**400**
7	Sắt (Fe)	mg/L	0,52	0,5	0,55	**5**
8	Amoni (N-NH_4^+)	mg/L	KPH	KPH	KPH	**1**
9	CN^-	mg/L	KPH	KPH	KPH	**0,01**
10	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	**0,05**
11	Cd	mg/L	KPH	KPH	KPH	**0,005**
12	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	**KPH**

STT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 09-MT:2015/ BTNMT
13	Tổng Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	3

Nguồn: Công ty CP DV TV Môi trường Hải Âu, tháng 04/2023

Ghi chú:

- QCVN 09-MT:2015/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.
- KPH: không phát hiện.

Nhận xét: Kết quả phân tích chất lượng nước ngầm tại khu đất xây dựng trạm y tế phường Hòa Lợi, cho thấy hầu hết các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Điều đó cho thấy chất lượng nước ngầm tại khu vực dự án khá tốt.

Nhận xét chung về môi trường nền:

Qua kết quả đo đạc, phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh, đất, nước ngầm cho thấy môi trường nền tại khu vực thực hiện dự án tương đối tốt, không có dấu hiệu ô nhiễm. Do đó, việc lựa chọn địa điểm xây dựng dự án 02 trạm y tế tuyến xã tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm môi trường tự nhiên tại khu vực dự án. Bên cạnh đó, các số liệu đánh giá được xem như môi trường nền trước khi triển khai xây dựng dự án và khi đưa dự án đi vào hoạt động.

Sơ đồ vị trí lấy mẫu đo đạc hiện trạng môi trường khu vực dự án được đính kèm trong Phụ lục Bản vẽ của báo cáo.

Một số hình ảnh lấy mẫu hiện trạng môi trường tại khu vực dự án:

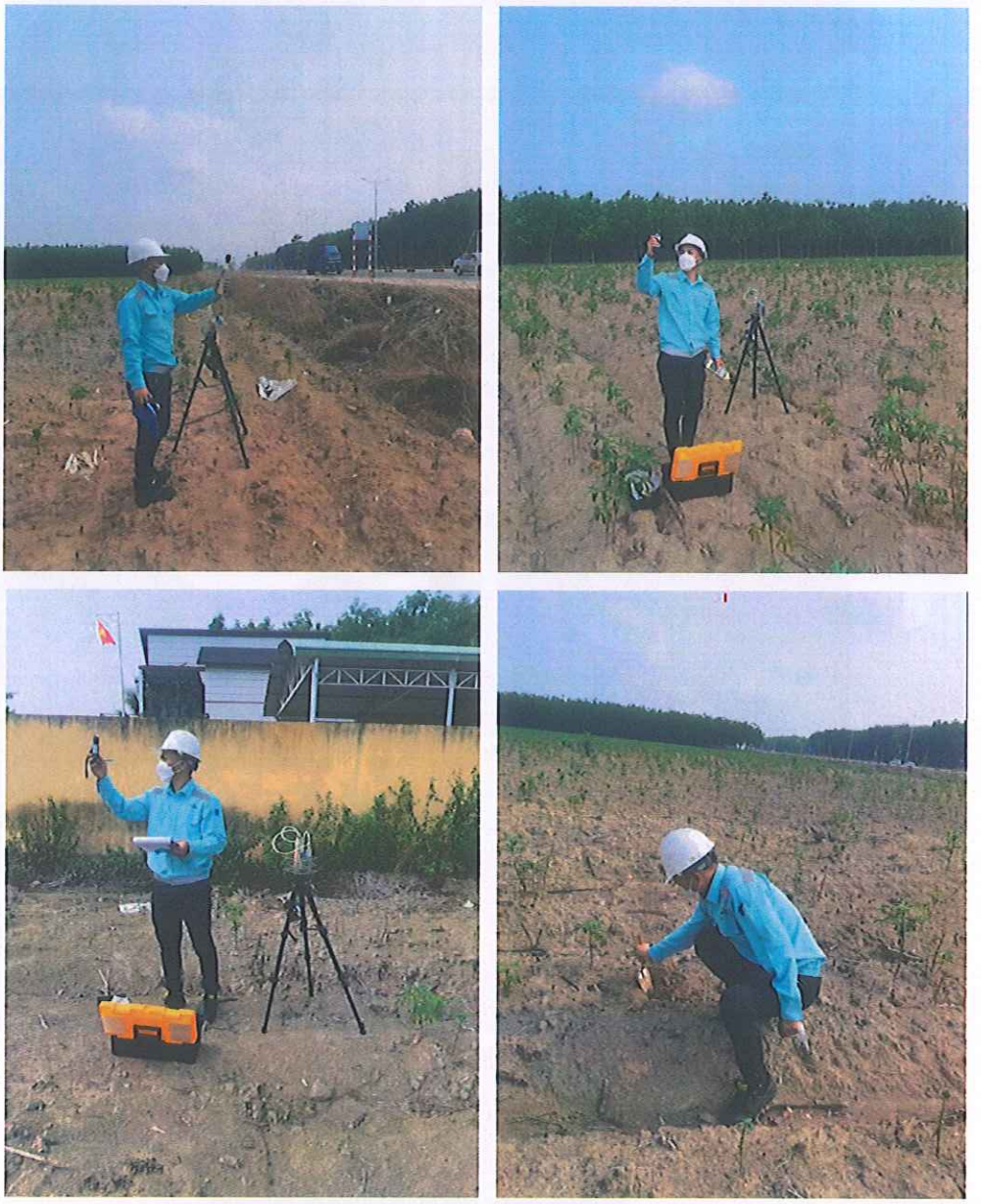

Hình 3. 1 Lấy mẫu không khí xung quanh và đất khu vực trạm y tế Tân Thành

Hình 3. 2 Lấy mẫu không khí xung quanh và đất khu vực trạm y tế Hòa Lợi

CHƯƠNG IV

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Trong giai đoạn thi công xây dựng, các nguồn gây tác động đến môi trường được tóm tắt qua bảng sau:

Bảng 4. 1 Các nguồn gây tác động đến môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm chính	Đối tượng bị tác động	Phạm vi và mức độ tác động
Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải			
Ô nhiễm không khí:			
- Từ các phương tiện vận chuyển đất san lấp, VLXD; thiết bị thi công - Hoạt động thi công móng, đào đắp đất. - Hoạt động của các máy móc, thiết bị thi công - Từ quá trình bốc dỡ và tập kết VLXD	SO_2, NO_2, CO, bụi....	Môi trường không khí tại dự án Công nhân thi công trên công trường Người dân sống và tham gia giao thông dọc tuyến đường vận chuyển (đường ĐT 746, ĐT 741)	Trong khu đất dự án và khu vực xung quanh Mức độ: tác động lớn đến công nhân trực tiếp thi công, trong suốt thời gian thi công
Ô nhiễm nước:			
Từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng	Nước thải sinh hoạt (BOD, COD, TSS, Amoni, Coliform…)	Hệ thống thoát nước chung tại khu vực Nước ngầm Môi trường đất	Ảnh hưởng trực tiếp đến hệ thống thoát nước tại khu vực Nước ngầm, đất tại khu vực dự án Mức độ tác động: trung bình, trong suốt thời gian thi công
Từ xịt rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường	TSS, Dầu mỡ		
Nước mưa chảy tràn trong khu vực	Nước mưa cuốn theo các chất bẩn, dầu mỡ từ thiết bị thi công		
Ô nhiễm do chất thải rắn:			
Từ quá trình sinh hoạt của công nhân	CTR sinh hoạt (bao bì, thực phẩm, giấy vụn, chai lọ…)	Môi trường đất Nước ngầm	Toàn bộ đất đai, nước ngầm tại khu vực dự án

Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm chính	Đối tượng bị tác động	Phạm vi và mức độ tác động
Từ quá trình thi công xây dựng	Chất thải xây dựng (đất đá, xi măng, sắt thép vụn….)		Mức độ tác động: trung bình, trong suốt thời gian thi công
	Chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu, sơn,...)		
Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			
Hoạt động của các phương tiện vận chuyển Hoạt động của các thiết bị thi công, quá trình thi công có gia nhiệt: hàn, cắt,… Sự tập trung của công nhân xây dựng	Tiếng ồn, rung Nhiệt thừa An ninh trật tự xã hội Tai nạn lao động Tai nạn giao thông	Công nhân trực tiếp thi công Người dân sinh sống và tham gia dọc theo đường vận chuyển Các tuyến đường vận chuyển (đường ĐT 746, ĐT 741)	Ảnh hưởng đến vấn đề an toàn giao thông trên tuyến đường vận chuyển Ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực dự án. Mức độ tác động: trung bình, trong suốt thời gian thi công

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực trong giai đoạn xây dựng dự án, chủ đầu tư thực hiện các biện pháp sau:

- Yêu cầu nhà thầu xây dựng dự án cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường được mô tả trong các mục dưới đây.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các yêu cầu đó theo quy định hiện hành của pháp luật.

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt

- Nhà thầu thi công sẽ trang bị nhà vệ sinh di động cho công nhân sử dụng trong quá trình xây dựng dự án.

  - Tại công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành: như đã tính toán tại *mục 1.4.2.2 Nguồn cung cấp nước của dự án*, lượng nước thải phát sinh 5,25m^3/ngày (bằng 100% nước cấp). Với số lượng công nhân tập trung tối đa khoảng 70 người, trang bị 4 nhà vệ sinh di động.
  - Tại công trường xây dựng trạm y tế Hòa Lợi: như đã tính toán tại *mục 1.4.2.2 Nguồn cung cấp nước của dự án*, lượng nước thải phát sinh 3,75m^3/ngày (bằng 100% nước cấp). Với số lượng công nhân tập trung tối đa khoảng 50 người, nhà thầu sẽ trang bị 3 nhà vệ sinh di động.

- Thông kỹ thuật của nhà vệ sinh dự kiến sử dụng như sau:

  + Kích thước phủ bì: 1120 x 1770 x 2600 (mm)
  + Kích thước lọt lòng (mỗi phòng): 1060 x 850 x 1980 (mm)
  + Dung tích bồn nước sạch: 600 lít

+ Dung tích hầm phân tự hoại: 800 lít

+ Trọng lượng tịnh: 320 kg.

- Định kỳ nước thải được hợp đồng chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định.

Nước mưa chảy tràn

- Quản lý tốt nguyên vật liệu xây dựng, chất thải phát sinh tại công trường xây dựng, nhằm hạn chế tình trạng rơi vãi xuống đường thoát nước gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

- Trước khi tiến hành xây dựng, nhà thầu thi công sẽ đào mương thoát nước bao quanh khu vực thi công, hướng thoát theo độ dốc của khu vực ra nguồn tiếp nhận. Đồng thời bố trí các hố ga tạm thời và song chắn rác trên trục thoát nước.

- Tại khu đất xây mới trạm y tế Tân Thành: nước mưa chảy tràn được dẫn theo mương, cống thoát nước tạm và dẫn vào hệ thống thoát nước chung của khu vực trên đường ĐT 746.
- Tại khu đất xây mới trạm y tế Hòa Lợi: nước mưa chảy tràn được dẫn theo mương thoát nước tạm, dẫn vào mương thoát nước hiện hữu của trạm và thấm tự nhiên vào đất do tại khu vực chưa có hệ thống thoát nước. Hiện trạng trên đường ĐT 741 đoạn qua khu vực trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát chưa có hệ thống thoát nước chung.

- Bên cạnh đó, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

+ Quy định chỗ tập kết vật liệu không chắn đường ống thoát nước.

+ Cử cán bộ theo dõi tình trạng thoát nước khi trời mưa và khơi thông đường thoát nước, nạo vét các hố ga nếu xảy ra tình trạng tắt nghẽn đường thoát nước.

+ Tập trung thi công nhanh vào những ngày nắng để giảm phạm vi ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn.

Nước vệ sinh xịt rửa bánh xe

Tại khu đất xây mới trạm y tế Tân Thành:

- Nước thải từ xịt rửa bánh xe các xe chở nguyên vật liệu xây dựng trước khi ra khỏi công trường, thành phần chính trong nước thải bao gồm đất cát dính vào bánh xe và một lượng nhỏ dầu.

- Mỗi lần xe ra khỏi công trường sẽ được công nhân xịt rửa bánh tại gần khu vực cổng ra vào giáp đường ĐT 746. Tại đây các bánh xe được làm sạch bùn cát và các chất bẩn khi ra khỏi công trường (tránh làm bẩn đường giao thông, phát tán bụi vào môi trường...). Để hạn chế ảnh hưởng do nước thải này gây nên, nước thải này được dẫn vào bể lắng.

- Bố trí 01 bể lắng tại khu vực cổng ra vào, bể có kích thước Dài x Rộng x Cao = 1,5m x 1,0m x 0,8m. Nước thải sau lắng được sử dụng tưới sân bãi công trường.

Tại khu đất xây mới trạm y tế Hòa Lợi: không phát sinh, do xe vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng được tập kết tại lối hành lang của trạm y tế hiện hữu.

4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng và chất thải nguy hại

Tại mỗi công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

Chất thải rắn sinh hoạt:

Lượng rác sinh hoạt phát sinh từ công nhân xây dựng được quản lý bằng các biện pháp như sau:

- Lập nội quy công trường yêu cầu công nhân không xả rác bừa bãi.

- Tất cả rác sinh hoạt sẽ được thu gom và tập trung vào các thùng chứa bố trí tại mỗi khu vực thi công, yêu cầu công nhân xây dựng chấp hành đúng nội quy trong việc giữ gìn vệ sinh.

- Hướng dẫn công nhân phân loại: CTR hữu cơ thùng màu xanh (thức ăn thừa,...); CTR còn lại thùng màu xám (giấy, nhựa, nilon, thủy tinh,...).

+ Tại công trường trạm y tế Tân Thành: rác sinh hoạt phát sinh khoảng 35kg/ngày, sẽ được thu gom và tập trung vào 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 120 lit.

+ Tại công trường trạm y tế Hòa Lợi: rác sinh hoạt phát sinh khoảng 25kg/ngày, sẽ được thu gom và tập trung vào 02 thùng chứa có nắp đậy dung tích 80 lit.

- Tại công trường bố trí vị trí tập kết rác thải sinh hoạt, nhà thầu sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

Chất thải xây dựng:

Tại mỗi công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

- Chất thải chủ yếu trong giai đoạn này là các loại nguyên vật liệu xây dựng phế thải rơi vãi trong quá trình xây dựng, coffa hư hỏng, sắt thép vụn, xà bần... sẽ được tập trung tại khu vực lưu chứa chất thải xây dựng tạm thời trên công trường, tránh tình trạng bị cuốn theo nước mưa gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Trong trường hợp lượng CTR thi công quá nhiều, nhà thầu thi công sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý ngay trong ngày.

- Đối với rác thải, bùn thải từ nhà vệ sinh di động phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ chỉ đạo nhà thầu thi công thực hiện các biện pháp sau:

- Hạn chế sửa chữa xe, máy móc tại công trường (chỉ sửa chữa trong trường hợp sự cố). Thu gom toàn bộ lượng dầu thải và giẻ lau vào các thùng chứa riêng biệt đặt tại kho chứa tạm thời trên công trường.

- Đối với chất thải nguy hại từ công trường bao gồm các loại dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu nhớt, thùng chứa sơn, giấy nhám, đầu que hàn,... Trang bị các thùng chứa dung tích

25-80lit, có dán nhãn tương ứng với mỗi loại chất thải nguy hại đặt trong kho chứa chất thải nguy hại tạm (10m^2) tại mỗi công trường (trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi).

- Kho chứa tạm CTNH có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt, mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ CTNH.

- Nhà thầu thi công định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Trong quá trình xây dựng, chủ đầu tư sẽ thường xuyên giám sát nhà thầu xây dựng, đảm bảo quản lý tốt lượng chất thải phát sinh, không vứt rác, xà bần bừa bãi ra bên ngoài khu vực đang thi công.

4.1.3. Về công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

Tại mỗi công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

Đối với quá trình đào đắp đất, san lấp mặt bằng

- Lựa chọn nhà thầu thi công có kinh nghiệm, áp dụng các biện pháp thi công tiên tiến, máy móc thiết bị mới, hiện đại. Cơ giới hóa quá trình thi công, sử dụng máy đào đối với các hạng mục ngầm.
- Bố trí các biển báo, đèn hiệu tại công trường đang thi công.
- Tại khu đất xây mới trạm y tế Tân Thành: lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực san lấp giúp giảm thiểu lượng bụi phát tán ra bên ngoài và ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh như Văn phòng khu phố 4 thị trấn Tân Thành.
- Tại khu đất xây mới trạm y tế Hòa Lợi: lắp đặt hàng rào xung quanh khu vực san lấp giúp giảm thiểu lượng bụi phát tán ra bên ngoài và ảnh hưởng đến các đối tượng xung quanh như khối công trình y tế hiện hữu, UBND phường Hòa Lợi.
- Trang bị đồ bảo hộ cho công nhân (khẩu trang, mũ, quần áo bảo hộ).
- Tiến hành san ủi ngay sau khi đổ xuống để giảm sự khuyếch tán đất san lấp do tác dụng của gió. Phun nước trong thời gian thi công nếu trời quá nắng nóng để giảm bụi.
- Thường xuyên cho vệ sinh xung quanh khu vực thi công và các khu vực rơi vãi chất thải.
- Lập kế hoạch san lấp và bố trí nhân lực hợp lý, tránh các xe vận chuyển vật liệu san lấp tập trung cùng một lúc tại công trường. Đảm bảo thi công san lấp đúng theo quy hoạch.
- Xe chuyên chở phải được phủ kín bằng bạt bên trong khoang xe và phủ trên bề mặt vật liệu để tránh tình trạng nước rò rỉ (nếu có) và đất rơi vãi trên đường vận chuyển. Nếu xảy ra sự cố, đơn vị vận chuyển cần phải thu dọn ngay tránh gây ảnh hưởng đến người tham gia lưu thông trên đường.
- Không chở vượt quá trọng tải và chạy đúng tốc độ quy định. Tổ chức thời gian vận chuyển tránh hoạt động vào các giờ cao điểm đi lại của người dân.

Đối với quá trình xây dựng

- Lập phương án thi công cụ thể cho từng hạng mục công trình, từ đó có những giải pháp cho việc bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Đề ra nội quy và yêu cầu toàn thể công nhân thực hiện nghiêm túc là những ai không có trách nhiệm thì không được đi vào phạm vi khu vực thi công.

- Bố trí các biển báo hiệu tại công trường đang thi công.

- Tại cổng ra vào của mỗi trạm sẽ có 01 bảo vệ điều phối hoạt động của các xe vận chuyển, và tuyệt đối không chuyên chở vào các giờ cao điểm. Tại trạm y tế Hòa Lợi sẽ bố trí thêm 01 cổng phụ và lối đi riêng phục vụ cho thi công để tránh ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của trạm hiện hữu.

- Xây hàng rào (bằng tôn, panel) chắn cách ly xung quanh công trường xây dựng với khu vực thi công công trình mới trạm y tế Hòa Lợi, ngăn cách với khối công trình hiện hữu để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của trạm và hoạt động của UBND phường Hòa Lợi (cán bộ nhân viên tại Ủy ban và người dân đến làm việc).

- Xây hàng rào (bằng tôn, panel) chắn cách ly xung quanh công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành, ngăn cách với Văn phòng khu phố 4 thị trấn Tân Thành để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến cán bộ nhân viên làm việc tại Văn phòng và người dân tại khu vực.

- Cách lý với các khu vực có nguy cơ cháy nổ như khu tập kết nhiên liệu phục vụ máy móc thi công (khu chứa dầu DO); các khu phát sinh bụi, tiếng ồn (khu tập kết vật liệu xây dựng, thiết bị thi công, khu đậu các xe vận chuyển vật liệu xây dựng).

- Xà bần được hợp đồng xử lý ngay trong ngày, không để ứ đọng nhiều, choáng chỗ thi công.

- Áp dụng biện pháp phun tưới nước tại sân bãi để giảm lượng bụi phát sinh do các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

- Tuyên truyền, bắt buộc công nhân thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động để tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra.

- Hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm: việc vận chuyển sẽ được sắp xếp vào buổi sáng (từ 8h đến 11h00), buổi chiều (từ 13h30 đến 16h30) để tránh giờ tan ca, giờ cao điểm giao thông trên các tuyến đường vận chuyển.

- Tất cả các thiết bị thi công đưa vào sử dụng tại công trường đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Để hạn chế bụi tại công trường xây dựng, nhà thầu có kế hoạch thi công và cung cấp vật liệu thích hợp và hạn chế tập kết vào cùng một thời điểm.

- Không chuyên chở vượt quá trọng tải quy định, hạn chế vận chuyển vào ban đêm và vào các giờ cao điểm buổi sáng. Các xe vận chuyển vật liệu được phủ kín khi vận chuyển.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho toàn bộ công nhân xây dựng như khẩu trang lọc bụi, mắt kính, mũ bảo hộ,...

Giảm thiểu bụi khuếch tán từ quá trình bốc dỡ, tập kết nguyên vật liệu xây dựng

- Duy trì vệ sinh tốt tại khu vực tập kết vật liệu xây dựng. Thu dọn vệ sinh tại khu vực thi công khi kết thúc một ngày làm việc.

- Luôn phủ kín các khu vực tập kết nguyên liệu như (cát, đá,...). Khu chứa vật liệu xây dựng được che chắn bằng tường tạm (bằng gỗ ván hoặc tôn).

- Khu vực lưu trữ xi măng: lưu trữ trong kho tạm có mái che tránh mưa, gió cuốn.

- Hoạt động bốc dỡ, tập kết phải thực hiện đúng thao tác và được sắp xếp gọn gàng tránh rơi vãi ra bên ngoài.

- Phun xịt nước tại khu vực tập kết nguyên vật liệu nhằm giảm thiểu lượng bụi phát sinh tại khu vực này. Tùy theo từng thời điểm thi công nhà thầu sẽ có kế hoạch xịt nước phù hợp và cần được đề cập trong phương án thi công của nhà thầu

- Trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay,...) cho công nhân tham gia bốc dỡ nguyên vật liệu.

Giảm thiểu tác động bụi từ hoạt động chà nhám

- Lựa chọn sử dụng các loại máy chà nhám tường chuyên dụng, có trang bị túi hút bụi thông minh, hút mọi bụi bẩn sản sinh từ việc mài chà, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cho công nhân.

- Chọn loại giấy nhám phù hợp khi sử dụng máy chà tường để mài nhẵn hoặc chà nhẵn tường, hạn chế lượng bụi phát sinh.

- Việc sử dụng máy chà nhám tường cần quan tâm đến vấn đề bụi bẩn gây ô nhiễm môi trường và sức khỏe của công nhân. Do đó việc bảo hộ lao động trong trường hợp này là rất cần thiết và không thể thiếu như khẩu trang, kính chống bụi...

- Chú ý đến hướng gió chính trong quá trình chà nhám để bố trí thời gian, khu vực chà nhám phù hợp nhằm giảm thiểu bụi ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân và xung quanh công trình.

Giảm thiểu tác động từ hoạt động sơn

- Sử dụng các loại sơn nước không có thành phần chì và thủy ngân, có nguồn gốc rõ ràng, nhằm giảm thiểu tác hại do các chất nguy hiểm dễ bay hơi (VOCs) có trong sơn.

- Chú ý đến hướng gió chính trong quá trình sơn để bố trí thời gian, khu vực sơn phù hợp nhằm giảm thiểu các ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân và các đối tượng xung quanh công trình.

- Trang bị BHLĐ cho công nhân trực tiếp tham gia sơn tại công trình: găng tay, khẩu trang, kính mắt,...

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung được áp dụng như sau:

- Để hạn chế đến mức thấp nhất ảnh hưởng của tiếng ồn, rung tại công trường, nhà thầu xây dựng sẽ có kế hoạch thi công hợp lý, xe vận chuyển vật tư, thiết bị thi công hoạt động vào thời gian thích hợp và khoảng cách hợp lý, không hoạt động tập trung. Hạn chế các nguồn gây tiếng ồn vào ban đêm.

- Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp hạn chế tối đa ảnh hưởng đến khu vực xung quanh. Tổ chức lao động hợp lý, nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với rung động khoảng từ 20÷30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4 giờ.

- Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, bảo dưỡng theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Các đơn vị thi công sẽ sử dụng các phương pháp thi công hiện đại có độ ồn nhỏ để thi công nền móng.

- Nhà thầu bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào, máy ủi,... không hoạt động trong khoảng thời gian sau 21h, giờ ăn và nghỉ trưa.

- Các máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn trong quá trình thi công sẽ được tắt máy hoàn toàn trong quá trình nghỉ vận hành.

4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

✍ Giảm thiểu tác động đến an ninh trật tự xã hội

Để hạn chế các tác động đến an ninh trật tự xã hội áp dụng các biện pháp sau:

- Tăng cường sử dụng nhân lực của địa phương không bố trí lán trại công nhân tại công trường.

- Bảo đảm đầy đủ các công trình vệ sinh cho công nhân xây dựng như bố trí các nhà vệ sinh di động cũng như CTR sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý theo quy định.

- Xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng và tổ chức quản lý công nhân.

- Khai thông cống rãnh, các vũng nước tù đọng, diệt trừ bọ gậy và muỗi để phòng bệnh sốt rét, sốt xuất huyết.

- Để đảm bảo tình hình an ninh, trật tự do sự tập trung đông lực lượng công nhân xây dựng, nhà thầu thi công phối hợp với UBND và công an phường tại địa phương (thị trấn Tân Thành, phường Hòa Lợi) để lập đội quản lý trật tự, có nội quy đối với công trường. Nhà thầu thi công cam kết đảm bảo trật tự, an ninh khu vực trong quá trình thi công dự án và sẽ được đề cập trong nộp dung hợp đồng thi công.

✍ Giảm thiểu tác động đến giao thông

Để hạn chế đến mức thấp nhất các ảnh hưởng từ hoạt động của dự án đến giao thông, chủ đầu tư kết hợp với đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Điều phối các xe chở VLXD trong giai đoạn xây dựng tránh tập trung một lượng lớn các xe trên đường cùng một thời điểm. Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, không chồng chéo để nhiều xe chờ đợi nhau gây cản trở bên ngoài công trình.

- Tại cổng ra vào của mỗi trạm sẽ có 01 bảo vệ điều phối hoạt động của các xe vận chuyển, và tuyệt đối không chuyên chở vào các giờ cao điểm. Tại trạm y tế Hòa Lợi sẽ bố trí thêm 01 cổng phụ và lối đi riêng phục vụ cho thi công để tránh ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của trạm hiện hữu.

- Vật liệu chuyển đến công trường được tập kết đúng nơi quy định.

- Lắp đặt các biển báo ở khu vực thi công, cấm các loại xe vào khu vực ngoại trừ xe phục vụ cho công tác thi công.

- Hướng vận chuyển VLXD cũng như thiết bị máy móc từ nhà cung cấp đến công trường được lên kế hoạch hợp lý, thuận tiện trên đường ĐT 746, ĐT 741.

- Khi chuyên chở VLXD, xe không chở quá 90% thể tích của thùng và phải được phủ kín, tránh tình trạng rơi vãi xi-măng, gạch, cát trên tuyến đường gây ô nhiễm môi trường.

- Các phương tiện sử dụng trong vận chuyển và thi công xây dựng đạt tiêu chuẩn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

- Cam kết trong quá trình vận chuyển đảm bảo an toàn giao thông cho người dân khu vực xung quanh cũng như lực lượng thi công. Cam kết khắc phục, sửa chữa các hư hỏng mặt đường tuyến đường xung quanh dự án nếu nguyên nhân gây ra các hư hỏng là do việc thi công dự án.

- Tuân thủ đúng luật giao thông vận tải, tuân thủ đúng thời gian cho phép lưu thông đối với xe tải vận chuyển nguyên vật liệu.

Giảm thiểu tác động đến các công trình xung quanh

- Bố trí thời gian vận chuyển của các phương tiện ra vào công trường phù hợp, theo ca, không chồng chéo để nhiều xe chờ đợi nhau gây cản trở bên ngoài công trình.

- Các xe vận chuyển ra khỏi công trình phải được che chắn cẩn thận, tránh để nguyên vật liệu, đất cát rơi vãi xuống đường làm cản trở giao thông, tăng lượng bụi tại các tuyến đường này.

- Thành lập đội bảo vệ công trường điều phối các phương tiện tránh tình trạng ùn tắc ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động của các công trình xung quanh.

- Vệ sinh xung quanh khu vực công trường tránh để nguyên vật liệu rơi vãi ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan khu vực.

- Xây hàng rào (bằng tôn, panel) chắn cách ly xung quanh công trường xây dựng với khu vực thi công công trình mới trạm y tế Hòa Lợi, ngăn cách với khối công trình hiện hữu để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến hoạt động khám chữa bệnh của trạm và hoạt động của UBND phường Hòa Lợi (cán bộ nhân viên tại Ủy ban và người dân đến làm việc).

- Xây hàng rào (bằng tôn, panel) chắn cách ly xung quanh công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành, ngăn cách với Văn phòng khu phố 4 thị trấn Tân Thành để hạn chế tối đa ảnh hưởng đến cán bộ nhân viên làm việc tại Văn phòng và người dân tại khu vực.

- Đồng thời, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải và chất thải rắn như đã trình bày ở trên.

Các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

Tại mỗi công trường xây dựng trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

An toàn lao động

Chủ đầu tư phối hợp với nhà thầu xây dựng thực hiện các biện pháp sau nhằm đảm bảo an toàn cho công nhân viên làm việc trên công trường:

- Tập huấn ATLĐ cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu thi công xây dựng dự án.

- Tuân thủ các quy định về ATLĐ khi tổ chức thi công xây dựng, vấn đề bố trí máy móc thiết bị, biện pháp phòng ngừa tai nạn điện…

- Tuân thủ nghiêm ngặt về an toàn giao thông đường bộ trong suốt quá trình tham gia lưu thông.

- Bố trí hợp lý đường vận chuyển và đi lại.

- Vào ban đêm, công trường xây dựng được trang bị đèn chiếu sáng.

- Các máy móc, thiết bị xây dựng phải có lý lịch kèm theo và phải được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật.

- Công nhân trực tiếp xây dựng, vận hành máy thi công phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố và luôn luôn có mặt tại vị trí của mình, thao tác và kiểm tra, vận hành đúng kỹ thuật.

- Trang bị các phương tiện BHLĐ cho công nhân xây dựng theo quy định hiện hành của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất y tế. Các dụng cụ và thiết bị cũng như những địa chỉ cần thiết liên hệ khi xảy ra sự cố cần được chỉ thị rõ ràng: Vòi nước xả rửa khi có sự cố, tủ thuốc, bình cung cấp oxy; địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: trạm y tế, cứu hỏa…

- Áp dụng công tác tuyên truyền, quản lý công nhân chặt chẽ. Cấm các tệ nạn xã hội trong khu vực thi công.

Phòng chống cháy nổ

Chủ đầu tư dự án phối hợp với nhà thầu xây dựng thực hiện các biện pháp sau nhằm phòng chống cháy nổ trên công trường:

- Tập huấn phòng chống cháy nổ cho công nhân xây dựng trước khi bắt đầu xây dựng dự án.

- Tuân thủ các quy định về thứ tự bố trí các kho, bãi, nguyên vật liệu (đặc biệt không chứa nhiên liệu gần khu vực gia nhiệt hoặc có nhiều người qua lại), vấn đề chống sét…

- Các máy móc, thiết bị xây dựng sẽ được quản lý thông qua hồ sơ lý lịch, được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước.

- Các thiết bị điện phải được kê, treo cao khỏi mặt đất để tránh chạm điện.

- Trang bị các phương tiện chữa cháy tại kho (bình bọt, bình CO2, cát…). Đồng thời thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt.

Biện pháp giảm thiểu hỏng hóc thiết bị, tai nạn giao thông

Để ngăn ngừa sự cố trên xảy ra, chủ đầu tư và nhà thầu xây dựng sẽ áp dụng một số biện pháp sau:

- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ máy móc thiết bị thi công trên công trường.

- Yêu cầu đơn vị thi công vận hành máy móc, thiết bị thi công đúng công suất đáp ứng được công trình xây dựng.

- Điều phối lượng xe ra vào khu vực công trường tránh tình trạng tập trung quá nhiều xe cùng 1 lúc.

- Giảm tốc độ khi lưu thông ra vào công trường.

- Lắp đặt các biển báo tại những khu vực xe ra vào thường xuyên.

Giảm thiểu sụt lún trong quá trình xây dựng

- Đảm bảo các nguyên tắc cơ bản trước khi chuẩn bị thi công, tiến hành khảo sát địa chất kỹ thuật, địa chất thủy văn tại khu vực dự án theo quy định.

- Chọn công nghệ thi công ít gây chấn động để hạn chế ảnh hưởng đến công trình lân cận.

- Thiết kế biện pháp thi công phù hợp với nền đất địa chất tại công trình nhằm tạo điều kiện thi công an toàn.

- Có quan trắc trước khi bắt đầu thi công và trong quá trình thi công: độ sụt lún, độ nghiêng, nứt của công trình lân cận, theo dõi chuyển vị ngang của đất nền,...

Phòng chống sự cố môi trường

- Đối với nhà vệ sinh di động: thường xuyên theo dõi hoạt động của nhà vệ sinh di động, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như: thùng chứa phân, nước tiểu đầy, gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh…

- Đối với khu vực chứa chất thải:

+ Khu chứa chất thải xây dựng tạm có mái che, gờ bao quanh tránh nước mưa cuốn theo các chất thải (CTR, dầu nhớt thải...) gây tắc nghẽn dòng chảy và gây ô nhiễm môi trường.

+ Khu vực chứa chất thải nguy hại được phân chia thành nhiều ô khác nhau. Các ô này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ CTNH, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong khu vực chứa. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ BHLĐ, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

Trong quá trình hoạt động, tại Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi chỉ thực hiện khám, chữa bệnh thông thường, sơ cứu, cấp cứu đơn giản, tiêm vắc xin; không thực hiện điều trị, phẫu thuật, không chụp X-quang, không siêu âm. Do đó, các nguồn gây tác động đến môi trường của dự án có thể tóm tắt qua bảng sau:

Bảng 4. 2 Nguồn gây tác động đến môi trường trong giai đoạn hoạt động của dự án

Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm	Đối tượng bị tác động	Phạm vi và mức độ tác động
Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải			
Ô nhiễm không khí			
Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào trạm y tế Hoạt động nấu ăn Máy phát điện dự phòng	SO_x, NO_x, CO, bụi…	Môi trường không khí tại khu vực dự án	Trong khu vực trạm y tế: tác động trực tiếp đến nhân viên y tế, bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh Khu vực xung quanh do ảnh hưởng của gió và quá trình lan truyền. Mức độ: trung bình, gián đoạn Thời gian: trong suốt quá trình hoạt động
Từ vị trí tập kết chất thải rắn, hệ thống xử lý nước thải	NH_3, H_2S, CH_4, mercaptan, …		
Hoạt động khám chữa bệnh, quá trình giặt tẩy	Dung môi hữu cơ (etylen, ether, xeton, alcohol, phenol,…) Chlorine, hơi acid HCl		
Ô nhiễm nước:			
Từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên y tế, bệnh nhân, người đến khám chữa bệnh; hoạt động khám chữa bệnh, nước rửa sàn, lavabo, phòng giặt, nấu ăn,...	Các chất cặn bã, BOD, COD, TSS, N,P, vi khuẩn, mầm bệnh,..	Hệ thống thoát nước tại khu vực (cống thoát nước chung đường ĐT 746) Môi trường đất, nước ngầm tại khu vực dự án	Mức độ: trung bình do dự án đầu tư hệ thống xử lý nước thải, đạt quy định trước khi thải vào môi trường Thời gian: trong suốt quá trình hoạt động
Nước mưa chảy tràn	TSS, cặn lăng, tạp chất		
Ô nhiễm do chất thải rắn:			
Từ quá trình hoạt động của trạm y tế	*Chất thải rắn thông thường:* chất thải sinh hoạt (thực phẩm, giấy vụn, túi	Môi trường đất Môi trường nước	Toàn bộ đất đai, nước ngầm tại khu vực dự án

Nguồn gây tác động	Các chất ô nhiễm	Đối tượng bị tác động	Phạm vi và mức độ tác động
	nilon, vỏ lon giải khát,...), chai lọ thủy tinh, bao bì đựng thuốc, hóa chất không có thành phần nguy hại,... *Chất thải y tế nguy hại:* - Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim châm cứu,… - Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bông, băng, gạc, găng tay dính máu,... - Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: chất thải dính mẫu bệnh phẩm - CTNH khác: bóng đèn, pin, giẻ lau dính dầu, hóa chất		Mức độ: thấp do trạm y tế áp dụng các biện pháp giảm thiểu chất thải phát sinh. Thời gian: trong suốt quá trình hoạt động
Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			
Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào trạm y tế Sự tập trung số lượng người tại trạm y tế	Tiếng ồn, rung An ninh trật tự xã hội Tai nạn giao thông	Người dân sinh sống khu vực xung quanh Các tuyến đường tại khu vực	Ảnh hưởng đến vấn đề an toàn giao thông trên tuyến đường ĐT 746, ĐT 741 Ảnh hưởng đến an ninh trật tự khu vực Mức độ: thấp do trạm y tế áp dụng các biện pháp giảm thiểu các tác động. Thời gian: trong suốt quá trình hoạt động

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

4.2.1.1. Nước thải y tế

Nguồn phát sinh:

Nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt và hoạt động khám chữa bệnh của trạm y tế bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ các nhà vệ sinh, phòng bếp... qua quá trình sinh hoạt của cán bộ nhân viên y tế, người bệnh lưu trú, thân nhân, người đến khám chữa bệnh và khách đến làm việc tại trạm.

+ Nước thải y tế: nước rửa sàn, từ lavabo của các phòng chức năng như phòng y dược học cổ truyền; sơ cấp cứu; tiêm - tiêm vắcxin; khu lấy mẫu xét nghiệm; phòng rửa, tiệt trùng súc rửa các dụng cụ y tế chai lọ, kho chứa chất thải, phòng giặt (áo quần nhân viên y tế, bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh),...

Lưu lượng nước thải:

Lưu lượng nước thải được tính bằng 100% lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh. Như đã tính toán tại mục *1.4.2.2 Nguồn cung cấp nước của dự án*, lượng nước cấp cho hoạt động khám, chữa bệnh tối đa của dự án là 8m³/ngày đêm.

Như vậy, tổng lưu lượng nước thải phát sinh của dự án: 8 m³/ngày, trong đó:

+ Trạm y tế thị trấn Tân Thành: 4 m³/ngày.

+ Trạm y tế phường Hòa Lợi: 4 m³/ngày.

Tính chất nước thải:

Nước thải phát sinh đối với loại hình trạm y tế cơ sở (tuyến xã) chủ yếu là loại nước thải sinh hoạt và một lượng nhỏ nước thải phát sinh trong quá trình làm thủ thuật y tế đơn giản. Các chỉ số ô nhiễm như BOD_5 , COD tương đối thấp, chủ yếu là NH_4^+ và một số vi sinh vật gây bệnh.

Tham khảo tài liệu "Wastewater Engineering" của TS. Geogre Tchobanoglous và kết quả phân tích nước thải y tế trước xử lý của Trung tâm y tế huyện Phú Giáo, nước thải có thành phần và nồng độ ô nhiễm như sau:

Bảng 4. 3 Tính chất nước thải y tế trước khi xử lý

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ ô nhiễm		QCVN 28:2010/BTNMT Cột A (k=1,2)
			(I)	*(II)*	
1	Nhiệt độ	t°C	30 ÷ 40	-	-
2	pH	-	6.5 ÷ 8.5	6,95	**6,5÷ 8,5**
3	BOD_5	mg/l	200 ÷ 400	185	**36**
4	COD	mg/l	350 ÷ 650	274	**60**
5	TSS	mg/l	120 ÷ 160	196	**60**
6	Amoni (NH_4^+)	mg/l	20 ÷ 30	35,6	**6**
7	Nitrat (NO_3^-)	mg/l	6 ÷ 8	0,854	**36**
8	Phosphat (PO_4^{3-})	mg/l	-	4,52	**7,2**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Nồng độ ô nhiễm		QCVN 28:2010/BTNMT Cột A (k=1,2)
			(I)	*(II)*	
9	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	-	3,21	**1,2**
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	-	12,5	**12**
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	-	KPH	**0,1**
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	-	KPH	**1,0**
13	Coliform	MPN/ 100ml	$10^8 \div 10^9$	$3,6 \times 10^5$	**5.000**
14	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	-	KPH	KPH
15	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	-	KPH	KPH
16	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	-	KPH	KPH

Ghi chú:

+ *(I)*: tài liệu "Wastewater Engineering", TS. Geogre Tchobanoglous.

+ *(II)*: kết quả phân tích nước thải y tế trước xử lý của Trung tâm y tế huyện Phú Giáo.

+ QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A (k=1,2): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt đối; k=1,2 đối với quy mô cơ sở khám chữa bệnh.

Qua bảng trên cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm nước thải y tế chưa qua xử lý hầu hết vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, Cột A (k=1,2) và có tính chất như sau:

+ Nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, thân nhân, người khám chữa bệnh, cán bộ nhân viên y tế: chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học (như carbohydrat, protêin, mỡ ...); hàm lượng chất dinh dưỡng cao (N, P), chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform, Fecal Streptococci, Salmonella typhosa và một số vi khuẩn gây bệnh khác.

+ Nước thải từ hoạt động giặt tẩy áo quần bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh, có thành phần chủ yếu: chất hoạt động bề mặt, chất tẩy trắng, tạo bọt, hàm lượng cặn, độ đục cao.

+ Nước thải từ rửa sàn, lavabo của các phòng chức năng, khu lấy mẫu xét nghiệm; phòng rửa, tiệt trùng súc rửa các dụng cụ y tế chai lọ, kho chứa chất thải: các phế phẩm thuốc, các chất khử trùng, dư lượng thuốc kháng sinh, các chất hóa học hỗn hợp,...

Tính chất của nước thải y tế chứa nhiều chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học; hàm lượng chất dinh dưỡng cao (N, P), chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, đặc biệt là Coliform, Fecal Streptococci, Salmonella typhosa. Nước thải chứa nhiều cặn lơ lửng và có mùi tanh khó chịu, trong nước thải có hóa chất, thuốc men, vi khuẩn, mầm bệnh và các phế thải khác sau khi phục vụ cho công tác khám, chữa bệnh. Điểm đặc thù của nước thải bệnh viện là sự lan truyền rất mạnh các vi rút vi khuẩn gây bệnh. Nước thải gây hại cho con người và động thực vật nếu thải ra môi trường mà không được xử lý triệt để. Nước thải loại này được xem là chất thải nguy hại nên phải được xử lý trước khi thải ra môi trường.

Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Hệ thống thu gom nước thải:

A/. Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

Hệ thống thu gom nước thải tại Trạm y tế thị trấn Tân Thành bao gồm:

- Nước thải từ các nhà vệ sinh của mỗi khu theo các ống đứng uPVC có đường kính Ø60, 90, 114 dẫn vào bể tự hoại để xử lý sơ bộ, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ nhà bếp theo ống đứng uPVC Ø60, nước thải từ phòng giặt (áo quần bệnh nhân, chăn mền, drap cho các giường bệnh) theo ống uPVC Ø90 dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Nước thải từ các nguồn khác như lavabo, rửa sàn,... của các khu vệ sinh và các phòng chức năng: phòng y dược học cổ truyền, sơ cấp cứu, tiêm - tiêm vắcxin, phòng rửa tiệt trùng, khu lấy mẫu xét nghiệm (gồm nước thải xét nghiệm và nước súc rửa vệ sinh dụng cụ xét nghiệm), kho chứa chất thải được dẫn vào hệ thống thu gom nước thải chung bằng các ống uPVC Ø60, Ø90, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

- Hệ thống thu gom nước thải của trạm gồm các ống HDPE có đường kính Ø90, Ø160, Ø200 được bố trí theo hướng thoát phù hợp (độ dốc 0,3%) dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm.

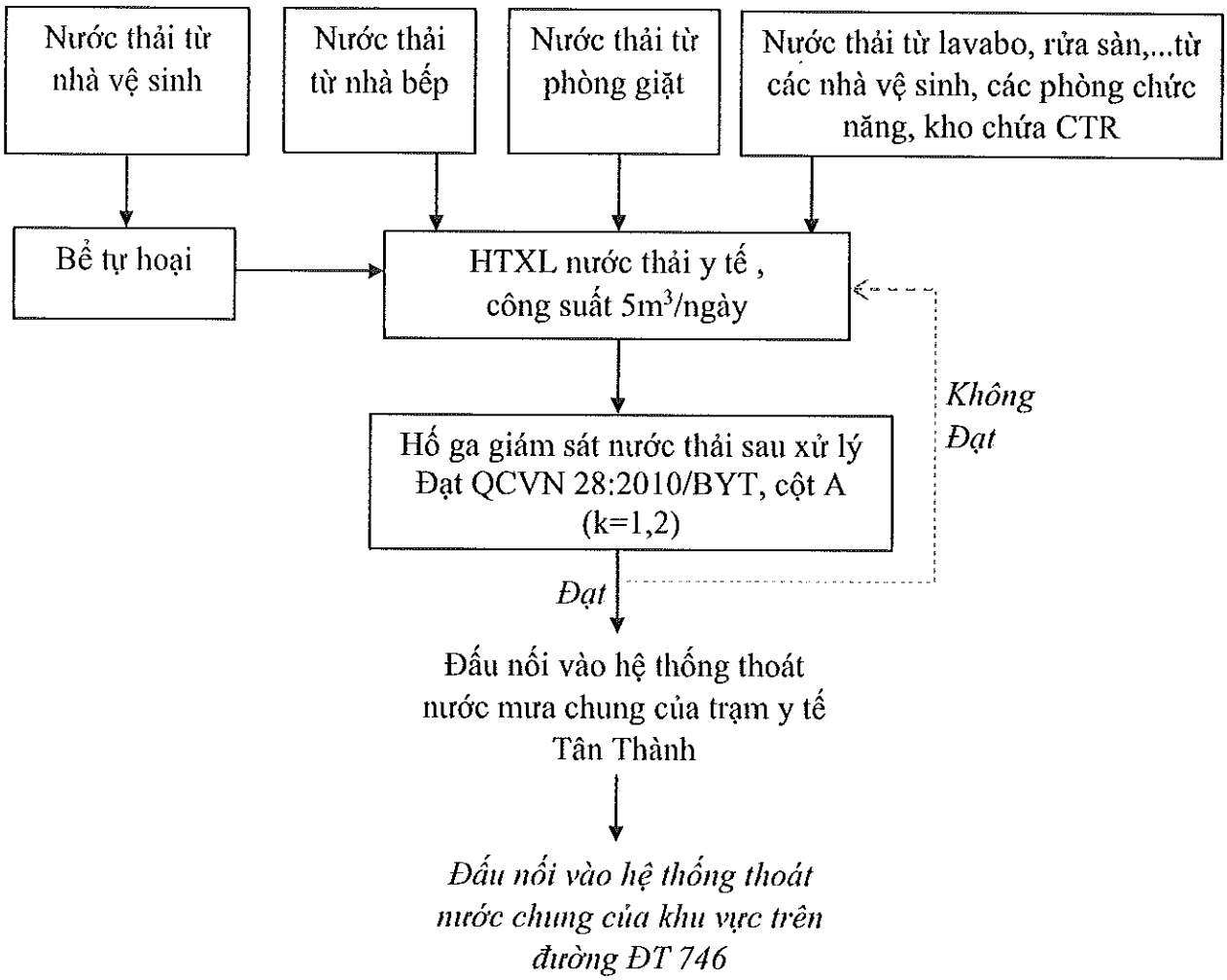

Hình 4. 1 Hệ thống thu gom nước thải của trạm y tế thị trấn Tân Thành

B/. Trạm y tế phường Hòa Lợi:

Sau khi công trình mới Trạm y tế Hòa Lợi hoàn thành, khối trạm y tế hiện hữu sẽ được Sở Y tế giao cho Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát quản lý (chuyển đổi công năng sử dụng) và có phương án xử lý nước thải cho công trình cũ nếu có.

Chủ đầu tư sẽ bàn giao công trình mới cho Trạm y tế phường Hòa Lợi quản lý và vận hành, thực hiện hoạt động khám chữa bệnh đúng với chức năng của trạm y tế. Vì vậy, báo cáo chỉ trình bày biện pháp xử lý nước thải cho hoạt động của công trình mới Trạm y tế phường Hòa Lợi.

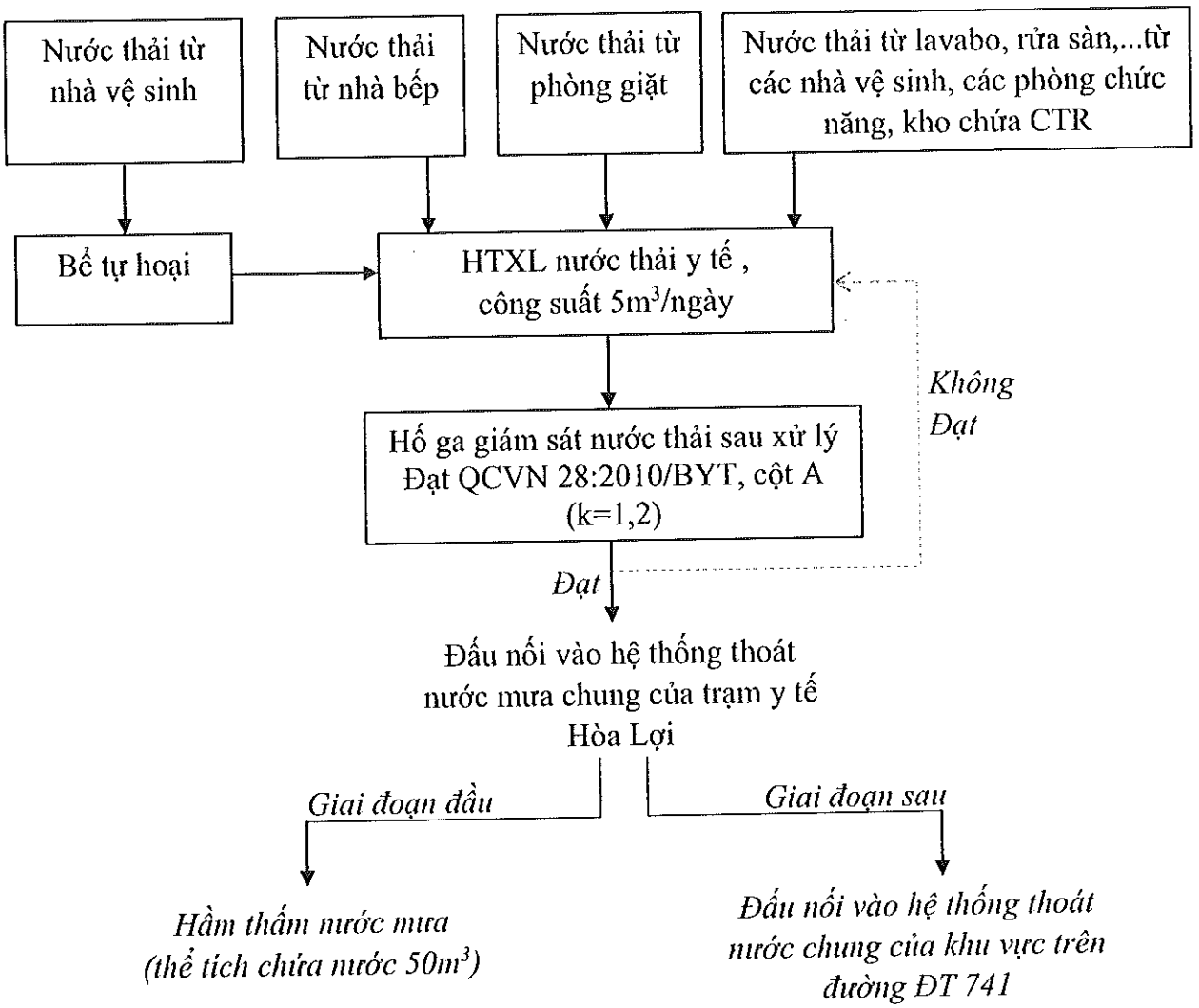

Hình 4. 2 Hệ thống thu gom nước thải của trạm y tế phường Hòa Lợi

- ***Hệ thống xử lý nước thải:***

Đối với Trạm y tế thị trấn Tân Thành:

- Toàn bộ nước thải phát sinh của trạm y tế Tân Thành được thu gom về hệ thống xử lý nước thải y tế có công suất 5m^3/ngày (bao gồm k=1,2).

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BYT, cột A (k=1,2) trước khi đấu nối vào hệ thống thoát nước chung (cống BTCT Ø1000) của khu vực trên đường ĐT 746 tại 01 điểm.

Đối với Trạm y tế phường Hòa Lợi:

- Toàn bộ nước thải phát sinh của trạm y tế Hòa Lợi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải y tế có công suất 5m^3/ngày (bao gồm k=1,2).

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BYT, cột A (k=1,2) được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của trạm, sau đó thoát ra hầm thấm (có thể tích chứa nước 50m^3), giai đoạn đầu cho tự thấm vào đất. Trong thời gian tới, khi hệ thống thoát nước tại khu vực trên đường ĐT 741 được đầu tư trạm y tế Hòa Lợi sẽ xin phép đấu nối vào vị trí

thích hợp. Chủ đầu tư và đơn vị thiết kế cũng đã tính toán đầu tư tuyến cống BTCT D400 (chiều dài 11,5m) hướng thoát từ hầm thấm ra đường ĐT 741 và bịt đầu chờ đấu nối.

Công nghệ xử lý nước thải của dự án:

Công nghệ xử lý nước thải của công trình mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi tương tự nhau, cụ thể như sau:

Bể tự hoại:

Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế. Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Cặn lắng giữ trong bể từ 3 - 6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy, một phần tạo thành các chất hòa tan. Nước thải lắng trong bể với thời gian dài bảo đảm hiệu suất lắng cao.

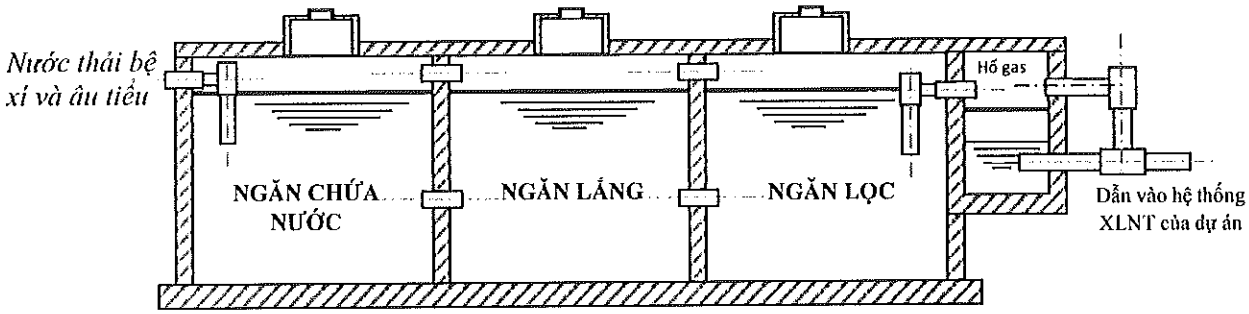

Hình 4. 3 Cấu tạo bể tự hoại

+ *Tính toán thiết kế bể tự hoại* gồm: xác định thể tích phần lắng nước và phần chứa bùn.

- *Thể tích phần nước: Wn = K x Q (*)*

K: hệ số lưu lượng, K = 1,1 – 1,3; chọn K=1,2

Q: lưu lượng nước thải, Q = 5 m^3/ngày.

→ *Wn = 6 m^3*

- *Thể tích phần bùn: Wb = a x N x t x (100 – P1) x 0,7 x 1,2 : [1000 (100 – P2)]*

Trong đó:

a : Tiêu chuẩn cặn lắng cho một người, a = 0,4 lít/ngày.đêm

N : tổng số người tối đa tại trạm y tế trong 1 ngày (nhân viên y tế, bệnh nhân lưu trú, thân nhân và người đến khám chữa bệnh), N=111 người.

t : Thời gian tích lũy cặn trong bể tự hoại, t = 180 – 360 ngày → chọn t=360 ngày

0,7 : Hệ số tính đến 30% cặn đã phân hủy;

1,2 : Hệ số tính đến 20% cặn được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn cho cặn tươi.

P1: Độ ẩm của cặn tươi, P1 = 95%;

P2: Độ ẩm trung bình của cặn trong bể tự hoại, P2 = 90%.

→ *Wb = 6,7 m^3*

Tổng thể tích bể tự hoại: ***W = Wn + Wb = 12,7 m^3***

Căn cứ vào số lượng nhà vệ sinh cần thiết, chủ đầu tư và đơn vị thiết kế bố trí 02 bể tự hoại với tổng dung tích 13,6m^3 đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng của trạm y tế.

Kích thước của 01 bể tự hoại: dài x rộng x cao: 2,7x1,8x1,4 (m) = 6,8m^3

Sau khi qua bể tự hoại, nồng độ các chất hữu cơ trong nước thải giảm khoảng 20-30%, riêng các chất lơ lửng hầu như được giữ lại hoàn toàn. Bùn trong bể tự hoại định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại, cùng với toàn bộ nước thải phát sinh từ các nguồn khác khác được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

Với tính chất nước thải của trạm y tế, dự án áp dụng Module thiết bị hợp khối, công nghệ xử lý AAO-SBR-MBR, là hệ thống xử lý nước thải khép kín hoạt động theo mẻ, giúp xử lý BOD, COD, N, P và các vi sinh vật gây hại có trong nước thải trạm y tế. Công nghệ xử lý được tóm tắt qua sơ đồ sau:

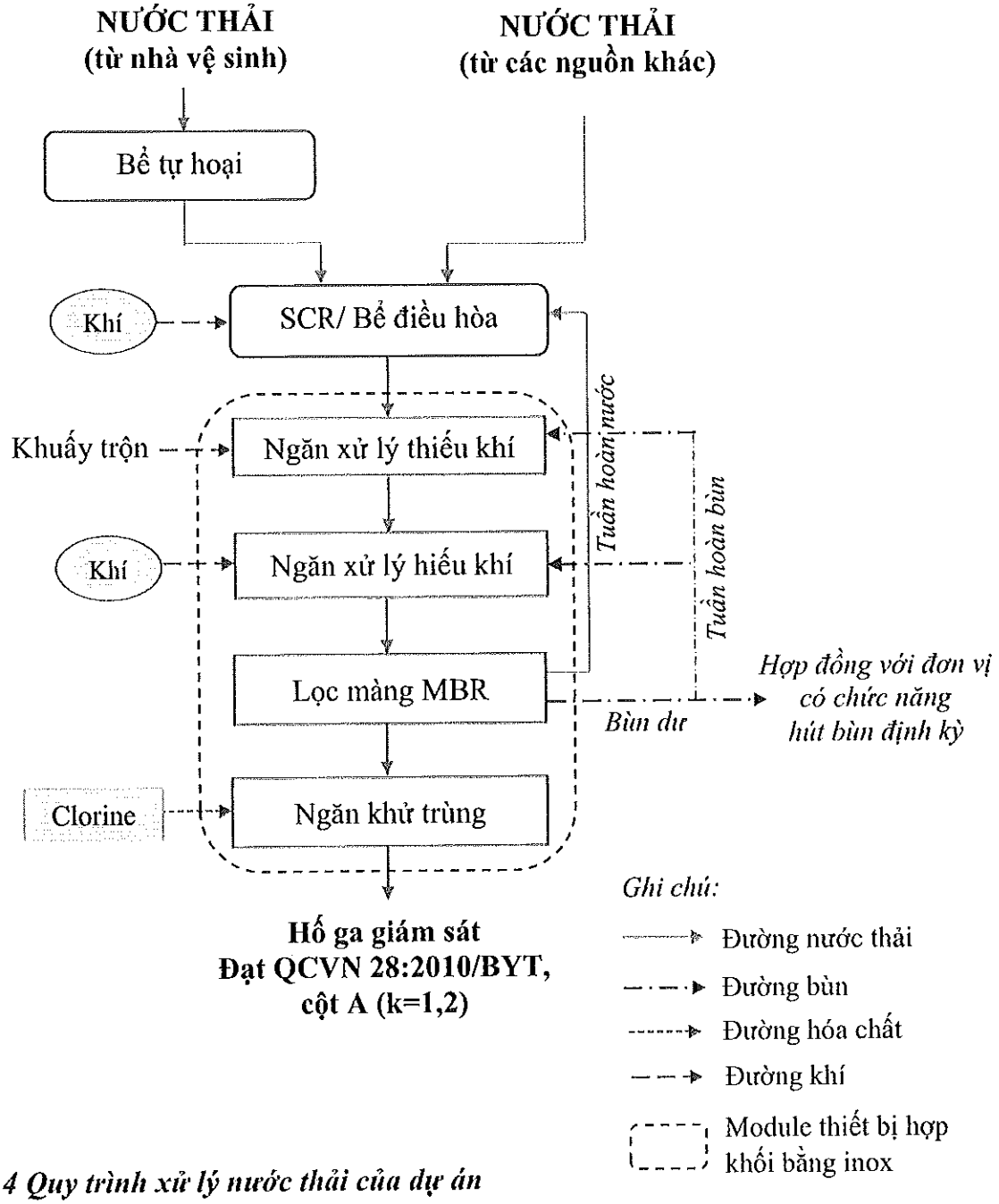

Hình 4. 4 Quy trình xử lý nước thải của dự án

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

Nước thải phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh, rửa sàn, lavabo, giặt đồ, nấu ăn,... được dẫn về hệ thống nước thải chung và dẫn về hệ thống xử lý nước thải của trạm y tế.

Hệ thống XLNT bao gồm các hạng mục: bể điều hòa được xây dựng bằng bê tông cốt thép; Module hợp khối vật liệu bằng inox (gồm ngăn SBR và màng; ngăn chứa nước làm sạch; ngăn khử trùng) diễn ra các công đoạn xử lý:

➢ *Bể điều hòa*

Nước thải được cho qua lưới chắn rác 5 -10 mm lắp tại hố thu gom để loại bỏ các loại chất rắn có kích thước lớn, có thể ảnh hưởng đến thiết bị và quá trình xử lý ở các giai đoạn sau.

Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ nước thải. Lưu lượng và nồng độ nước thải phụ thuộc vào nhiều yếu tố khác nhau như: thời gian thải, lưu lượng thải cũng như tải trọng chất bẩn có trong nước thải. Để thực hiện quá trình ổn định nồng độ, trong bể điều hòa có lắp đặt máy khuấy chìm nhằm khuấy trộn nước thải. Việc điều hòa lưu lượng và ổn định nồng độ sẽ giúp đơn giản hóa công nghệ xử lý, tăng hiệu quả xử lý và giảm kích thước các công trình đơn vị một cách đáng kể.

Nước thải sau khi qua bể điều hòa được bơm đến Module thiết bị hợp khối để tiếp tục xử lý. Công nghệ AAO-SBR-MBR là công nghệ xử lý sinh học hợp khối dạng mẻ kết hợp màng MBR theo từng pha. Ứng dụng nhiều hệ vi sinh vật khác nhau, làm giảm nhanh chóng nồng độ ô nhiễm trong nước thải, tiết kiệm diện tích.

➢ *Xử lý thiếu khí:*

Tại đây thực hiện quá trình khử các hợp chất Nitơ, Photpho và chất hữu cơ trong nước thải, nhằm ổn định chất dinh dưỡng và các nguyên tố vi lượng trước khi vào ngăn sinh học hiếu khí.

Trong quá trình xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học hiếu khí, nitơ amôn sẽ được chuyển thành nitrit và nitrat nhờ các loại vi khuẩn Nitrosomonas và Nitrobacter. Khi môi trường thiếu ôxy, các loại vi khuẩn khử nitrat Denitrificans (dạng kỵ khí tùy tiện) sẽ tách ôxy của nitrat (NO_3^-) và nitrit (NO_2^-) để ôxy hóa chất hữu cơ. Nitơ phân tử N_2 tạo thành trong quá trình này sẽ thoát ra khỏi nước.

Để khử nitrat và phốt pho hóa thuận lợi tại ngăn xử lý thiếu khí (Anoxic) có bơm chìm tuần hoàn bùn từ ngăn xử lý hiếu khí, lọc màng MBR về và được khuấy trộn nhờ máy khuấy chìm đảm bảo quá trình xáo trộn nước thải và bùn vi sinh với nhau.

➢ *Xử lý sinh học hiếu khí:*

Xử lý sinh học hiếu khí là công trình đơn vị xử lý những chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học. Khi bể hoạt động ổn định, mật độ vi sinh vật (bùn hoạt tính hiếu khí) rất cao, nhờ vậy mà hiệu quả xử lý cũng tăng lên đáp ứng được sự thay thông số nồng độ hoặc lưu lượng nước thải đầu vào.

Tại đây, nước thải được xáo trộn với các vi sinh vật hiếu khí nhờ hệ thống phân phối

khí ở đáy bể. Hệ giá thể vi sinh tăng cường diện tích lưu trú bám dính cho vi sinh vật hiếu khí phát triển và phân hủy chất hữu cơ. Quá trình này tạo điều kiện thuận lợi cho vi sinh vật hiếu khí sinh trưởng và phát triển. Trong quá trình tiếp xúc đó, vi sinh vật hiếu khí lấy các chất ô nhiễm có trong nước thải (COD, BOD, Nitơ, photpho,...) làm thức ăn của chúng, làm tăng sinh khối và kết thành các bông bùn.

Sau khi qua công đoạn này, các chỉ tiêu COD, BOD được xử lý hiệu quả và làm tăng chỉ số oxy hòa tan trong nước (DO). Mức duy trì chỉ số DO trong quá trình xử lý hiếu khí luôn ở mức 1,5-2 mg/l.

➢ *Khâu lắng lọc màng MBR và khử trùng nước thải:*

Nước thải sau quá trình xử lý hiếu khí được được rút nước ra khỏi hệ thống và cho qua màng lọc MBR. Hệ màng lọc được lắp đặt thành module với kích thước lỗ lọc 0,1µm. Tại đây diễn ra quá trình phân tách giữa nước sạch và hỗn hợp bùn hoạt tính, các chất rắn lơ lửng và vi khuẩn gây bệnh.

Phần nước sạch bên trong lõi di chuyển đến các ống dẫn để được bơm hút qua ngăn khử trùng. Hóa chất khử trùng sử dụng là Chlorine viên nén để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh như E.Coli, Coliform ... có trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Màng MBR liên tục được rửa ngược để tránh nghẹt màng.

Nước thải của trạm y tế sau khi xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (k=1,2).

Phần lớn lượng bùn hoạt tính được giữ lại trong ngăn SBR, cung cấp men vi sinh vật, tăng hiệu quả của quá trình xử lý Amoni, Phốt pho. Phần bùn dư định kỳ sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo đúng quy định.

Thông số thiết kế hệ thống XLNT:

Theo tính toán của đơn vị thiết kế, các thông số thiết kế hệ thống xử lý nước thải tại mỗi trạm y tế như sau:

Bảng 4. 4 Thông số thiết kế hệ thống xử lý nước thải tại mỗi trạm y tế

TT	Hạng mục	Kích thước *Dài x Rộng x Cao (m)*	Chiều cao hữu ích (m)	Thể tích hữu ích (m^3)	Thời gian lưu (giờ)	Vật liệu	Số lượng
1	Bể điều hòa	2,0 x 2,0 x 1,7	1,25	5	12	BTCT	01 bể
2	Ngăn SBR, màng lọc	2,3 x 2,5 x 1,8	1,8	5,76	12	Modul hợp khối bằng inox, kích thước: 3,0x1,5x1,8 (m)	01 modul
3	Ngăn chứa nước sạch	0,8 x 0,7 x 1,8	1,8	1,008	-		
4	Ngăn khử trùng	0,7 x 0,7 x 1,8	1,8	0,882	5		

Bảng 4. 5 Danh mục máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải tại mỗi trạm y tế

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Bể điều hòa	Bơm chuyển nước đầu vào kèm đồng bộ van phao: - Công suất: 0,37kW; điện 1 pha - Nguồn điện: 220V/1 pha/50Hz - Cột áp: H=5-12m - Lưu lượng: 5-10m^3/h - Bộ co bơm chìm (bộ nối bơm) PVC, Xích kéo bơm inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam	1 cái
		Lồng lọc rác bằng inox: - Khung inox 304, mắt lưới 5mm - Thanh trượt inox 304 - Xích kéo inox 304 - Xuất xứ: Việt Nam	1 cái
2	Ngăn SBR	Giá thể vi sinh di động MBBR. - Tỷ lệ s/v: ≥1200m^2/m^3 - Hệ lưới chắn giá thể	1 hệ
		- Máy thổi khí: Điện áp 220V/1 pha/50Hz - Công suất: 0,55kW - Bộ support cố định thiết bị, gối đệm cao su chống rung cho máy thổi khí, hệ ống giảm thanh, lưới chắn côn trùng.	1 cái
		Hệ thống cấp phân phối khí: - Đường ống cấp phân phối khí: Ống PPR/PVC Hệ siêu khuếch tán tia - Super Jet 50: - Công suất motor 0,25kW - Điện áp: 1 pha x 220V, 50Hz - Giàn tia khuếch tán Super Jet 50 - Xuất xứ: Việt Nam	1 hệ
3	Ngăn lọc màng MBR	Module màng lọc MBR công suất lọc 5m^3/ngày đêm Xuất xứ: Italia	1 hệ
		Hệ phân phối khí sục rửa màng: PVC cho hệ XLNT 5m^3/ngày đêm	1 hệ

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
		Xuất xứ: Taiwan	
		Bơm hút màng công suất 0,37kW Xuất xứ: Italia	2 cái
4	Phao điện	Báo mức nước bơm, kết nối với hệ điều khiển chế độ hoạt động của toàn hệ thống	1 cái
5	Ngăn khử trùng	Hệ thống định lượng khử trùng bằng Clo viên nén	1 hệ
6	Hệ thống điều khiển tự động	Thiết lập, cài đặt lập trình chế độ vận hành tự động	1 hệ

Nguồn: Đơn vị thiết kế hệ thống xử lý nước thải của dự án

4.2.1.2. Nước mưa chảy tràn

Để giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gây ra, dự án thực hiện các biện pháp sau:

- Hệ thống thu gom nước mưa tại mỗi trạm y tế được thiết kế tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải.

- Khu vực hành lang, sân, đường nội bộ được tráng nhựa, tạo độ dốc cần thiết để nước mưa thoát nhanh, thường xuyên được làm vệ sinh sạch sẽ, không để vương vãi rác thải xuống cống thoát nước mưa.

- Dọc theo cống thoát, tại điểm xả cuối cùng đặt song chắn rác để tách rác có kích thước lớn trước khi dẫn vào nguồn tiếp nhận.

- Toàn bộ mạng lưới được tính toán thiết kế đảm bảo khả năng thoát nước cho các khu vực trong trạm y tế.

- Định kỳ tổ chức nạo vét, khơi thông cống thoát nước mưa tránh tình trạng tắc nghẽn gây ngập úng khu vực.

A/. Trạm y tế Tân Thành

Nước mưa từ trên mái công trình thoát xuống cùng với nước mưa chảy tràn trên đường nội bộ, sân bãi chảy vào hệ thống hố ga, cống bê tông cốt thép ∅300, ∅400 bố trí xung quanh công trình. Toàn bộ nước mưa được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung của khu vực tại 01 điểm trên đường ĐT 746.

B/. Trạm y tế Hòa Lợi

Nước mưa từ trên mái công trình thoát xuống thoát xuống cùng với nước mưa chảy tràn trên đường nội bộ, sân bãi chảy vào hệ thống hố ga, cống BTCT ∅300, ∅400 và mương có chiều rộng 400 (mm) bố trí xung quanh công trình.

Hiện trạng tại khu vực dự án chưa có hệ thống thoát nước chung, vì vậy toàn bộ nước mưa và nước thải sau xử lý của dự án, giai đoạn đầu được thu gom thoát ra hầm thấm (có thể tích chứa nước 50m^3) và cho tự thấm vào đất. Trong thời gian tới, khi hệ thống thoát

nước tại khu vực trên đường ĐT 741 được đầu tư trạm y tế Hòa Lợi sẽ xin phép đấu nối vào vị trí thích hợp.

Sau khi xây công trình mới trạm y tế Hòa Lợi, các mương thoát nước mưa hiện hữu sẽ được cải tạo và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của công trình mới.

4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của trạm y tế, nguồn phát sinh bụi và khí thải bao gồm:

- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào trạm y tế:

Các phương tiện ra vào trạm y tế chủ yếu là xe máy, xe ô tô, xe tải... sử dụng nhiên liệu là xăng và dầu diesel, thải ra môi trường một lượng khí thải chứa bụi, SO_2, NO_x, CO_2, Hydrocacbon và bụi. Lượng khí thải sinh ra tùy thuộc vào tính năng kỹ thuật và chế độ vận hành của các phương tiện.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng:

Tại trạm y tế thị trấn Tân Thành sử dụng máy phát điện có công suất 5kW, trạm y tế phường Hòa Lợi sử dụng máy phát điện 5kW. Tham khảo thông số kỹ thuật máy phát điện diesel của thương hiệu Kama:

Số lượng (máy)	Công suất (kVA)	Lượng nhiên liệu sử dụng (lít DO/giờ)	Lượng nhiên liệu sử dụng (kg DO/giờ)	Lưu lượng khí thải (m^3/s)
1	5kW	1,4	1,22	0,007-0,008

Ghi chú: trọng lượng riêng của dầu DO là 0,87 kg/lít; lượng khí thải thực tế khi đốt 1 kg dầu DO: khoảng 22 ÷ 24 m^3 *(Viện Kỹ thuật Nhiệt đới và Bảo vệ Môi trường TP.HCM)*

Thành phần khí thải từ quá trình vận hành máy phát điện: CO, SO_2, NO_x, VOC và bụi.

Tham khảo hệ số ô nhiễm từ tài liệu *Assessment of sources of air, water and land pollution, WHO, 1993,* tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm sinh ra trong quá trình vận hành máy phát điện như sau:

Bảng 4. 6 Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện

Chất ô nhiễm	**Hệ số ô nhiễm** *(kg chất ô nhiễm/tấn dầu)*	**Tải lượng ô nhiễm** *(kg/h)*	**Nồng độ** *(mg/m^3)*	**QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p = 1,0; K_v = 0,8)**
Bụi	0,71	0,86	0,030	160
SO_2	20S	1,218	0,042	400
NO_x	9,62	11,72	0,401	680
CO	2,19	2,67	0,091	800
VOC	0,791	0,96	0,033	-

Nguồn: Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution, WHO, 1993

Ghi chú:

- S: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO = 0,05%

- *QCVN 19:2009/BTNMT, cột B (K_p=1,0; K_v=0,8):* Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ; cột B đối với thời gian áp dụng kể từ ngày 01/01/2015; hệ số lưu lượng nguồn thải K_p=1,0 ứng với tổng lưu lượng khí thải của nguồn thải < 20.000m^3/h; hệ số vùng K_v=0,8 đối với vùng nội thành đô thị loại III, IV.
- (-) : quy chuẩn không quy định.

Nhận xét: qua kết quả tính toán cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện rất nhỏ so với giới hạn cho phép theo quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT cột B (K_p=1,0; K_v=0,8). Máy phát điện của trạm y tế công suất nhỏ và chỉ sử dụng khi có sự cố, hoạt động không thường xuyên nên các tác động gây ra không đáng kể.

- Khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh của trạm y tế bao gồm:

+ Khí Cl_2 phát sinh từ khâu khử trùng các dụng cụ y tế, khâu giặt tẩy (drap giường, mền, bao gối, quần áo bệnh nhân, nhân viên y tế...).

+ Hơi alcohol, etylen, xeton,.. và các chất hữu cơ bay hơi khác phát sinh từ khâu sát trùng vết thương, sơ cấp cứu.

+ Bụi talc phát sinh từ khâu tháo bột chấn thương.

- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải, vị trí tập trung chất thải rắn:

Tại khu vực xử lý nước thải, các loại hơi khí độc hại có điều kiện phát sinh từ các công trình như bể điều hòa, bể thiếu khí, hiếu khí… Thành phần rất đa dạng gồm CH_4, NH_3, H_2S, Methyl Mercaptal, hydrosulfua,... Lượng hơi khí độc hại này không lớn, nhưng có mùi đặc trưng.

Tại kho lưu trữ chất thải rắn của dự án, trong điều kiện nhiệt độ và ẩm độ thích hợp, hoạt động biến đổi của các vi sinh vật sẽ phát sinh mùi và tạo thành các chất khí như NH_3, CH_4.... gây ô nhiễm không khí nếu chất thải không được thu gom, lưu trữ hợp lý.

- Khí thải từ quá trình nấu ăn tại phòng bếp: khi đốt gas phát sinh khí SO_2, NO_X, CO,… Tuy nhiên, hoạt động này rất ít và lượng khí thải phát sinh hầu như không gây ảnh hưởng đến môi trường.

✍ Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Giảm thiểu bụi và khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông

Để hạn chế đến mức thấp nhất khả năng ảnh hưởng của các phương tiện ra vào trạm y tế đến môi trường xung quanh nhất là những người sinh sống và làm việc tại khu vực, các biện pháp được áp dụng như sau:

- Khi có xe ra vào trạm y tế sẽ có người (đội dân phòng tại địa phương) điều phối, tránh trường hợp tập trung nhiều xe cùng một lúc. Khu vực bãi đậu xe chia làm 02 khu: khu vực dành cho nhân viên y tế; khu vực dành cho khách đến khám chữa bệnh, bệnh nhân.

- Khi các xe lưu thông ra vào trạm y tế cần giảm tốc độ. Bãi đậu xe được thiết kế hợp lý bên ngoài khu khám chữa bệnh, đồng thời tráng bê tông để hạn chế bụi phát tán từ nền lên.

- Bê tông nhựa hóa đường giao thông nội bộ, đối với lề đường tiến hành lát gạch, trồng cây xanh dọc hành lang nội bộ nhằm tạo cảnh quan khu vực đồng thời cải thiện môi trường không khí xung quanh.

- Bố trí và tập kết các xe vận chuyển thiết bị, máy móc cũng như các nguyên nhiên liệu của trạm y tế tại cổng phụ không cùng lối ra vào của khách và bệnh nhân.

- Thường xuyên quét dọn khu bãi đậu xe và đường nội bộ nhằm giảm thiểu tới mức thấp nhất bụi từ đường giao thông có khả năng bốc lên.

- Trồng cây xanh bao bọc xung quanh khu vực dự án để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra xung quanh.

b. Giảm thiểu khí thải từ máy phát điện dự phòng

Máy phát điện sử dụng tại mỗi trạm có công suất nhỏ (5kW) và chỉ vận hành khi có sự cố mất điện nên mang tính chất gián đoạn, mức độ tác động đến môi trường xung quanh không đáng kể. Để đảm bảo về mặt môi trường, trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi thực hiện một số biện pháp sau:

- Máy phát điện được đầu tư mới 100%.
- Sử dụng nhiên liệu dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp (0,05%).
- Máy phát điện được bố trí trong phòng máy phát riêng, nơi ít người qua lại tách riêng với khối y tế chính.
- Định kỳ bảo trì bảo dưỡng máy phát điện, 4-6 tháng/lần.

c. Giảm thiểu khí thải từ hoạt động khám chữa bệnh của trạm y tế

▪ Đối với hơi khí, hydrocacbon bay hơi phát sinh từ các phòng khám chữa bệnh, rửa tiệt trùng và phòng giặt:

- Các phòng khám, điều trị được trang bị hệ thống quạt thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng.
- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các phòng khám chữa bệnh và sàn trạm y tế.
- Tổ chức thu gom rác thải liên tục không để tồn trữ trong các phòng, đặc biệt là chất thải y tế từ quá trình khám chữa bệnh.
- Trang bị đầy đủ các dụng cụ trang thiết bị y tế như khẩu trang, bao tay cho các nhân viên làm việc tại khu khám chữa bệnh.
- Riêng đối với các bệnh nhân nội trú sẽ được lưu trú trong phòng thông thoáng tốt.

▪ Chống nhiễm khuẩn:

Vấn đề lây lan, nhiễm khuẩn thông qua môi trường không khí là rất cao, chính vì vậy công tác phòng chống nhiễm khuẩn trong trạm y tế là hết sức cần thiết. Công tác chống nhiễm khuẩn là việc thực hiện đúng quy định kỹ thuật về vô khuẩn, khử khuẩn, bao gồm các dụng cụ y tế, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh phòng, vệ sinh cá nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm....

Các điều kiện thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn bao gồm: nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hóa chất khử khuẩn....

+ Kỹ thuật vô khuẩn:

- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong phải được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại.
- Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng phải đảm bảo đúng quy định.

+ Trật tự vệ sinh các phòng khám chữa bệnh, phòng lưu bệnh nhân

- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong phòng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế.
- Khi người bệnh chuyển tuyến trên hoặc ra viện sẽ thực hiện ngay vệ sinh tẩy uế phòng bệnh, đồ dùng cá nhân.

▪ Giảm thiểu ô nhiễm với các đối tượng xunh quanh:

Xung quanh trạm y tế Tân Thành tiếp giáp đường ĐT 746, đất trồng cây cao su, văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành.

Xung quanh trạm y tế Hòa Lợi tiếp giáp đường ĐT 741, bãi đậu xe, UBND phường Hòa Lợi, đất trồng cây cao su.

Để hạn chế tác động môi trường đến các đối tượng xung quanh trong quá trình hoạt động, tại mỗi trạm y tế sẽ áp dụng các biện pháp sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm về nước thải, khí thải hạn chế tác động đến các đối tượng xung quanh (UBND phường Hòa Lợi, Văn phòng khu phố 4 thị trấn Tân Thành).
- Xây dựng hàng rào cao xung quanh trạm y tế làm giảm tác động các loại rác thải của trạm y tế.
- Thường xuyên tổ chức phun thuốc diệt muỗi và côn trùng trung gian truyền bệnh cho trạm y tế và các đối tượng xung quanh, đồng thời duy trì tốt chế độ kiểm tra vệ sinh môi trường định kỳ xung quanh trạm y tế.

d. Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải và hệ thống XLNT

- Đối với hệ thống thu gom nước thải:

+ Cống thu gom nước thải được xây dựng kín và ngầm dưới đất nên hạn chế mùi phát sinh.

+ Thi công hệ thống thu gom nước thải bằng tuyến cống HDPE hạn chế sự cố do đường cống. Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện và sửa chữa kịp thời các chỗ bị rò rỉ, tránh khí thoát ra môi trường gây mùi hôi.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Hệ thống XLNT của trạm y tế Tân Thành được bố trí tại khuôn viên cây xanh của trạm y tế. Vị trí cuối khu đất trạm y tế tách riêng với khối y tế, nơi ít người qua lại, có phía Bắc giáp với đường nội bộ và khối chính, phía Tây giáp phòng điều hành hệ thống XLNT, phía Nam giáp với khu đất dự trữ nên hạn chế tác động do mùi đến nhân viên y tế, người đến khám chữa bệnh và môi trường xung quanh.

+ Hệ thống XLNT của trạm y tế Hòa Lợi được bố trí tại khuôn viên cây xanh của

trạm y tế. Vị trí cuối khu đất trạm y tế tách riêng với khối y tế, nơi ít người qua lại, xung quanh giáp với đường nội bộ và bãi đậu xe, nên hạn chế tác động do mùi đến nhân viên y tế, người đến khám chữa bệnh và môi trường xung quanh.

+ Đối với rác từ song chắn rác sẽ được thu gom hàng ngày, không lưu giữ lâu để các vi khuẩn gây mùi không có cơ hội phát triển, đồng thời vệ sinh song chắn rác sau mỗi ngày hoạt động.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống phân phối khí và sục khí để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi.

+ Thường xuyên kiểm tra chế độ bơm nước thải tại các bể để đảm bảo thời gian lưu nước tại các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí tại đây.

+ Định kỳ lấy mẫu nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống để đánh giá hiệu quả xử lý và kịp thời đưa ra phương án khắc phục sửa chữa.

e. Mùi phát sinh từ kho lưu trữ chất thải rắn

- Chất thải tại mỗi khu vực phát sinh sẽ được bảo quản cẩn thận trong các thùng chứa tương ứng, có nắp đậy kín. Sau đó thu gom về kho lưu trữ chất thải của trạm y tế.

- Vị trí kho chứa chất thải của trạm y tế Tân Thành được bố trí tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối y tế, có phía Bắc giáp với đường nội bộ, phía Nam giáp với khuôn viên cây xanh và khu đất dự trữ nên hạn chế mùi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Vị trí kho chứa chất thải của trạm y tế Hòa Lợi được bố trí tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối y tế, xung quanh giáp với đường nội bộ và bãi đậu xe, nên hạn chế mùi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Tại kho lưu trữ chất thải, thực hiện một số biện pháp: kho được xây dựng kín, có mái che; chất thải được chứa trong các thùng chứa tương ứng có nắp đậy kín; thường xuyên quét dọn kho chứa mỗi ngày, không để vương vãi rác ra ngoài.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom tương ứng với từng loại chất thải phát sinh, không tồn trữ quá nhiều tại kho chứa. Chất thải sinh hoạt (thực phẩm dư thừa,...) sẽ được thu gom 1-2 ngày/lần, tuyệt đối không lưu trữ lâu.

f. Giảm thiểu khí thải từ nấu ăn tại phòng bếp

Trên thực tế, lượng khí thải phát sinh từ các quá trình nấu nướng là không đáng kể và nguồn ô nhiễm được phân tán trên diện tích rộng. Bên cạnh đó, dự án phân chia các hạng mục công trình và lượng cây xanh hợp lý do đó tải lượng khí thải phát sinh từ quá trình đun nấu có thể được hấp thụ bởi cây xanh xung quanh.

4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

✍ Nguồn phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi, chất thải rắn phát sinh chủ yếu từ hoạt động y tế (khám chữa bệnh) và hoạt động sinh hoạt của nhân viên y tế và người đến khám chữa bệnh tại các phòng chức năng (như phòng sơ cứu, cấp cứu, phòng lưu bệnh nhân, phòng khám bệnh, phòng Y dược học cổ truyền,

phòng rửa tiệt trùng, phòng lấy mẫu xét nghiệm, phòng tiêm, tiêm vắc xin,...), phòng hành chính, phòng nhân viên, phòng bếp,... Các loại chất thải phát sinh bao gồm:

a. Chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn thông thường không phục vụ mục đích tái chế bao gồm:

+ CTR sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên y tế, người bệnh, thân nhân, người đến khám chữa bệnh, khách đến làm việc, các chất thải ngoại cảnh trong trạm y tế. Thành phần: thực phẩm, rau quả, thức ăn dư thừa từ phòng bếp, lá, cành cây.

+ Chất thải phát sinh từ các hoạt động khám, chữa bệnh không bị lây nhiễm như bột bó trong gẫy xương; các mảnh kính vỡ, vỏ chai, lọ thủy tinh vỡ (loại chai lọ không dùng để chứa các hóa chất, thuốc có thành phần độc hại, không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất).

+ Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực.

+ Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

+ Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn thông thường phục vụ mục đích tái chế:

+ Từ hoạt động văn phòng, sinh hoạt của trạm y tế: Giấy, báo, tài liệu, bìa, thùng carton, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy, túi nilon, các chai, lon nước uống giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt.

+ Từ hoạt động khám chữa bệnh: các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa, vật liệu nhựa khác không dính máu, dính dịch cơ thể người, không chứa yếu tố nguy hại khác. Chai nhựa đựng thuốc hoặc hóa chất, vỏ chai, lọ thuốc thủy tinh thải bỏ (loại chai lọ không dùng để chứa các hóa chất, thuốc có thành phần độc hại, không thuộc nhóm gây độc tế báo hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất).

b. Chất thải y tế nguy hại

- Chất thải nguy hại lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn bao gồm: kim tiêm, bơm liền kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim châm cứu và các vật sắc nhọn khác thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: chất thải (bông, băng, gạc, găng tay) thấm, dính, chứa máu của cơ thể; vỏ lọ vắc xin thuộc loại bất hoạt thải bỏ.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: chất thải dính mẫu bệnh phẩm phát sinh từ khu lấy mẫu xét nghiệm.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Hóa chất, bao bì dính hóa chất thải bỏ có các thành phần nguy hại trong quá trình khám chữa bệnh, các dung dịch làm sạch và khử khuẩn, các dung môi làm vệ sinh,...

+ Dược phẩm quá hạn, bao bì chứa thuốc (vỏ chai, lọ) quá hạn, thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.

+ Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng (nhiệt kế, huyết áp kế thủy ngân bị vỡ...).

- *Chất thải nguy hại khác:* như bóng đèn huỳnh quang thải, pin thải, hộp mực in, vỏ chai thuốc diệt côn trùng thải…

Căn cứ vào Phụ lục III kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Sổ đăng ký quản lý chủ nguồn thải CTNH (mã số QLCTNH 74.002041.T) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 20/07/2012 cho các cơ sở y tế của Trung tâm y tế thị xã Bến Cát (bao gồm Trạm y tế phường Hòa Lợi); mã chất thải và thành phần chất thải y tế nguy hại cần quản lý và kiểm soát bao gồm:

Bảng 4. 7 Thành phần chất thải y tế nguy hại của dự án

TT	Chất thải	Trạng thái	Phân loại (*)	Mã chất thải
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn	NH	13 01 01
2	Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thuỷ ngân (như nhiệt kế, huyết áp kế)	Rắn	NH	13 03 02
3	Găng tay thải	Rắn	KS	18 02 01
4	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng	KS	13 01 02
5	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	Rắn/Lỏng	NH	13 01 03
6	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	18 01 01
7	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	KS	18 01 03
8	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	NH	16 01 06
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	NH	16 01 12
10	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	KS	18 01 02
11	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	KS	18 02 01

Ghi chú: (*): Theo mẫu số 01 Danh mục chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát và chất thải rắn công nghiệp thông thường, *Phụ lục III của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT*, chất thải được phân loại:

+ KS: chất thải phải kiểm soát, cần áp dụng ngưỡng CTNH theo quy định tại QCKTMT về ngưỡng CTNH để phân định là CTNH hoặc CTRCNTT.

+ NH: chất thải nguy hại.

Khối lượng phát sinh:

Cơ sở tính toán:

+ Căn cứ vào khối lượng chất thải phát sinh thực tế của Trạm y tế phường Hòa Lợi hiện hữu (chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt trung bình khoảng 4 kg/tháng và chất thải y tế nguy hại lây nhiễm khoảng 6 kg/tháng). Tuy nhiên, khối lượng phát sinh tương đối ít do số lượt khám chữa bệnh hiện tại của trạm chỉ khoảng 30 người/ngày.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: đối với nhân viên y tế ước tính: 0,5kg/người.ngày; người đến khám chữa bệnh, thân nhân: ước tính 0,3 kg/người.ngày.

+ Tham khảo kết quả điều tra, nghiên cứu của Bộ Y tế và WHO, tiêu chuẩn phát sinh chất thải rắn tại Trạm y tế xã là 0,7 kg/giường/ngày, trong đó chất thải y tế nguy hại chiếm 15% tổng lượng chất thải rắn.

Qua đó, ước tính khối lượng chất thải rắn phát sinh tối đa tại mỗi trạm y tế như sau:

Bảng 4. 8 Khối lượng chất thải rắn y tế phát sinh tại mỗi trạm y tế

Nguồn phát sinh	Số lượng	Định mức	Khối lượng (kg/ngày)
Sinh hoạt của cán bộ, nhân viên y tế	7 người	0,5 kg/người.ngày	3,5
Hoạt động khám chữa bệnh cho các bệnh nhân lưu trú	2 giường	0,7kg/giường/ngày	1,4
Sinh hoạt của người đến khám chữa bệnh	100 người	0,3 kg/người.ngày	30
Sinh hoạt của thân nhân bệnh nhân	2 người	0,5 kg/người.ngày	1
Tổng cộng			**~ 36**

Theo thống kê của *Cục quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế*, chất thải rắn y tế tại các trạm y tế cơ sở bao gồm chất thải y tế thông thường và chất thải y tế nguy hại; trong đó: chất thải y tế thông thường chiếm khoảng 80-90%, chất thải y tế nguy hại: khoảng 10-20%.

Tổng khối lượng chất thải rắn phát sinh tối đa tại mỗi trạm y tế (trạm y tế thị trấn Tân Thành, trạm y tế phường Hòa Lợi) khoảng 36kg/ngày, trong đó:

➔ Chất thải y tế nguy hại: 35,9 kg/ngày x 10-20% = 3,6 ÷ 7,2kg/ngày.

➔ Chất thải y tế thông thường: 35,9 kg/ngày x 80-90% = 28,8 ÷ 32,4kg/ngày.

Đánh giá tác động:

- Chất thải rắn y tế nếu không được xử lý theo đúng quy định sẽ gây bệnh truyền nhiễm và gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người, phổ biến nhất là bệnh ung thư. Những đối tượng dễ dàng bị phơi nhiễm bao gồm cán bộ, nhân viên y tế, bệnh nhân, thân nhân, người đến khám chữa bệnh, công nhân thu gom vận chuyển chất thải.

- Trong thành phần của chất thải lây nhiễm có thể chứa đựng một lượng lớn các tác nhân vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm, có thể xâm nhập vào cơ thể người thông qua các hình thức: qua da (vết thủng, trầy xước hoặc vết cắt trên da); qua các niêm mạc (màng nhầy), qua đường hô hấp (do xông, hít phải), qua đường tiêu hóa.

- Chất thải sắc nhọn vừa gây tổn thương (cắt, đâm, ...) vừa gây bệnh truyền nhiễm.

- Hóa chất độc hại và dược phẩm ở các dạng dung dịch có thể gây bỏng, tổn thương da, mắt, màng nhầy đường hô hấp,... gây chóng mặt, buồn nôn, đau đầu hoặc viêm da.

- Các chất khử trùng, thuốc tẩy như Clo, các hợp chất có tính ăn mòn cao, có thể xâm nhập vào cơ thể con người bằng các con đường: tiếp xúc trực tiếp, hít phải bụi và các sol khí, qua da, qua đường tiêu hóa, tiếp xúc trực tiếp với chất thải dính thuốc gây độc tế bào.

- CTNH thường có đặc tính tồn tại lâu trong môi trường và khó phân hủy, có khả năng tích lũy sinh học trong các nguồn nước, mô mỡ của động vật gây ra hàng loạt các bệnh nguy hiểm đối với con người.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải của mỗi trạm y tế, sẽ phát sinh lượng bùn thải chủ yếu là bùn sinh học hiếu khí, tương đối ít. Tuy nhiên, đây cũng là nguồn phát sinh ô nhiễm nếu không có biện pháp quản lý tốt. Dựa theo *Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải của Trịnh Xuân Lai* (NXB Xây dựng), lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý được ước tính như sau:

- Lưu lượng nước thải: Q = 5 m^3/ngày = 0,208 m^3/h
- Tính chất nước thải đầu vào: BOD: 300 mg/l; SS: 300mg/l (thông số thiết kế đầu vào hệ thống XLNT).
- Hệ số tính lượng bùn theo quan sát:

$$Y_b = \frac{Y}{1+K_d \times \theta_c} = \frac{0,6}{1+0,06\times 30} = 0,2$$

Trong đó:

+ K_d: Hệ số phân hủy nội bào, K_d =0,06
+ 0_c: thời gian lưu bùn, chọn 30 ngày
+ Y: Hệ số sản lượng bùn, Y=0,4-0,8; chọn Y=0,6

- Lượng sinh khối gia tăng mỗi ngày tính theo MLVSS:

$$P_X = \frac{Y_b \times Q \times (S_0 - S)}{10^3 (g/kg)} = \frac{0,2x5x(300-36)}{10^3} = 0,27 \text{ kg/ngày}$$

+ S_o: nồng độ BOD đầu vào: 300mg/l
+ S: nồng độ BOD đầu ra: 36mg/l

Lượng sinh khối gia tăng mỗi ngày tính theo MLVSS (độ tro của cặn z = 0,2):

→ B = $P_{X(SS)}$ = P_x / 0,8 = 0,34 kg/ngày

Lượng bùn dư phát sinh mỗi ngày: W= $P_X(ss)$ -(Q x SS_{ra}/1000) = 0,04 kg/ngày.

Lượng bùn thải từ hệ thống XLNT tại mỗi trạm y tế phát sinh tương đối ít. Đơn vị quản lý sẽ căn cứ vào kết quả phân tích bùn thải so với quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT (quy chuẩn về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước) để phân định tính chất của chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ và xử lý theo đúng quy định.

✍ Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải

Để giảm thiểu tác động do chất thải rắn, Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 21/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Chất thải phát sinh trong trạm y tế được phân loại ngay tại nguồn, tại văn phòng, các phòng ban. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa các loại chất thải được bố trí tại các vị trí phù hợp trong mỗi phòng phát sinh.
- Sau khi phân loại, nhân viên của mỗi phòng chịu trách nhiệm thu gom từng loại chất thải đưa đến kho lưu trữ và cho vào các thùng chứa chất thải tương ứng.
- Kho lưu giữ chất thải có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo, có thùng, dụng cụ lưu giữ riêng có nắp đậy kín cho từng loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất, có tên và mã của từng loại CTNH theo đúng quy định.
- Sử dụng vật tư, thiết bị, thuốc, hóa chất phù hợp với nhu cầu sử dụng. Hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi nilon khó phân hủy.
- Trạm y tế định kỳ 1 năm/lần lập báo cáo kết quả quản lý chất thải y tế và gửi về Sở Y tế tỉnh Bình Dương.
- Hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý tương ứng với từng loại chất thải.

❖ *Phân loại:*

Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 21/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế, Trạm y tế Tân Thành và Trạm y tế Hòa Lợi phân loại chất thải rắn thành các loại như sau:

- Chất thải rắn thông thường bao gồm: chất thải không phục vụ mục đích tái chế và chất thải phục vụ mục đích tái chế.
- Chất thải y tế nguy hại bao gồm:

  + Chất thải lây nhiễm (chất thải lây nhiễm sắc nhọn, chất thải lây nhiễm không sắc nhọn, chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao).

  + Chất thải không lây nhiễm.

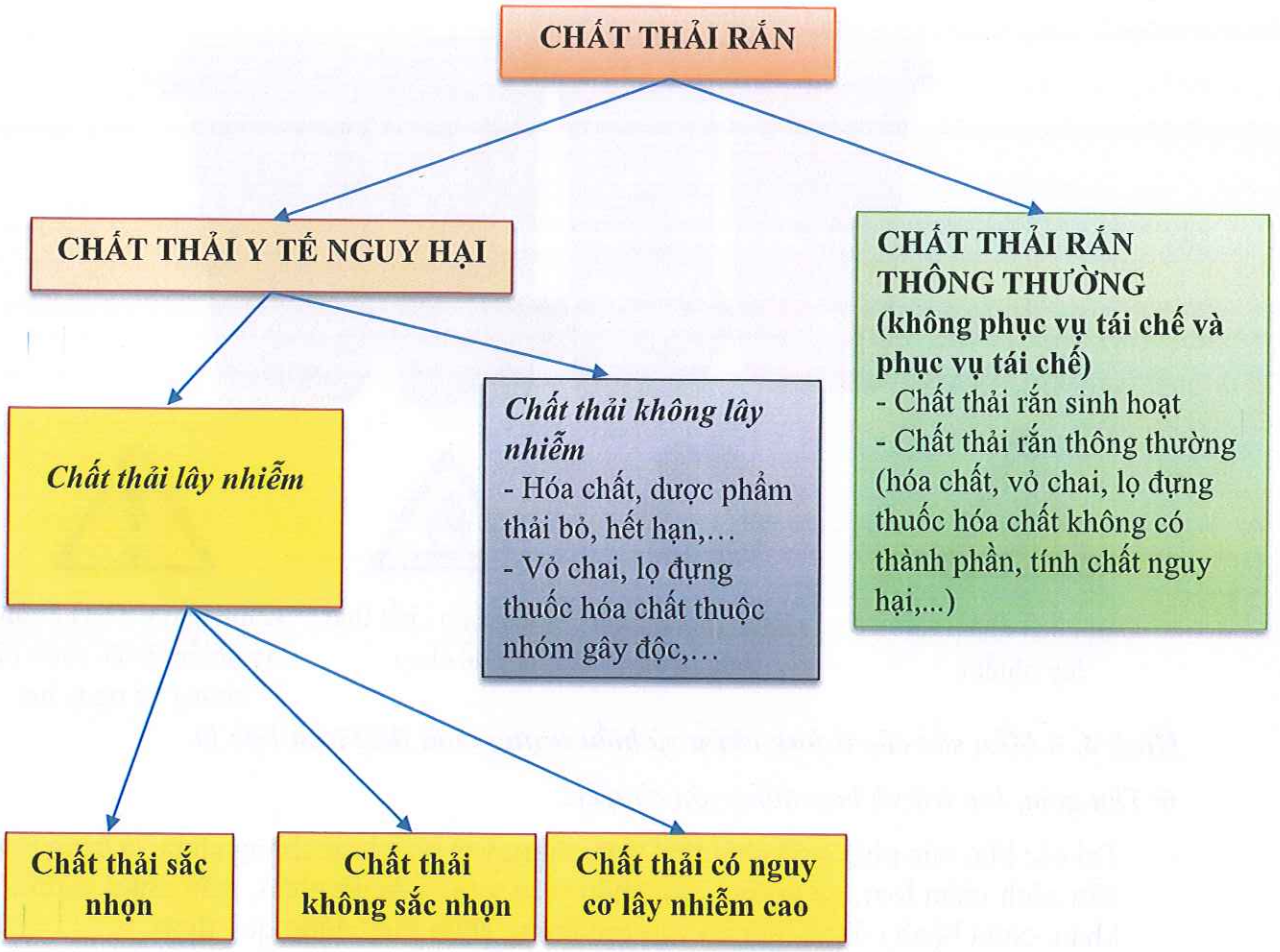

Hình 4. 5 Sơ đồ phân loại chất thải y tế tại mỗi trạm y tế

❖ *Màu sắc, bao bì, thiết bị lưu chứa:*

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng. Dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn phải có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng dụng cụ được thiết kế an toàn tránh rơi vãi chất thải ra ngoài. Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật.
- Bao bì, dụng cụ đựng chất thải xử lý bằng phương pháp đốt thì không dùng vật liệu làm bằng nhựa PVC.
- Trên bao bì (túi), dụng cụ (thùng, hộp, can), thiết bị lưu chứa chất thải phải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng theo quy định.
- Các bao bì, dụng cụ đựng chất thải tuân theo hệ thống màu quy định, không được thay thế và để trộn lẫn với nhau. Màu sắc như sau:

  + Màu vàng: bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa CTNH lây nhiễm
  + Màu đen: bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa CTNH không lây nhiễm
  + Màu xanh: bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải thông thường không tái chế
  + Màu trắng: bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải thông thường tái chế.

Một số hình ảnh bao bì, thùng chứa chất thải y tế theo biểu tượng và màu sắc như sau:

Cảnh báo chất thải lây nhiễm

Biểu tượng chất thải tái chế

Cảnh báo chất thải dễ cháy

Cảnh báo CTNH không lây nhiễm hoặc cảnh báo chung về nguy hại

Hình 4. 6 Màu sắc các thùng chứa và biểu tượng chất thải trên bao bì

❖ *Thu gom, lưu trữ và hợp đồng vận chuyển:*

- Tại các khu vực phát sinh chất thải trong trạm y tế bố trí các thùng chứa và bảng hướng dẫn cách phân loại, để hướng dẫn nhân viên y tế và bệnh nhân, thân nhân, người đến khám chữa bệnh có thể thải bỏ vào các thùng chứa theo đúng quy định.
- Sau khi phân loại, nhân viên y tế của mỗi phòng chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển riêng biệt từng loại chất thải đưa đến kho lưu trữ chất thải và cho vào các thùng chứa tương ứng. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín. Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm về kho chứa tối thiểu 1 ngày 1 lần, chất thải lây nhiễm sắc nhọn được thu gom tối thiểu 1 lần 1 tháng.
- Trạm y tế quy định tuyến đường (hướng vận chuyển phía sau khối y tế chính → đường nội bộ của trạm → kho chứa chất thải) và thời điểm thu gom chất thải phù hợp (sáng: từ 6h đến 6h30', chiều từ 13h đến 13h30') để hạn chế ảnh hưởng đến khu vực khám chữa bệnh và các khu vực làm việc của nhân viên y tế. Mỗi ngày thực hiện vận chuyển tối thiểu 01 lần nếu có phát sinh và khi cần.

Đối với chất thải rắn thông thường:

- Chất thải không phục vụ mục đích tái chế: được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 7-12 lít có lót túi màu xanh, tập kết về kho chứa CTR thông thường. Tại kho chứa bố trí các thùng chứa 120 lít chứa tương ứng mỗi loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính chất. Sau đó được thu gom, vận chuyển và xử lý bởi đơn vị có chức năng tại địa phương, với tần suất 1-2 ngày/lần.

- Chất thải phục vụ mục đích tái chế: được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 7-12lít có lót túi màu trắng, tập kết về kho chứa CTR thông thường. Tại kho chứa đặt các thùng chứa 120 lít chứa tương ứng mỗi loại chất thải hoặc nhóm chất thải có cùng tính

chất. Sau đó đơn vị quản lý hợp đồng với cá nhân hay đơn vị có nhu cầu định kỳ thu mua, tùy theo khối lượng phát sinh (1-2 tháng/lần).

- Căn cứ vào thành phần và khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh (28,7-32,3kg/ngày), dự kiến bố trí khoảng 6 thùng 120 lít (kích thước: 480x400x930mm) tại kho chứa CTR thông thường đảm bảo thu gom và lưu trữ được lượng chất thải phát sinh.

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành bố trí kho chứa CTR thông thường có diện tích 6m^2 tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi bố trí kho chứa CTR thông thường có diện tích 4m^2 tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính.

Đối với chất thải y tế nguy hại:

- Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: được chứa trong thùng hoặc hộp kháng thủng màu vàng có nắp đậy kín và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi, màu vàng và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: được thu gom vào các thùng chứa có lót túi, màu vàng và tập kết tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Chất thải nguy hại không lây nhiễm: được phân loại, thu gom vào các thùng chứa màu đen tại kho chứa chất thải y tế nguy hại.

- Kho lưu giữ chất thải có mái che, nền đảm bảo không bị ngập lụt, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có gờ chống tràn, có biển cảnh báo. Tại đây bố trí các thùng chứa có dung tích 60-120 lít có nắp đậy kín, lưu giữ riêng cho từng loại chất thải, có tên và mã của từng loại CTNH theo đúng quy định.

- Trạm y tế thị trấn Tân Thành bố trí kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 6m^2 tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính.

- Trạm y tế phường Hòa Lợi bố trí kho chứa chất thải y tế nguy hại có diện tích 4m^2 tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính.

Vị trí kho chứa CTR thông thường và kho chứa chất thải y tế nguy hại của trạm y tế Tân Thành được bố trí tại khối nhà phụ trợ bên ngoài khối chính, có phía Bắc giáp với đường nội bộ và khối chính, phía Nam giáp với khuôn viên cây xanh và khu đất dự trữ nên hạn chế được ảnh hưởng đến nhân viên làm việc và người dân đến khám chữa bệnh tại trạm cũng như khu vực xung quanh.

Vị trí kho chứa CTR thông thường và kho chứa chất thải y tế nguy hại của trạm y tế Hòa Lợi được bố trí tại khuôn viên cây xanh bên ngoài khối chính, xung quanh giáp với đường nội bộ và bãi đậu xe, nên hạn chế được ảnh hưởng đến nhân viên làm việc và người dân đến khám chữa bệnh tại trạm cũng như khu vực xung quanh.

Từng loại chất thải được lưu giữ riêng tại kho chứa tương ứng. Tùy theo tính chất và khối lượng phát sinh, các loại chất thải sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng tại địa phương (như Chi nhánh xử lý chất thải - Công ty CP Nước và Môi trường Bình Dương) thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Riêng đối với chất thải lây nhiễm tần suất thu gom không quá 2 ngày trong điều kiện bình thường.

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải:

Lượng bùn thải từ hệ thống XLNT tại mỗi trạm y tế phát sinh tương đối ít (0,04 kg/ngày). Đơn vị quản lý sẽ căn cứ vào kết quả phân tích bùn thải so với quy chuẩn QCVN 50:2013/BTNMT (quy chuẩn về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước) để phân định tính chất của chất thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng hút định kỳ và xử lý theo đúng quy định.

4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường

✍ Nguồn phát sinh:

Trong quá trình hoạt động của trạm y tế, nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung bao gồm:

- Từ hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào trạm y tế (xe ôtô, xe gắn máy), các phương tiện được phép lưu thông tại những khu vực quy định như xe cứu thương, xe chở nguyên liệu thuốc vào kho thuốc...). Tiếng ồn này phát sinh từ động cơ, sự va chạm, sự rung động của các bộ phận xe, từ ống xả khói …
- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng (chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện).
- Tiếng ồn còn phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải của dự án (máy bơm, máy thổi khí…).

✍ Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

Tại trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

- Đối với tiếng ồn từ các phương tiện lưu thông ra vào trạm y tế, áp dụng các biện pháp sau:
  + Đặt các biển báo quy định tốc độ lưu thông trong khu vực. Khi các xe lưu thông ra vào trạm y tế cần giảm tốc độ. Quy định không chạy xe (ngoại trừ các xe cần thiết được phép), cấm bóp còi trong khuôn viên của trạm.
  + Bãi đậu xe được thiết kế hợp lý bên ngoài khu khám chữa bệnh. Khu vực bãi đậu xe chia làm 02 khu: khu vực dành cho nhân viên y tế; khu vực dành cho khách đến khám chữa bệnh, bệnh nhân.
  + Trồng nhiều cây xanh trong khuôn viên trạm y tế.
- Đối với tiếng ồn, rung từ hoạt động của máy phát điện dự phòng:
  + Bố trí máy phát điện tại phòng riêng, cách xa khu khám chữa bệnh.
  + Máy phát điện định kỳ được bảo dưỡng.
  + Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đặt đệm chống ồn ngay khi lắp đặt máy.
- Đối với tiếng ồn từ quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:
  + Hệ thống XLNT được bố trí tại khuôn viên cây xanh, khu vực ít người qua lại và tách riêng với khu khám chữa bệnh để hạn chế tiếng ồn phát sinh.
  + Các thiết bị, máy móc của hệ thống XLNT được kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Trồng cây xanh trong trạm y tế sẽ tạo môi trường trong lành và thoáng mát cho trạm y tế.

4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

Tại trạm y tế Tân Thành và trạm y tế Hòa Lợi, áp dụng các biện pháp sau:

Phòng chống cháy nổ

- Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt. Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ tự động, cấp nước chữa cháy theo đúng yêu cầu và quy định của các cơ quan có chức năng. Các phương tiện chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.
- Những khu vực dễ cháy như khu vực kỹ thuật, khu vực bếp, phòng bố trí tủ điện trang bị các bình chữa cháy loại treo tường, những khu vực có diện tích rộng được trang bị các loại bình lớn hơn.
- Đối với các loại hóa chất dễ cháy (như cồn, ethanol) phải được bảo quản nơi thoáng mát, có khoảng cách ly hợp lý để ngăn chặn sự cháy tràn lan khi có sự cố. Riêng đối với các loại dược phẩm phải được lưu trữ nơi khô thoáng, thông gió tốt và phải là nơi không có ánh nắng mặt trời trực tiếp chiếu thẳng vào, phải tránh xa nguồn nhiệt và nguồn lửa, không được để gần các dụng cụ khác. Kho lưu trữ nên niêm yết rõ và không có chướng ngại vật. Định kỳ kiểm tra các dụng cụ chứa, lượng lưu trữ phải có giới hạn.
- Đối với các hóa chất dùng trong quá trình thanh trùng, giặt tẩy cần được lưu trữ riêng, với lượng lưu trữ thích hợp.
- Nhân viên y tế được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách khi có sự cố.
- Thường xuyên, định kỳ kiểm tra phát hiện các sơ hở, thiếu sót về phòng cháy và có biện pháp khắc phục kịp thời.
- Thành lập đội/nhóm PCCC tại mỗi trạm y tế. Kiểm tra, đôn đốc, việc chấp hành các quy định, nội quy an toàn về PCCC. Tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ PCCC, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Cảnh sát PCCC; chịu sự điều động của cấp có thẩm quyền để tham gia hoạt động PCCC.
- Lắp đặt hệ thống chống sét tại các nóc nhà và công trình có độ cao, các trụ điện cao thế, trung thế và các trạm biến áp.
- Dán các số điện thoại cần thiết tại các vị trí ở cửa thoát hiểm, cửa ra vào. Mỗi trạm đều được xây dựng thang bộ thoát hiểm rộng và có biển hướng dẫn.

Biện pháp quy định an toàn trong bảo quản, lưu giữ và sử dụng thuốc, hóa chất

- *Quy trình vận chuyển vào khu vực chứa, quá trình sử dụng phải đảm bảo nghiêm chỉnh các quy tắc an toàn:*

+ Có bản hướng dẫn cụ thể tính chất của loại thuốc, hóa chất mà trạm y tế sử dụng và các quy định cần phải tuân thủ khi sắp xếp, vận chuyển.

+ Trước khi tiến hành xếp dỡ, nhân viên phải kiểm tra lại bao bì, nhãn hiệu.

+ Nhân viên vận chuyển phải mang theo đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân như găng tay, kính, khẩu trang.

+ Phải vận chuyển hóa chất cùng với các tài liệu cung cấp thông tin như nhãn, bản dữ liệu an toàn.

+ Tránh chất đống bừa bãi trong quá trình vận chuyển, phải được sắp xếp một cách đặc biệt để đảm bảo chống va đập.

- *Để hạn chế tối đa các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, lưu trữ cần thực hiện một số qui định về an toàn như sau:*

+ Hóa chất thuốc sử dụng trong trạm y tế được lưu trữ trong phòng chứa riêng và chỉ người có trách nhiệm mới được phép ra/vào.

+ Thiết bị ứng phó đổ tràn (giẻ lau, chổi, găng tay cao su, tạp dề, ủng cao su,...) bố trí sẵn tại phòng chứa.

+ Tất cả nhân viên đều được hướng dẫn các biện pháp an toàn khi tiếp xúc.

+ Thường xuyên kiểm tra để phát hiện những mối nguy hiểm có thể dẫn đến rủi ro.

+ Cấm hút thuốc và sử dụng lửa trần trong phạm vi nhà chứa; có bản chỉ dẫn bằng chữ và ký hiệu cấm lửa để ở nơi dễ nhìn thấy.

- Nếu xảy ra sự cố rò rỉ các thùng đựng hay bao chứa, đổ hóa chất thực hiện các biện pháp sau đây:

+ Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn;

+ Dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp;

+ Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh nhằm hạn chế hóa chất tràn đổ lan rộng hơn.

An toàn lao động

- Trong quá trình khám chữa bệnh cho bệnh nhân cần phải có các biện pháp bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên y tế bằng cách trang bị đầy đủ quần áo bảo hộ như áo blouse, khẩu trang, găng tay, trước và sau khi khám chữa bệnh phải khử trùng các dụng cụ y tế, có chế độ chăm sóc sức khỏe tốt nhằm tăng sức đề kháng của bản thân.
- Các nhân viên trong trạm y tế phải định kỳ được khám sức khỏe nhằm phòng tránh các nguy cơ có thể xảy ra.
- Giáo dục hướng dẫn, nâng cao nhận thức cho nhân viên làm việc tiếp xúc với các chất độc hại (các loại dược phẩm độc, các chất khử trùng).
- Cần có những thông tin chính xác và tỉ mỉ về các loại dược phẩm có tính độc hại như: thành phần hoá học, chủng loại, phương pháp bảo quản, dự trữ...
- Xây dựng những quy định đối với các chất độc hại từ khi chuyên chở vận chuyển, pha chế, sản xuất, dự trữ.

Phòng chống sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước, cống thoát nước.

Phòng chống sự cố môi trường

Đối với bể tự hoại:

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ tránh các sự cố có thể xảy ra như:

+ Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn, dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát tốt.

+ Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

+ Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu.

Đối với hệ thống XLNT:

+ Để tránh hiện tượng hệ thống xử lý quá tải, không xử lý hết lượng nước thải phát sinh, trạm y tế đã tính toán và thiết kế ứng với trường hợp lưu lượng nước thải cao nhất, bao gồm hệ số k=1,2.

+ Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

+ Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả quá trình hoạt động của hệ thống xử lý.

+ Bố trí nhân viên giám sát hệ thống nhằm đảm bảo hệ thống luôn trong trạng thái hoạt động ổn định.

+ Chuẩn bị các bơm, thiết bị dự phòng khác nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý. Bể điều hòa thiết kế thời gian lưu dài (12 giờ) để đảm bảo thời gian thay thế thiết bị khi xảy ra sự cố.

+ Đối với trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, nước thải sẽ bơm về bể điều hòa để lưu chứa tạm thời và nhanh chóng xử lý sự cố. Đồng thời báo ngay cho cơ quan có chức năng và phối hợp với đơn vị chuyên môn để có biện pháp khắc phục sự cố kịp thời.

+ Định kỳ lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn quy định.

+ Mỗi năm trạm y tế có kế hoạch bảo trì định kỳ hệ thống xử lý nước thải. Đề ra phương án cải tạo nâng cấp hoặc xây mới nếu hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo hiệu quả.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.3.1 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4. 9 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

TT	Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Số lượng		Kế hoạch thực hiện
		Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*	
Giai đoạn thi công xây dựng				
Các biện pháp bảo vệ môi trường:				
	Trong quá trình xây dựng, dự án sẽ thực hiện các biện pháp: - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí (bụi, khí thải) từ các phương tiện vận chuyển đất đào, VLXD, các thiết bị thi công trên công trường. - Giảm thiểu nước thải sinh hoạt của công nhân (bố trí nhà vệ sinh di động), nước mưa chảy tràn trên công trường (đào mương thoát tạm xung quanh, đối với trạm y tế Tân Thành → cống thoát nước trên đường ĐT 746; trạm y tế Hòa Lợi → mương thóa nước hiện hữu và tự thấm). - Biện pháp phân loại thu gom, vận chuyển CTR (bố trí các thùng chứa CTR sinh hoạt, kho chứa CTNH tạm, hợp đồng thu gom vận chuyển). - Giảm thiểu tiếng ồn, rung, nhiệt - Giảm thiểu tình hình giao thông, an ninh trật tự khu vực và tác động đến đối tượng xung quanh. - Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, giao thông, sụt lún công trình.	-	-	Chuẩn bị trước khi triển khai và thực hiện trong suốt quá trình xây dựng
Các công trình bảo vệ môi trường				
1	Rào tôn xung quanh khu vực công trường	1 hệ thống	1 hệ thống	Chuẩn bị trước khi xây dựng
2	Rãnh thoát nước mưa tạm thời	1 hệ thống	1 hệ thống	Trong quá trình chuẩn bị xây dựng

TT	Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Số lượng		Kế hoạch thực hiện
		Trạm y tế Tân Thành	*Trạm y tế Hòa Lợi*	
3	Các thùng chứa chất thải trên công trường (có nắp đậy) để lưu trữ CTR sinh hoạt, CTNH	2 thùng 120 lít	2 thùng 80 lít	Bố trí trong quá trình xây dựng ứng với từng giai đoạn thi công
4	Kho chứa CTNH (thu gom cùng với chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm của bệnh viện)	1 kho	1 kho	
5	Hệ thống phòng cháy chữa cháy tạm thời tại công trường (bình cứu hỏa, vòi xịt, bơm nước,…)	1 hệ thống	1 hệ thống	Trong suốt quá trình xây dựng
6	Bảo hộ lao động	70 bộ	50 bộ	
7	Nhà vệ sinh di động	4 cái	3 cái	
Giai đoạn hoạt động				
Các biện pháp bảo vệ môi trường				
	Trong quá trình hoạt động, dự án thực hiện các biện pháp: - Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí (bụi, khí thải) từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, máy phát điện dự phòng, mùi từ hệ thống XLNT, vị trí tập kết chất thải rắn. - Giảm thiểu ô nhiễm nước thải: nước thải y tế được xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn quy định trước khi dẫn vào nguồn tiếp nhận. - Biện pháp phân loại thu gom, vận chuyển CTR, tập kết tại các vị trí quy định, bố trí kho chứa lưu trữ tương ứng với từng loại chất thải, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển. - Giảm thiểu tình hình giao thông và các tác động đến đối tượng xung quanh - Các biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ, tình hình giao thông, sự cố hệ thống XLNT.	-	-	Trong suốt quá trình hoạt động
Các công trình bảo vệ môi trường				
1	Hệ thống thoát nước thải	1 hệ thống	1 hệ thống	Thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng và hoàn thành trước khi dự án hoạt động
2	Hệ thống thoát nước mưa	1 hệ thống	1 hệ thống	
3	Hệ thống xử lý nước thải, công suất 5m^3/ngày đêm	1 hệ thống	1 hệ thống	

TT	Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Số lượng		Kế hoạch thực hiện
		Trạm y tế Tân Thành	***Trạm y tế Hòa Lợi***	
4	Các thùng chứa phù hợp với từng loại chất thải để lưu trữ chất thải rắn thông thường, chất thải y tế nguy hại	-	-	Trang bị trước khi dự án đi vào hoạt động
5	Kho chứa chất thải rắn thông thường	1 kho 6m^2	1 kho 4m^2	
6	Kho chứa chất thải y tế nguy hại	1 kho 6m^2	1 kho 4m^2	
7	Trồng cây xanh theo quy hoạch	687,86m^2	359,62 m^2	Trồng cây xanh trong và sau giai đoạn xây dựng

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Bảng 4. 10 Đánh giá độ tin cậy của các đánh giá

Stt	Các đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sự cố môi trường	Mức độ chi tiết, tin cậy	Nguyên nhân
A. Giai đoạn xây dựng dự án			
a. Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải			
1	Tác động đến môi trường không khí	Trung bình	- Không có số liệu chi tiết về thời gian hoạt động của các thiết bị phục vụ thi công xây dựng - Tính toán lý thuyết dựa vào hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập
2	Tác động đến môi trường nước	Cao	- Có thể dự tính được các nguồn gây ô nhiễm môi trường nước - Tham khảo các giáo trình đã được đánh giá và kiểm chứng các dự án tương tự nên có độ tin cậy cao
3	Tác động do chất thải rắn	Cao	- Có thể dự tính được các loại chất thải và ước tính được khối lượng phát sinh - Tham khảo thực tế của các công trình đang xây dựng
b. Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			

Stt	Các đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sự cố môi trường	Mức độ chi tiết, tin cậy	Nguyên nhân
4	Tiếng ồn, rung, tình hình giao thông, an ninh trật tự xã hội, tác động đến khu vực lân cận,…	Trung bình	- Không có số liệu chi tiết về thời gian và khối lượng của các hạng mục thi công. Độ tin cậy ở mức tương đối.
c. Sự cố, rủi ro môi trường			
1	Tai nạn lao động, cháy nổ, sự cố ngập úng, sụt lún khu vực dự án…	Cao	- Tham khảo thực tế đã xảy ra tại một số công trình.
B.Giai đoạn dự án đi vào hoạt động			
Nguồn gây tác động liên quan đến chất thải			
1	Tác động đến môi trường không khí	Trung bình	- Có thể dự tính được các nguồn gây ô nhiễm môi trường không khí - Đánh giá trên cơ sở còn hạn chế do không có số liệu chi tiết.
2	Tác động đến môi trường nước	Cao	- Từ quy mô hoạt động của dự án có thể ước tính lượng nước thải phát sinh và các tác động có thể ảnh hưởng đến môi trường nước, đất - Tham khảo thực tế của các dự án đã đi vào hoạt động
3	Tác động do chất thải rắn	Trung bình	- Có thể dự tính được các nguồn phát sinh chất thải và ước tính khối lượng phát sinh. - Đánh giá trên cơ sở còn hạn chế do không có số liệu chi tiết
Nguồn gây tác động không liên quan đến chất thải			
1	Tiếng ồn, tác động về mặt kinh tế xã hội, tình hình giao thông, tác động đến các đối tượng xung quanh…	Trung bình	- Việc đánh giá còn mang tính chung chung lý thuyết. - Khả năng xảy ra các tác động xấu này còn phụ thuộc vào cách thức quản lý và biện pháp thực hiện của đơn vị quản lý.
Sự cố, rủi ro môi trường			
1	Sự cố về điện, tai nạn giao thông, sự cố trạm xử lý nước thải,…	Trung bình	- Tham khảo thực tế đã xảy ra tại một số dự án

Stt	Các đánh giá tác động môi trường, các rủi ro sự cố môi trường	Mức độ chi tiết, tin cậy	Nguyên nhân
			- Do hạn chế về mặt chuyên môn, không đánh giá được hết các sự cố có thể xảy ra.

CHƯƠNG V
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Đối với trạm y tế thị trấn Tân Thành: nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (k=1,2) được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của trạm, sau đó đấu nối vào cống thoát nước mưa BTCT Ø1000 trên đường ĐT 746.

Đối với trạm y tế phường Hòa Lợi: nước thải sau khi xử lý đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (k=1,2) được dẫn vào hệ thống thoát nước mưa chung của trạm, giai đoạn đầu được dẫn vào hầm thấm nước mưa (có thể tích chứa nước 50m^3), giai đoạn sau sẽ đấu nối vào hệ thống thoát nước tại khu vực trên đường ĐT 741.

Nước thải của Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" không xả trực tiếp ra môi trường. Căn cứ theo Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Trong quá trình hoạt động, Dự án không phát sinh nguồn khí thải phải xử lý. Căn cứ theo Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải.

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

Trong quá trình hoạt động của Dự án, tiếng ồn chủ yếu phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào Dự án, hoạt động của máy phát điện dự phòng (gián đoạn, không liên tục chỉ sử dụng trong trường hợp mất điện), từ thiết bị vận hành hệ thống xử lý nước thải, từ hoạt động khám chữa bệnh. Tuy nhiên, tiếng ồn từ các hoạt động này có thể hạn chế bằng cách áp dụng các biện pháp giảm thiểu. Căn cứ theo Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải của Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" khoảng 01 tháng. Kế hoạch dự kiến tại Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi:

+ Thời gian bắt đầu: tháng 02/2024

+ Thời gian kết thúc: tháng 03/2024

Trường hợp hệ thống xử lý chưa ổn định, thời gian vận hành thử nghiệm có thể kéo dài hơn nhưng không quá 6 tháng từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Nếu sau 6 tháng kết quả vận hành thử nghiệm vẫn chưa ổn định, đơn vị quản lý sẽ có báo cáo lên Sở Tài nguyên và Môi trường để trình bày những vấn đề còn tồn tại, thời gian cần để khắc phục và xin phép kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm.

6.1.2 Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại *Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020* và *điểm b, khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP* ngày 10/01/2022.

Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại *Điều 21, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT* ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành thử nghiệm của Dự án, tại Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 6. 1 Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm của Dự án

Stt	Vị trí	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
Đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình bảo vệ môi trường					

Stt	Vị trí	Số lượng mẫu	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	***Giám sát nước thải***				
1	Nước thải sau xử lý, tại hố ga giám sát	1 mẫu	pH, BOD_5, COD, TSS, Nitrat, Amoni, Phosphat, Sunfua, Dầu mỡ ĐTV, Coliforms, Salmonella; Shigella; Vibrio cholerae	1 ngày/lần (3 ngày liên tiếp)	QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (k=1,2)

6.2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Căn cứ theo *Phụ lục II kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP* ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường, Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" không thuộc Danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Quan trắc nước thải:

Tổng khối lượng nước thải phát sinh của Dự án ước tính 10 m^3/ngày.đêm, lưu lượng xả thải không từ 500 đến dưới 1.000m^3/ngày. Dự án không thuộc đối tượng quy định tại Cột 2 với mức lưu lượng quy định tại Cột 5 *Phụ lục XXVIII ban kèm Nghị định 08/2022/NĐ-CP* ngày 10/01/2022. Vì vậy, Dự án không thực hiện chương trình quan trắc môi trường nước thải định kỳ.

Quan trắc khí thải:

Dự án không thực hiện chương trình quan trắc khí thải định kỳ theo quy định tại *khoản 3, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.*

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ vào *khoản 2, Điều 97 và khoản 2, Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022*, Dự án "Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục, chất thải.

6.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án

Giám sát chất thải rắn:

Thành phần, khối lượng, chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường, chất thải rắn sinh hoạt sẽ được kiểm tra hằng ngày.

Đơn vị quản lý Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Trạm y tế phường Hòa Lợi cam kết lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

✍ *Giám sát sức khỏe người lao động:*

Đo kiểm môi trường và lập hồ sơ báo cáo 1 lần/năm.

6.4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Không có.

CHƯƠNG VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương là chủ dự án đầu tư "Xây mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" cam kết:

- Cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.
- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải đạt các tiêu chuẩn và quy chuẩn hiện hành về môi trường như đã nêu trong bản báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.
- Cam kết xây dựng các công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động và vận hành thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động. Đảm bảo các nguồn phát sinh chất thải do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành:

Khí thải:

+ Đảm bảo khí thải trước khi xả thải đạt quy chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ.

Nước thải

+ Hệ thống thu gom nước mưa được tách riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải (chưa qua xử lý).

+ Nước thải được thu gom, xử lý cục bộ đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A (k=1,2).

Chất thải rắn

+ Toàn bộ CTR sẽ được thu gom, phân loại, lưu giữ và hợp đồng xử lý đúng theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết không sử dụng các loại hóa chất, chủng vi sinh bị cấm theo quy định của Việt Nam và các công ước quốc tế.
- Thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, tràn đổ hóa chất như đã trình bày trong báo cáo.
- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm như đã đề ra trong báo cáo trong suốt quá trình hoạt động, cho đến khi kết thúc dự án.
- Bên cạnh đó, chủ đầu tư cam kết đảm bảo trật tự, an ninh tại khu vực, phối hợp với ban quản lý khu công nghiệp và chính quyền địa phương trong việc quản lý dự án trong giai đoạn xây dựng cũng như hoạt động.
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam nếu xảy sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CHUNG CỦA DỰ ÁN

- Quyết định số 2109/QĐ-UBND ngày 22/07/2011 của UBND tỉnh Bình Dương thành lập Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 3632/UBND-VX ngày 19/07/2022 của UBND tỉnh Bình Dương V/v đăng ký danh mục đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (lần 3).
- Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).
- Công văn số 4220/UBND-KT ngày 17/08/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).
- Biên bản họp thẩm định ngày 26/08/2022 Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).
- Công văn số 3126/UBND-KT ngày 30/08/2022 của UBND thị xã Bến Cát V/v góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 3209/STNMT-CCQLĐĐ ngày 08/09/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v góp ý chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế thành phố Thuận An; Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tyến xã, tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 458/STC-TCĐT ngày 13/02/2023 của Sở Tài chính về việc góp ý chủ trương đầu tư dự án 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 595/SXD-QHKT ngày 16/02/2023 của Sở Xây dựng về việc góp ý hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.
- Công văn số 564/SYT-KHTC ngày 02/03/2023 của Sở Y tế về việc đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế Tân Thành và Hòa Lợi.
- Công văn số 747/STNMT-CCBVMT ngày 03/03/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường V/v ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương (lần 2).
- Thông báo số 86/TB-UBND ngày 10/03/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về Kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án sử dụng nguồn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.
- Quyết định số 596/QĐ-UBND ngày 21/03/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

- Công văn số 2880/UBND-KTTH ngày 29/08/2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên gửi Công ty CP Cao su Phước Hòa về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Công văn số 621/CSPH-KT ngày 30/08/2022 của Công ty CP Cao su Phước Hòa phúc đáp công văn số 2880/UBND-KTTH ngày 29/08/2022 của UBND huyện Bắc

Tân Uyên về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.

- Công văn số 2882/UBND-NC ngày 29/08/2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên gửi Công an tỉnh Bình Dương về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Công văn số 652/CAT-PH10 ngày 16/09/2022 của Công an tỉnh Bình Dương gửi UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Báo cáo số 373/BC-UBND ngày 20/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành.
- Công văn số 63/UBND-KT ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh Bình Dương V/v vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Công văn số 394/UBND-KTTH ngày 15/02/2023 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc góp ý hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Báo cáo số 67/BC-UBND ngày 10/03/2023 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành.
- Công văn số 647/SYT-KHTC ngày 10/03/2023 của Sở Y tế về việc đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế Tân Thành.

VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT

- Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường số 09/GXN-UBND của UBND thị xã Bến Cát cấp cho Trạm y tế phường Hòa Lợi ngày 09/01/2015.
- Thông báo số 65/TNMT-MT của UBND thị xã Bến Cát ngày 19/01/2015 về xác nhận hoàn thành công trình hệ thống xử lý nước thải của Trạm y tế phường Hòa Lợi.
- Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số T37016012011/75/-CN-UB, tên cơ quan Trạm y tế xã Hòa Lợi do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/06/2003, với diện tích 1.713m^2.
- Báo cáo số 225/BC-QLĐT ngày 29/09/2022 của Phòng Quản lý Đô thị về việc khảo sát đánh giá hiện trạng Trạm Y tế Hòa Lợi.
- Công văn số 3741/UBND-KT ngày 07/10/2022 của UBND thị xã Bến Cát về việc đánh giá hiện trạng Trạm y tế phường Hòa Lợi.
- Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 22/12/2022 của UBND thị xã Bến Cát về kết quả khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.
- Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thị xã Bến Cát về kết quả khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.
- Báo cáo số 37/BC-UBND ngày 22/02/2023 của UBND thị xã Bến Cát báo cáo kết quả xác định diện tích đất thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình của Trạm y tế phường Hòa Lợi.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2109/QĐ-UBND	*Bình Dương, ngày 22 tháng 7 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương

CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 01
Ngày ..... Tháng ..... Năm .....

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 529/TTr-SNV ngày 13/7/2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Bình Dương.

Điều 2.

1. Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị sự nghiệp có thu trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Ban có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Ban có chức năng: Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư, đồng thời làm chủ đầu tư đối với các dự án được Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

3. Ban có Giám đốc và không quá 03 Phó giám đốc. Các chức vụ này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Cơ chế hoạt động của Ban thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về

thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Ban hoạt động theo Quy chế do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị, Giám đốc Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thanh Cung

Nơi nhận:
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMT TQ tỉnh;
- CT và các PCT;
- Như điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Công an tỉnh;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3632 /UBND-VX V/v đăng ký danh mục đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội (lần 3).	*Bình Dương, ngày 19 tháng 7 năm 2022*

Kính gửi: Bộ Y tế.

Căn cứ công văn số 3388/BYT-KHTC ngày 28/6/2022 của Bộ Y tế về việc rà soát danh mục các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội thuộc lĩnh vực y tế; Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Qua thống kê, rà soát thực trạng, nhu cầu của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh và các điều kiện về thời gian hoàn thành dự án, khả năng cân đối bố trí vốn cho dự án, UBND tỉnh tổng hợp nhu cầu đầu tư trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

Đề xuất 03 danh mục nhận hỗ trợ đầu tư từ Trung ương trong Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội triển khai đầu tư trong năm 2022 - 2023 tại Trung tâm Y tế Thuận An, Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế Bắc Tân Uyên và Bến Cát *(gửi kèm theo Phụ lục)*.

UBND tỉnh cam kết và đảm bảo tiến độ triển khai dự án đầu tư; UBND tỉnh Bình Dương báo cáo Bộ Y tế xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, KHĐT;
- LĐVP, TH;
- Lưu: VT, H.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lộc Hà

PHỤ LỤC
NHU CẦU ĐẦU TƯ Y TẾ CƠ SỞ
(Kèm theo công văn số 3632/UBND-VX ngày 19/7/2022 của UBND tỉnh Bình Dương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Trong đó		Kế hoạch thực hiện		Thời gian hoàn thành	Ghi chú
			NSTW	NSĐP	Năm 2022	Năm 2023		
	Tổng số	35.000.000.000	35.000.000.000		17.500.000.000	17.500.000.000		
1. Trung tâm Y tế Thuận An								
1	Nâng cấp, cải tạo một số khoa lâm sàng thuộc Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An	10.064.491.862	10.064.491.862		5.032.245.931	5.032.245.931	2023	
2. Trung tâm Y tế Bắc Tân Uyên								
1	Xây mới Trạm Y tế Tân Thành	12.467.754.069	12.467.754.069		6.233.877.035	6.233.877.035	2023	
3. Trung tâm Y tế Bến Cát								
1	Xây mới Trạm Y tế Hòa Lợi	12.467.754.069	12.467.754.069		6.233.877.035	6.233.877.035	2023	

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 681/TTg-KTTH V/v thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2)	*Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi:
- Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ: Y tế, Quốc phòng, Công an, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, trên cơ sở danh mục và mức vốn được thông báo tại văn bản này khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án theo đúng mục tiêu, định hướng và nguyên tắc, tiêu chí như sau:

1. Danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo. Cụ thể:

(1) Về lĩnh vực y tế là 13.198 tỷ đồng cho **144** dự án để đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng, trung tâm kiểm soát bệnh tật cấp vùng, nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh của viện và bệnh viện cấp trung ương của 144 dự án.

(2)* Về đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng: *10.299 tỷ đồng cho 06 dự án[1].

Số vốn thông báo tại các điểm (1) và (2) nêu trên là số dự kiến, số vốn kế hoạch chính thức sẽ được Thủ tướng Chính phủ giao trên cơ sở báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương theo yêu cầu tại văn bản này, ý kiến của

[1] Gồm: (1) Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Tuyên Quang); (2) Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Hà Giang); (3) Đầu tư đường cao tốc Hòa Bình – Mộc Châu (đoạn từ Km19 đến Km53 trên địa bàn tỉnh Hòa Bình); (4) Xây dựng cầu vượt sông Đáy nối tỉnh Ninh Bình và tỉnh Nam Định thuộc tuyến đường bộ cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng; (5) Dự án Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu 2; (6) Dự án đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã Phước Dinh, huyện Thuận Nam và xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải (Đề án ổn định sản xuất, đời sống nhân dân và phát triển khu dân cư đối với các vị trí trước đây quy hoạch xây dựng Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1 và 2).

Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội.

2. Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chỉ đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Đầu tư công, trong đó lưu ý các nguyên tắc sau:

- Mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Trình tự, thủ tục lập, thẩm định phê duyệt dự án phải bảo đảm quy định của Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật liên quan.

- Bảo đảm khả năng cân đối vốn cho dự án để hoàn thành đúng tiến độ, bố trí vốn cho các dự án theo đúng thời gian quy định tại Điều 52 Luật Đầu tư công, trong đó số vốn ngân sách trung ương (NSTW) trong tổng mức đầu tư của dự án phải phù hợp với mức vốn NSTW thông báo tại văn bản này. Đối với các dự án có tổng mức đầu tư cao hơn mức vốn NSTW bố trí, các địa phương phải cam kết và báo cáo Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết phân bổ vốn ngân sách địa phương trong giai đoạn 2021-2025 để cân đối đủ vốn cho dự án, không để nợ đọng xây dựng cơ bản và dự án chậm tiến độ do thiếu vốn. Trong trường hợp điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư của dự án so với tổng mức đầu tư đã được cấp có thẩm quyền giao vốn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chủ động bố trí số vốn còn thiếu từ NSNN và nguồn vốn hợp pháp khác do cấp mình quản lý để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2022-2025.

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan; kiên quyết xóa bỏ cơ chế "xin - cho", chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm.

Ngoài các nội dung trên, đề nghị:

a) Bộ Y tế chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các địa phương sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư, đầu tư đúng đối tượng của Chương trình, đúng quy định của Luật Đầu tư công và cân đối đủ vốn hoàn thành dự án đúng tiến độ, phát huy hiệu quả ngay (có cam kết của các địa phương về việc bố trí vốn NSĐP đối với các dự án có tổng mức đầu tư cao hơn so với mức NSTW hỗ trợ từ Chương trình); chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan có liên quan về danh mục dự án, mức vốn đề xuất bố trí cho các dự án.

b) Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trong việc đề xuất danh mục, mức vốn và thông tin, số liệu các nhiệm vụ, dự án sử dụng nguồn vốn từ Chương trình, bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội và hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Chương trình.

3. Tiến độ thực hiện

Đề nghị các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tập trung chỉ đạo hoàn thành thủ tục đầu tư dự án chậm nhất là **30 ngày kể từ ngày** Thủ tướng Chính phủ thông báo danh mục và mức vốn; các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải hoàn thành các thủ tục đầu tư (phê duyệt chủ trương đầu tư), báo cáo về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày **30/8/2022 để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định**. Báo cáo nhiệm vụ, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội phải thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 6 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ, thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công.

Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm toàn diện trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm toán về danh mục, mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án, tính chính xác và thống nhất về thông tin, số liệu giữa báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và văn bản báo cáo; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về sự chậm trễ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong trường hợp báo cáo gửi chậm so với thời gian quy định.

Trong quá trình triển khai, các đơn vị phối hợp chặt chẽ, thường xuyên với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xử lý, hướng dẫn, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc phát sinh. Trường hợp vượt thẩm quyền, đề nghị có báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
-Thủ tướng CP, các PTTg CP;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- VPCP: BTCN, PCN Mai Thị Thu Vân, Trợ lý TTg, các vụ: TH, TKBT, CN, NN, KGVX, PL, QHĐP;
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW (danh sách kèm theo);
- Lưu: VT, KTTH.

TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Nguyễn Chí Dũng

Tỉnh Bình Dương

PHỤ LỤC I
DỰ KIẾN TỔNG MỨC VỐN ĐẦU TƯ TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

(Kèm theo văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự kiến số vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH
	Tổng số	**35.000**
	ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ	35.000

Tỉnh Bình Dương

PHỤ LỤC II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN DỰ KIẾN ĐẦU TƯ

TỪ CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ -XÃ HỘI

(Kèm theo văn bản số 681/TTg-KTTH ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Dự kiến số vốn đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển KT-XH
	Tổng số	**35.000**
	Bình Dương	**35.000**
I	**ĐẦU TƯ NÂNG CAO NĂNG LỰC Y TẾ DỰ PHÒNG, Y TẾ CƠ SỞ**	**35.000**
1	Dự án nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương	10.065
2	Dự án xây mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương	24.935

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
17.08.2022 15:23:44 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4220/UBND-KT V/v lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2)	*Bình Dương, ngày 17 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Y tế;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh;
- UBND Thành phố Thuận An;

Căn cứ Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc thông báo danh mục và mức vốn cho các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2) và Công văn số 5604/BKHĐT-TH ngày 10/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2371/SKHĐT-KGVX ngày 17/8/2022;

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh phối hợp với Sở Y tế, UBND thị xã Bến Cát, UBND huyện Bắc Tân Uyên và các đơn vị liên quan nghiên cứu thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án "Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương", trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 30/8/2022 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

2. Giao nhiệm vụ cho UBND thành phố Thuận An phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan nghiên cứu thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án "Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương", trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư trước ngày 30/8/2022 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công.

3. Giao Sở Y tế hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị được giao nhiệm vụ sớm hoàn thiện thủ tục đầu tư, thực hiện đầu tư đúng đối tượng của Chương trình,

đẩy nhanh tiến độ triển khai của dự án phù hợp với tiến độ bố trí vốn của Trung ương, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về danh mục, mức vốn đề xuất bố trí cho các dự án và hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Chương trình.

4. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh tổng hợp, thông báo vốn Ngân sách Trung ương bố trí cho các dự án trên trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định; báo cáo tình hình thực hiện đầu tư các dự án trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công và báo cáo bằng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 30/8/2022 theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- UBND Thị xã Bến Cát;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- KBNN tỉnh;
- LĐVP, Thg, KT, KGVX;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2)

I. Thời gian và địa điểm

1. Thời gian : 10 giờ 00, thứ Sáu, ngày 26/8/2022
2. Địa điểm: Hội trường Sở Kế hoạch và Đầu tư

II. Thành phần dự họp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Ông Lai Xuân Đạt: Phó Giám đốc – Chủ trì
- Ông Nguyễn Lê Tuân: Trưởng phòng Khoa giáo – Văn xã.
- Bà Nguyễn Nhị Hà: Phó Trưởng phòng Khoa giáo – Văn xã.
- Ông Dương Tấn Thành: Trưởng phòng Tổng hợp – Quy hoạch

2. Đại diện Văn phòng UBND tỉnh: Vắng

3. Đại diện Sở Tài chính

- Bà Trần Ngọc Lan – chuyên viên phòng Đầu tư

4. Đại diện Sở Y tế

- Ông Nguyễn Văn Chinh – Phó Trưởng phòng

5. Đại diện Sở Xây dựng

- Ông Phạm Hữu Hoàng – Chuyên viên

6. Đại diện UBND thành phố Thuận An

- Ông Nguyễn Thanh Quan – Phó Giám đốc Ban QLDA
- Ông Trần Sỹ Huân – Cán bộ Ban QLDA

7. Đại diện Trung tâm Y tế Thuận An

- Ông Võ Nhật Khương – Phó Giám đốc

8. Đại diện UBND thị xã Bến Cát

- Ông Nguyễn Minh Tuấn – Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch
- Ông Lê Thành Trung – Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã

9. Đại diện Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên

- Ông Nguyễn Văn Thệ - Giám đốc Trung tâm Y tế

10. Đại diện Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

- Ông Nguyễn Thái Bình – Trưởng phòng

11. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai
- Bà Trần Thị Hương Giang- Chuyên viên Chi cục Quản lý đất đai

II. Nội dung, diễn biến cuộc họp

A. Dự án: Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An

1. Ông Nguyễn Lê Tuân – Trưởng phòng Khoa giáo – Văn xã

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4220/UBND-KT ngày 17/8/2022 về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

Căn cứ Tờ trình số 2216/TTr-UBND ngày 23/8/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An về việc xem xét thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Công trình Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An. Sở Kế hoạch và Đầu tư mời các đơn vị dự họp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Ý kiến của các đơn vị

2.1. Ý kiến của UBND thành phố Thuận An

Đại diện UBND thành phố Thuận An và đơn vị tư vấn trình bày nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An.

Khối khám chữa bệnh (giai đoạn 2 – năm 2008) từ lúc đưa vào sử dụng đến nay chưa được thực hiện cải tạo, sửa chữa, xuất hiện nhiều hư hỏng và xuống cấp: nền gạch cũ, trần bị thấm mốc nghiêm trọng, hệ thống điện bị hư hỏng, hệ thống nước đường ống nước rò rỉ… do đó cần phải Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Y tế thành phố Thuận An.

2.2. Ý kiến của Sở Xây dựng

- Thống nhất sự cần thiết đầu tư cải tạo, sửa chữa Trung tâm Y tế Thuận An.

- Về thủ tục pháp lý: đề nghị Chủ đầu tư chỉnh sửa tiêu đề phù hợp với nội dung công việc thực hiện, do theo nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư nội dung là Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An; tuy nhiên, khối lượng công việc thực hiện chủ yếu là sữa chữa công trình, duy tu – bảo dưỡng thiết bị; bổ sung Biên bản khảo sát hiện trạng Trung tâm Y tế Thuận An của các Sở, ngành, UBND thành phố Thuận An, Trung tâm Y tế Thuận An...

- Căn cứ Công văn 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5604/BKHĐT-TH ngày 10/8/2022 của Bộ KHĐT, đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn điều chỉnh thời gian thực hiện dự án 2022-2023 cho phù hợp.

- Dự án thuộc đối tượng lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, do đó, căn cứ theo quy định của Thông tư số 11/2021/TT-BXD, đề nghị điều chỉnh chi phí dự phòng do yếu tố khối lượng không quá 5%.

Cơ sở tính toán chi phí sửa chữa về cơ bản thống nhất với Chủ đầu tư.

2.3 Ý kiến Sở Tài chính:

- Về nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự án theo đề xuất của đơn vị phù hợp với mức vốn dự kiến được phân bổ từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH (Ngân sách Trung ương) tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5604/BKHĐT-TH ngày 10/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan để xem xét, tham mưu bố trí vốn dự án theo đúng quy định.

- Về quy mô đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan về quy mô đầu tư dự án, khả năng kết nối đồng bộ với cơ sở hạ tầng hiện có của đơn vị, đảm bảo đầu tư đúng tiêu chuẩn, định mức theo quy định để làm cơ sở tổ chức thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Chủ đầu tư rà soát quy mô đầu tư dự án, tránh đầu tư trùng lắp với các hạng mục đã được đầu tư bằng hình thức xã hội hóa tại Trung tâm y tế thành phố Thuận An.

- Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, điều chỉnh thời gian thực hiện dự án cho phù hợp với thời gian phân bổ vốn Ngân sách Trung ương thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

- Đề nghị bổ sung Biên bản khảo sát, đánh giá hiện trạng.

2.4 Ý kiến Sở Y tế:

Đối với dự án nâng cấp, sửa chữa các khoa lâm sàng của Trung tâm Y tế Thuận An: Đề nghị bổ sung các nội dung liên quan đến quy mô giường bệnh, tiêu chuẩn chiếu sáng trong lĩnh vực y tế và biên bản khảo sát hiện trạng các nội dung sữa chữa, nâng cấp.

2.5. Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a. Ông Nguyễn Lê Tuân

Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo giao vốn từ Chương trình phục hồi kinh tế xã hội (đợt 2), dự án cũng đã được UBND tỉnh giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, do đó đủ cơ sở lập và trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Hồ sơ Báo cáo đề xuất chủ trương dự án chưa bao gồm bảng khái toán tổng mức đầu tư, đề nghị bổ sung.

Do gấp rút về mặt thời gian, phải phê duyệt chủ trương trước 30/8/2022, do đó đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo góp ý các ngành, các Sở, ngành liên quan góp ý bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất sáng thứ hai (ngày 29/8/2022) để Sở thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo thời gian theo quy định.

b. Ông Dương Tấn Thành - Phòng Tổng hợp : Không ý kiến

2.6 Ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường:

Đây là dự án cần có giấy phép về môi trường vì vậy đề nghị Chủ đầu tư bổ sung.

B. Dự án: Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

1. Ông Nguyễn Lê Tuân – Trưởng phòng Khoa giáo – Văn xã

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 4220/UBND-KT ngày 17/8/2022 về việc lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

Căn cứ Tờ trình số 17/TTr-QLDA ngày 24/8/2022 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh về việc xem xét thẩm định và phê duyệt Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Công trình Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Sở Kế hoạch và Đầu tư mời các đơn vị dự họp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương theo quy định của Luật đầu tư công, Luật đấu thầu.

2. Ý kiến của các đơn vị

2.1. Ý kiến Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh trình bày nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

2.2. Ý kiến của Sở Xây dựng

Trạm Y tế Hoà Lợi đã có trạm cũ đề nghị Chủ đầu tư thuyết minh giải trình thêm khi đầu tư xây dựng mới khi trạm cũ sử dụng vào mục đích gì.

Trạm Y tế Tân Thành: chưa có căn cứ pháp lý về đất đai đề nghị làm rõ.

Bổ sung cơ sở suất đầu tư khoảng 6,5 triệu/m2.

Trong hồ sơ tính toán chi phí trượt giá chưa thống nhất đề nghị điều chỉnh.

Tính toán lại quy mô nước thải cho phù hợp với thực tế sử dụng.

Phân loại vùng theo TT 32/BYT để tính toán các hạng mục đầu tư theo quy định

2.3. Ý kiến Sở Tài chính

Về nguồn vốn: Tổng mức đầu tư dự án theo đề xuất của đơn vị phù hợp với mức vốn dự kiến được phân bổ từ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH

(Ngân sách Trung ương) tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5604/BKHĐT-TH ngày 10/8/2022 của Bộ KHĐT. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan để tham mưu bố trí vốn dự án theo đúng quy định.

Về quy mô đầu tư: đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát lại quy mô đầu tư dự án và lấy ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành để thực hiện đầu tư theo đúng quy định.

2.4. Ý kiến Sở Y tế

Bổ sung năm xây dựng Trạm Y tế Hoà Lợi trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư để thấy được công trình đã cũ, xuống cấp cần thiết phải đầu tư xây dựng mới.

Khu chức năng sản không đầu tư trong Trạm Y tế Tân Thành.

Hệ thống nước thải nên điều chỉnh giảm lượng xử lý nước thải với quy mô và công nghệ tối thiểu.

2.5 Ý kiến Phòng Tài chính – Kế hoạch thị xã Bến Cát

Thống nhất chủ trương đầu tư xây dựng Trung tâm Y tế

Qua ra soát đất đã phù hợp với quy hoạch và vốn phù hợp với quy định đề nghị Chủ đầu tư tiến hành thực hiện dự án.

2.6 Ý kiến Trạm Y tế phường Hoà Lợi

Hệ thống thoát nước: hiện trạng khu đất là khu vực thấp nên dễ bị ngập, đề nghị Chủ đầu tư lưu ý khi thực hiện dự án.

Về hàng rào hiện tại đang sử dụng chung với UBND thị xã Bến Cát, do đó đề nghị xây dựng mới để đảm bảo khuôn viên của Trạm Y tế.

2.7 Ý kiến của Trạm Y tế thị trấn Tân Thành

Hiện trạng trên địa bàn đã có 01 trạm y tế cũ, việc triển khai thêm 1 trạm y tế cùng trên một khu đất sẽ gây khó khăn, trùng lắp. Do đó đề nghị đầu tư trạm y tế ở một khu đất mới, trạm Y tế cũ sẽ chuyển đổi công năng thành khu điều trị Covid hoặc khu săn sóc đặc biệt, hồi sức chống độc.

Về đất đai: thống nhất đầu tư xây dựng, đã có biên bản khảo sát khu đất hiện trạng.

2.9 Ý kiến Sở Tài nguyên và Môi trường

Trạm Y tế Tân thành: đề nghị huyện xem xét chọn vị trí do chưa có thoả thuận giữa Công ty cao su Phước Hoà và trạm y tế, do đó không có căn cứ pháp lý.

Trạm y tế Hoà Lợi: được xây dựng trên khu đất hiện hữu của trạm y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất.

Dự án thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đề nghị điều chỉnh lại trong Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2.10 Ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Ông Nguyễn Lê Tuân

Biên bản hiện trạng của trạm y tế thị xã Bến Cát chưa có đề nghị bổ sung.

Trạm y tế thị trấn Tân Thành chưa có căn cứ pháp lý đề nghị chủ đầu tư làm rõ nội dung này.

b. Bà Nguyễn Nhị Hà

Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ thông báo giao vốn từ Chương trình phục hồi kinh tế xã hội (đợt 2), dự án cũng đã được UBND tỉnh giao lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, do đó đủ cơ sở lập và trình thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư.

Theo Biên bản giữa UBND huyện Bắc Tân Uyên và đại điện Công ty CP Cao su Phước Hòa thì công ty CP Cao su Phước Hòa chưa có ý kiến thống nhất việc bàn giao khu đất hay không và sẽ trả lời bằng văn bản, đề nghị UBND huyện đôn đốc Công ty Cao su Phước Hòa có văn bản trả lời.

Hiện trạng khu đất đang là đất trồng cây lâu năm, Theo điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Bắc Tân Uyên tại Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 thì khu đất được quy hoạch là đất ở tại đô thị, không phù hợp quy hoạch, đề nghị sau khi được bàn giao đất, UBND huyện Bắc Tân Uyên làm thủ tục cập nhật quy hoạch sử dụng khu đất là đất y tế.

Theo quy định tại Nghị định 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định chính sách miễn giảm, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội, quy định các công việc này thuế giá trị gia tăng là 8%, đề nghị điều chỉnh lại cho phù hợp.

Do gấp rút về mặt thời gian, phải phê duyệt chủ trương trước 30/8/2022, do đó đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo góp ý các ngành, các Sở, ngành liên quan góp ý bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất sáng thứ hai (ngày 29/8/2022) để Sở thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo thời gian theo quy định.

Theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thuế suất chưa phù hợp, đề nghị điều chỉnh thuế suất 8% tại thời điểm thẩm định cho phù hợp với quy định hiện hành.

c. Ông Dương Tấn Thành - Phòng Tổng hợp

2.11 Ý kiến của Ban Quản lý dự án

Đây là 2 dự án xây mới. Vị trí Bắc Tân Uyên sẽ phải đầu tư nhiều hơn nhưng theo quy định ngân sách hiện tại chi phí ngang nhau.

Tân Thành đã có biên bản bàn giao với Công ty cao su Phước Hoà, đề nghị UBND huyện có biên bản làm việc với Công ty cao su Phước Hoà để Ban QLDA có cơ sở triển khai dự án.

Sở Y tế có văn bản hướng dẫn đánh giá hiện trạng để đầu tư như thế nào đúng định mức, không lãng phí.

III. Kết luận:

Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị liên quan, các thành viên dự họp cùng thống nhất nội dung như sau:

-Đề nghị Chủ đầu tư phối hợp với đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo góp ý các ngành, các Sở, ngành liên quan góp ý bằng văn bản gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư chậm nhất sáng thứ hai (ngày 29/8/2022) để Sở thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt đảm bảo thời gian theo quy định.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định và trình UBND tỉnh xem xét, quyết định trong ngày thứ hai (29/8/2022), báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời tham mưu UBND tỉnh thông báo số vốn Trung ương bố trí cho các dự án ngay sau khi có Quyết định giao vốn của Chính phủ.

- Sau khi chủ trương được UBND tỉnh phê duyệt, chủ đầu tư phối hợp các Sở ngành liên quan triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo thực hiện và giải ngân theo tiến độ bố trí vốn của Trung ương.

Đề nghị có cuộc họp trong nội bộ Thị xã Bến Cát thống nhất các hạng mục đầu tư để Ban QLDA có cơ sở triển khai.

Trạm y tế thị trấn Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên : khu đất dự kiến xây dựng Trạm Y tế chưa đảm bảo pháp lý để triển khai thực hiện dự án trong năm 2022- 2023, đề nghị cung cấp thêm căn cứ pháp lý và đồng thời đề nghị UBND huyện xem xét lựa chọn khu đất mới đảm bảo đầy đủ pháp lý để tiến hành đầu tư xây dựng, nếu khu đất đề xuất không thực hiện được.

Phòng Văn xã soạn thông báo gửi các ngành ký trong chiều ngày 26/8/2022 về các khó khăn vướng mắc cùng các nội dung cần chỉnh sửa gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư trong sáng thứ 2 ngày 29/8/2022.

Cuộc họp kết thúc lúc 11 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản này được đọc lại cho các thành viên dự họp cùng nghe và thống nhất ký tên./.

Đại diện Sở Tài chính

Trần Ngọc Lan

Đại diện Sở Kế hoạch và Đầu tư

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lại Xuân Đạt

Đại diện Sở Xây dựng

Phạm Thiện Thường

Đại diện Sở Y tế

Nguyễn Văn Chính

Đại diện UBND thành phố Thuận An

Nguyễn Thanh Cảnh

Đại diện Trung tâm Y tế Thuận An

Đại diện UBND thị xã Bến Cát

Nguyễn Minh Trí

Đại diện UBND huyện Bắc Tân Uyên

Nguyễn Hồ Thế

Đại diện Sở Tài nguyên & Môi trường

Trần Thị Hồng Hạng

Vũ Thị Tuyết Trinh

Đại diện BQLDA ĐTXD tỉnh

Nguyễn Thái Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3426/UBND-KT V/v góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương	*Bến Cát, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Qua ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2742/SKHĐT-KGVX ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương và ý kiến tham mưu, đề xuất của Phòng Tài chính – Kế hoạch tại Công văn số 676/PTCKH-ĐT ngày 26 tháng 8 năm 2022; Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến góp ý như sau:

Cơ bản thống nhất đối với nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi thuộc dự án Xây dựng mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, đề nghị đơn vị tư vấn nghiên cứu thêm giải pháp kết nối với Trạm Y tế hiện hữu để đảm bảo hiệu quả trong quá trình sử dụng; đồng thời, tính toán phương án san nền hài hòa về cao độ giữa Trạm Y tế hiện hữu và phần xây dựng mới (do cao độ tự nhiên khu đất xây dựng mới rất thấp, trũng), xây dựng phương án thoát nước nước mưa cho toàn bộ khuôn viên Trạm Y tế phường Hòa Lợi, bổ sung hạng mục hàng rào.

Trên đây là phúc đáp của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng TCKH;
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Cường

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3209 /STNMT-CCQLĐĐ	*Bình Dương, ngày 08 tháng 9 năm 2022*
V/v góp ý chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An; Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương	

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được 02 Văn bản số 2472/SKHĐT-KGVX, số 2473/SKHĐT-KGVX ngày 26/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An; Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Qua xem xét hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Về mặt đất đai

a) Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm Y tế thành phố Thuận An: Theo trình bày dự án được xây dựng trên vị trí đất hiện hữu Trung tâm Y tế thành phố Thuận An tại phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An (Cải tạo Khối khám chữa bệnh diện tích 1.250m^2). Do đó, đề nghị Chủ đầu tư bổ sung pháp lý khu đất, tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hồ sơ dự án.

b) Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã: gồm 02 dự án Xây dựng trạm Y tế Tân Thành và Trạm Y tế Hoà Lợi, cụ thể:

- Dự án Xây dựng mới trạm Y tế Tân Thành: Theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư khu đất có diện tích khoảng 2.010 m^2 tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, có nguồn gốc của Công ty Cổ phần cao su Phước Hoà.

- Dự án Xây dựng mới Trạm y tế Hòa Lợi: Theo báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư khu đất có diện tích khoảng 2.146 m^2 tại phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát được xây dựng trên nền đất hiện hữu của Trạm Y tế Hoà Lợi.

Do đó, đề nghị Chủ đầu tư dự án bổ sung pháp lý khu đất, tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hồ sơ dự án.

c) Dự án xây dựng trạm y tế theo quy định pháp luật đất đai thuộc mục đích sử dụng đất xây dựng cơ sở y tế. Do hồ sơ không đính kèm sơ đồ, vị trí khu đất, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Sở Tài nguyên và Môi trường không có cơ sở đối chiếu quy hoạch sử dụng đất. Dự án thuộc trường hợp nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật đất đai. Do đó, đề nghị Chủ đầu tư thực hiện dự án đảm bảo theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

2. Về mặt môi trường

Dự án Xây mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương; Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế thành phố Thuận An thuộc Chương trình phục hồi

và phát triển kinh tế xã hội (đợt 2) và đã được UBND tỉnh giao Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh, UBND thành phố Thuận An thực hiện thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư tại Văn bản số 4220/UBND-KT ngày 17/8/2022.

b) Đối với Dự án Xây mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương:

- Xây dựng mới Trạm y tế Tân Thành có diện tích khoảng 2.010 m^2 tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên và Trạm y tế Hòa Lợi có diện tích khoảng 2.146 m^2 tại phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát bao gồm các hạng mục xây dựng như: khối chính (Trạm y tế) gồm các khu chức năng chung *(sảnh đón, quầy đón tiếp, phòng hành chính – giao ban, phòng trực, kho thuốc, lấy mẫu xét nghiệm, phòng tiêm, phòng họp, phòng bếp...),* khu chức năng cho bệnh nhân thường *(phòng khám bệnh, y dược học cổ truyền, phòng tập phục hồi chức năng, phòng lưu bệnh nhân thường)*, khu chức năng cho sản phụ khoa *(phòng sanh/thủ thuật, phòng khám phụ khoa, phòng lưu sản phụ)*; Khối nhà phụ trợ *(phòng giặt, kho đồ sạch)* và các hạng mục phụ trợ *(nhà bảo vệ, cổng, hàng rào, nhà điều hành xử lý nước thải, kho rác, hệ thống xử lý nước thải công suất 5m^3/ngày, vườn thuốc nam, sân phơi thuốc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ...).*

- Đối với báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, đề nghị chủ dự án điều chỉnh một số nội dung sau:

+ Trang 17, đề nghị điều chỉnh quy chuẩn QCVN 28: 2010/BTNMT cột B thành cột A.

+ Dự án có phát sinh nước thải phải xử lý với lưu lượng khoảng 04 m^3/ngày. Do đó, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Đồng thời, theo hồ sơ thì dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến 24 tỷ đồng *(dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công theo Luật Đầu tư công năm 2019),* nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện, do đó, căn cứ quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị chủ dự án lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, cấp phép trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; Hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(lưu ý điều chỉnh lại nội dung này tại trang 17 của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, trong nội dung báo cáo trình bày dự án thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường là không đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).*

c) Đối với Dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế thành phố Thuận An

- Trung tâm y tế thành phố Thuận An (trước đây là Bệnh viện đa khoa thị xã Thuận An) đã được UBND tỉnh phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết với quy mô 200 giường bệnh, diện tích 14.198m^2 tại đường Nguyễn Văn Tiết, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An tại Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày

27/7/2012. Theo đề án được phê duyệt, hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện có công suất 120 m^3/ngày.

- Theo hồ sơ đính kèm, dự án Nâng cấp, cải tạo Trung tâm y tế thành phố Thuận An thực hiện trên khu khu đất hiện hữu có diện tích khoảng 14.200m^2, quy mô thực hiện cải tạo khối khám chữa bệnh gồm các hạng mục như sửa chữa, thay thế các công trình hư, xuống cấp như tường, trần, cửa, mái tole, hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc…, không thay đổi quy mô hoạt động khám chữa bệnh hiện hữu.

- Đối với hoạt động của Trung tâm y tế hiện hữu thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Do đó, đề nghị Trung tâm y tế lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho hoạt động của Trung tâm y tế theo quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, cấp phép; Hồ sơ, trình tự, thủ tục, thời điểm theo quy định tại Điều 42, 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường *(lưu ý điều chỉnh lại nội dung này tại trang 15 của báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án, trong nội dung báo cáo trình bày dự án thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường là không đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CCBVMT;
- Lưu: VT, CCQLĐĐ, Trinh4.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Xuân Ngọc

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 458/STC-TCĐT V/v góp ý chủ trương đầu tư dự án	*Bình Dương, ngày 13 tháng 02 năm 2023*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương tại Công văn số 243/SKHĐT-KGVX ngày 06/02/2023 về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương,

Sở Tài chính có ý kiến góp ý theo chuyên ngành như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH DỰ ÁN

Tên dự án: Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

Địa điểm thực hiện dự án: Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát và thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương.

Thời gian thực hiện: Năm 2022 - 2023.

Dự kiến tổng mức đầu tư: 24.933.102.927 đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Vốn trung ương hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

II. NỘI DUNG GÓP Ý

1. Về nguồn vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án theo đề xuất của đơn vị phù hợp với mức vốn dự kiến được phân bổ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (ngân sách trung ương) tại Công văn số 681/TTg-KTTH ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 5604/BKHĐT-TH ngày 10/8/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp các đơn vị có liên quan căn cứ nguồn vốn được trung ương hỗ trợ để xem xét, tham mưu bố trí vốn cho dự án theo đúng quy định.

2. Về quy mô đầu tư dự án

Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của cơ quan quản lý chuyên ngành, chủ đầu tư và các đơn vị liên quan về quy mô đầu tư dự án để làm cơ sở tổ chức thẩm định và trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Về chuyển đổi công năng của trạm y tế hiện hữu

Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến của Sở Y tế; chủ quản lý, đơn vị sử dụng,... về việc chuyển đổi công năng của trạm y tế hiện hữu khi đầu tư trạm y tế mới, đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế tuyến xã, phường theo quy định.

4. Về các khoản mục chi phí của dự án

- Đối với việc áp dụng định mức, tỷ lệ của các chi phí tư vấn, chi phí Ban quản lý dự án và các chi phí khác có liên quan,... đề nghị cơ quan chủ trì thẩm định phối hợp lấy ý kiến Sở Xây dựng về sự phù hợp với các văn bản pháp lý hiện hành, làm cơ sở thẩm định và trình phê duyệt theo quy định;

- Đối với chi phí kiểm toán, chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán: Đề nghị Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn rà soát, tính toán theo đúng quy định tại Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công.

Trên đây là ý kiến góp ý của Sở Tài chính. Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, làm rõ thêm những vấn đề trên trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, TCĐT. V.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Huấn

Người ký: Sở Xây dựng
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 16.02.2023 08:54:49 +07:00

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ XÂY DỰNG

Số: ..595...../SXD-QHKT

V/v góp ý hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 16 tháng 02 năm 2023

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Xây dựng nhận được Văn bản số 243/SKHĐT-KGVX ngày 06/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương,

Qua xem xét hồ sơ gửi theo hệ thống quản lý phần mềm văn bản, Sở Xây dựng có ý kiến như sau:

I. Thông tin chung về dự án đầu tư:

1. Trạm y tế Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên:

- Vị trí: một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.
- Diện tích: 3.190,3m^2.
- Tính chất dự án: xây dựng trạm y tế.

2. Trạm y tế Hoà Lợi, huyện Bắc Tân Uyên:

- Vị trí: khuôn viên trạm y tế Hoà Lợi (hiện hữu), phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát.
- Diện tích: 2.146m^2.
- Tính chất dự án: xây dựng trạm y tế.

II. Ý kiến của Sở Xây dựng theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư:

1. Đánh giá sự phù hợp với quy hoạch xây dựng:

1.1. Khu đất bố trí xây mới Trạm y tế Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên:

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bắc Tân Uyên đang được Uỷ ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tổ chức lập, chưa được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt nên chưa có cơ sở đánh giá sự phù hợp quy hoạch.
- Theo Quy hoạch chung thị trấn Tân Thành được Uỷ ban nhân dân phê duyệt tại Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 31/5/2017, vị trí đề xuất đầu tư có định hướng quy hoạch đất Hạ tầng kỹ thuật (Phòng cháy chữa cháy), do đó vị trí dự kiến đầu tư không phù hợp với Quy hoạch chung thị trấn Tân Thành.

1.2. Khu đất bố trí xây mới Trạm y tế phường Hoà Lợi, thị xã Bến Cát:

- Theo Quy hoạch chung thị xã Bến Cát đã được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1573/QĐ-UBND ngày 01/7/2022, vị trí đề xuất đầu tư có định hướng quy hoạch đất đơn vị ở. Tại mục 1.4.8 Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD, có định nghĩa đơn vị ở như sau: *"Khu chức năng cơ bản của đô thị chủ yếu phục vụ nhu cầu ở bao gồm: các nhóm nhà ở; các công trình dịch vụ - công cộng, cây xanh công cộng phục vụ cho nhu cầu thường xuyên, hàng ngày của cộng đồng dân cư; đường giao thông (đường từ cấp phân khu vực đến đường nhóm nhà ở) và bãi đỗ xe*

cho đơn vị ở.". Trạm y tế là một trong những công trình có chức năng dịch vụ - công cộng, do đó vị trí đề xuất đầu tư phù hợp với Quy hoạch chung thị xã Bến Cát.

- Quy hoạch phân khu phường Hoà Lợi đã được Uỷ ban nhân dân thị xã Bến Cát phê duyệt nhưng chưa cung cấp cho Sở Xây dựng nên Sở Xây dựng không có cơ sở đánh giá sự phù hợp quy hoạch, đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư lấy ý kiến Uỷ ban nhân dân thị xã Bến Cát về nội dung này.

2. Đánh giá sự phù hợp về suất đầu tư, tổng mức đầu tư:

2.1. Về tổng mức đầu tư:

- Tại Điều 5 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP có quy định: *"1. Tổng mức đầu tư xây dựng là toàn bộ chi phí đầu tư xây dựng của dự án được xác định phù hợp với thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng. 2. Nội dung tổng mức đầu tư xây dựng, gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng....".*

- Theo trình tự đầu tư xây dựng, dự án đang thực hiện ở giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư và nội dung tổng mức đầu tư trong hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư chưa được xác định trên cơ sở thiết kế cơ sở và các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi. Do đó, Sở Xây dựng không có cơ sở có ý kiến đối với tổng mức đầu tư tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư.

2.2. Về suất vốn đầu tư:

- Hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư không thể hiện suất vốn đầu tư công trình trạm y tế. Do đó, Sở Xây dựng không có cơ sở để góp ý về nội dung suất vốn đầu tư của hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

- Theo Quyết định số 610/QĐ-BXD ngày 13/7/2022 của Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2021, suất vốn đầu tư công trình trạm y tế cơ sở được quy định tại mục 2.2.3 của Quyết định này là 7.608.000 đồng/m^2. Đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu đơn vị đề xuất đầu tư rà soát, bổ sung.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng, chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, tham mưu theo thẩm quyền./.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Ngọc Văn

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban GĐ Sở (b/c);
- Lưu: VT, QHKT, Hiếu.

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 564 /SYT-KHTC V/v đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm Y tế Tân Thành (Bắc Tân Uyên) và Hòa Lợi (Bến Cát)	*Bình Dương, ngày 02 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Biên bản số 21/BB-SYT ngày 20/02/2023 về họp thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây dựng mới 02 Trạm Y tế xã của tỉnh Bình Dương,

Xét các nội dung đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Bắc Tân Uyên và Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát (*gọi tắt là TTYT*) về những giải quyết vướng mắc trong xây dựng mới Trạm Y tế (*đính kèm*), Sở Y tế có ý kiến như sau:

1. Sở Y tế thống nhất chủ trương xây mới 02 Trạm Y tế (Tân Thành thuộc huyện Bắc Tân Uyên, Hòa Lợi thuộc thị xã Bến Cát).

2. Tiêu chuẩn để lập dự án đầu tư, thiết kế xây dựng mới và thiết kế cải tạo trạm y tế xã/phường/thị trấn được quy định tại Tiêu chuẩn TCVN 7022: 2002 trong Quyết định công bố 2926/QĐ-BKHCN ngày 30/12/2008 của Bộ Khoa học Công nghệ và Thông tư 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 ban hành hướng dẫn thiết kế cơ bản trạm y tế xã/phường/thị trấn.

3. Sở Y tế sẽ phối hợp Ủy ban nhân dân địa phương để giao cơ sở Trạm Y tế cũ cho Trung tâm Y tế huyện/thị quản lý và sử dụng cho mục đích y tế.

Nội dung Công văn này thay thế Công văn số 496/SYT-KHTC ngày 23/02/2023 của Sở Y tế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KHTC(ch).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Hồng Chương

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 747 /STNMT-CCBVMT
V/v ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương (lần 2)

Bình Dương, ngày 03 tháng 03 năm 2023

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 243/SKHĐT-KGVX ngày 06 tháng 02 năm 2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Qua xem xét hồ sơ do Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Liên quan đến báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có ý kiến tại Văn bản số 3209/STNMT-CCQLĐĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022.

2. Dự án Xây dựng mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương gồm Trạm y tế Tân Thành có diện tích khoảng 3.190,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 60 tờ bản đồ số 31 tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và Trạm y tế Hòa Lợi có diện tích khoảng 2.146m^2 tại phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương bao gồm các hạng mục xây dựng như: khối chính (Trạm y tế) gồm các khu chức năng chung *(sảnh đón, quầy đón tiếp, phòng hành chính – giao ban, phòng trực, kho thuốc, lấy mẫu xét nghiệm, phòng tiêm, phòng họp, phòng bếp...),* khu chức năng cho bệnh nhân thường *(phòng khám bệnh, y dược học cổ truyền, phòng tập phục hồi chức năng, phòng lưu bệnh nhân thường)*, khu phụ trợ *(kho chung, khu vệ sinh cho nhân viên, bệnh nhân);* Khối nhà phụ trợ *(phòng giặt, kho đồ sạch)* và các hạng mục phụ trợ *(Trạm y tế Tân Thành: cổng, hàng rào, nhà điều hành xử lý nước thải, kho rác, bể xử lý nước thải công suất 5m^3/ngày, vườn thuốc nam, sân phơi thuốc, hệ thống hạ tầng kỹ thuật ...; Trạm y tế Hòa Lợi: cải tạo hàng rào, kho rác, nhà điều hành xử lý nước thải, bể xử lý nước thải, hạ tầng kỹ thuật...).*

3. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

3.1. Về đất đai

- Dự án Xây dựng mới Trạm Y tế Tân Thành: Tại Công văn số 63/UBND-KT ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành, Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận giao khu đất với diện tích 3.190,3m^2 để xây mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 179752 ngày 08 tháng 12 năm 2010 tại thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 của Công ty Cổ phần Cao su Phước Hoà.

- Dự án Xây dựng mới Trạm y tế Hòa Lợi: Trạm Y tế xã Hoà Lợi đã được cấp Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số 75/CN-UB ngày 10 tháng 6 năm

2003 với diện tích 1.713m^2. Đồng thời, tại Quyết định số 1017/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2020 phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất trên địa bàn thị xã Bến Cát (đợt 1), trạm Y tế Hoà Lợi giữ lại tiếp tục sử dụng. Theo trình bày của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh tại Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư thì khu đất có diện tích 2.146m^2.

3.2. Về môi trường

Đối với Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương được Sở Kế hoạch và Đầu tư chuyển lấy ý kiến lần này, đề nghị chủ dự án điều chỉnh một số nội dung sau:

+ Làm rõ chức năng của hạng mục "hầm thấm" dự kiến được xây dựng tại Trạm y tế Hòa Lợi, lưu ý, phải có phương án tổ chức thoát nước ra nguồn tiếp nhận (không cho nước tự thấm).

+ Mục 6.1 mục đánh giá sơ bộ về tác động môi trường, đề nghị điều chỉnh quy chuẩn QCVN 28: 2010/BTNMT cột B thành cột A.

+ Về việc lập hồ sơ môi trường: báo cáo trình bày dự án thuộc đối tượng được miễn đăng ký môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường là chưa đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Hồ sơ môi trường được lập theo dự án đầu tư, do đó quy mô, công suất, lượng chất thải phát sinh của dự án được tính trên quy mô của 2 Trạm y tế. Lưu lượng nước thải phát sinh của 02 Trạm y tế khoảng 6-8m^3/ngày. Dự án đầu tư 02 hệ thống xử lý nước thải với tổng công suất 10m^3/ngày *(Trạm y tế Tân Thành: 05m^3/ngày, Trạm y tế Hòa Lợi: 05m^3/ngày).* Do đó, dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Theo hồ sơ thì dự án có tổng vốn đầu tư dự kiến 24,9 tỷ đồng *(dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công theo Luật Đầu tư công năm 2019),* nằm trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp huyện, do đó, căn cứ quy định tại Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đề nghị chủ dự án lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cho dự án và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định, cấp phép trước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Kết luận thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi; Hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Trường hợp 02 Trạm y tế tách ra thành 02 dự án đầu tư riêng biệt, mỗi dự án chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt dưới 300 kg/ngày được quản lý theo quy định của chính quyền địa phương; hoặc phát sinh nước thải dưới 05m^3/ngày được xử lý bằng công trình thiết bị xử lý tại chỗ và phát sinh chất thải nguy hại dưới 100

kg/tháng thì được miễn đăng ký môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/cáo);
- Lưu: VT, CCBVMT, H.Giang3.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phạm Xuân Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 86 /TB-UBND	*Bình Dương, ngày 10 tháng 5 năm 2023*

THÔNG BÁO

Kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án sử dụng nguồn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội

Ngày 10/3/2023, tại Phòng họp C – UBND tỉnh, đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch UBND tỉnh chủ trì cuộc họp giải quyết vướng mắc trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án sử dụng nguồn từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

I. THÀNH PHẦN DỰ HỌP

1. Lãnh đạo các Sở, Ban, ngành: Xây dựng (Đồng chí Võ Hoàng Ngân – Giám đốc), Kế hoạch và Đầu tư (Đồng chí Trịnh Hoàng Tuấn Anh – Phó Giám đốc), Y tế (đồng chí Huỳnh Minh Chín – Phó Giám đốc), Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh (Đồng chí Nguyễn Vĩnh Toàn – Giám đốc), Tài nguyên và Môi trường (Đồng chí Võ Thanh Vân – Phó Chi cục trưởng Chi cục Quản lý đất đai).

2. UBND thị xã Bến Cát: Đồng chí Trần Ngọc Cường – Phó Chủ tịch.

3. Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh và chuyên viên Phòng Kinh tế, Phòng Khoa giáo văn xã.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

Sau khi nghe Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo các vướng mắc trong công tác thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án "Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương" thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, ý kiến thảo luận của các thành viên dự họp; đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch UBND tỉnh đã có kết luận và chỉ đạo như sau:

1. Đối với công trình Xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên:

Sở Y tế có văn bản xác nhận vai trò, chức năng của cơ sở y tế công lập hiện nay của thị trấn Tân Thành làm cơ sở để Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định sự cần thiết đầu tư và các nội dung có liên quan.

Về sự phù hợp quy hoạch của khu đất dự kiến xây dựng Trạm Y tế, UBND huyện Bắc Tân Uyên khẩn trương thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022.

2. Đối với công trình Xây dựng mới Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát:

Thống nhất cho UBND thị xã Bến Cát, Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện thủ tục theo quy định để cập nhật, điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất dự kiến xây dựng Trạm Y tế phường Hòa Lợi cho phù hợp với diện tích khuôn viên thực tế hiện nay. Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư theo diện tích đất thực tế trong khuôn viên hàng rào hiện hữu trước khi hoàn thiện thủ tục trình cấp thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất điều chỉnh.

3. Chậm nhất ngày 14/3/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải có kết quả thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nêu trên báo cáo, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư. Đối với các nội dung chưa rõ, chưa đầy đủ pháp lý theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư nêu vấn đề, nhận xét, có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo UBND tỉnh xem xét.

Trên đây là ý kiến kết luận, chỉ đạo của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 10/3/2023, UBND tỉnh thông báo đến các Sở, ban ngành, địa phương biết và triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT;
- Thành phần dự họp;
- Sở Tài chính;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên;
- LĐVP, Thg, KT, TH;
- Lưu: VT.

TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG

Võ Anh Tuấn

Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2880/UBND-KTTH	*Bắc Tân Uyên, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

V/v hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành

Kính gửi: Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa

Căn cứ Công văn số 2519/UBND-VX ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát danh mục đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội và Công văn số 2472/SKHĐT-KGVX ngày 16/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương,

Nhằm giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng y tế, tạo điều kiện phục vụ tốt cho nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, UBND huyện Bắc Tân Uyên đang phối hợp các Sở ngành tỉnh triển khai thủ tục đầu tư công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành từ nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, khó khăn của địa phương hiện nay là không có quỹ đất để đầu tư xây dựng công trình.

Trong những năm qua, UBND huyện Bắc Tân Uyên luôn nhận được sự quan tâm phối hợp, hỗ trợ tích cực của Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa trong việc bàn giao đất để triển khai các công trình phúc lợi xã hội trên địa bàn huyện. Trên cơ sở đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 1999/TTr-PTNMT ngày 29/8/2022, UBND huyện dự kiến sẽ đầu tư xây dựng Trạm y tế thị trấn Tân Thành trên quỹ đất do Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa đang quản lý có diện tích khoảng 3.190m^2, thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư và sớm triển khai thi công công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành, UBND huyện Bắc Tân Uyên kính mong Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa quan tâm, xem xét hỗ trợ địa phương có ý kiến bằng văn bản thống nhất vị trí khu đất có diện tích khoảng 3.190m^2, thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

Rất mong nhận được sự quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ và ý kiến phúc đáp bằng văn bản của Công ty *(gửi kèm các hồ sơ có liên quan)./.*

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban QLDAĐTXD huyện;
- Phòng TN&MT; TTPTQĐ huyện;
- Trung tâm y tế Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Thành;
- LĐVP;
- Lưu: VT, H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thái Thanh Bình

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM
CÔNG TY CP CAO SU PHƯỚC HÒA

Số: 821/CSPH-KT

Phúc đáp công văn số 2880/UBND-KTTH ngày 29/08/2022 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 30 tháng 08 năm 2022

Kính gửi: UBND huyện Bắc Tân Uyên

Trước tiên, Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa gửi lời cảm ơn chân thành đến UBND huyện Bắc Tân Uyên về sự giúp đỡ quý báu và chân tình đối với Công ty trong suốt thời gian qua. Sự giúp đỡ của quý Cơ quan đối với Công ty đã góp phần giúp Công ty hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn Công ty được nhà nước giao quản lý và sử dụng đất.

Ngày 29/08/2022 Công ty nhận được Công văn số 2880/UBND-KTTH của UBND huyện Bắc Tân Uyên về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.

Nay Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa có ý kiến như sau:

Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa cơ bản thống nhất về chủ trương bàn giao đất về địa phương để thực hiện xây dựng các công trình công cộng phát triển kinh tế địa phương.

Đối với phần diện tích, vị trí đề nghị trong Công văn số 2880/UBND-KTTH có nằm trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 đã được thống nhất giữa Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa và huyện Bắc Tân Uyên trình các sở, ban ngành tỉnh Bình Dương và báo cáo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Đề nghị UBND huyện Bắc Tân Uyên thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục thu hồi đất theo đúng quy định để Công ty có cơ sở sẽ trình Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam xin ý kiến.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT Cty (để biết);
- Ban TGĐ (để b/c);
- Phòng KHVT; P. CN;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3700147532-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU PHƯỚC HÒA * H.PHÚ GIÁO-T.BÌNH DƯƠNG

Nguyễn Văn Thực

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2882 /UBND-NC	*Bắc Tân Uyên, ngày 29 tháng 8 năm 2022*

V/v hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành

Kính gửi: Công an tỉnh Bình Dương

Căn cứ Văn bản số 2519/UBND-VX ngày 26/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh, về việc rà soát danh mục đầu tư từ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế xã hội; Văn bản số 2472/SKHĐT-KGVX ngày 16/8/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư, về việc lấy ý kiến thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương,

Nhằm giải quyết những khó khăn về cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu phát triển hạ tầng y tế, tạo điều kiện phục vụ tốt cho nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân, UBND huyện Bắc Tân Uyên đang chỉ đạo các ngành chức năng triển khai các thủ tục đầu tư công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành từ nguồn ngân sách Trung ương, hỗ trợ từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, khó khăn của địa phương hiện nay là không có quỹ đất để đầu tư xây dựng công trình.

UBND huyện dự kiến sẽ đầu tư xây dựng Trạm y tế thị trấn Tân Thành trên quỹ đất do Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa đang quản lý có diện tích khoảng 3.190m^2, thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 tọa lạc tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên. Khu đất này trước đây được dự kiến đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc của Lực lượng Phòng cháy chữa cháy Công an huyện Bắc Tân Uyên.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư và sớm triển khai thi công công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh, UBND huyện Bắc Tân Uyên kính mong Công an tỉnh quan tâm, xem xét hỗ trợ địa phương và có ý kiến bằng văn bản thống nhất vị trí khu đất có diện tích khoảng 3.190m^2, thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên. Phần diện tích còn lại UBND huyện sẽ tiếp tục giữ nguyên quy hoạch đất an ninh - quốc phòng của địa phương.

Rất mong nhận được sự quan tâm, giúp đỡ, hỗ trợ và ý kiến phúc đáp bằng văn bản của Công an tỉnh *(gửi kèm các hồ sơ có liên quan)./.*

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- CT, P.CT UBND huyện;
- Ban QLDAĐTXD huyện;
- Phòng TN&MT; TTPTQĐ huyện;
- Trung tâm Y tế Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Thành;
- LĐVP;
- Lưu: VT, Ph.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thanh Bình

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 652/CAT-PH10
Về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 16 tháng 9 năm 2022

UBND HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
ĐẾN Số: 22192
Ngày 22/9/22
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên

Căn cứ Công văn số 2882/UBND-NC ngày 29/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành;

Công an tỉnh Bình Dương thống nhất với địa phương trong việc thực hiện các thủ tục đầu tư và sớm triển khai thi công công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành theo chỉ đạo của UBND tỉnh; Và thống nhất vị trí khu đất có diện tích khoảng 3.190 m^2, thuộc một phần của thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, tọa lạc tại thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên. Phần diện tích còn lại đề nghị UBND huyện Bắc Tân Uyên sẽ tiếp tục giữ nguyên quy hoạch đất an ninh - quốc phòng của địa phương.

Trên đây là ý kiến của Công an tỉnh Bình Dương về việc hỗ trợ địa phương thống nhất vị trí khu đất để thực hiện công trình Trạm y tế thị trấn Tân Thành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ban Giám đốc (để biết);
- Lưu: PH10(XDDT, TH).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CÔNG HOÀ X.H C.N VIỆT NAM
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đại tá Nguyễn Văn Dựt

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 373 /BC-UBND	*Bắc Tân Uyên, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO

Về vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành

BAN QLDAĐTXD TỈNH
ĐẾN Số: 2146
Ngày:
Chuyển: 22/12/2022
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương;
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

Căn cứ Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022 về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã.

Qua xem xét nội dung Báo cáo số 3700/BC-PTN&MT ngày 15/12/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện báo cáo vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành, cụ thể như sau:

Khu đất dự kiến xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, với diện tích khoảng 3.190,3m^2, đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA179752, số vào sổ CT00488, cấp ngày 08/12/2010 cho Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm (CLN).

Khu đất nêu trên đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương xây dựng trụ sở Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy huyện Bắc Tân Uyên tại Văn bản số 4065/UBND-KTN ngày 27/10/2016, với tổng diện tích khoảng 27.517,6m^2. Trong năm 2017, UBND huyện Bắc Tân Uyên đã thực hiện các thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, đồng thời đã trình UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, ban hành quyết định thu hồi đất để giao đất cho Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh quản lý theo quy định. Hiện tại, khu đất nêu trên đã được Công ty cổ phần cao su Phước Hòa bàn giao lại cho Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương quản lý và sử dụng tại biên bản làm việc ngày 22/5/2017.

Ngày 14/9/2018, UBND tỉnh Bình Dương ban hành Văn bản số 4353/UBND-KTN điều chỉnh giảm phần diện tích bố trí xây dựng trụ sở Phòng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy huyện Bắc Tân Uyên, với diện tích còn lại khoảng 26.336,1m^2/27.517,6 m^2 tại một phần thửa đất số 52 *(nay là thửa đất số 60)*, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên. Đồng thời, chấp thuận giao khu đất có diện tích khoảng 1.181,5m^2/27.517,6 m^2 tại thửa đất số 52 tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên cho Ủy ban nhân dân thị trấn Tân Thành để xây dựng Văn phòng khu phố 4.

Ngày 30/08/2022, Công ty Cao su Phước Hòa đã có Văn bản số 621/CSPH-KT và ngày 16/9/2022, Công an tỉnh Bình Dương đã có văn bản số 652/CAT-PH10 thống nhất với chủ trương và vị trí quỹ đất để thực hiện đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành, với diện tích khoảng 3.190,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

Hiện tại, UBND huyện đang rà soát, kiến nghị UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật khu đất dự kiến xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành vào Quy hoạch sử dụng đất tỉnh Bình Dương đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất huyện Bắc Tân Uyên theo quy định.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban nhân dân huyện về vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành *(gửi kèm các hồ sơ có liên quan)./.*

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng: TCKH, TN&MT, Y tế huyện;
- Trung tâm y tế Bắc Tân Uyên;
- UBND thị trấn Tân Thành;
- LĐVP;
- Lưu: VT, H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thanh Bình

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương
09.01.2023 16:24:04 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63 /UBND-KT	*Bình Dương, ngày 06 tháng 01 năm 2023*

V/v vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành

Kính gửi:
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh;
- UBND huyện Bắc Tân Uyên.

Xét báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 15/SKHĐT-KGVX ngày 04/01/2023 về việc thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022 và đề nghị của UBND huyện Bắc Tân Uyên tại Báo cáo số 01/BC- UBND ngày 04/01/2023 về vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành;

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận giao khu đất để xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành với diện tích 3.190,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31 có tổng diện tích 27.517,6m^2 thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 179752, số vào sổ CT00488 cấp ngày 08/12/2010 cho Công ty Cổ phần cao su Phước Hòa, mục đích sử dụng đất là đất trồng cây lâu năm.

2. Giao Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh căn cứ vị trí khu đất đã được giao làm cơ sở tổ chức lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây mới hai trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

3. Giao UBND huyện Bắc Tân Uyên phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị liên quan thực hiện hoàn chỉnh pháp lý về đất đai, quy hoạch đúng quy định trước khi phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT;
- Các Sở: KHĐT, TC, XD, TNMT, Y tế;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- LĐVP (Dg, Th), KT, KGVX;
- Lưu: VT. 7

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Võ Văn Minh

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ KHU ĐẤT

TỶ LỆ 1:1.000

ĐỊA CHỈ THỬA ĐẤT: THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

THỬA ĐẤT SỐ: 1PT 60, TỜ BẢN ĐỒ SỐ: 31

CÔNG TRÌNH: TRUNG TÂM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH

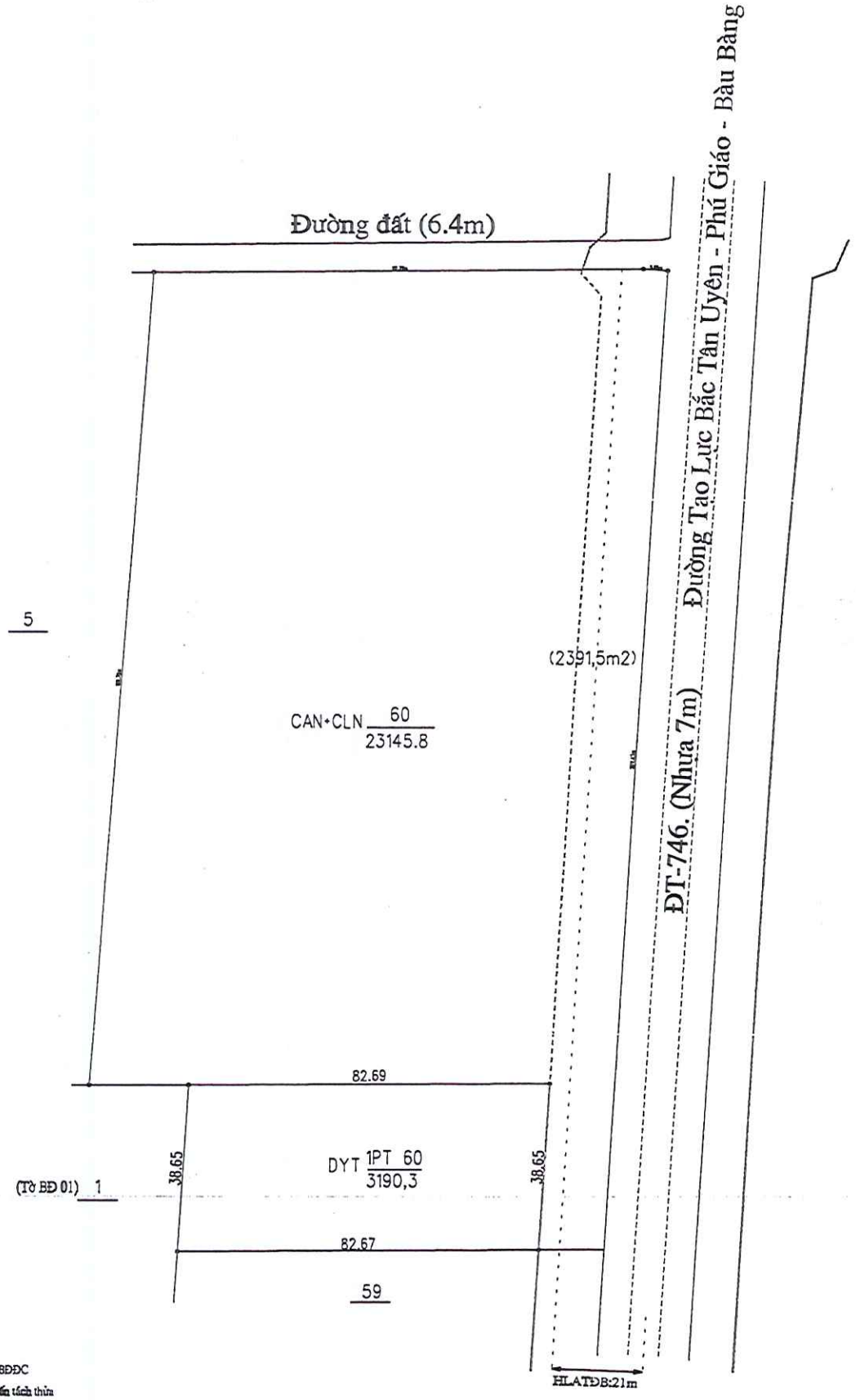

GHI CHÚ:

Ranh giới theo BĐĐC

Ranh giới dự kiến tách thửa

File lưu: Trichluc2022\Filetho_tryt_tt_tanthanh

Người ký: Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 394 /UBND-KTTH	*Bắc Tân Uyên, ngày 15 tháng 02 năm 2023*

V/v góp ý hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh

Căn cứ Văn bản số 243/SKHĐT-KGVX ngày 06/02/2023 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc lấy ý kiến thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương,

Qua xem xét nội dung hồ sơ dự thảo và Công văn số 51/TTYT-KHNV ngày 14/2/2023 của Trung tâm y tế huyện, Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên thống nhất với nội dung dự thảo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên về nội dung dự thảo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Trung Tâm Y tế huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT, H:

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 67 /BC-UBND	*Bắc Tân Uyên, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

BÁO CÁO
Về vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

Căn cứ Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022 về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh - Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã

Qua rà soát, UBND huyện báo cáo tổng thể diện tích thu hồi đất đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành, cụ thể như sau:

Khu đất dự kiến xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, với diện tích khoảng 3.190,3m^2, đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA179752, số vào sổ CT00488, cấp ngày 08/12/2010 cho Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa, mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm (CLN).

Hiện tại, khu đất nêu trên đã được Công ty cổ phần cao su Phước Hòa bàn giao lại cho Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương quản lý và sử dụng tại biên bản làm việc ngày 22/5/2017.

Ngày 29/8/2022, UBND huyện đã có Văn bản số 2880/UBND-KTTH và Văn bản số 2882/UBND-KTTH đề nghị Công ty Cao su Phước Hòa và Công an tỉnh Bình Dương có ý kiến thống nhất đối với nội dung đề xuất của UBND huyện về vị trí dự kiến đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành. Ngày 30/08/2022, Công ty Cao su Phước Hòa đã có Văn bản số 621/CSPH-KT và ngày 16/9/2022, Công an tỉnh Bình Dương đã có văn bản số 652/CAT-PH10 thống nhất với chủ trương và vị trí quỹ đất để thực hiện đầu tư xây dựng mới Trung tâm y tế thị trấn Tân Thành, với diện tích khoảng 3.190,3m^2 thuộc một phần thửa đất số 60, tờ bản đồ số 31, thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên.

Ngày 19/9/2022, UBND huyện đã có Tờ trình số 3184/TTr-UBND về việc kiến nghị UBND tỉnh xem xét, chấp thuận vị trí xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành và Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 04/01/2023 về vị trí quỹ đất đầu tư xây dựng Trạm y tế thị trấn Tân Thành. Ngày 06/01/2023, UBND tỉnh đã chấp thuận vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành tại Công văn số 63/UBND-KT theo đề xuất của UBND huyện.

Hiện nay, vị trí khu đất dự kiến đầu tư dự án Trạm y tế thị trấn Tân Thành đã được UBND tỉnh chấp thuận đưa vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Bắc Tân Uyên tại Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 22/2/2023. Đồng thời, đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và đưa vào danh mục công trình thuộc diện tích thu hồi đất tại Nghị quyết số 41/NQ-HĐND ngày 12/12/2022.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã cập nhật vị trí dự kiến đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành vào dự thảo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đến năm 2040, hiện đang trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Đến thời điểm hiện tại, UBND huyện cam kết cơ bản đã thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về đất đai và quy hoạch theo đúng quy định.

Sau khi Tỉnh phê duyệt báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện, UBND huyện sẽ tiếp tục triển khai các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

Trên đây là Báo cáo vị trí đầu tư xây dựng mới Trạm y tế thị trấn Tân Thành của UBND huyện Bắc Tân Uyên./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- SKHĐT tỉnh;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TNMT huyện;
- Ban QLDADTXD huyện;
- UBND thị trấn Tân Thành;
- LĐVP;
- Lưu: VT, H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Thái Thanh Bình

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 647/SYT-KHTC V/v đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng mới Trạm Y tế Tân Thành (Bắc Tân Uyên)	*Bình Dương, ngày 10 tháng 3 năm 2023*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư

Trên địa bàn Thị trấn Tân Thành huyện Bắc Tân Uyên được xây dựng Phòng khám đa khoa Tân Thành từ Quyết định 1111/QĐ-UBND ngày 10/02/2014, cơ sở này được tổ chức hoạt động với quy mô phòng khám đa khoa Tân Thành trực thuộc Trung tâm Y tế tại Quyết định 578/QĐ-SYT ngày 22/7/2014, đồng thời tổ chức hoạt động lồng ghép Trạm Y tế trong phòng khám đa khoa khu vực Tân Thành. Do vậy, việc xây mới Trạm Y tế Tân Thành là cần thiết đáp ứng yêu cầu trong chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Sở Y tế đã thống nhất chủ trương xây mới Trạm Y tế Tân Thành tại Công văn số 564/SYT-KHTC ngày 23/02/2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: VT, KHTC(ch).	**KT. GIÁM ĐỐC** **PHÓ GIÁM ĐỐC** CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH DƯƠNG **Huỳnh Minh Chín**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN UYÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số : 1111 /QĐ – UBND	*Tân Uyên, ngày 10 tháng 02 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng Công trình: Phòng khám đa khoa xã Tân Thành, huyện Tân Uyên

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng về việc Quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Xét kết quả thẩm định số 01/TĐ-QLĐT ngày 08 tháng 02 năm 2014 của Phòng Quản lý đô thị huyện Tân Uyên về việc thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Phòng khám đa khoa xã Tân Thành, huyện Tân Uyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình Phòng khám đa khoa xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Phòng khám đa khoa xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên.

3. Đơn vị lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty TNHH Một thành viên Hòang Phúc.

4. Chủ nhiệm lập báo cáo kinh tế kỹ thuật: Trương Đình Phúc.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Hiện nay xã Tân Thành có trạm y tế xã công trình cấp 4 xây dựng trên 20 năm và đã xuống cấp trầm trọng về cơ sở vật chất cũng như trang thiết bị phục vụ khám và chữa bệnh cho người dân địa phương tuyến cơ sở. Để đáp ứng được tình hình khám và chữa bệnh cho người dân tuyến cơ sở, Phòng khám đa khoa xã Tân Thành được đầu tư

mới về cơ sở vật chất, trang thiết bị khám và chữa bệnh cho người dân địa phương theo đúng tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế.

Vì vậy, việc đầu tư xây dựng Phòng khám đa khoa xã Tân Thành là việc làm cần thiết, cấp bách hiện nay.

6. Quy mô xây dựng:

6.1. Khối phòng khám đa khoa.

- Công trình cấp III, gồm 2 tầng.
- Diện tích làm việc: 646,33 m^2.
- Diện tích xây dựng: 1.049,99 m^2.

Trong đó:

+ Tầng 1: 551,43 m^2.

+ Tầng 2 : 498,56 m^2.

- Hệ số sử dụng: 0,62.
- Cấu trúc:

+ Nền cao độ 0.000 so với cao độ sân đường nội bộ - 480mm.

+ Chiều cao tầng 1, tầng lầu 3,6m. Chiều cao công trình 12,68m.

+ Móng, cột, đà giằng bê tông cốt thép; Nền tầng trệt: Lát gạch thạch anh 400x400mm, phần ram dốc mái đón xe cứu thương bố trí thép cấu tạo Ø6a200, kẽ joint kích thước 900x900mm; Nền hành lang trệt: Lát gạch thạch anh có vân nổi 400x400mm; Nền phòng tầng lầu: Chân tường ốp gạch thạch anh 100x400mm, ốp bằng mặt tường sơn nước; Nền lát gạch thạch anh 400x400mm; Bả mastic sơn nước màu trắng; Nền hành lang lầu: Nền lát gạch thạch anh có vân nổi 400x400mm; Bả mastic sơn nước màu trắng; Nền bậc cấp mặt bậc ốp đá Granite dày 20mm; Nền ram dốc bản sàn bằng bê tông cốt thép xoa phẳng cắt joint kích thước 300x300mm; Tường ngoài xây gạch, sơn nước; Tường trong ốp gạch Ceramic 250x400mm, cao 2m.

+ Phòng X-Quang: Tường ốp chì lá dày 3mm; Trần trát Barit dày 30mm; Các cánh cửa ra vào, cửa thông giữa các phòng đặt bàn máy và phòng điều khiển ốp chì lá dày 3mm mặt trong; Vách kính quan sát phòng chụp bằng kính chì.

+ Trần bằng bê tông cốt thép;

+ Mái lớp ngói không nung 10viên/m2 phủ lớp chống rêu mốc; Li tô sắt hộp 30x30mm dày 1,5mm, khoảng cách 320; Cầu phong sắt hộp 30x60 dày 1,5mm khoảng cách 600mm; Xà gồ thép, vì kèo thép.

+ Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, kính trong dày 5mm; Cửa sổ khung nhôm kính, có bông sắt, sử dụng sắt hợp, sắt la; Cầu thang: Mặt bậc ốp đá Granite dày 20mm; Bậc thang xây gạch thẻ; Bản thang bằng bê tông cốt thép; Bả mastic, sơn nước màu trắng.

+ Tay vịn cầu thang bằng Inox tròn D60 dày 1,2mm, khung bằng inox hộp 30x30 và 12x24 dày 1,2mm.

+ Khu vệ sinh: Tường ốp gạch men 250x400mm cao 2000mm. Sàn gạch Ceramic nhám 250x250mm. Trần la phông tole lạnh dày 3,5zem; Cửa đi, cửa sổ khung nhôm, kính mờ dày 5mm.

6.2. Hạng mục phụ trợ.

a. Nhà xe kết hợp nhà để máy phát điện.

- Công trình cấp IV, 1 tầng.
- Diện tích xây dựng: 78,78m^2.

Cấu trúc: Nền cao độ 0.000 cao hơn cốt sân +0,18m; Chiều cao thông thủy 2,6m; Chiều cao công trình 3,65m. Móng, đà giằng bê tông cốt thép; Khung thép hình tiền chế; Nền bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm, xoa phẳng bề mặt, kẽ joint kích thước 900x900mm; Mái lợp tole sóng vuông tráng kẽm mạ màu dày 4,5zem; Vì kèo, xà gồ thép; Lan can sắt xung quanh cao 1,1m, tay vịn bằng sắt tròn D60; khung sắt la 50 dày 5mm; Nhà để máy phát điện khung sắt V50 dày 5mm, vách bằng tole tráng kẽm mạ màu.

b. Nhà chứa chất thải rắn.

- Công trình cấp IV, 1 tầng.
- Diện tích xây dựng: 10,24m^2.
- Cấu trúc: Nền cao độ 0.000 cao hơn cốt sân +0,13m; Chiều cao thông thủy 3,3m; Chiều cao công trình 4,13m. Móng, đà, cột, đà giằng bê tông cốt thép; Nền lát gạch thạch anh 400x400mm; Tường xây gạch, sơn nước; Xà gồ thép, Tường hồi xây gạch; Mái lợp tole sóng vuông tráng kẽm mạ màu dày 4,5zem; Cửa đi, cửa sổ khung sắt kính.

c. Nhà bảo vệ.

- Công trình cấp IV, 1 tầng.
- Diện tích xây dựng: 12m^2.
- Cấu trúc: Nền cao độ -0.15mm cao hơn cốt sân -0.48m; Chiều cao thông thủy 3,3m. Chiều cao công trình 5,15m. Móng, cột, đà bê tông cốt thép; Nền gạch thạch anh 400x400mm; Tường xây gạch, sơn nước; Trần bê tông cốt thép; Vì kèo, xà gồ thép, mái lợp ngói không nung 10 viên/m2; Cửa đi, cửa sổ khung nhôm kính dày 5mm; Phòng vệ sinh: Tường ốp gạch men 250x400mm (mặt ốp gạch liền với mặt tường hoàn thiện), cao 2m; Sàn gạch Ceramic nhám 250x250mm.

d. Cổng chính, phụ – Biển phòng khám.

- Kết cấu móng, cột, đà, giằng bê tông cốt thép.
- Cổng chính: Cửa chính cổng lùa, rộng 4,8m, cao 1,8m; Dùng mô tơ kéo cổng 2 HP, cổng bằng inox hộp 30x30mm; Cửa phụ một cánh, bằng sắt rộng 1,5m, mở vào trong, song sắt sơn 3 lớp.
- Trụ cổng bê tông cốt thép, xây gạch, sơn nước.
- Cổng phụ: Rộng 3,6m, 2 cánh mở; Móng trụ cổng kết cấu móng, cột, đà, giằng bê tông cốt thép; Trụ cổng xây gạch, sơn nước; Cánh cổng bằng sắt, cao 2,6m, song sắt sơn 3 lớp.
- Hàng rào loại 1: Dài 66m; Bước cột 4m, trụ cột cao 2,7m; Tường xây gạch dày 200mm, cao 600mm; Đà giằng bê tông cốt thép; phần trên có song sắt, chông sắt cao 2m, song sắt đặc sơn 3 lớp; Tường, cột sơn nước.

- Hàng rào loại 2: Dài 114m. Bước cột 4m, trụ cột cao 2,45m; Tường xây gạch dày 100mm, cao 2150mm, phần trên có song sắt đặc cao 0,25m. Tường, cột sơn nước, trên có song sắt đặc sơn 3 lớp.

e. Sân đường:

- Diện tích xây dựng: 746m^2.
- Cấu tạo: Lớp bê tông nhựa hạt mịn C10 dày 50mm; lớp bám dính 1,0kg/m^2; Lớp đá 0x4 dày 300mm lu lèn; Đất san nền cấp III tưới nước đầm chặt thành từng lớp dày khoảng 200mm; Lớp đất tự nhiên dọn sạch.

f. Đường nội bộ lát gạch Terrazzo.

- Diện tích xây dựng: 33m^2.
- Cấu tạo: Lát gạch Terrazzo kích thước 400x400 dày 30mm; Lớp vữa M75 dày 30mm; Lớp bê tông đá 4x6 M100 dày 100mm; Lớp đất san nền tưới nước đầm chặt từng lớp 200mm; Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

g. Nhà che máy bơm.

- Công trình cấp IV, 1 tầng.
- Diện tích xây dựng: 8,16m^2.
- Cấu trúc: Nền cao độ -0,25m cao hơn cốt sân -0,48m; Chiều cao thông thủy 2,4m; Chiều cao công trình 3,28m; Đặt trên nền nắp hầm tự hoại bằng bê tông. Khung, cột sắt V50 dày 5mm, sơn chống sét 1 lớp, sơn dầu 2 lớp; Tường ốp tole sóng vuông tráng kẽm mạ màu 4,5zem; Xà gồ sắt V40 dày 4mm, sơn chống sét 1 lớp; sơn dầu 2 lớp; Mái lợp tole sóng vuông tráng kẽm mạ màu dày 4,5zem.

h. Cột cờ: Inox cao 9m. Bệ cột bằng bê tông.

i. Hồ nước ngầm PCCC và hồ trung chuyển.

- Hồ nước ngầm PCCC: 64m^3. Cấu tạo: Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 100mm; Thành bể bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm; Nắp bể bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm;
- Hồ trung chuyển: 21m^3. Cấu tạo: Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 100mm; Thành bể bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm; Nắp bể bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm; Tường trong bể được ốp gạch men kích thước 250x400mm; Nền ốp gạch men kích thước 250x400mm.

j. Hầm thấm.

- Diện tích xây dựng: 18m^2. Với khối tích: 30m^3.
- Cấu tạo: Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 100mm; Thành bể hầm xây gạch dày 200mm, cao 1,7m; Lớp bê tông lót thành bể đá 4x6 M100 dày 200mm; Nắp bể bằng bê tông đá 1x2 M200 dày 100mm.

k. Hầm xử lý nước thải y tế.

- Gồm hệ hầm xử lý nước thải theo dây chuyền xử lý nước thải đảm bảo theo quy định hiện hành.
- Sử dụng dây chuyền công nghệ xử lý nước thải BIOFAST.

m. Hầm tự hoại.

- Tổng khối tích hầm tự hoại: 66,3m^3. Diện tích xây dựng mỗi cái: 8,84m^2. Với khối tích mỗi cái: 22,1m^3. Gồm 03 ngăn: Ngăn chứa, ngăn lọc và ngăn lắng.

- Cấu tạo: Bê tông lót móng đá 4x6 M100 dày 100mm; Lớp bê tông đá 1x2 M200 dày 80mm; Thành bể xây gạch đinh dày 200m, cao 2,5m; bên trong thành bể trát vữa xi măng M75 dày 15mm; Nắp thành bể bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200 dày 100mm.

n. Diện tích trồng cỏ.

- Diện tích xây dựng: 817m^2. Gồm: Diện tích trồng cỏ: 787m^2; Diện tích trồng cây thuốc: 30m^2.

- Cấu tạo: Trồng cỏ lá gừng; Lớp đất hữu cơ dày 200; Lớp đất san nền; Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.

o. Bó vỉa công trình.

- Bó vỉa: Chiều dài 150m; Bề tường chắn xây gạch đinh dày 100mm, cao 300mm; trát vữa M75; Bê tông lót đá 4x6 M100, dày 100mm.

6.3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật công trình.

a. San nền công trình.

Phòng khám đa khoa xã Tân Thành được xây dựng tại xã Tân Thành, vị trí gần khu dân cư, có địa hình chênh lệch thấp, địa hình tương đối bằng phẳng. Khu đất được san nền theo phương án thiết kế các hạng mục công trình.

b. Phương án cấp nước công trình.

Nguồn nước cấp cho phòng khám được lấy từ nguồn nước cấp thủy cục; Cấp vào hồ nước trung chuyển 20m^3 bằng ống uPVC Ø42.

Từ hồ nước ngầm trung chuyển sinh hoạt 20m^3 sử dụng hệ thống bơm điện (2 cái bơm mỗi cái 3hp), bơm lên bồn nước 3.000L bằng ống uPVC Ø42 cấp nước cho các nhà vệ sinh trong phòng khám.

Nước cấp tưới cây xanh và hồ nước ngầm PCCC 64m^3 được bơm từ giếng khoan bằng máy bơm điện 3hp sử dụng ống PVC Ø42 và các van khóa Ø27 bố trí xung quanh công trình.

c. Phương án thoát nước công trình.

- Thoát nước sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt trước khi đổ vào hệ thống đường ống gom được xử lý cục bộ trong từng khối; Tất cả các khu vệ sinh đều có bể tự hoại 3 ngăn, để xử lý sơ bộ tránh ô nhiễm môi trường và làm tắt nghẽn hệ thống cống dẫn.

- Nước thải sinh hoạt từ các khối được đấu nối vào các hố ga, ống sử dụng là ống uPVC.

- Thoát nước mưa.

Nước mưa từ mái được dẫn từ ống uPVC Ø90 đứng đặt trong hộp gen xây gạch xuống hệ thống mương và hố ga đường ống cống thoát nước nội bộ được thiết kế quanh công trình nối vào hệ thống thoát nước chung nội bộ rồi đấu nối với hệ thống

thoát nước đô thị; Nước mưa trên mặt đất sẽ được thoát vào các hố ga xung quanh công trình.

- Hệ thống xử lý nước thải y tế.

Thoát nước và xử lý nước thải y tế: Toàn bộ lượng nước thải trong công tác khám và chữa bệnh của Phòng Khám đa khoa xã Tân Thành được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Sử dụng hệ thống xử lý nước thải y tế theo công nghệ BIOFAST-M

d. Hệ thống cấp điện công trình.

- Trung thế và trạm biến áp: Nguồn điện cung cấp cho phòng khám được lấy từ lưới điện trung thế 22kV; Lắp đặt máy biến áp 100 kVA được đấu nối với lưới điện nguồn trung thế 22 kV.

- Hệ thống phân phối hạ thế: Tủ phân phối của mỗi tầng được đặt ngay lối đi lên của thang bộ tại mỗi tầng; Tủ phân phối của tầng sẽ cấp nguồn ra các tủ điện tại mỗi phòng và cấp nguồn chiếu sáng hành lang, vệ sinh.

- Hệ thống chiếu sáng.

+ Hệ thống chiếu sáng làm việc: Sử dụng loại đèn huỳnh quang ánh sáng trắng và các loại đèn downlight dùng bóng compact; Phần chiếu sáng bên ngoài dùng loại đèn cao áp Sodium 250W.

+ Máy phát điện đồng bộ 3 pha công suất 50KVA, động cơ Diesel 4 thì

e. Phương án phòng cháy, báo cháy: Bao gồm tủ trung tâm báo cháy; Chuông và còi báo cháy; Nút báo cháy khẩn cấp; Đầu báo khói thường loại ion; Đầu báo nhiệt loại thường; Nguồn điện dự phòng; Nguồn cung cấp.

f. Phương án chống sét.

Sử dụng hệ thống chống sét với kim thu sét cổ điển; Đặt kim thu sét tại vị trí góc nhà, góc tường đầu hồi, tường chắn mái góc chân mái, bờ nóc diềm mái; Hệ thống tiếp đất được liên kết với hệ thống cọc đất của công trình, kết nối giữa dây cáp nối đất và cọc đất phải được thực hiện bằng mối hàn hóa nhiệt.

g. Hệ thống chữa cháy.

Hệ thống chữa cháy độc lập với hệ thống cấp nước sinh hoạt; Hệ thống chữa cháy bằng khí CO2 được nén trong các bình kim loại chịu áp lực, van xả khí, ống dẫn và đầu xả khí; Nước cấp PCCC được lấy từ hồ nước ngầm 64m^3 sử dụng đường ống STK Ø60, STK Ø90, STK Ø114 được thiết kế mạch vòng chảy quanh công trình.

h. Vệ sinh môi trường.

- Nước thải y tế được xử lý qua công nghệ BIOFAST đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

- Nước thải sinh hoạt được xử lý qua bể tự hoại trước khi thoát ra giếng thấm để tự thấm. Ngoài ra công trình trồng cỏ, cây xanh tạo bóng mát cho công trình (cây dầu, cây bàng đài loan, cây hồng Lộc, ...).

7. Địa điểm xây dựng: xã Tân Thành, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

8. Tổng mức đầu tư: 14.823.135.381 đồng
Trong đó :
- Chi phí xây lắp sau thuế : 12.169.960.181 đồng
- Chi phí thiết bị: 571.505.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 272.540.726 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 981.480.781 đồng
- Chi phí khác: 121.785.103 đồng
- Chi phí dự phòng: 705.863.590 đồng

9. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách huyện năm 2014 và những năm tiếp theo.

10. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

11. Thời gian thực hiện: Năm 2014- 2016.

Điều 2. Sau khi báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình được duyệt Ban Quản lý dự án huyện Tân Uyên chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định về trình tự xây dựng cơ bản hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Quản lý đô thị, Giám đốc Ban Quản lý dự án, Chủ tịch UBND xã Tân Thành, cùng Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, K.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

NGUYỄN THÀNH PHƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ ĐẤT THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC

(TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP)

.....

Vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu Nhà nước tại các cơ quan HCSN

Số T37016012011 /75/CN-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NHÀ ĐẤT THUỘC TRỤ SỞ LÀM VIỆC THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC TẠI CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP

Theo quy định tại Nghị định số 14/1998/NĐ-CP ngày 06/03/1998 của Chính phủ về quản lý tài sản nhà nước và Quy chế quản lý, sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan HCSN ban hành theo Quyết định số 20/1999/QĐ-BTC ngày 25/02/1999 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cơ quan HCSN có tên tại Mục I được quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc dưới đây:

Mục I: Cơ quan được quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

- Tên cơ quan: Trạm y tế xã Hòa Lợi
- Địa chỉ cơ quan: Xã Hòa Lợi - huyện Bến Cát
- Điện thoại:
- Thuộc tỉnh, thành phố: Bình Dương
- Địa chỉ cơ sở nhà đất được cấp giấy chứng nhận: Xã Hòa Lợi - huyện Bến Cát

Mục II: Nhà đất thuộc trụ sở làm việc

1. Về nhà
   - Tổng số ngôi nhà: 01 cái
   - Trong đó nhà 2 tầng trở lên: - cái
   - Tổng diện tích xây dựng: 159,38 m^2
   - Tổng diện tích sử dụng: 152,6 m^2
   - Trong đó: + DTSD chính: 84,0 m^2
     + DTSD phụ: 68,6 m^2
   - Tổng giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng):
     + Tổng nguyên giá: 138.547.000
     + Giá trị còn lại: 83.128.000

2. Về đất
   - Thửa đất số: 38
   - Tờ bản đồ số: 19
   - Tổng diện tích khuôn viên: 1713 m^2
   - Nguồn gốc thửa đất: Nhà nước cấp
   - Giá trị khuôn viên đất (ngàn đồng): 238.449.600
   - Hình thức sử dụng:
     Riêng 1713 m^2
     Chung m^2

Mục III, Mục IV và Mục V ở các trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Bình Dương Ngày 10 tháng 6 năm 2003

TM. CHỦ TỊCH UBND TỈNH, THÀNH PHỐ Bình Dương

PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ sơ gốc số: 75/CN-UB

Trần Thị Kim Vân

Mục III: Chi tiết từng ngôi nhà

Nội dung / Ngôi nhà	Cấu trúc ngôi nhà			Diện tích xây dựng (m^2)	Diện tích sử dụng (m^2)			Giá trị theo sổ kế toán (ngàn đồng)		
	Cấp hạng	Số tầng	Năm xây dựng		Tổng số	Chia ra		Nguyên giá	Tỷ lệ còn lại (%)	Giá trị còn lại
						DTSD chính	DTSD phụ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Nhà 01	IV B	C1	1996	159,38	152,6	94	68,6	138547	60	83128
Nhà										
Nhà										
Nhà									

Mục V: Thay đổi về nhà, đất		
Ngày, tháng, năm	Nội dung thay đổi	Xác nhận của cơ quan Quản lý công sản

HỒ SƠ KỸ THUẬT THỬA ĐẤT

1. Số hiệu thửa đất : 38 ; Tờ bản đồ số : 19 ; Diện tí ch : 1713 m^2 (2373 – 660 HLLG)
2. Địa chỉ khu đất : Xã Hoà Lợi - Huyện Bến Cát - Tỉnh Bình Dương
3. Mục đích sử dụng : Đất xây dựng
4. Tên đơn vị sử dụng : Trạm.xá xã Hoà Lợi Địa chỉ : Xã Hoà Lợi, Bến Cát, Bình Dương

5. SƠ ĐỒ THỬA ĐẤT

Tỷ Lệ : 1/1000

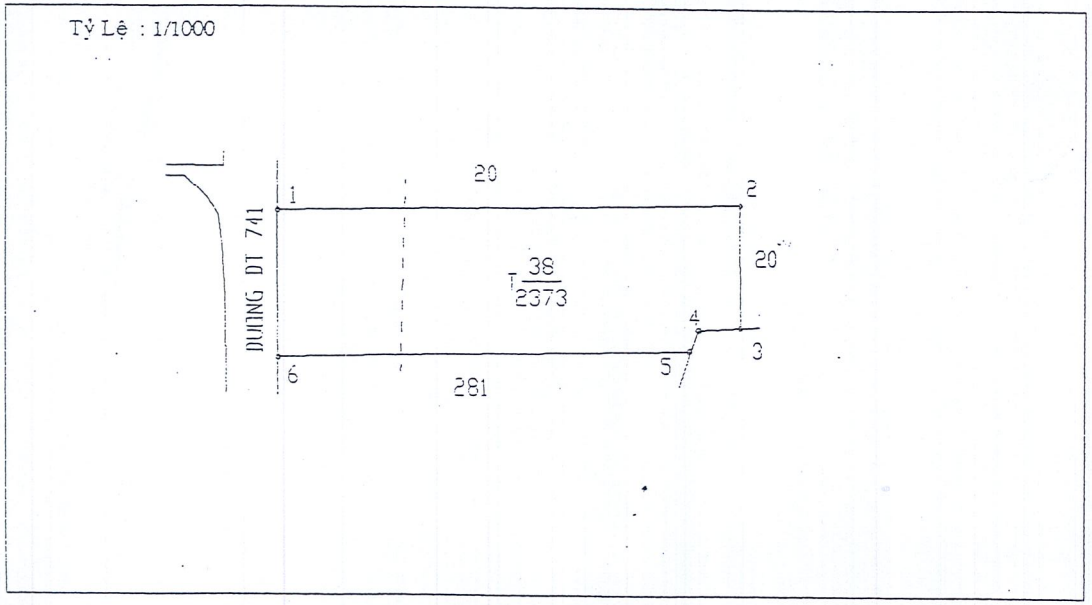

6. BẢNG KÊ TỌA ĐỘ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1227833,72	572378,18	
			85,62
2	1227834,89	572463,80	
			23,65
3	1227811,24	572463,94	
			8,00
4	1227810,82	572455,95	
			4,33
5	1227806,86	572454,19	
			75,99
6	1227805,82	572378,21	
			27,90
1	1227833,72	572378,18	

Ngày 8 tháng 5 năm 2002
Người thực hiện

Ngày 11 tháng 5 năm 2002
Người kiểm tra

PHÒNG NÔNG NGHIỆP PTNT VÀ ĐỊA CHÍNH

Người ký: Phòng Quản lý Đô thị
Email: qldt.bc@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Số: 825 /BC-QLĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Cát, ngày 29 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Về việc khảo sát đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi Địa điểm: phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Căn cứ Công văn số 2648/SKHĐT-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương về việc tập trung thực hiện hoàn thành các nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương (lần 2);

Thực hiện Công văn số 3510/UBND-KT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi để hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương;

Phòng Quản lý đô thị phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát và đánh giá hiện trạng công trình Trạm Y tế Hòa Lợi. Theo đó, các thành phần tham dự thống nhất đánh giá hiện trạng và trang thiết bị công trình trên như sau:

Trạm Y tế Hòa Lợi được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp. Năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân được tốt hơn. Tuy nhiên, do công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng nặng nên việc sửa chữa chỉ đáp ứng hoạt động của đơn vị trong thời gian ngắn. Đồng thời, một số hạng mục khác chưa được sửa chữa, đến nay đã xuống cấp cụ thể như sau:

- Khối nhà làm việc chính:

+ Nền lát gạch lâu ngày đã cũ, nhiều chỗ gạch lát bị bể, sụp lún.

+ Tường ốp gạch men đến nay đã cũ, nhiều vị trí bong tróc.

+ Trần tole bị hư hỏng, nhiều vị trí bị thấm dột.

+ Mái tole lâu ngày đã bị xuống cấp, nhiều chỗ bị dột.

+ Nền nhà vệ sinh đã cũ, gây mất vệ sinh.

+ Khu vực phía sau Trạm y tế còn quỹ đất để trống, có mọc nhiều, gây mất quỹ quan.

- Hạng mục phụ:

+ Cổng và một số vị trí tường rào đã bị xuống cấp, rêu bám gây mất mỹ quan; không đảm bảo khả năng chịu lực và có thể sụp lún, gây mất an toàn.

+ Nhà để xe cho bệnh nhân đã cũ và diện tích còn hạn chế, không đảm bảo nhu cầu để xe cho người dân đến khám chữa bệnh.

- Trang thiết bị chuyên dùng: Một số thiết bị khám chữa bệnh đã lạc hậu và lỗi thời chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, do đó cần được bổ sung và thay thế.

Trên đây là đánh giá của đơn vị về hiện trạng thực tế Trạm Y tế Hòa Lợi để hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Phòng Quản lý đô thị báo cáo Ủy ban nhân dân thị xã xem xét./.

Nơi nhận:
- UBND thị xã;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Huỳnh Quốc Việt

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
V/v khảo sát đánh giá hiện trạng Trạm Y tế Hòa Lợi
Địa điểm: phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

Thời gian: 15h00, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Địa điểm: Phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

I. Thành phần:

1. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thị xã Bến Cát:

- Ông: Nguyễn Anh Tú — Chức vụ: Nhân viên.

2. Đại diện Sở Y tế tỉnh Bình Dương: (vắng)

- Ông(bà): — Chức vụ:

3. Đại diện Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương.

- Ông: Nguyễn Thái Bình — Chức vụ: Phụ trách Phòng KTDD

4. Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thị xã Bến Cát:

- Ông(bà): Đinh Thị Xuân — Chức vụ: Chuyên viên

5. Đại diện Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát:

- Ông: Nguyễn Văn Đạt — Chức vụ: Quản trị

6. Đại diện Trạm Y tế phường Hòa Lợi:

- Ông: Nguyễn Thanh Hoài — Chức vụ: Trưởng trạm.

II. Nội dung:

Căn cứ Công văn số 2648/SKHĐT-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương về việc tập trung thực hiện hoàn thành các nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương (lần 2); thực hiện Công văn số 3510/UBND-KT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi để hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

Phòng Quản lý đô thị phối hợp cùng các đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát đánh giá hiện trạng công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi. Qua quá trình khảo sát, các thành phần tham dự thống nhất đánh giá hiện trạng công trình trên như sau:

Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp. Năm 2020, được Ủy ban nhân dân thị xã bố trí kinh phí để sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám chữa bệnh cho người dân. Do công trình bị xuống cấp nên việc sửa chữa chỉ khắc phục được

một số hạng mục cần thiết để phục vụ công tác khám chữa bệnh, một số hạng mục khác chưa được sửa chữa đến nay đã bị xuống cấp cụ thể như sau:

- Nền lát gạch lâu ngày đã cũ, nhiều chỗ bị sụp lún.
- Tường ốp gạch đến nay đã cũ, nhiều vị trí bị bong tróc.
- Trần tole bị hư hỏng, nhiều vị trí bị thấm.
- Mái tole lâu ngày đã bị xuống cấp, nhiều chỗ bị đột.
- Nền nhà vệ sinh đã cũ, gây mất vệ sinh.
- Cổng và một số vị trí tường rào đã xuống cấp không còn khả năng chịu lực gây mất mỹ quan đô thị và có thể sụp lún gây mất an toàn.
- Nhà để xe cho bệnh nhân đã cũ và diện tích còn hạn chế, không đảm bảo để phục vụ nhu cầu để xe cho người dân đến khám chữa bệnh.
- Phía sau Trạm y tế còn quỹ đất để trống, cỏ mọc gây mất mỹ quan.
- Một số thiết bị khám chữa bệnh đã lạc hậu và lỗi thời chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân cần bổ sung và thay thế.

Biên bản làm cơ sở Phòng Quản lý đô thị tham mưu Ủy ban nhân dân thị xã về hiện trạng thực tế Trạm y tế phường Hòa Lợi để hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Dự án Xây mới 02 Trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Biên bản kết thúc lúc 16 giờ cùng ngày, các bên thống nhất nội dung và ký tên.

Đ/D. Phòng Quản lý đô thị

Nguyễn Anh Tú

Đ/D. Sở Y tế tỉnh Bình Dương

Đ/D. Phòng TC-KH thị xã

Đinh Thị Xinh

Đ/D. Ban QLDA ĐTXD tỉnh Bình Dương

Nguyễn Thái Bình

Đ/D. Trung tâm Y tế thị xã

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Đạt

Đ/D. Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Người ký: Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát
Email: ubbencat@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 07.10.2022 13:56:35 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 3741 /UBND-KT V/v đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi	*Bến Cát, ngày 07 tháng 10 năm 2022*

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Qua ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 2648/SKHĐT-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2022 về việc tập trung thực hiện hoàn thành các nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương Dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương và ý kiến tham mưu, đề xuất của Phòng Quản lý đô thị tại Báo cáo số 225/BC-QLĐT ngày 29 tháng 9 năm 2022; Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát có ý kiến phúc đáp như sau:

Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng và đưa vào sử dụng đã lâu, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp. Năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân được tốt hơn. Tuy nhiên, do công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng nặng nên việc sửa chữa chỉ đáp ứng hoạt động của đơn vị trong thời gian ngắn; đồng thời, một số hạng mục khác chưa được sửa chữa, đến nay đã xuống cấp, cụ thể như sau:

- Khối nhà làm việc chính:

+ Nền lát gạch lâu ngày đã cũ, nhiều chỗ gạch lát bị bể, sụp lún.

+ Tường ốp gạch men đến nay đã cũ, nhiều vị trí bong tróc.

+ Trần tole bị hư hỏng, nhiều vị trí bị thấm dột.

+ Mái tole lâu ngày đã bị xuống cấp, nhiều chỗ bị dột.

+ Nền nhà vệ sinh đã cũ, gây mất vệ sinh.

+ Khu vực phía sau Trạm Y tế còn quỹ đất để trống, cỏ mọc nhiều, gây mất quỹ quan.

- Hạng mục phụ:

+ Cổng và một số vị trí tường rào đã bị xuống cấp, rêu bám gây mất mỹ quan; không đảm bảo khả năng chịu lực và có thể sụp lún, gây mất an toàn.

+ Nhà để xe cho bệnh nhân đã cũ và diện tích còn hạn chế, không đảm bảo nhu cầu để xe cho người dân đến khám chữa bệnh.

Trang thiết bị chuyên dùng: Một số thiết bị khám chữa bệnh đã lạc hậu và lỗi thời chưa đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân, do đó cần được bổ sung và thay thế.

Trên đây là phúc đáp của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng QLĐT;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Ân

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 386 /BC-UBND	*Bến Cát, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2022 về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát đã phối hợp với Sở Y tế, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh và các đơn vị có liên quan khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát nhằm phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương. Qua khảo sát đánh giá, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát báo cáo kết quả như sau:

1. Kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.713m^2 tại khu phố An Hòa, phường Hòa Lợi, công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 với quy mô như sau: công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2. Qua quá trình sử dụng, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp không đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là khu vực người dân tập trung sinh sống đông; năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tạm thời cho người dân.

2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng đã lâu *(năm 2011)*, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp; năm 2020, công trình chỉ được duy tu, sửa chữa nhỏ, đồng thời với quy mô công trình hiện tại *(diện tích xây dựng 159,38m^2, 01 tầng)* không đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là một trong những địa phương có tốc độ gia tăng dân số cao. Do đó, việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi là rất cần thiết.

Công trình xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi dự kiến xây dựng tại khuôn viên của Trạm Y tế hiện hữu, khu đất có vị trí tiếp giáp với đường ĐT741, thuận lợi cho người dân trong việc khám, chữa bệnh; đồng thời, diện tích xây dựng khoảng 1.200m^2, 02 tầng cao, phù hợp với quy chuẩn và đề án phát triển ngành y tế; mặt khác, vị trí dự kiến xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình hiện hữu, việc triển khai thực hiện công trình mới sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động khám, chữa bệnh của Trạm Y tế phường

Hòa Lợi hiện tại; sau khi xây dựng xong Trạm Y tế hiện hữu sẽ cải tạo, sửa chữa để phục vụ công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và các hoạt động khám, chữa bệnh khác trong thời gian tới.

3. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Rất mong được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

(Kèm theo Biên bản khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát)./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; Sở Y tế;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Y tế;
- Trung tâm Y tế thị xã;
- UBND phường Hòa Lợi;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Cát, ngày 20 tháng 12 năm 2022

BIÊN BẢN

Khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại Phòng họp Ủy ban nhân dân phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện Sở ngành tỉnh

- Ông Ngô Phát Đạt: Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài chính - Sở Y tế;

- Ông Nguyễn Thái Bình: Trưởng Phòng Kỹ thuật - Dân dụng - Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh;

- Vắng: Sở Tài chính, Sở Xây dựng.

2. Đại diện thị xã Bến Cát

- Ông Trần Ngọc Cường: Phó Chủ tịch UBND thị xã;

- Ông Huỳnh Quốc Việt: Trưởng Phòng Quản lý đô thị;

- Ông Nguyễn Thang Tùng: Phó Trưởng Phòng Tài chính – Kế hoạch;

- Bà Đỗ Thị Phương Thảo: Phó Trưởng Phòng Y tế;

- Ông Lê Thành Trung: Phó Giám đốc Trung tâm Y tế thị xã;

- Bà Trần Thị Thu Trúc: Nhân viên Phòng Tài nguyên và Môi trường;

- Ông Nguyễn Đông Thức: Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND thị xã.

3. Đại diện phường Hòa Lợi

- Bà Nguyễn Thị Hồng Phượng: Phó Chủ tịch UBND phường.

II. NỘI DUNG

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban dân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 15/12/2022, Ủy ban nhân dân thị xã phối hợp với Sở Y tế, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh và các đơn vị có liên quan tiến hành khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát nhằm phục vụ công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương, kết quả như sau:

1. Kết quả đánh giá hiện trạng và dự kiến quy mô đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.713m^2, công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 với quy mô như sau: công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2. Qua quá trình sử dụng, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp không đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là khu vực người dân tập trung sinh sống đông; năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh tạm thời cho người dân.

Công trình xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi dự kiến xây dựng tại khuôn viên của Trạm Y tế hiện hữu với diện tích xây dựng khoảng 1.200m^2, 02 tầng cao; vị trí dự kiến xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình hiện hữu.

2. Ý kiến của các thành phần tham dự

a) Ý kiến của Sở Y tế

Khu đất dự kiến đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi có vị trí tiếp giáp với đường ĐT741, thuận lợi cho người dân trong việc khám, chữa bệnh; đồng thời, quy mô dự kiến đầu tư với diện tích xây dựng khoảng 1.200m^2, 02 tầng cao, phù hợp với quy chuẩn và đề án phát triển ngành y tế. Do đó, Sở Y tế thống nhất đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi tại khu đất nêu trên.

b) Ý kiến của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh

Thống nhất phương án đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi tại khu đất nêu trên. Đề nghị các ngành và địa phương nêu rõ sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, đảm bảo đáp ứng các hoạt động của trạm y tế tuyến xã và định hướng công năng sử dụng của Trạm Y tế hiện hữu trong thời gian tới làm cơ sở để Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh trình Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương theo kế hoạch đề ra.

c) Ý kiến của Phòng Y tế thị xã

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng đã lâu *(năm 2011)*, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp; năm 2020, công trình chỉ được duy tu, sửa chữa nhỏ, đồng thời với quy mô công trình hiện tại *(diện tích xây dựng 159,38m^2, 01 tầng)* không đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; ngoài ra, theo báo cáo của địa phương, trong đợt dịch bệnh Covid-19 vừa qua, quy mô Trạm Y tế hiện tại không đủ đáp ứng cho công tác phòng chống dịch bệnh. Do đó, việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi tại khu đất nêu trên và cải tạo, sửa chữa Trạm Y tế hiện hữu phục vụ công tác y tế dự phòng và công năng khác là rất cần thiết.

d) Ý kiến của Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài chính – Kế hoạch, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Y tế thị xã: thống nhất đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi tại khu đất nêu trên.

e) Ý kiến của UBND phường Hòa Lợi

Phường Hòa Lợi là một trong những địa phương có tốc độ gia tăng dân số cao, cơ sở vật chất của Trạm Y tế hiện không đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân. Do đó, địa phương thống nhất cao việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi; đồng thời, đề xuất cải tạo, sửa chữa công trình Trạm Y tế hiện hữu để phục vụ cho công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh Covid-19 và công năng khác trong thời gian tới nhằm đảm bảo phục vụ cho nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân.

g) Ý kiến của UBND thị xã Bến Cát

Việc đầu tư xây dựng công trình là cần thiết, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân địa phương; đồng thời, phù hợp với quy chuẩn và định hướng phát triển của thị xã Bến Cát trong thời gian tới. Trên cơ sở ý kiến của các thành phần tham dự, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát cơ bản thống nhất phương án đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi tại khu đất nêu trên; đồng thời, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, có ý kiến.

Biên bản cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và các bên tham dự thống nhất đồng ý ký tên./.

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT	**SỞ Y TẾ**	**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH**
Trần Ngọc Cường	**Ngô Phát Đạt**	**Nguyễn Thái Bình**
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ	**PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH**	**PHÒNG Y TẾ**
Huỳnh Quốc Việt	**Nguyễn Thang Tùng**	**Đỗ Thị Phương Thảo**
TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ	**PHÒNG TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**	**UBND PHƯỜNG HÒA LỢI**
Lê Thành Trung	**Trần Thị Thu Trúc**	**Nguyễn Thị Hồng Phượng**

Người ký: Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát
Email: ubbencat@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 06.01.2023 13:28:44 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02 /BC-UBND	*Bến Cát, ngày 06 tháng 01 năm 2023*

BÁO CÁO
Kết quả khảo sát hiện trạng và đánh giá sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022 về kết luận của đồng chí Võ Văn Minh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp nghe báo cáo khó khăn trong công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới 02 Trạm y tế tuyến xã;

Ngày 20/12/2022, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát đã mời các cơ quan chức năng có liên quan khảo sát hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi; qua khảo sát thực trạng, các ngành xét thấy vị trí xây dựng công trình mới nằm trong khuôn viên của Trạm Y tế hiện hữu, nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình cũ và công trình cũ có thể cải tạo sử dụng phục vụ công tác y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh Covid-19. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã đã có Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 22/12/2022 báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh *(có báo cáo và biên bản khảo sát kèm theo)*.

Tuy nhiên, Sở Kế hoạch và Đầu tư yêu cầu phải có ý kiến của Sở Xây dựng, Sở Tài chính liên quan đến công trình Trạm Y tế hiện hữu; do đó, ngày 04/01/2022, Ủy ban nhân dân thị xã đã mời Sở Xây dựng, Sở Tài chính khảo sát hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi *(kèm theo biên bản khảo sát)*.

Qua khảo sát, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát báo cáo kết quả như sau:

1. Kết quả khảo sát, đánh giá hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.713m^2 tại khu phố An Hòa, phường Hòa Lợi, công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 với quy mô như sau: công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2. Qua quá trình sử dụng, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp không đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là khu vực người dân tập trung sinh sống đông; năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân.

2. Sự cần thiết đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng đã lâu *(năm 2011)*, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp; năm 2020, công trình chỉ được duy tu, sửa chữa nhỏ, đồng thời với quy mô công trình hiện tại *(diện tích xây dựng 159,38m^2, 01 tầng)* không đủ đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là một trong những địa phương có tốc độ

gia tăng dân số cao. Do đó, việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi là rất cần thiết.

Theo Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thiết kế cơ bản trạm y tế xã, phường, thị trấn và Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao quy định: diện tích công trình xây dựng đối với trạm y tế tuyến xã từ 500m^2 đến 2.000m^2 với yêu cầu tối thiểu về không gian chức năng gồm: hành chính - giao ban; khám bệnh; sơ cứu – cấp cứu; tiêm. Theo báo cáo của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh thì diện tích sàn xây dựng công trình mới và diện tích sàn của Trạm Y tế hiện hữu *(dự kiến cải tạo phục vụ công tác y tế dự phòng sau này)* < 2000m^2, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế.

Tóm lại, Công trình xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi có sẵn quỹ đất để xây dựng, khu đất có vị trí tiếp giáp với đường ĐT741, thuận lợi cho người dân trong việc khám, chữa bệnh; quy mô đầu tư công trình đảm bảo quy chuẩn xây dựng trạm y tế tuyến xã, phù hợp với đề án phát triển ngành y tế; mặt khác, vị trí dự kiến xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình hiện hữu, việc triển khai thực hiện công trình mới sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động khám, chữa bệnh của Trạm Y tế phường Hòa Lợi hiện tại, diện tích sàn của Trạm Y tế mới và Trạm Y tế cũ dự kiến cải tạo đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế.

3. Kiến nghị

Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Rất mong được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Báo cáo này thay thế Báo cáo số 386/BC-UBND ngày 22/12/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Sở KHĐT; Sở Y tế;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng Y tế;
- Trung tâm Y tế thị xã;
- UBND phường Hòa Lợi;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Cát, ngày 04 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN
Khảo sát hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát

Hôm nay, vào lúc 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát.

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Đại diện Sở Tài chính

- Bà Ngô Thị Thanh Bình: Phó Trưởng Phòng Quản lý giá công sản.

2. Đại diện Sở Xây dựng

- Ông Hoàng Đức Hoan: Chuyên viên Phòng Kinh tế Kỹ thuật.

3. Đại diện thị xã Bến Cát

- Ông Trần Ngọc Cường: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã.

- Ông Nguyễn Đông Thức: Chuyên viên Văn phòng HĐND-UBND thị xã.

II. NỘI DUNG

Nhằm thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự án Xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 438/TB-UBND ngày 16/12/2022 và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 3690/SKHĐT-KGVX ngày 26/12/2022, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Tài chính tiến hành khảo sát hiện trạng Trạm Y tế phường Hòa Lợi.

1. Ý kiến của UBND thị xã Bến Cát

Công trình Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng trên khu đất có diện tích 1.713m^2, công trình xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2011 với quy mô như sau: công trình cấp IV, 01 tầng, diện tích xây dựng 159,38m^2. Qua quá trình sử dụng, nhiều hạng mục công trình bị xuống cấp không đáp ứng được nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân tại địa phương, nhất là phường Hòa Lợi là khu vực người dân tập trung sinh sống đông; năm 2020, công trình được sửa chữa, cải tạo để phục vụ công tác khám, chữa bệnh cho người dân.

Theo Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thiết kế cơ bản trạm y tế xã, phường, thị trấn và Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao quy định: diện tích công trình xây dựng đối với trạm y tế tuyến xã từ 500m^2 đến 2.000m^2 với yêu cầu tối thiểu về không gian chức năng gồm: hành chính - giao ban; khám bệnh; sơ cứu – cấp cứu; tiêm. Theo báo cáo của

Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh thì diện tích sàn xây dựng công trình mới và diện tích sàn của Trạm Y tế hiện hữu *(dự kiến cải tạo phục vụ công tác y tế dự phòng sau này)* < 2000m^2, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế.

Trạm y tế phường Hòa Lợi hiện hữu với diện tích xây dựng 159,38m^2 không đảm bảo diện tích và các phòng chức năng theo quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ Y tế và Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Do đó, việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế là rất cần thiết.

Công trình xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi dự kiến xây dựng tại khuôn viên của Trạm Y tế hiện hữu với quy mô đầu tư đảm bảo quy chuẩn xây dựng trạm y tế tuyến xã; vị trí dự kiến xây dựng công trình mới nằm ngoài phạm vi xây dựng công trình hiện hữu, việc triển khai thực hiện công trình mới sẽ không ảnh hưởng đến hoạt động khám, chữa bệnh của Trạm Y tế phường Hòa Lợi hiện tại.

2. Ý kiến của các thành phần tham dự

- Ý kiến của Sở Xây dựng: thống nhất nội dung Biên bản khảo sát hiện trạng và việc đầu tư xây dựng mới Trạm Y tế phường Hòa Lợi nhằm tạo điều kiện cơ sở vật chất để phục vụ tốt hơn cho các hoạt động chuyên môn, hoạt động của nhân viên y tế, người bệnh và khách đến làm việc. Vị trí khu đất xây dựng tại khu đất hiện hữu tiếp giáp với đường ĐT 741; thuận tiện cho người dân đến trạm y tế, phù hợp với quy hoạch phân khu phường Hoà Lợi.

- Ý kiến của Sở Tài chính: để thực hiện xây dựng mới Trạm Y tế, đề nghị UBND thị xã Bến Cát phối hợp với Sở Y tế để rà soát, đánh giá nhu cầu về quy mô, diện tích sử dụng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế tuyến xã, phường.

Trên cơ sở ý kiến của các thành phần tham dự, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát sẽ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, có ý kiến.

Biên bản cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 00 phút cùng ngày và các bên tham dự thống nhất đồng ý ký tên./.

UBND THỊ XÃ BẾN CÁT	SỞ XÂY DỰNG	SỞ TÀI CHÍNH
Trần Ngọc Cường	Hoàng Đức Hoan	Ngô Thị Thanh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 51 /BC-UBND	*Bến Cát, ngày 27 tháng 01 năm 2023*

BAN QUẢN LÝ KHU LIÊN HỢP
ĐẾN Số: 111
Ngày: 01/02/2023
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

BÁO CÁO

Kết quả xác định diện tích đất thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình của Trạm y tế phường Hòa Lợi

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới 02 trạm y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương ngày 16 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì; Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát đã chỉ đạo Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã thực hiện đo đạc hiện trạng khu đất Trạm Y tế phường Hòa Lợi, kết quả: tổng diện tích khu đất 2.748,3m^2 *(trong đó: diện tích thuộc hành lang an toàn đường bộ 378,5m^2, diện tích còn lại 2.369,8m^2)*.

Qua rà soát, Trạm Y tế phường Hòa Lợi hiện đang quản lý sử dụng khu đất theo Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng nhà đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 6 năm 2003 với tổng diện tích 1.713m^2.

Như vậy, diện tích thực tế quản lý sử dụng lớn hơn diện tích theo Giấy chứng nhận quyền quản lý sử dụng nhà đất được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Do đó, Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn Trạm Y tế phường Hòa Lợi lập thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng diện tích thực tế đang quản lý sử dụng và trình Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết; dự kiến thời gian hoàn thành trong năm 2023.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về kết quả xác định diện tích đất thực tế so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sở hữu công trình của Trạm y tế phường Hòa Lợi./.

Nơi nhận:
- Sở KHĐT;
- Ban QLDA ĐTXD tỉnh;
- CT, các PCT UBND thị xã;
- Phòng TCKH, QLĐT;
- Trung tâm Y tế thị xã;
- UBND phường Hòa Lợi;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Cường

PHƯỜNG HÒA LỢI

MẢNH TRÍCH LỤC ĐỊA CHÍNH CÓ ĐO ĐẠC CHỈNH LÝ SỐ: .....6.....- 2023

HỆ TỌA ĐỘ : VN - 2000, TỜ BẢN ĐỒ SỐ : 19 (229571- 5)

ĐƠN VỊ YÊU CẦU: TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HOÀ LỢI

TỈNH BÌNH DƯƠNG - THỊ XÃ BẾN CÁT

TL..... 2023

599 500 | 599 600 | 599 700

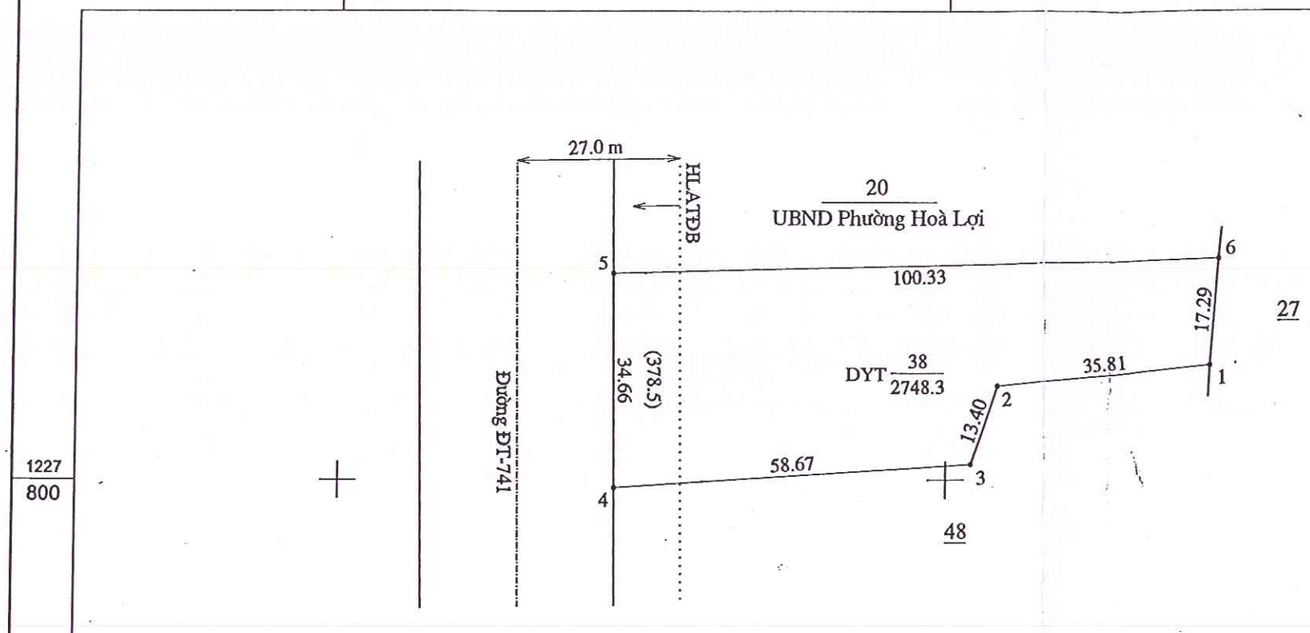

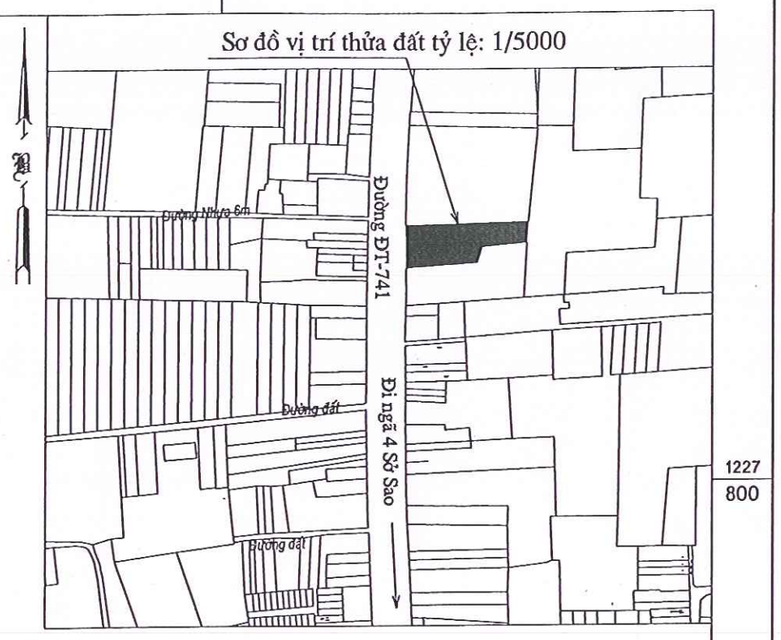

Bảng liệt kê tọa độ góc ranh VN-2000

Số TT	X(m)	Y(m)	Cạnh(m)
1	1227818.54	599644.04	
2	1227815.24	599608.39	35.81
3	1227802.55	599604.08	13.40
4	1227798.79	599545.52	58.67
5	1227833.45	599545.06	34.66
6	1227835.78	599645.36	100.33
1	1227818.54	599644.04	17.29

* Tổng diện tích thửa đất: 2748.3 m2
  - Diện tích thuộc HLATĐB: 378.5 m2
  - Diện tích còn lại: 2369.8 m2

Thửa đất số: 38

Ranh thửa đất: _____

Xung quanh thửa đất đã có tường xây

Đo đạc thực tế tổng diện tích thửa đất tăng 375.3 m2 so với Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm thuộc sở hữu nhà nước (chưa thể hiện công trình trên đất)

Phân vị trí theo Đường ĐT-741 (Đường phố loại 3)

Đoạn từ ngã 4 Sở Sao +400m đến giáp ranh Tân Bình (Bắc Tân Uyên)
  - Cách HLATĐB trong phạm vi 50m: 1652.0 m2 DYT (Vị trí 1)
  - Cách HLATĐB trong phạm vi từ trên 50m-100m: 717.8 m2 DYT (Vị trí 2)

* Ranh giới, mốc giới thửa đất do ông Nguyễn Thanh Hoài Trưởng trạm Trạm y tế phường Hoà Lợi hướng dẫn, xác định.
* Đo đạc theo Công văn số 01/TYT ngày 30/01/2023 của Trạm y tế phường Hoà Lợi về việc xin đo đạc lập thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm việc thuộc sở hữu nhà nước của Trạm y tê phường Hoà Lợi
* Nguồn dữ liệu:
- Giấy chứng nhận quyền quản lý, sử dụng nhà đất thuộc trụ sở làm thuộc sở hữu nhà nước tại các cơ quan hành chính sự nghiệp số vào sổ T37016012011/75/CN-UB do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/6/2003
* Theo bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Bến Cát được phê duyệt tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 5/1/2022 của UBND tỉnh Bình Dương, phù hợp quy hoạch : ODT

1227 700 | 1227 700

599 500 | 599 600 | 599 700

Ngày 22 tháng 2 năm 2023
Người đo đạc

Lâm Ngọc Đức

Ngày 22 tháng 2 năm 2023
Người kiểm tra

Nguyễn Thanh Thảo

Tỷ lệ 1:1000

1 cm trên mảnh trích lục địa chính có đo đạc chỉnh lý bằng 10m trên thực địa

20m 10 0 20 40 60 80m

Ngày 24 tháng 02 năm 2023
Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã Bến Cát
Giám đốc

CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THỊ XÃ BẾN CÁT

Bạch Thanh Trọng

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc đánh giá hiện trạng cơ sở vật chất

Công trình: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát

Căn cứ Công văn số 4220/UBND-KT ngày 17/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư xây dựng các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (đợt 2).

Căn cứ Công văn số 3126/UBND-KT ngày 30/8/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc góp ý Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án Xây mới 02 trạm Y tế tuyến xã, tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, vào lúc …. giờ …. ngày …. tháng …. năm 2022 tại Trạm y tế phường Hòa Lợi, Chúng tôi gồm có:

I/. Thành phần tham gia:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Dương.

Ông/Bà: Nguyễn Thái Bình — Chức vụ:Phụ trách PKTDD

Ông/Bà: Phan Trần Thức — Chức vụ: CBKT

2. Đại diện Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát.

Ông: Lê Thành Trung — Chức vụ: Phó giám đốc

Ông/Bà: …… — Chức vụ:……

3. Đại diện Trạm y tế phường Hòa Lợi.

Ông/Bà: Nguyễn Thanh Hoài — Chức vụ: Trưởng trạm

Ông/Bà: …… — Chức vụ:……

4. Đại diện Tư vấn thiết kế: Công ty TNHH MTV Hoàng Phúc.

Ông: Trương Đình Phúc — Chức vụ: Chủ nhiệm thiết kế

Ông/Bà: …… — Chức vụ:……

*/. Và các đơn vị được mời:

5. Đại diện ……

Ông/Bà: …… — Chức vụ: ……

Ông/Bà: …… — Chức vụ:……

II/. Nội dung biên bản:

Qua khảo sát hiện trạng cơ sở vật chất công trình, Chúng tôi cùng thống nhất các nội dung như sau:

1. Trạm Y tế phường Hòa Lợi được xây dựng từ năm 2011, gồm các hạng mục: Trạm Y tế, nhà để xe, cổng, sân đường, hạ tầng kỹ thuật (cấp, thoát nước, cấp điện,.....). Thống nhất xây mới Trạm Y tế Hòa Lợi trên khu đất hiện hữu của trạm y tế, dự kiến Trạm Y tế cũ sẽ chuyển đổi công năng, sử dụng cho công tác khám sàng lọc Covid-19, cách ly tạm thời các trường hợp dương tính và tổ chức tiêm ngừa Covid-19 tại Trạm Y tế.

2. Để đảm bảo hiệu quả trong quá trình sử dụng, đề nghị nghiên cứu thêm giải pháp kết nối với Trạm Y tế hiện hữu; đồng thời, tính toán phương án san nền hài hòa về cao độ giữa Trạm Y tế hiện hữu và phần xây dựng mới (do cao độ tự nhiên khu đất xây dựng mới rất thấp, trũng), xây dựng phương án thoát nước mưa cho toàn bộ khuôn viên Trạm y tế phường Hòa Lợi, bổ sung hạng mục hàng rào.

3. Đầu tư bổ sung danh mục thiết bị công trình theo danh mục đính kèm.

Danh mục thiết bị công trình cần đầu tư bổ sung

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
B	**Xây mới Trạm Y tế Hòa Lợi, thị xã Bến Cát**		
B.1	**Trang thiết bị chuyên ngành**		
I	**Khám, chữa bệnh**		
1	Máy đo đường huyết cá nhân	cái	2
2	Huyết áp kế	bộ	2
3	Ống nghe	bộ	2
4	Đèn khám bệnh	cái	1
5	Cân sức khỏe có thước đo chiều cao	cái	1
6	Bộ khám ngũ quan	Sử dụng lại	
7	Đèn khám treo trán (đèn clar)	Sử dụng lại	
8	Bộ thử thị lực mắt + bảng thử thị lực	bộ	1
II	**Sơ cứu, cấp cứu**		
1	Máy khí dung	cái	1
2	Bình ô xy + Bộ làm ẩm có đồng hồ + Mask thở ô xy	bộ	1
3	Bóng bóp cấp cứu người lớn dùng nhiều lần	cái	2
4	Bóng bóp cấp cứu trẻ em dùng nhiều lần	cái	2
5	Bộ nẹp chân	Sử dụng lại	
6	Bộ nẹp tay	Sử dụng lại	
7	Bộ nẹp cổ	Sử dụng lại	
8	Cáng tay	Sử dụng lại	
III	**Tiêm, tiêm thủ thuật và tiêm chủng mở rộng**		
1	Xe tiêm	cái	1
2	Xe đẩy cấp phát thuốc và dụng cụ	cái	1

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
3	Bàn tiểu phẫu	cái	1
4	Bộ dụng cụ tiểu phẫu	bộ	1
5	Giá treo dịch truyền	cái	2
6	Tủ đựng thuốc và dụng cụ	cái	1
7	Bộ mở khí quản cho người lớn	Sử dụng lại	
8	Bộ mở khí quản cho trẻ em	Sử dụng lại	
9	Kẹp lấy dị vật cho người lớn	Sử dụng lại	
10	Kẹp lấy dị vật cho trẻ em	Sử dụng lại	
11	Bộ dụng cụ nhổ răng sữa	Sử dụng lại	
IV	**Y dược cổ truyền**		
1	Giường châm cứu, xoa bóp, bấm huyệt	Sử dụng lại	
2	Máy điện châm	cái	2
3	Đèn hồng ngoại điều trị	cái	1
V	**Xét nghiệm**		
1	Hộp vận chuyển bệnh phẩm	Sử dụng lại	
2	Tủ đựng vắc xin chuyên dụng	Sử dụng lại	
VI	**Tiệt trùng**		
1	Nồi hấp tiệt trùng	cái	1
2	Tủ sấy	cái	1
VII	**Khu vực lưu người bệnh**		
1	Giường bệnh	cái	2
VIII	**Thiết bị khác**		
1	Bàn khám bệnh	cái	1
2	Tủ đầu giường bệnh	Sử dụng lại	
3	Tủ bảo quản thuốc	bộ	1
4	Bảng thông tin, truyền thông	cái	1
5	Tủ đựng tài liệu truyền thông	bộ	1
6	Tivi	Sử dụng lại	
7	Loa, bộ âm thanh	Sử dụng lại	
8	Giường	cái	1
B.2	**Trang thiết bị khác, văn phòng**		
1	Băng ghế ngồi inox loại 4 ghế/băng	băng	10
2	Bàn làm việc nhân viên	cái	16
3	Ghế xoay văn phòng	Sử dụng lại	
4	Tủ hồ sơ 2 cánh	cái	10
5	Ghế ngồi bệnh nhân	cái	20

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng
6	Bàn phòng họp	cái	15
7	Ghế phòng họp	cái	30
8	Tượng Bác hồ	cái	1
9	Bục để tượng Bác	cái	1
10	Bục phát biểu	cái	1
11	Bộ chữ mica	Sử dụng lại	
12	Hệ thống âm thanh phòng họp	Sử dụng lại	
13	Máy giặt	cái	1
14	Máy sấy đồ	cái	1
15	Phông màn, rèm kéo cho y tế	bộ	1

Biên bản được lập thành 05 bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản.

Đại diện
Chủ đầu tư

Nguyễn Thái Bình

Đại diện
Phòng TC-KH thị xã Bến Cát

Đại diện
Tư vấn thiết kế

Trương Đình Phước

Đại diện
Trung tâm Y tế thị xã Bến Cát

Lê Thanh Trang

Đại diện
Trạm Y tế phường Hòa Lợi

TRUNG TÂM Y TẾ TX.BẾN CÁT T.BÌNH DƯƠNG
TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI

BS. Nguyễn Thanh Hoài

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC KHẢO SÁT VÀ KẾT QUẢ THAM KHẢO

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03473.1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03473.1	Khu vực cổng ra vào tiếp giáp với đường ĐT 741
HA.23.03473.2	Khu vực phía Bắc giáp với UBND phường Hòa Lợi
HA.23.03473.3	Giữa khu đất dự kiến xây dựng công trình mới
HA.23.03473.4	Khu vực phía Tây giáp với khối trạm y tế hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 17/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/04/2023 - 24/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 24/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03473.1	32,4	58,9	0,8
HA.23.03473.2	32,3	58,6	0,6
HA.23.03473.3	32,7	58,5	0,5
HA.23.03473.4	32,2	58,9	1,2

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03473.1	75,3	0,23	0,075	0,068	<6
HA.23.03473.2	57,4	0,20	0,068	0,065	<6
HA.23.03473.3	55,9	0,20	0,072	0,064	<6
HA.23.03473.4	53,4	0,22	0,076	0,066	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: (*): *Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03473.5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
   Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
2. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03473.5	Trong khu đất dự kiến xây dựng	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, ẩm

3. Ngày lấy mẫu: 17/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/04/2023 - 24/04/2023
4. Ngày trả kết quả: 24/04/2023
5. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

6. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03473.5
1.	As(*)	mg/kg	0,56
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03473.5
3.	Pb(*)	mg/kg	22,1
4.	Zn(*)	mg/kg	32,3
5.	Cr(*)	mg/kg	4,1
6.	Cu(*)	mg/kg	20,5

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PPT/Số: HA.23.03474.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
   Tên khách hàng: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
2. Loại mẫu: Nước ngầm

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.03474.01	Nước giếng khoan trong khu đất dự án	Khách hàng gửi mẫu

3. Ngày nhận mẫu: 17/04/2023 Ngày trả kết quả: 17/04/2023 - 24/04/2023
4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH(*)(a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TDS(*)	ppm	HD – TDS	0 – 2799 ppm
3	Độ cứng tổng số(*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	5 mg/L
4	Nitrat ($N_NO_3^-$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
5	Sulfate (SO_4^{2-})(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,04 mg/L
6	Cyanua (CN^-)(*)(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
7	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
8	Sắt (Fe) (*)(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
9	Amoni ($N_NH_4^+$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	0,025 mg/L
10	Cadimi (Cd) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	0,5 µg/L
11	Asen (As) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
12	Coliform(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL
13	E. Coli(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09 – MT:2015/ BTNMT
			HA.23.03474.01	
1	pH(*)	--	6,78	**5,5 – 8,5**
2	TDS(*)	mg/L	287	**1500**
3	Độ cứng tổng số(*)	$mgCaCO_3/L$	55	**500**
4	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	141	**250**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm HA.23.03474.01	QCVN 09 – MT:2015/ BTNMT
5	Nitrat ($N_NO_3^-$)$^{(*)}$	mg/L	KPH	**15**
6	Sulfate (SO_4^{2-})$^{(*)(a)}$	mg/L	1,9	**400**
7	Sắt (Fe) $^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**5**
8	Amoni ($N_NH_4^+$)$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**1**
9	$CN^{-(*)}$	mg/L	KPH	**0,01**
10	As$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,05**
11	Cd$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,005**
12	Coliform$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**KPH**
13	E. Coli$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**3**

Ghi chú: $^{(*)}$*: Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
$^{(a)}$ *: Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444*
KPH: Không phát hiện
QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

M.S.D.N: 0309387095-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU QUẬN 12 - TP.HỒ CHÍ MINH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03472.1-3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03472.1	Khu vực phía Đông tiếp giáp với đường ĐT 746
HA.23.03472.2	Giữa khu đất dự án
HA.23.03472.3	Khu vực phía Nam giáp với Văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành

4. Ngày lấy mẫu: 17/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/04/2023 - 24/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 24/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03472.1	31,3	62,3	1,9
HA.23.03472.2	31,6	61,2	3,1
HA.23.03472.3	31,8	62,1	2,1

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03472.1	62,9	0,22	0,070	0,068	<6
HA.23.03472.2	51,6	0,20	0,069	0,065	<6
HA.23.03472.3	46,6	0,19	0,077	0,063	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	**6h – 21h: 70** **21h – 6h: 55**	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**

Ghi chú: (*): *Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03472.4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
3. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03472.4	Trong khu đất dự án	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, mịn

4. Ngày lấy mẫu: 17/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 17/04/2023 - 24/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 24/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

1. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03472.4
1.	As(*)	mg/kg	0,86
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03472.4
3.	Pb(*)	mg/kg	15,3
4.	Zn(*)	mg/kg	28,1
5.	Cr(*)	mg/kg	3,0
6.	Cu(*)	mg/kg	20,4

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03537.1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03537.1	Khu vực cổng ra vào tiếp giáp với đường ĐT 741
HA.23.03537.2	Khu vực phía Bắc giáp với UBND phường Hòa Lợi
HA.23.03537.3	Giữa khu đất dự kiến xây dựng công trình mới
HA.23.03537.4	Khu vực phía Tây giáp với khối trạm y tế hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 19/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 19/04/2023 - 26/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 26/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03537.1	32,1	59,3	1,1
HA.23.03537.2	32,5	57,2	0,7
HA.23.03537.3	32,3	56,8	0,2
HA.23.03537.4	31,7	58,2	1,0

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03537.1	73,8	0,23	0,083	0,071	<6
HA.23.03537.2	58,6	0,20	0,072	0,069	<6
HA.23.03537.3	56,4	0,21	0,077	0,060	<6
HA.23.03537.4	57,5	0,22	0,073	0,062	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: (*): *Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thủy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03537.5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03537.5	Trong khu đất dự kiến xây dựng	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, ẩm

4. Ngày lấy mẫu: 19/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 19/04/2023 - 26/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 26/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03537.5
1.	As(*)	mg/kg	0,75
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03537.5
3.	Pb(*)	mg/kg	17,8
4.	Zn(*)	mg/kg	28,1
5.	Cr(*)	mg/kg	3,6
6.	Cu(*)	mg/kg	24,4

Ghi chú: (*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thủy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PPT/Số: HA.23.03527.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
   Tên khách hàng: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
2. Loại mẫu: Nước ngầm

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.03527.01	Nước giếng khoan trong khu đất dự án	Khách hàng gửi mẫu

3. Ngày nhận mẫu: 19/04/2023 Ngày trả kết quả: 19/04/2023 - 26/04/2023
4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH(*)(a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TDS(*)	ppm	HD – TDS	0 – 2799 ppm
3	Độ cứng tổng số(*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	5 mg/L
4	Nitrat ($N_NO_3^-$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
5	Sulfate (SO_4^{2-})(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,04 mg/L
6	Cyanua (CN^-)(*)(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
7	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
8	Sắt (Fe) (*)(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
9	Amoni ($N_NH_4^+$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	0,025 mg/L
10	Chì (Pb) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
11	Asen (As) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
12	Coliform(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL
13	E. Coli(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09 – MT:2015/ BTNMT
			HA.23.03527.01	
1	pH(*)	--	5,88	**5,5 – 8,5**
2	TDS(*)	mg/L	282	**1500**
3	Độ cứng tổng số(*)	mg$CaCO_3$/L	57	**500**
4	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	148	**250**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09 – MT:2015/ BTNMT
			HA.23.03527.01	
5	Nitrat ($N_NO_3^-$)$^{(*)}$	mg/L	1,03	**15**
6	Sulfate (SO_4^{2-})$^{(*)(a)}$	mg/L	1,6	**400**
7	Sắt (Fe) $^{(*)(a)}$	mg/L	0,50	**5**
8	Amoni ($N_NH_4^+$)$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**1**
9	$CN^{-(*)}$	mg/L	KPH	**0,01**
10	As$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,05**
11	Cd$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,005**
12	Coliform$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**KPH**
13	E. Coli$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**3**

Ghi chú: $^{(*)}$*: Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
$^{(a)}$ *: Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444*
KPH: Không phát hiện
QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

M.S.D.N: 0309387095 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU - QUẬN 12 - TP.HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03536.1-3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03536.1	Khu vực phía Đông tiếp giáp với đường ĐT 746
HA.23.03536.2	Giữa khu đất dự án
HA.23.03536.3	Khu vực phía Nam giáp với Văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành

4. Ngày lấy mẫu: 19/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 19/04/2023 - 26/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 26/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03536.1	32,2	63,2	1,2
HA.23.03536.2	31,7	62,3	2,6
HA.23.03536.3	31,3	60,4	1,5

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03536.1	60,8	0,24	0,078	0,060	<6
HA.23.03536.2	53,5	0,18	0,075	0,066	<6
HA.23.03536.3	58,3	0,17	0,079	0,058	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	**6h – 21h: 70** **21h – 6h: 55**	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**

Ghi chú: (*): *Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thủy Diễm

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03536.4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.
3. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03536.4	Trong khu đất dự án	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, mịn

4. Ngày lấy mẫu: 19/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 19/04/2023 - 26/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 26/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03536.4
1.	As(*)	mg/kg	0,70
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03536.4
3.	Pb(*)	mg/kg	17,8
4.	Zn(*)	mg/kg	22,6
5.	Cr(*)	mg/kg	3,0
6.	Cu(*)	mg/kg	21,4

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

Nguyễn Thùy Diễm

HAIAU ENVIRONMENTAL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03565.1-4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03565.1	Khu vực cổng ra vào tiếp giáp với đường ĐT 741
HA.23.03565.2	Khu vực phía Bắc giáp với UBND phường Hòa Lợi
HA.23.03565.3	Giữa khu đất dự kiến xây dựng công trình mới
HA.23.03565.4	Khu vực phía Tây giáp với khối trạm y tế hiện hữu

4. Ngày lấy mẫu: 20/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 20/04/2023 - 27/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 27/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03565.1	31,2	60,7	0,5
HA.23.03565.2	31,3	59,5	1,0
HA.23.03565.3	32,2	59,2	0,9
HA.23.03565.4	31,8	62,4	1,4

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03565.1	70,8	0,22	0,074	0,058	<6
HA.23.03565.2	59,6	0,20	0,062	0,053	<6
HA.23.03565.3	54,3	0,20	0,075	0,067	<6
HA.23.03565.4	57,4	0,18	0,073	0,069	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	6h – 21h: 70 21h – 6h: 55	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	0,3	0,35	0,2	30

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03565.5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03565.5	Trong khu đất dự kiến xây dựng	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, ẩm

4. Ngày lấy mẫu: 20/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 20/04/2023 - 27/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 27/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03565.5
1.	As(*)	mg/kg	0,65
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03565.5
3.	Pb(*)	mg/kg	19,8
4.	Zn(*)	mg/kg	27,6
5.	Cr(*)	mg/kg	2,3
6.	Cu(*)	mg/kg	16,1

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm

Nguyễn Thị Trang

P.Giám đốc

M.S.D.N: 0309381... CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU QUẬN 12 - TP HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thùy Diễm

HAIAU ENVIRONMENTAL

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PPT/Số: HA.23.03770.01

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
   Tên khách hàng: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế phường Hòa Lợi, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
2. Loại mẫu: Nước ngầm

Mã số mẫu	Thông tin mẫu	Phương pháp lấy mẫu
HA.23.03770.01	Nước giếng khoan trong khu đất dự án	Khách hàng gửi mẫu

3. Ngày nhận mẫu: 27/04/2023 Ngày trả kết quả: 20/04/2023 - 27/04/2023
4. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	pH(*)(a)	--	TCVN 6492:2011	2 – 12 pH
2	TDS(*)	ppm	HD – TDS	0 – 2799 ppm
3	Độ cứng tổng số(*)	mg/L	SMEWW 2340C:2017	5 mg/L
4	Nitrat ($N_NO_3^-$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,015 mg/L
5	Sulfate (SO_4^{2-})(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,04 mg/L
6	Cyanua (CN^-)(*)(a)	mg/L	TCVN 6181:1996	0,001 mg/L
7	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4110B:2017	0,008 mg/L
8	Sắt (Fe) (*)(a)	mg/L	SMEWW 3111B:2017	0,03 mg/L
9	Amoni ($N_NH_4^+$)(*)(a)	mg/L	SMEWW 4500-NH_3.B&F:2017	0,025 mg/L
10	Chì (Pb) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3113B:2017	1,7 µg/L
11	Asen (As) (*)(a)	µg/L	SMEWW 3114B:2017	2 µg/L
12	Coliform(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL
13	E. Coli(*)(a)	CFU/100mL	ISO 9308-1:2014	1CFU/100mL

5. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09 – MT:2015/ BTNMT
			HA.23.03770.01	
1	pH(*)	--	6,10	**5,5 – 8,5**
2	TDS(*)	mg/L	286	**1500**
3	Độ cứng tổng số(*)	mg$CaCO_3$/L	59	**500**
4	Clorua (Cl^-)(*)(a)	mg/L	139	**250**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm	QCVN 09 – MT:2015/
			HA.23.03770.01	BTNMT
5	Nitrat ($N_NO_3^-$)$^{(*)}$	mg/L	1,07	**15**
6	Sulfate (SO_4^{2-})$^{(*)(a)}$	mg/L	2,1	**400**
7	Sắt (Fe) $^{(*)(a)}$	mg/L	0,55	**5**
8	Amoni ($N_NH_4^+$)$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**1**
9	$CN^{-(*)}$	mg/L	KPH	**0,01**
10	As$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,05**
11	Cd$^{(*)(a)}$	mg/L	KPH	**0,005**
12	Coliform$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**KPH**
13	E. Coli$^{(*)(a)}$	CFU/100mL	KPH	**3**

Ghi chú: $^{(*)}$*: Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
$^{(a)}$ *: Chỉ tiêu được chứng nhận VLAT-1.0444*
KPH: Không phát hiện
QCVN 09-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất
Mẫu do khách hàng lấy và gửi đến phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm không chịu trách nhiệm về việc lấy mẫu

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn

VLAT - 1.0444
ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03564.1-3

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Không khí

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu
HA.23.03564.1	Khu vực phía Đông tiếp giáp với đường ĐT 746
HA.23.03564.2	Giữa khu đất dự án
HA.23.03564.3	Khu vực phía Nam giáp với Văn phòng khu phố 4 của thị trấn Tân Thành

4. Ngày lấy mẫu: 20/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 20/04/2023 - 27/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 27/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện /Phạm vi đo
1	Nhiệt độ(*)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 – 50 °C
2	Độ ẩm(*)	%	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	10 – 100 %RH
3	Tốc độ gió(*)	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	QCVN 46:2012/BTNMT	0 - 30,0 m/s
4	Tiếng ồn(*)	dBA	TCVN 7878-2:2010	TCVN 7878-2:2010	30 – 130 dBA
5	SO_2(*)	µg/m^3	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	3 µg/m^3
6	CO(*)	mg/m^3	TCVN 5972:1995	TCVN 5972:1995	2 mg/m^3
7	NO_2(*)	µg/m^3	TCVN 6137:2009	TCVN 6137:2009	2,5 µg/m^3
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) (*)	µg/m^3	TCVN 5067:1995	TCVN 5067:1995	16 µg/m^3

7. Kết quả thử nghiệm:

Bảng 1:

Kết quả thử nghiệm	Thông số		
	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
	°C	%	m/s
HA.23.03564.1	31,8	60,8	1,6
HA.23.03564.2	31,1	59,6	2,2
HA.23.03564.3	30,4	60,4	1,8

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Bảng 2:

Kết quả thử nghiệm	Thông số				
	Độ ồn	Bụi	SO_2	NO_2	CO
	dBA	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3	mg/m^3
HA.23.03564.1	68,5	0,26	0,077	0,058	<6
HA.23.03564.2	57,3	0,21	0,065	0,060	<6
HA.23.03564.3	53,1	0,23	0,071	0,067	<6
QCVN 26:2010/BTNMT	**6h – 21h: 70** **21h – 6h: 55**	--	--	--	--
QCVN 05:2013/BTNMT	--	**0,3**	**0,35**	**0,2**	**30**

Ghi chú: (*): *Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
QCVN 05:2013/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

HAIAU ENVIRONMENTAL
CÔNG TY CP DV TV MÔI TRƯỜNG HẢI ÂU
3, Đường Tân Thới Nhất 20, KP 4, P.Tân Thới Nhất, Quận 12, TP.HCM
Điện thoại: 028. 3816 4421 Fax: 028. 3816 4437
Website: www.moitruong.org.vn
ilac-MRA AOSC VLAT - 1.0444 ISO/IEC 17025:2017
VIMCERTS 117

PTN/Số: HA.23.03564.4

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG LÂM**
2. Tên dự án: **XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG**
   Địa điểm: Trạm y tế thị trấn Tân Thành, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
3. Loại mẫu: Đất

Mã số mẫu	Vị trí lấy mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Tình trạng mẫu
HA.23.03564.4	Trong khu đất dự án	TCVN 7538-1:2006, TCVN 7538-2:2005	Nâu, mịn

4. Ngày lấy mẫu: 20/04/2023 Thời gian thử nghiệm: 20/04/2023 - 27/04/2023
5. Ngày trả kết quả: 27/04/2023
6. Phương pháp thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	As(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7062	0,15 mg/kg
2	Cd(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
3	Pb(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,15 mg/kg
4	Zn(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,8 mg/kg
5	Cr(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7010	0,5 mg/kg
6	Cu(*)	mg/kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	0,9 mg/kg

7. Kết quả thử nghiệm:

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03564.4
1.	As(*)	mg/kg	0,49
2.	Cd(*)	mg/kg	KPH

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả thử nghiệm
			HA.23.03564.4
3.	Pb(*)	mg/kg	19,7
4.	Zn(*)	mg/kg	26,5
5.	Cr(*)	mg/kg	1,6
6.	Cu(*)	mg/kg	25,3

Ghi chú: *(*): Chỉ tiêu được chứng nhận Vimcerts*
KPH: Không phát hiện

Phòng Thử Nghiệm **P.Giám đốc**

Nguyễn Thị Trang **Nguyễn Thùy Diễm**

1. Kết quả chỉ có giá trị trên mẫu thử / tại thời điểm đo đạc
2. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh
3. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Công ty CP DV TV MT Hải Âu

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
Tel : 028.62959784 - **Fax**: 028.62959783
Hot line : 0919797284 - 0919986829
E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
Website : www.moitruongphuongnam.com
VILAS 682
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & VILAS 682

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: H370312 - 1

1. **Tên khách hàng** : **TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN PHÚ GIÁO**
   Đ/c: Khu phố 3, Thị Trấn Phước Vĩnh, Huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Ký hiệu mẫu** : NT1 - Nước thải đầu vào HTXL
4. **Ngày nhận mẫu** : 26/11/2020
5. **Ngày trả kết quả** : 03/12/2020

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C; Cột A	Phương pháp phân tích
1	pH[(a)]	-	6,95	**6,5 – 8,5**	TCVN 6492:2011
2	BOD_5 (20°C)[(a,b)]	mg/l	185	**30**	TCVN 6001-1:2008
3	COD[(a)]	mg/l	274	**50**	SMEWW 5220C: 2012
4	TSS[(a)]	mg/l	196	**50**	TCVN 6625:2000
5	Sunfua (tính theo H_2S)[(a)]	mg/l	3,21	**1**	US EPA Method 376.2
6	N - NH_4^+[(a,b)]	mg/l	35,6	**5**	TCVN 5988:1995
7	N - NO_3^-[(a)]	mg/l	0,854	**30**	SMEWW 4500-NO_3^-.E:2012
8	P - PO_4^{3-}[(a)]	mg/l	4,52	**6**	TCVN 6202:2008
9	Dầu mỡ ĐTV[(a)]	mg/l	12,5	**10**	SMEWW 5520B&F:2017
10	Coliforms[(a,b)]	MPN /100ml	$3,6 \times 10^5$	**3.000**	TCVN 6187-2:1996
11	*Salmonella*[(a)]	Vi khuẩn /100ml	KPH	**KPH**	TCVN 9717:2013
12	*Shigella*[(a)]	Vi khuẩn /100ml	KPH	**KPH**	SMEWW 9260E:2012
13	*Vibrio cholera*[(a)]	Vi khuẩn /100ml	KPH	**KPH**	SMEWW 9260H:2012
14	Tổng hoạt độ phóng xạ α[(a)]	Bq/L	KPH	**0,1**	TCVN 8879:2011
15	Tổng hoạt độ phóng xạ β[(a)]	Bq/L	KPH	**1**	TCVN 8879:2011

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- (a): Chỉ tiêu được Bộ TNMT công nhận; (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; KPH: Không phát hiện;
- QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải y tế;

DANH MỤC THUỐC SỬ DỤNG TẠI MỖI TRẠM Y TẾ

DANH MỤC THUỐC TẠI TRẠM

STT	TÊN THUỐC	ĐVT
1	Amoxicilin/ a.Claunamid 500mg/125mg	viên
2	Amoxicilin/ a.Clavunamid 250mg/12,5mg	gói
3	Aciclovir 800	viên
4	AcetylCystein 200mg H/100v	viên
5	Acetyl Cystein 200mg H/30g	gói
6	Alimemazin 5mg Siro	chai
7	Alphachymotripsin 4200USP	viên
8	Alimemazin 5mg	viên
9	Alverin 40mg	viên
10	Amoxicillin 250mg	Viên
11	Amoxicillin 250mg	Gói
12	Amlodipin 5mg	Viên
13	Amoxicillin 500mg	viên
14	Acetylsalicylic acid 81mg H/100	Viên
15	Azithromycin 0.25g	Viên
16	Adrenalin 1mg/1ml	Ống
17	Adalat (Nifedipin 10mg)	Viên
18	Aminazine 25mg	Viên
19	Arterakin	Viên
20	Amittriptylin 25mg	Viên
21	Bromhexin 8mg	viên
22	Bustin	viên
23	Bepanthen	Tybe
24	Becozym	Ống
25	Bedizym	Ống
26	Clotrimacid	Tybe
27	Cotilam	Tybe
28	Cốm trẻ em	Chai
29	Cadisalic	Tybe
30	Cadicrovid	Tybe
31	Captopril 25mg	Viên
32	Cefaclor 125mg	gói
33	Cefaclor 250mg	viên
34	Cetirizin 10mg	viên
35	Ciprofloxacin	Lọ
36	Clarythromycin 0.25g	Viên
37	Clarythromycin 0.5g	Viên
38	Ciprofloxacin 500mg	viên
39	Cephalexin 250mg	gói
40	Cephalexin 500mg	viên
41	Cinnarizin 25mg	viên
42	Cefuroxim 125mg	gói
43	Cefuroxin 500mg	viên

44	Cadicrogym	viên
45	Cefixime 200mg	Viên
46	Cefixime 50mg	Gói
47	Chlopheniramin 4mg (2 màu)	viên
48	Cimetidin 300mg H/30v	Viên
49	Codacmin	Viên
50	Calci 3b	Ống
51	Calci hasan	Viên
52	Cloracin 0.4%	Chai
53	Davitabon cam sủi	Viên
54	Domperidone	chai
55	Diosmectic 3g	gói
56	Diclofenac 50mg	Viên
57	Daily care	tybe
58	Doxicyclin 100mg	Viên
59	DD Microshiel 20%	ml
60	DD Microshiel pvp	ml
61	Doxycillin 0.1g	viên
62	Depakin 200mg	Viên
63	**Diazepam 5mg/ml**	**Ống**
64	Erosan trị mụn	Tybe
65	Erosan care	Tybe
66	Eylingt	Viên
67	Eylingt NM	Viên
68	Eylingt Genat	Viên
69	Eylingt vita yellow	Chai
70	Eylingt vita cool	Chai
71	Eylingt vita red	Chai
72	Erythromycin 250mg	gói
73	Efferalgan 150mg	Viên đặt
74	Efferalgan 300mg	Viên đặt
75	Eugica	viên
76	Eugica fore	viên
77	Edoz	Gói
78	Fe Folic	viên
79	Floctafenin 200mg	viên
80	Furosemid 40mg	Viên
81	Fluconazol 200mg	Viên
82	Flucina	Tybe
83	Gliclazid 80mg	Viên
84	Gentrison	Tybe
85	Gentamycin 80mg	Ống
86	Glucose 5%	Chai
87	Găng Tay	Đôi
88	Hotan	Viên
89	Hamett	Gói
90	Hydrocortisone acetate	Lọ

91	Haloperidol 2mg	Viên
92	Ketoconazol 200mg	viên
93	Klamentin 625mg	viên
94	Kentax	Tybe
95	kim chích	Cái
96	Larobcorbin	Ống
97	Loratadin	viên
98	Loperamid 2mg	Viên
99	Lactobacillus	gói
100	Lidocain 2%	Ống
101	Lincomycin 500mg	Viên
102	lam kính	Cái
103	Macrogol 4000	gói
104	Mebendazol	Viên
105	Metronidazol 250mg	Viên
106	Meloxicam 7,5mg	Viên
107	Megyna	Viên
108	Mouthpast	tybe
109	Mifasolblue	Viên
110	Mg B6	viên
111	Mephenesin	Viên
112	Marvelon	Viên
113	Metformin SR 500mg	Viên
114	Mifepriston 10mg	Hộp
115	**Morphin 0.01g/ml**	**Ống**
116	Natriclorua 0,9%	lọ
117	Neo gynoternan	Viên
118	Neocin	Chai
119	Nước cất tiêm 5ml	Ống
120	Napalevo	Vỉ
121	Nifedipin 20mg	Viên
122	Night Ween	Viên
123	Nystatin 500 000 UI H/16	Viên
124	Ofloxacin 200mg	Viên
125	Omeprazol 20mg	viên
126	Oresol	gói
127	Pantogen	Chai
128	Pd Tetracyllin	Tybe
129	Primperan 10mg	Ống
130	Paracetamol 150mg	gói
131	Paracetamol 250mg	gói
132	Paracetamol 325mg	Viên
133	Paracetamol 500mg	Viên
134	Paracetamol 650mg	viên
135	Paracetamol 80mg	Gói
136	Paracetamol 150mg;Clopheniramin 1mg	gói
137	Paracetamol sủi 500mg	viên sủi

138	Paracetamol sủi 500mg	viên sủi
139	Paracetamol 500mg ,codein 30mg	viên
140	Perindopril	viên
141	Piracetam 400mg;Cinnarizin 25mg	viên
142	Prednisolon 5mg	viên
143	Promethazine 0,1%- 90ml	chai
144	Perindopril	Viên
145	Primperan	Viên
146	Presep	viên
147	Papaverin 0.04g	viên
148	Paracetamol 0.5g	viên
149	Phenobarbital 100mg	Viên
150	Que thử thai	Cái
151	Rhinex	Chai
152	Ringer lactac	Chai
153	Resordan 0.01g	Viên
154	Salbutamol 2mg (2 màu)	viên
155	Spivital mama	viên
156	Stoccel	Gói
157	skireron	Tybe
158	Sorbitol	Gói
159	Salonpas	Hộp
160	Sungaz	Tybe
161	Spiramycine 1,5MIU	Viên
162	Spiramycin 3MIU	viên
163	Spiramycin 0,75MIU	gói
164	Sulfat đồng	chai
165	Sắt Folic	Viên
166	Sulpirid 50mg	Viên
167	Ibuprofen 200mg	Viên
168	Ideal	Viĩ
169	Unikid IQ	Chai
170	Thuốc tiêm DMPA	Lọ
171	Tisercin 25mg	Viên
172	TerpinCodein	viên
173	Trimebutin	viên
174	Terpinzoat	viên
175	Trimafort	gói
176	Vitamin AD	viên
177	Vitamin B6 250mg	viên
178	Vitamin C 500mg	viên
179	Vitamin PP	Viên
180	Vitamin B1 250mg	Viên
181	Valygyno	Viên
182	Ventoline 5mg	Ống
183	VitaminA 200.000 IU	viên
184	VitaminA 100.000 IU	viên

185	Vitamin E 400IU H/100	Viên
186	Vaselin	Tybe
187	Vòng Tcu 380A	Cái
188	Vaccin sởi	Liều
189	Vaccin BCG	Liều
190	Vaccin Quinaxem	Liều
191	Vaccin Sabin	Liều
192	Vacin VAT	Liều
193	Xixat hồng	Chai
194	Xixat xanh	Chai
195	xanhmethylen	Chai
196	Trimetzidine 20mg	Viên
197	Spiramycin 0,75MIU	gói
198	Spiramycin 3MIU	viên
199	Ampelop H/90v	viên
200	An thần bổ tâm H/40v	viên
201	Bát vị- f H/40v	viên
202	Bavegan ch/60v	viên
203	Bổ phế chỉ khái lộ Ch/125ml	chai
204	Bổ thận dương (C/240v)	viên
205	Bổ trung ích khí (H/40v)	viên
206	Bát trân H/60	viên
207	Bông Y tế	Gram
208	Bao cao su	Cái
209	Captopril 0.025g	Viên
210	Calcium Alko 0.87%	Ống
211	Dạ dày tá tràng H/40v	viên
212	Dầu nóng mặt trời C/60ml	Chai
213	Dầu gió đỏ 3ml	chai
214	Diệp Hạ châu (H/20g)	gói
215	Dầu khuynh diệp OPC 25ml	chai
216	Dầu khuynh diệp OPC 15ml	chai
217	Dodylan C/60v	viên
218	Đan Sâm Tam Thất H/40	viên
219	Độc hoạt tang ký sinh H/10g	gói
220	Đởm kim hoàn H/240	viên
221	Fengshi H/50v	viên
222	Fitobaby 80ml	Chai
223	Fitorhi - f H/40	viên
224	Hà thủ ô H/30	viên
225	Hoạt huyết dưỡng não H/30	Viên
226	Hoàn bổ thận âm H/10g	gói
227	Ích mẫu hoàn	viên
228	Ích mẫu hoàn	viên
229	Kim Tiền thảo H/100	Viên
230	Lục vị nang H/60v	viên
231	Mimosa H/50v	viên

232	Ngân kiều giải độc H/40	viên
233	OP.ZEN-Viên tiêu sưng giảm đau H/50	Viên
234	Phì nhi đại bổ	viên
235	Phong tê thấp H/30	viên
236	Phong tê thấp H/30	viên
237	Phong thấp nang H/100	viên
238	Rheumapain -f	Viên
239	Sâm quy đại bổ	chai
240	Tiêu độc mát gan	chai
241	Tỳ viêm nang H/100	Viên
242	Thập toàn đại bổ	viên
243	Thanh nhiệt tiêu độc H/40	Viên
244	Thuốc ho trẻ em	chai
245	Thuốc ho người lớn	chai
246	Tragutan F	viên
247	Trà Gừng	gói
248	Triselan	viên
249	Trà Ruton	Gói
250	V phone H/40v	viên
251	Xoang Vạn Xuân H/60v	viên
252	Cao ích mẫu	Chai
253	Dưỡng tâm an thần H/100v	viên
254	Đại tràng Ch/30	viên
255	Hoa đà tái tạo hoàn	chai
256	Trà Ruton	gói
257	Diệp Hạ châu (H/90v)	viên
258	Hoàn thập toàn đại bổ H/10g	gói
259	Phong thấp thủy	chai
260	Hoạt huyết dưỡng não H/30	Viên

Người lập bảng

DSTH Nguyễn Minh Quang

CÁC BẢN VẼ THIẾT KẾ DỰ ÁN

DỰ ÁN: XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

ĐỊA ĐIỂM KHẢO SÁT: THỊ TRẤN TÂN THÀNH - HUYỆN BẮC TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
TỶ LỆ 1/200

Diện tích khảo sát: 3.190,3m2

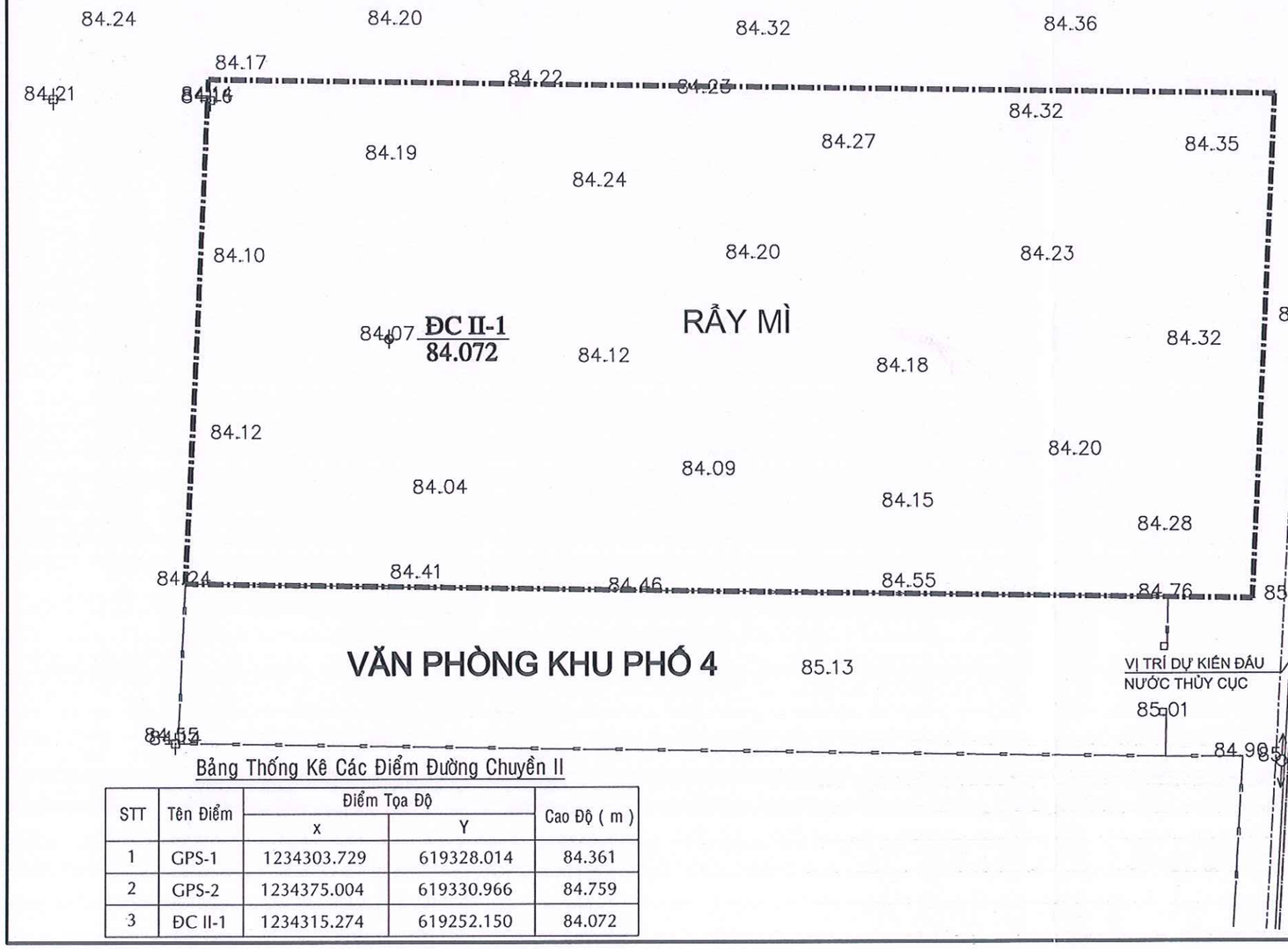

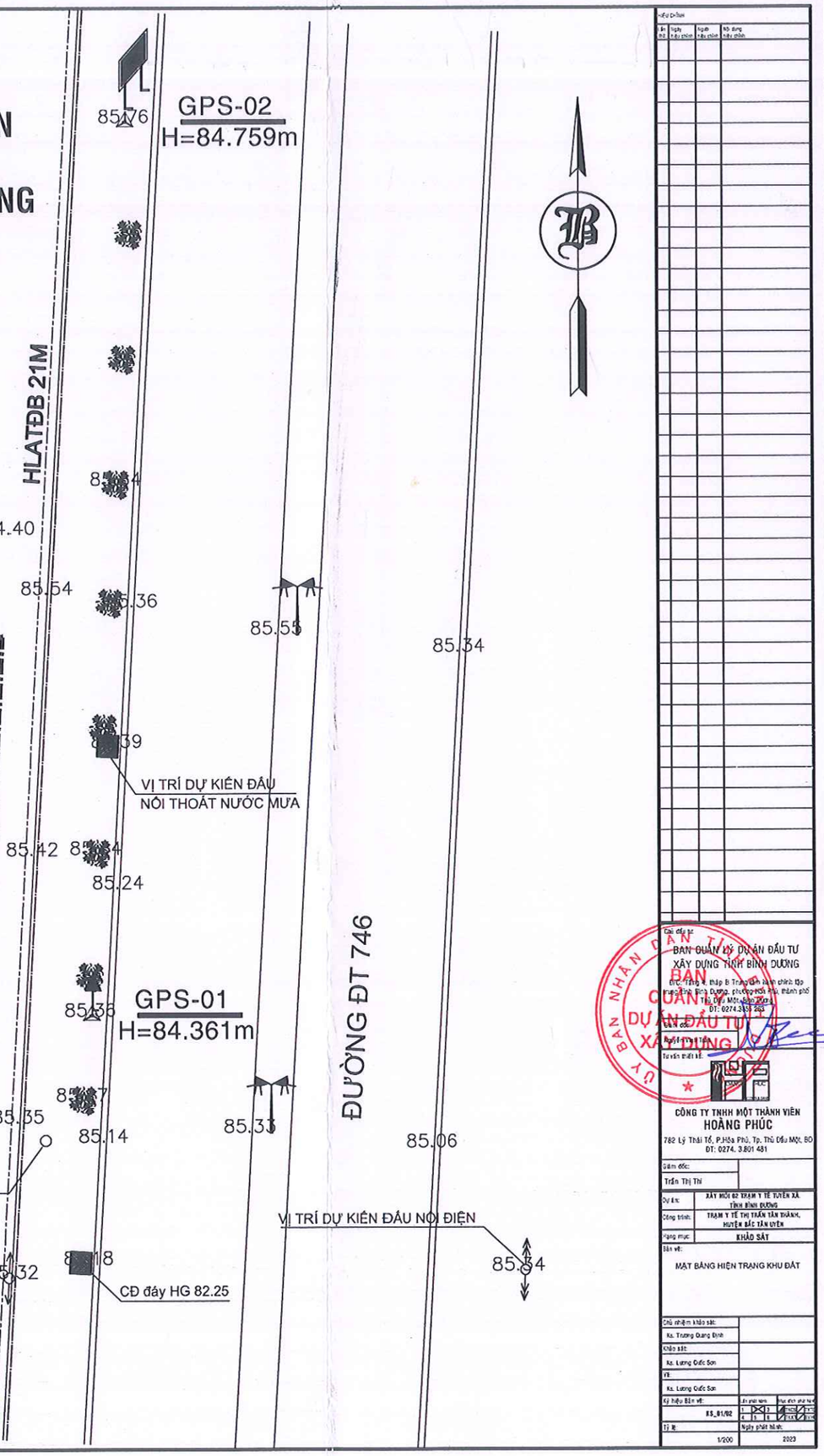

Bảng Thống Kê Các Điểm Đường Chuyền II

STT	Tên Điểm	Điểm Tọa Độ		Cao Độ (m)
		X	Y	
1	GPS-1	1234303.729	619328.014	84.361
2	GPS-2	1234375.004	619330.966	84.759
3	ĐC II-1	1234315.274	619252.150	84.072

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
ĐC: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, P.Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3837 283

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi

Dự án: XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình: TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục: KHẢO SÁT
Bản vẽ: MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT

Chủ nhiệm khảo sát: Ks. Trương Quang Đính
Khảo sát: Ks. Lương Quốc Sơn
Vẽ: Ks. Lương Quốc Sơn
Ký hiệu Bản vẽ: KS_01/02
Tỷ lệ: 1/200
Ngày phát hành: 2023

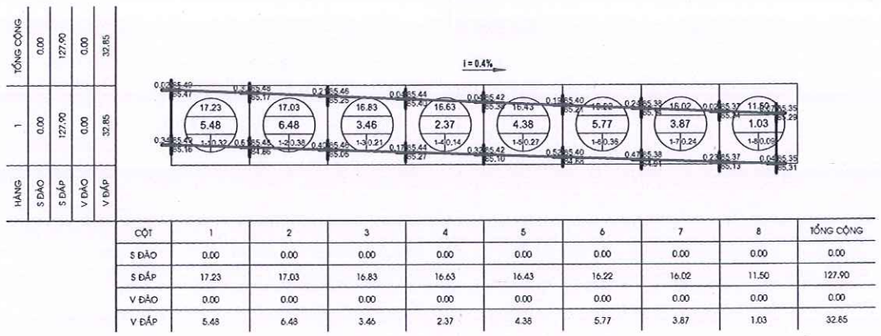

CỘT	1	2	3	4	5	6	7	8	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
S ĐẮP	17.23	17.03	16.83	16.63	16.43	16.22	16.02	11.50	127.90
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V ĐẮP	5.48	6.48	3.46	2.37	4.38	5.77	3.87	1.03	32.85

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 1

TỶ LỆ: 1 : 250

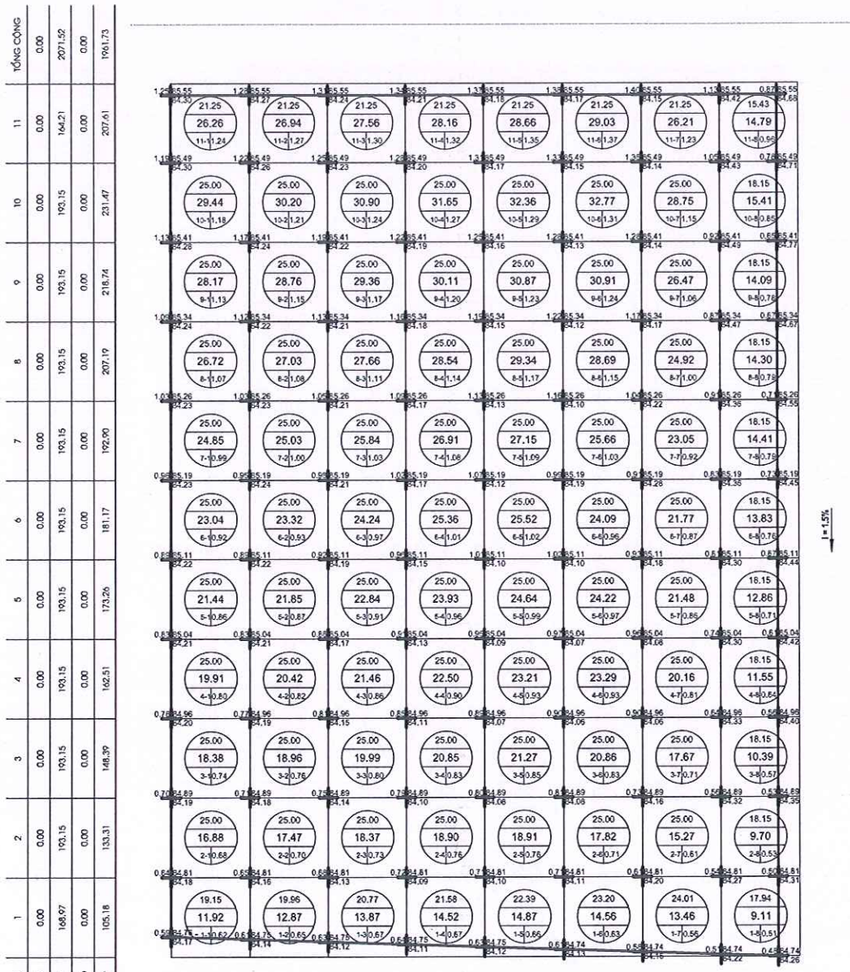

CỘT	1	2	3	4	5	6	7	8	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
S ĐẮP	265.40	266.21	267.02	267.83	268.64	269.45	270.26	196.70	2071.52
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V ĐẮP	247.02	252.85	262.07	271.43	276.80	271.90	239.22	140.44	1961.73

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 3

TỶ LỆ: 1 : 250

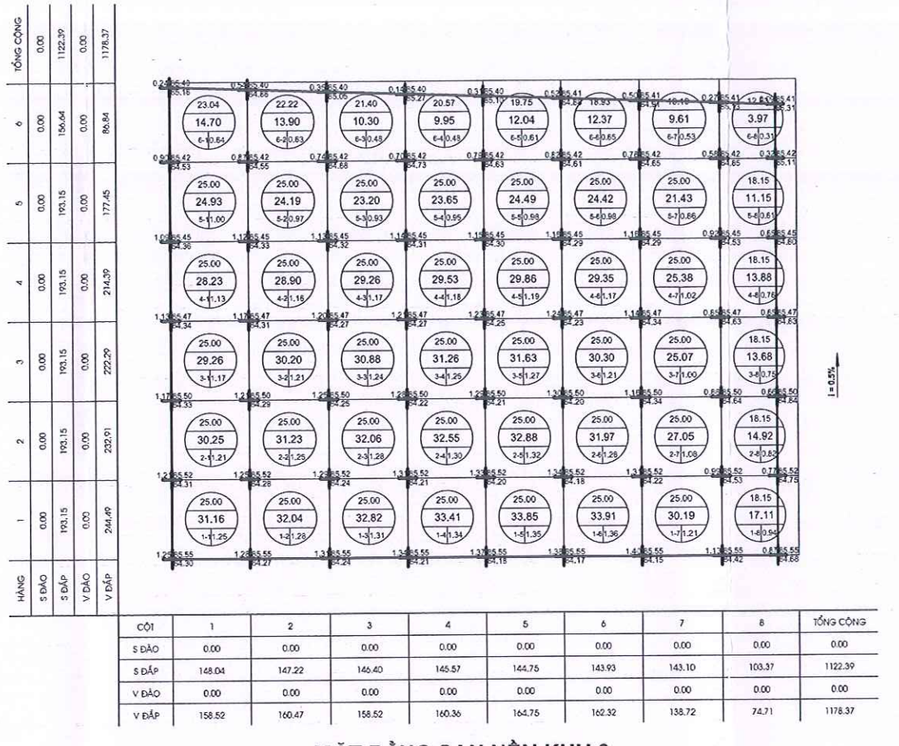

CỘT	1	2	3	4	5	6	7	8	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
S ĐẮP	148.04	147.22	146.40	145.57	144.75	143.93	143.10	103.37	1122.39
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V ĐẮP	158.52	160.47	158.52	160.36	164.75	162.32	138.72	74.71	1178.37

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 2

TỶ LỆ: 1 : 250

THUYẾT MINH

1 - RANH GIỚI KHU ĐẤT CĂN CỨ BẢN VẼ ĐO ĐẠC DO BÊN A CUNG CẤP;

2 - TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN THEO LƯỚI Ô VUÔNG 5M x 5M;

3 - LƯỚI Ô VUÔNG TRONG TÍNH TOÁN SAN NỀN CHÍNH LÀ LƯỚI Ô VUÔNG ĐO VẼ ĐỊA HÌNH;

4 - DIỆN TÍCH KHU ĐẤT SAN NỀN LÀ: S = 3322.91M2;

5 - CAO TRÌNH THIẾT KẾ LÀ: H thiết kế = +84.740 ~ +85.490M;

6 - BIỆN PHÁP THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU: DÙNG PHƯƠNG PHÁP ƯỚT, CÂN TỪNG LỚP DÀY 0.2~0.3M. TƯỚI NƯỚC ĐẠT ĐỘ ẨM KHÔNG THẤP HƠN ĐỘ ẨM QUI ĐỊNH 2% HOẶC KHÔNG CAO HƠN 1%, VÀ NGHIỆM THU THEO TCVN 4447-2012;

7 - HỆ SỐ NÉN PHẢI ĐẠT ĐỘ CHẶT K = 0.90Ko (ĐỘ CHẶT TIÊU CHUẨN PROCTOR CẢI TIẾN);

8 - CAO ĐỘ SAN LẤP LÀ CAO ĐỘ HOÀN THIỆN;

9 - KHỐI LƯỢNG SAN NỀN NHƯ SAU:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI		KHỐI LƯỢNG	ĐV
A	DIỆN TÍCH SAN NỀN:	S	=S1+S2=0+3322.91	=	3,322.91	M2
1	DIỆN TÍCH ĐÀO (THEO BV SAN NỀN):	S1		=	0.00	M2
2	DIỆN TÍCH ĐẮP (THEO BV SAN NỀN):	S2	=129+1122.39+2071.52	=	3,322.91	M2
B	ĐÀO BỎ LỚP HỮU CƠ BỀ MẶT:	V1		=	0.00	M3
C	KHỐI LƯỢNG ĐÀO (THEO BV SAN NỀN):	V2		=	0.00	M3
D	KHỐI LƯỢNG ĐẮP (THEO BV SAN NỀN):	V3	=32.85+1178.37+1961.73	=	3,172.95	M3
E	TRỪ ĐẤT ĐÀO CÁC HẠNG MỤC:	V4	=V4.1+V4.2+V4.3=57.36+137.57+64.76	=	259.69	M3
1	TRỪ LỚP CẤU TẠO SÂN ĐƯỜNG TERAZZO:	V4.1	=386.42x0.12+91.61x0.12	=	57.36	M3
2	TRỪ LỚP ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH:	V4.2	=687.86x0.2	=	137.57	M3
3	TRỪ LỚP CẤU TẠO SÂN ĐƯỜNG BÊ TÔNG	V4.3	=544.28x0.1+86.06x0.12	=	64.76	M3
F	ĐẮP ĐẤT ĐỒN CÁC HẠNG MỤC:	V5		=	0.00	M3
G	KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẮP:	V	=(V3-V4)x1.33	=	3,874.64	M3

CHÚ Ý:

- CAO ĐỘ SAN NỀN LÀ CAO ĐỘ HOÀN THIỆN;
- COSTE SAN NỀN THIẾT KẾ +85.550 TƯƠNG ỨNG COSTE SÂN ĐƯỜNG -0.470;
- COSTE ±0.000 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAU KHI ĐỔN NỀN XEM BVKT (TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +86.020).

GHI CHÚ:

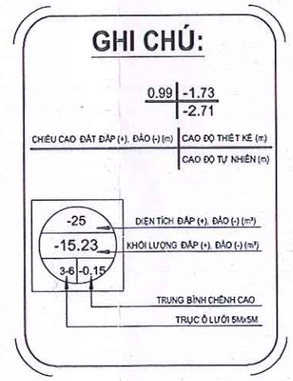

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại : 0274.3855 263

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYÊN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục	01-TỔNG THỂ
Bản vẽ:	MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 1, 2, 3

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Việt Hùng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	

Ký hiệu bản vẽ:	Lần phát hành:	Mục đích phát hành:
KT-TT03/05	1 2 3 4 5 6	TKCS / TKTC / TKKT / BVKC
Tỷ lệ: 1/250	Ngày phát hành: 2023	

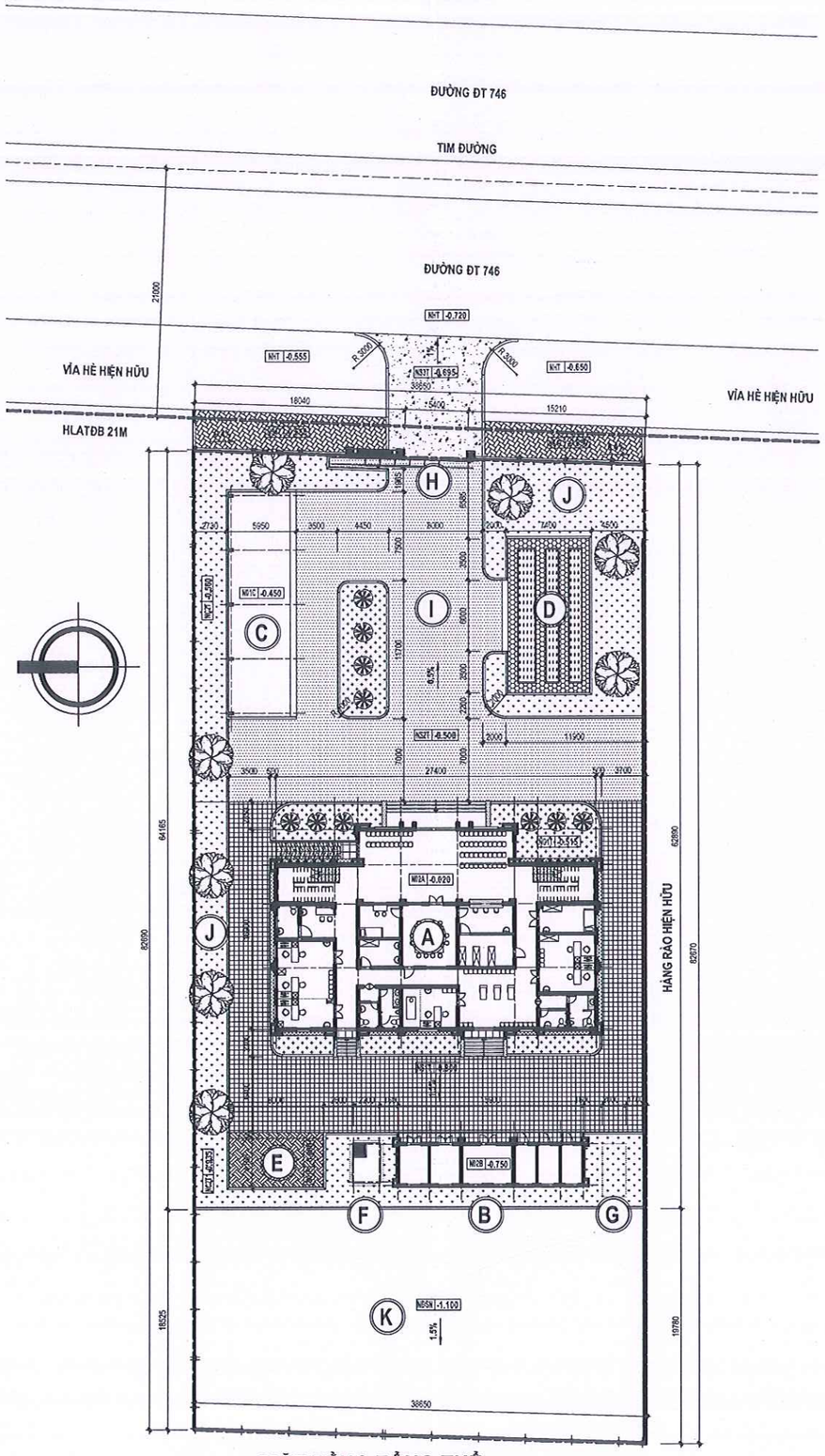

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

TỶ LỆ: 1 : 300

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (M2)	TỶ LỆ (%)
I	**ĐẤT THUỘC DỰ ÁN (A+B+C)**	**3,190.30**	**100.00**
A	**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**	**641.21**	**20.10**
1	Khối chính	479.97	15.04
2	Nhà để xe (khách + nhân viên)	100.00	3.13
3	Nhà phụ trợ (nhà điều hành HTXLNT, kho rác, nhà che máy bơm, máy phát điện, phòng giặt, kho đồ sạch)	61.24	1.92
B	**SÂN VƯỜN CÂY XANH**	**1,585.59**	**49.70**
1	Đất trồng cỏ, cây xanh	687.86	21.56
2	Vườn thuốc nam	91.00	2.85
3	Bó vỉa chiếm chỗ	59.10	1.85
4	Đất dự kiến phát triển	747.63	23.43
C	**SÂN ĐƯỜNG GIAO THÔNG NỘI BỘ**	**963.50**	**30.20**
1	Sân phơi thuốc	32.80	1.03
2	Sân đường Terrazzo	386.42	12.11
3	Sân đường bê tông	544.28	17.06
II	**ĐẤT GIAO THÔNG TIẾP CẬN CÔNG TRÌNH**	**177.67**	
1	Sân đường Terrazzo	91.61	
2	Sân đường bê tông tiếp cận công trình	86.06	
	TỔNG (I + II)	**3,367.97**	

CHÚ THÍCH

- A — KHỐI TRẠM Y TẾ
- B — KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- C — NHÀ ĐỂ XE
- D — VƯỜN THUỐC NAM
- E — SÂN PHƠI THUỐC
- F — BỂ NƯỚC NGẦM
- G — HỆ THỐNG XLNT
- H — CỔNG
- I — SÂN ĐƯỜNG
- J — CỎ, CÂY XANH
- K — ĐẤT DỰ TRỮ

BẢNG GHI CHÚ VẬT LIỆU NỀN TỔNG THỂ

KÍ HIỆU	VẬT LIỆU	CẤU TẠO
NS1T	NỀN SÂN TERRAZZO (S = 386.42 M2)	- Nền lát gạch Terrazzo KT 400x400 dày 30mm; - Lớp vữa tạo phẳng #75 dày 30mm; - Lớp bê tông chịu lực đá 10x20 #250 dày 60mm; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NS2T	NỀN SÂN BÊ TÔNG (544.28 M2)	- Lớp bê tông chịu lực đá 10x20 #250 dày 100mm tạo phẳng mặt, kẻ joint rộng 5mm cách khoảng 4000x4000mm; - Lớp giấy dầu dày 1mm chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NS3T	SÂN ĐƯỜNG BÊ TÔNG TIẾP CẬN CÔNG TRÌNH (S = 86.06 M2)	- Lớp bê tông chịu lực đá 10x20 #250 dày 120mm tạo phẳng mặt (bố trí thép gia cường, xem BVKC), kẻ joint rộng 5mm cách khoảng 4000x4000mm; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NS4T	NỀN VỈA HÈ TERRAZZO (S = 91.61 M2)	- Nền lát gạch Terrazzo KT 400x400 dày 30mm; - Lớp vữa tạo phẳng #75 dày 30mm; - Lớp bê tông chịu lực đá 10x20 #250 dày 60mm; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NC1T	NỀN TRỒNG CÂY (S = 142.32 M2)	- Trồng cây bạch trạng (9 cây/1m2); - Lớp đất hữu cơ dày 200mm; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NC2T	NỀN TRỒNG CỎ (545.54 M2)	- Trồng cỏ lá gừng Thái; - Lớp đất hữu cơ dày 200mm; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NC1C	NỀN NHÀ XE (100 M2)	- Lớp bê tông đá 10x20 #250 dày 100 xoa phẳng mặt kẻ joint rộng 5mm cách khoảng 2000x2000mm; - Lớp bê tông lót đá 10x20 #150 dày 60; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp cát đổn nền tưới nước đầm chặt từng lớp dày 200, K=0,90; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NC1D	LỐI ĐI VƯỜN THUỐC NAM	- Nền lát gạch Terrazzo KT 400x400 dày 30mm; - Lớp vữa tạo phẳng #75 dày 30mm; - Lớp bê tông lót đá 10x20 #150 dày 60mm; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NC1E	SÂN PHƠI THUỐC (S = 32.80 M2)	- Nền lát gạch Terrazzo KT 400x400 dày 30mm; - Lớp vữa tạo phẳng #75 dày 30mm; - Lớp bê tông lót đá 10x20 #150 dày 60mm; - Lớp giấy dầu chống mất nước bê tông; - Lớp đất san nền (xem BVSN); - Lớp đất tự nhiên dọn sạch bề mặt.
NDSN	ĐẤT SAN NỀN	- Lớp đất san nền (xem BVSN) - Lớp đất tự nhiên.
NHT	NỀN SÂN ĐƯỜNG HIỆN TRẠNG	- Nền sân đường hiện trạng.

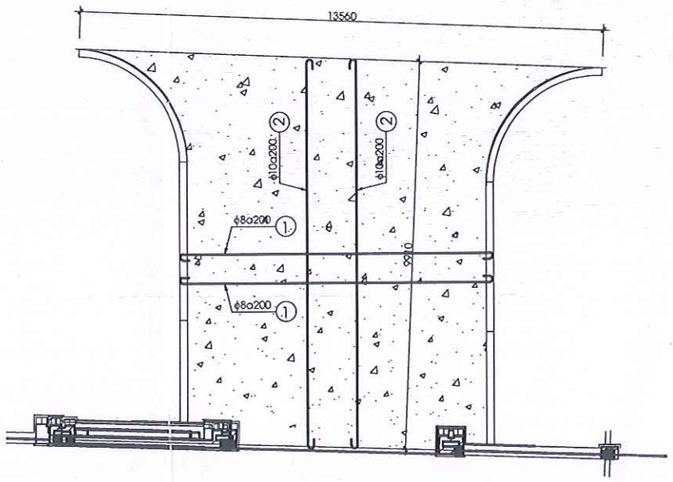

MẶT BẰNG THÉP NỀN BTCT VỊNH ĐẬU XE CỔNG CHÍNH

TỶ LỆ: 1/100

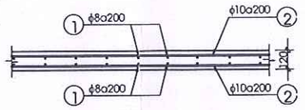

MẶT CẮT BẢN BTCT ĐIỂN HÌNH

TỶ LỆ: 1/25

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274.3855.2...

Giám đốc:
Nguyễn Văn Trãi

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYÊN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục	01-TỔNG THỂ
Bản vẽ:	MẶT BẰNG TỔNG THỂ
Chủ nhiệm dự án:	Kts. Trương Đình Phúc
Chủ trì thiết kế:	Kts. Phan Huy Phượng
Thiết kế:	Kts. Nguyễn Việt Hùng
Kiểm tra thiết kế:	Kts. Lê Mạnh Nhiên
Ký hiệu bản vẽ:	KT-TT01/05
Tỷ lệ:	1/300
Lần phát hành:	1 2 3 4 5 6
Mục đích phát hành:	TKCS TKTC TKKT TKHC
Ngày phát hành:	2023

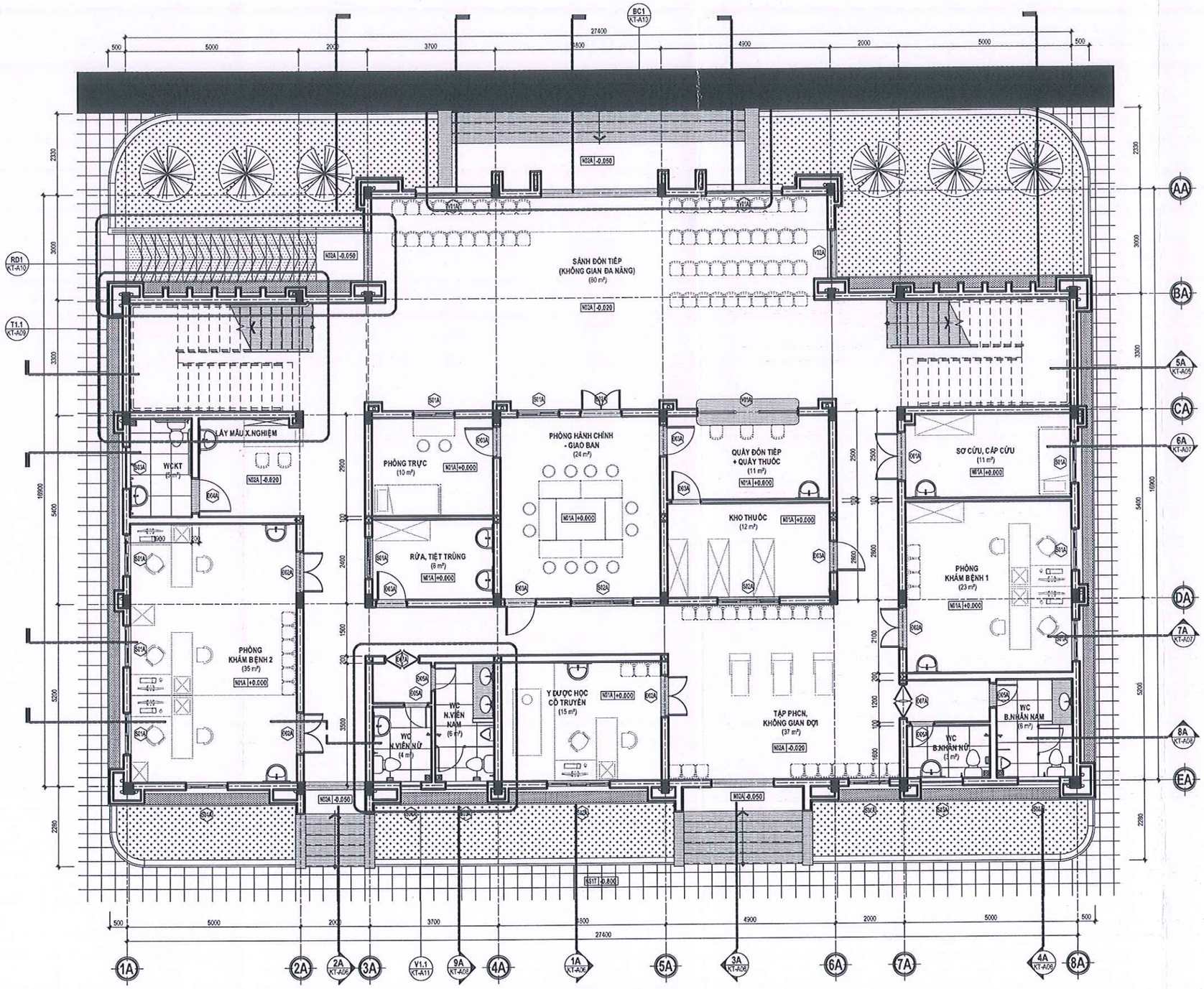

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại : 0274.3855 263

Giám đốc:	
Nguyễn Vĩnh Toàn	

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục	02-KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

MẶT BẰNG TẦNG 1

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Việt Hùng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	

Ký hiệu bản vẽ:	Lần phát hành:	Mục đích phát hành:
KT-A01/13	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT TDAC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023	

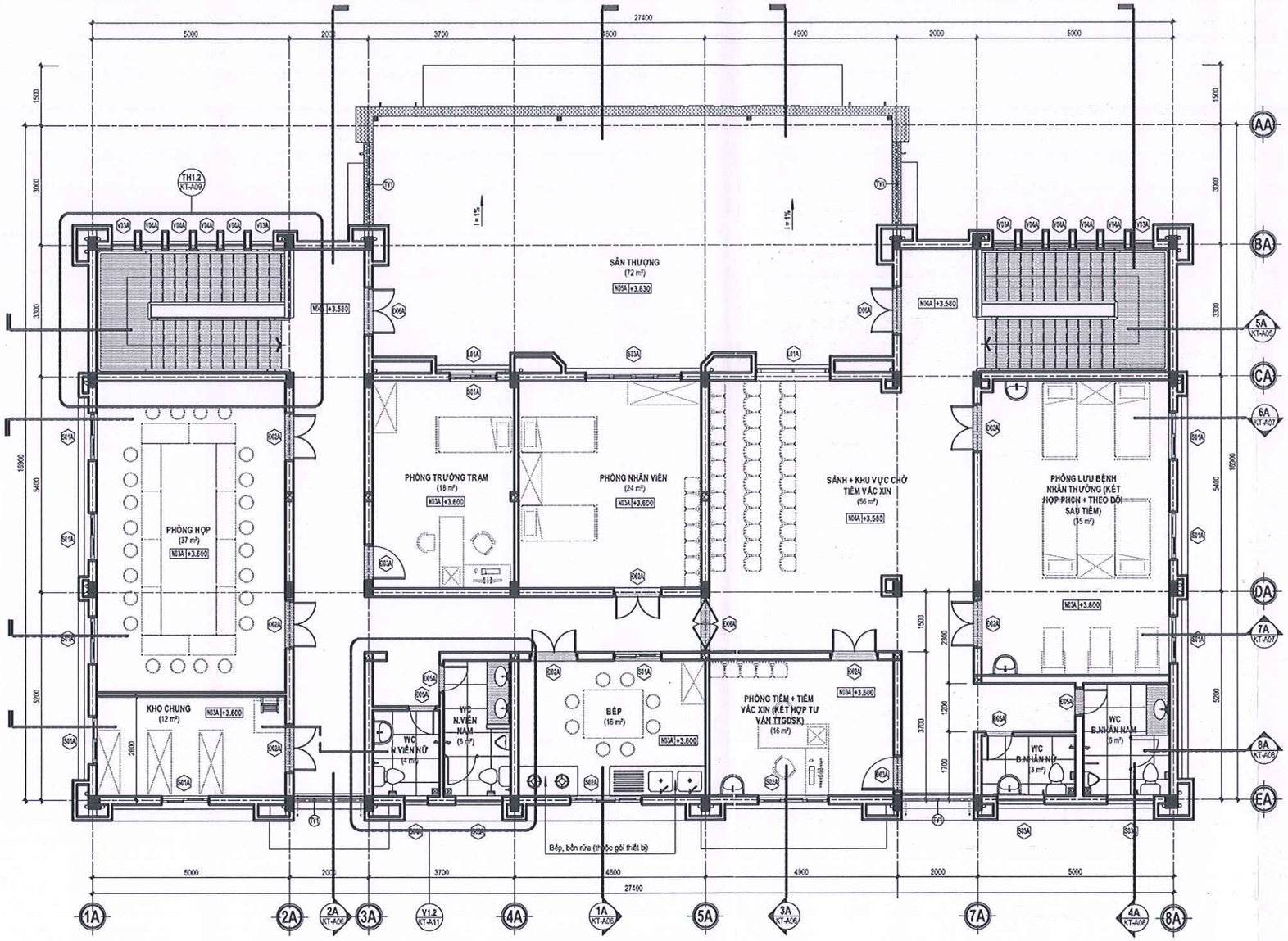

MẶT BẰNG TẦNG 2

TỶ LỆ: 1 : 100

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 4, khối B Trung tâm hành chính tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
Điện thoại: 0274 3855 263

Giám đốc:

Nguyễn Văn Thân

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYÊN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục	02-KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

MẶT BẰNG TẦNG 2

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Việt Hùng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	

Ký hiệu bản vẽ:	Lần phát hành:	Mục đích phát hành:
KT-A02/13	1 2 3 4 5 6	TKCS / TKTC / TKKT / BVHC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023	

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC CẤP

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01	Ⓜ	ĐỒNG HỒ NƯỚC DN50	CÁI	01
02		VAN KHÓA DN50 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	02
03		VAN KHÓA DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	05
04		VAN KHÓA DN25 (THÂN ĐỒNG) + KHỐI BÊ TÔNG CỐ ĐỊNH VAN	CÁI	11
05		VAN 1 CHIỀU DN50 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	01
06		KHỚP MỀM DN32 (CAO SU)	CÁI	02
07		Y LỌC DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	02
08		ĐỒNG HỒ ÁP 0-7BAR	CÁI	02
09		BƠM 2HP 1 PHA, 6 M3/H, 36M	MÁY	02
10		VAN PHAO CƠ DN50	CÁI	01
11		ỐNG HDPE D50, DÀY 4.6MM	M	98
12		ỐNG HDPE D32, DÀY 3.0MM	M	183
13		ỐNG HDPE D25, DÀY 2.3MM	M	58
14		CO HDPE D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	15
15		CO HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	23
16		CO HDPE D50 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
17		T GIẢM HDPE D50-D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
18		T GIẢM HDPE D50-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
19		T GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	07
20		CO GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	11
21		T HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
22		TỦ BƠM NƯỚC (IP65) 600x800x200 (BAO GỒM TOÀN BỘ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN BƠM)	TỦ	01
23		CÁP CXV 1X2CX6.0MM2 (CẤP NGUỒN BƠM)	M	70
24		CÁP CXV 1X2CX1.5MM2 (TÍN HIỆU PHAO)	M	55
25		ỐNG LUỒN CÁP ĐIỆN uPVC D25, DÀY 1.8MM	M	55
26		ỐNG LUỒN CÁP ĐIỆN uPVC D32, DÀY 2.1MM	M	35
27		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

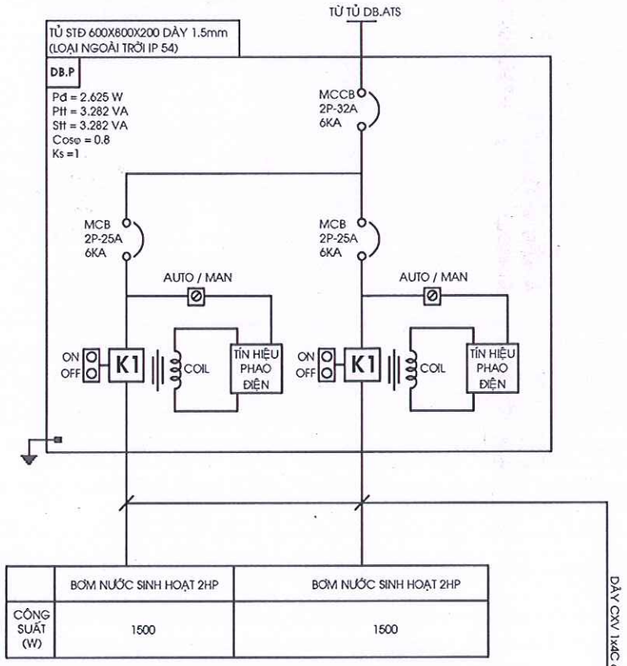

SĐNL TỦ ĐIỆN DB.P

K1 CONTACTOR 2P-25A

PHAO ĐIỆN BAO GỒM 2 BỘ, 1 BÁO MỰC NƯỚC THẤP TRÊN BỒN + 1 BÁO MỰC NƯỚC CẠN CỦA BỂ NƯỚC NGẦM

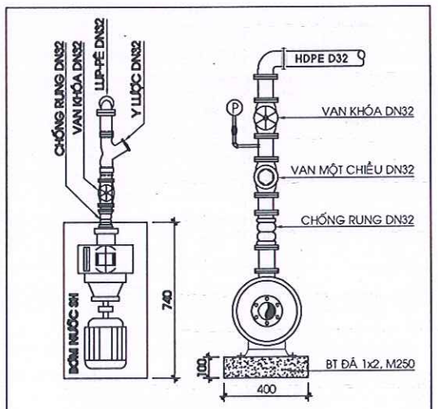

BƠM NƯỚC SINH HOẠT 1P
2.0HP, Q = 6m3/h - H = 36m

CT BƠM NƯỚC SH

TỶ LỆ 1/25

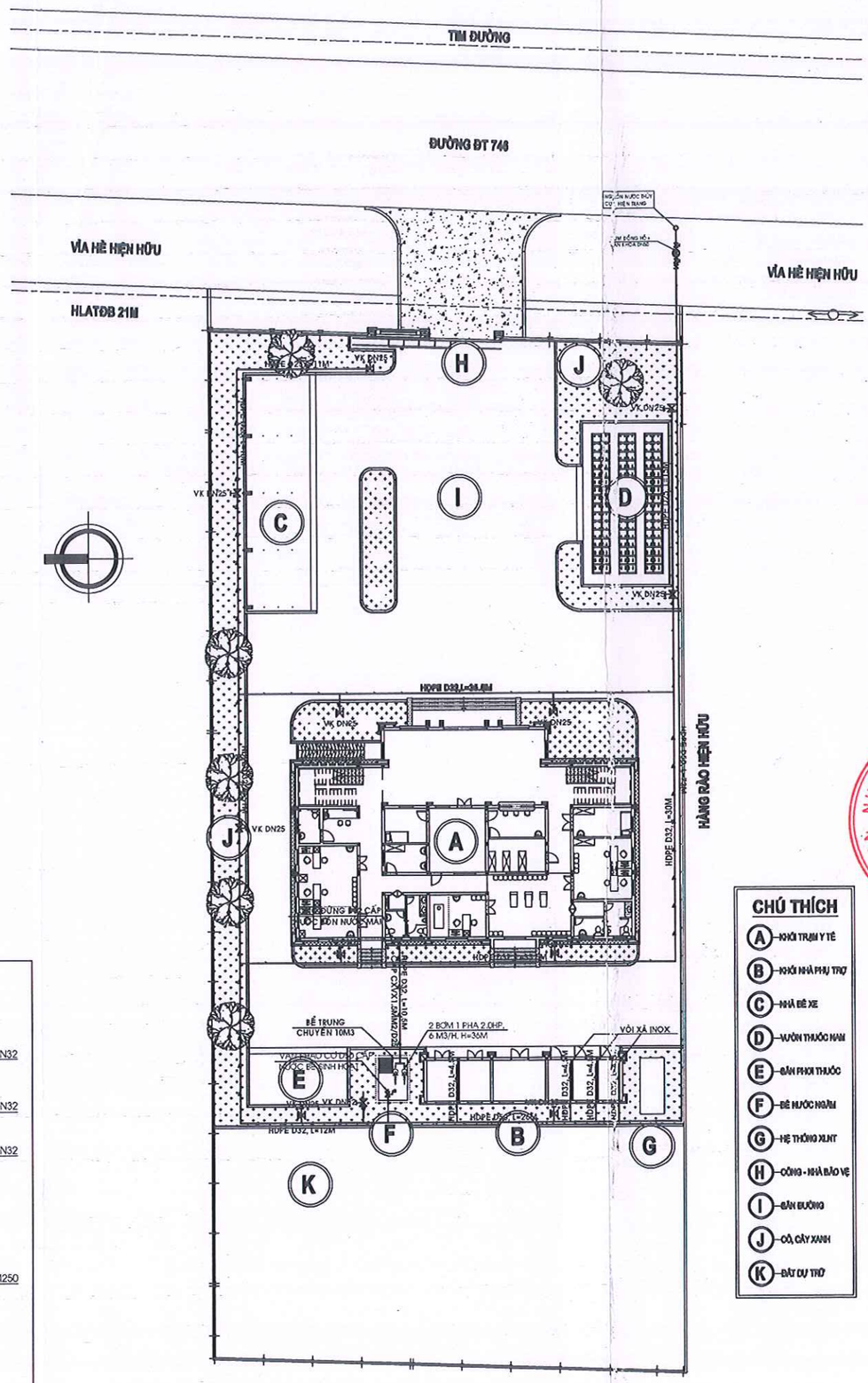

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/300

CHÚ THÍCH

- A — KHỐI TRẠM Y TẾ
- B — KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- C — NHÀ ĐỂ XE
- D — VƯỜN THUỐC NAM
- E — SÂN PHƠI THUỐC
- F — BỂ NƯỚC NGẦM
- G — HỆ THỐNG XLNT
- H — CỔNG - NHÀ BẢO VỆ
- I — SÂN ĐƯỜNG
- J — CỎ, CÂY XANH
- K — ĐẤT DỰ TRỮ

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.263
Giám đốc:
Nguyễn Vinh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ
Chủ nhiệm thiết kế:	Ks. Trương Đình Phúc
Chủ trì thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Thiết kế:	Ks. Trương Tấn Thanh
Kiểm tra thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Ký hiệu Bản vẽ:	N:TT-03/10
Tỷ lệ:	1/300
Lần phát hành:	1 2 3 4 5 6
Mục đích phát hành:	TKCS TKTC TKKT BVHC
Ngày phát hành:	2023

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC CẤP

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01	Ⓜ	ĐỒNG HỒ NƯỚC DN50	CÁI	01
02		VAN KHÓA DN50 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	02
03		VAN KHÓA DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	05
04		VAN KHÓA DN25 (THÂN ĐỒNG) + KHỐI BÊ TÔNG CỐ ĐỊNH VAN	CÁI	11
05		VAN 1 CHIỀU DN50 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	01
06		KHỚP MỀM DN32 (CAO SU)	CÁI	02
07		Y LỌC DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	02
08		ĐỒNG HỒ ÁP 0-7BAR	CÁI	02
09		BƠM 2HP 1 PHA, 6 M3/H, 36M	MÁY	02
10		VAN PHAO CƠ DN50	CÁI	01
11	——	ỐNG HDPE D50, DÀY 4.6MM	M	98
12	——	ỐNG HDPE D32, DÀY 3.0MM	M	183
13	——	ỐNG HDPE D25, DÀY 2.3MM	M	58
14		CO HDPE D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	15
15		CO HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	23
16		CO HDPE D50 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
17		T GIẢM HDPE D50-D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
18		T GIẢM HDPE D50-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
19		T GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	07
20		CO GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	11
21		T HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
22	▭	TỦ BƠM NƯỚC (IP65) 600x800x200 (BAO GỒM TOÀN BỘ THIẾT BỊ ĐIỀU KHIỂN BƠM)	TỦ	01
23		CÁP CXV 1X2CX6.0MM2 (CẤP NGUỒN BƠM)	M	70
24		CÁP CXV 1X2CX1.5MM2 (TÍN HIỆU PHAO)	M	55
25		ỐNG LUỒN CÁP ĐIỆN uPVC D25, DÀY 1.8MM	M	55
26		ỐNG LUỒN CÁP ĐIỆN uPVC D32, DÀY 2.1MM	M	35
27		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

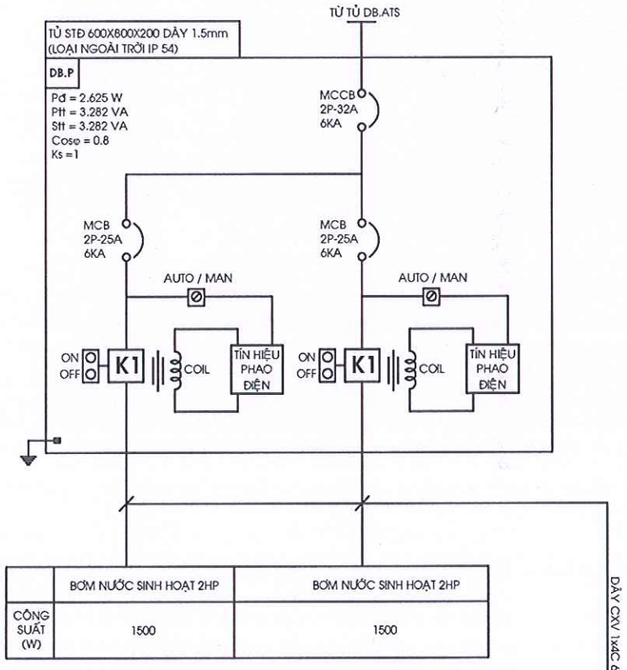

	BƠM NƯỚC SINH HOẠT 2HP	BƠM NƯỚC SINH HOẠT 2HP
CÔNG SUẤT (W)	1500	1500

SĐNL TỦ ĐIỆN DB.P

K1 CONTACTOR 2P-25A

PHAO ĐIỆN BAO GỒM 2 BỘ. 1 BÁO MỰC NƯỚC THẤP TRÊN BỒN + 1 BÁO MỰC NƯỚC CẠN CỦA BỂ NƯỚC NGẦM

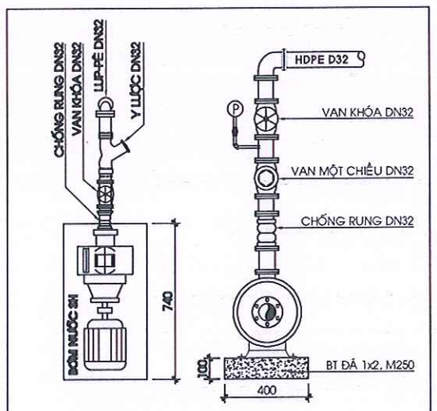

BƠM NƯỚC SINH HOẠT 1P
2.0HP, Q = 6m3/h - H = 36m

CT BƠM NƯỚC SH

TỶ LỆ 1/25

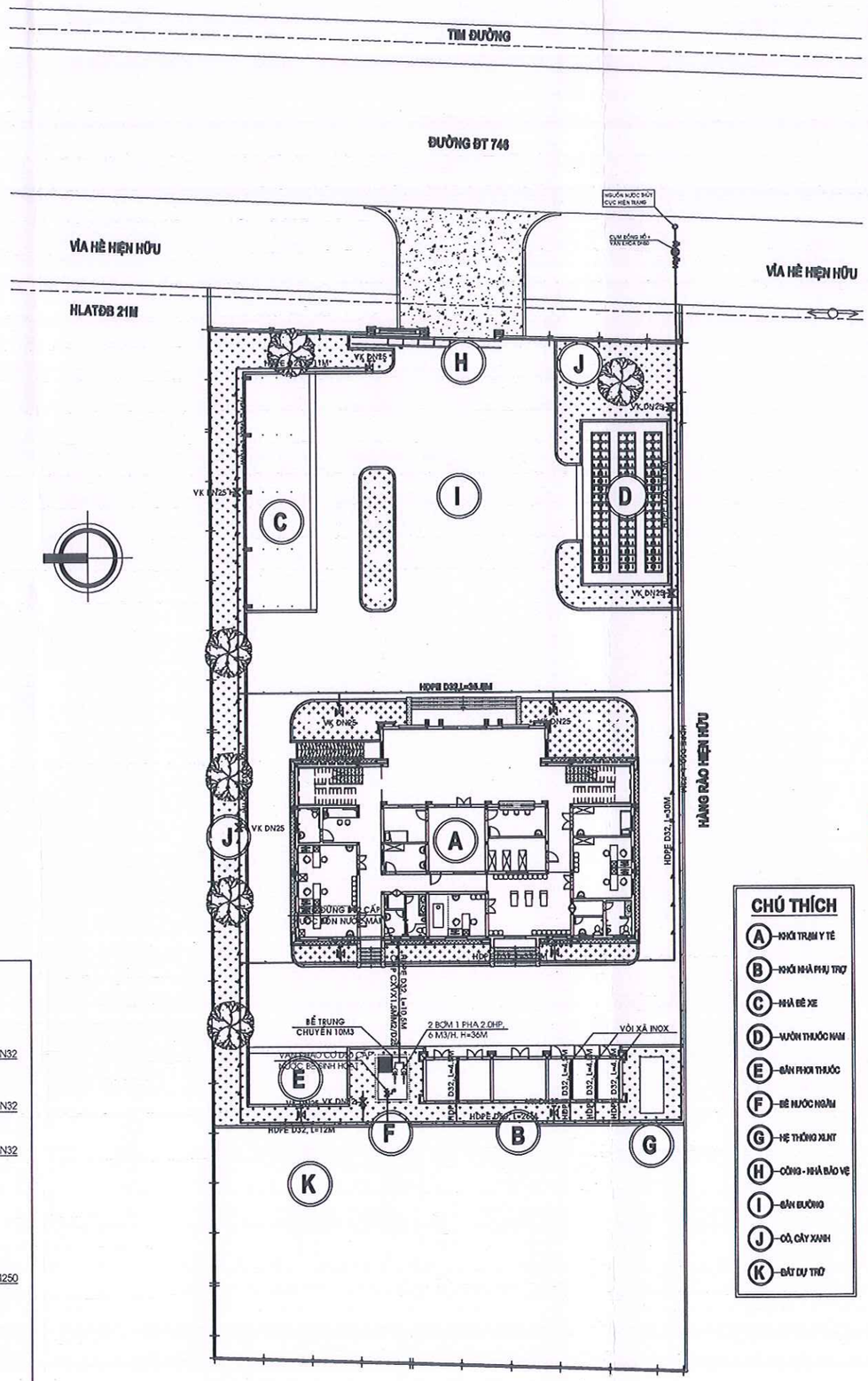

CHÚ THÍCH

- A — KHỐI TRẠM Y TẾ
- B — KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- C — NHÀ ĐỂ XE
- D — VƯỜN THUỐC NAM
- E — SÂN PHƠI THUỐC
- F — BỂ NƯỚC NGẦM
- G — HỆ THỐNG XLNT
- H — CỔNG - NHÀ BẢO VỆ
- I — SÂN ĐƯỜNG
- J — CỎ, CÂY XANH
- K — ĐẤT DỰ TRỮ

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, Tháp B, Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT : 0274.3855 263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N:TT-03/10	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/300	Ngày phát hành: 2023	

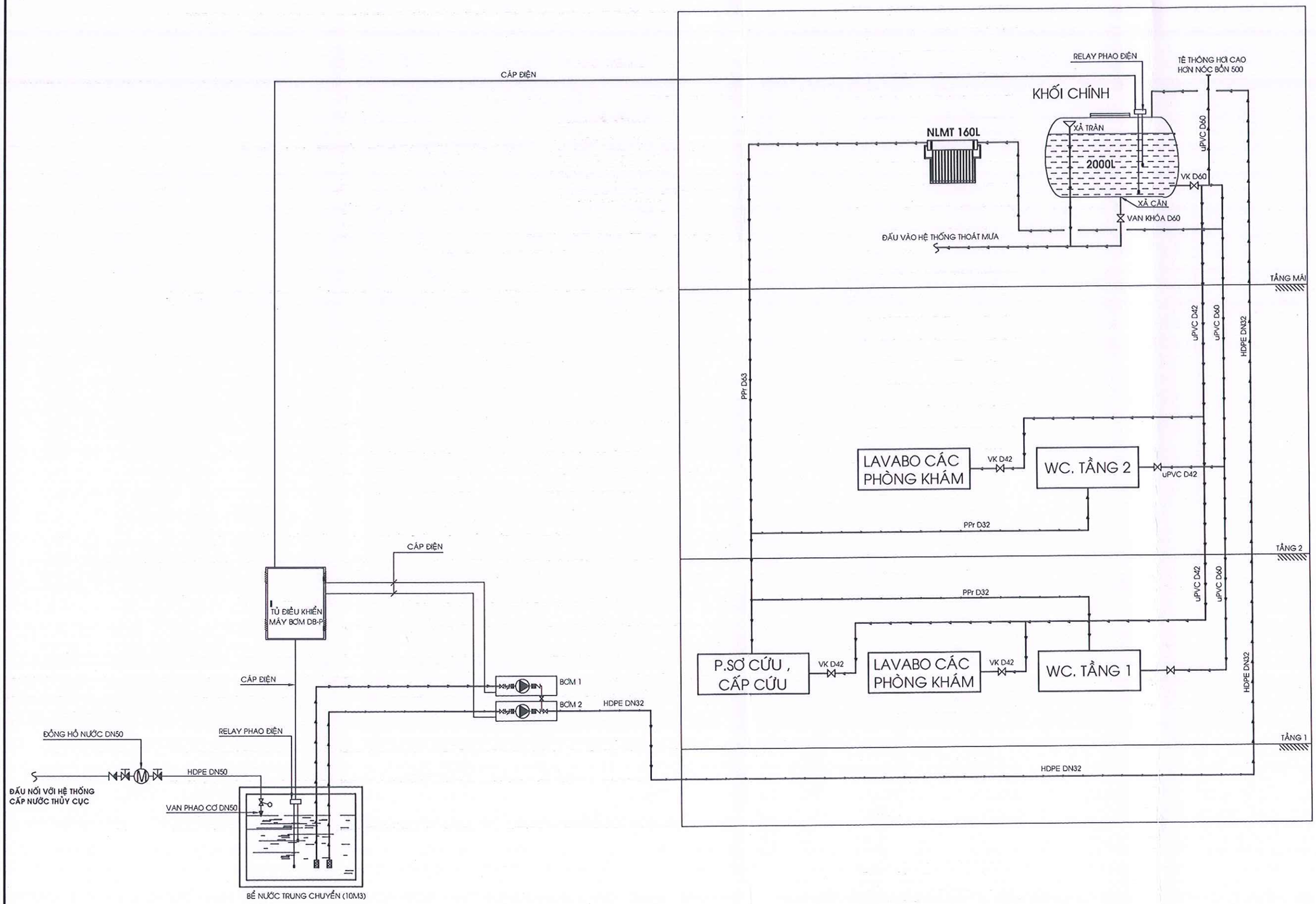

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP NƯỚC

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3859 269
Giám đốc:
Nguyễn Anh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP NƯỚC
Chủ nhiệm thiết kế:	Ks. Trương Đình Phúc
Chủ trì thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Thiết kế:	Ks. Trương Tấn Thanh
Kiểm tra thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Ký hiệu Bản vẽ:	N:TT-01/10
Lần phát hành	1 2 3 4 5 6
Mục đích phát hành	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ:	1/300
Ngày phát hành:	2023

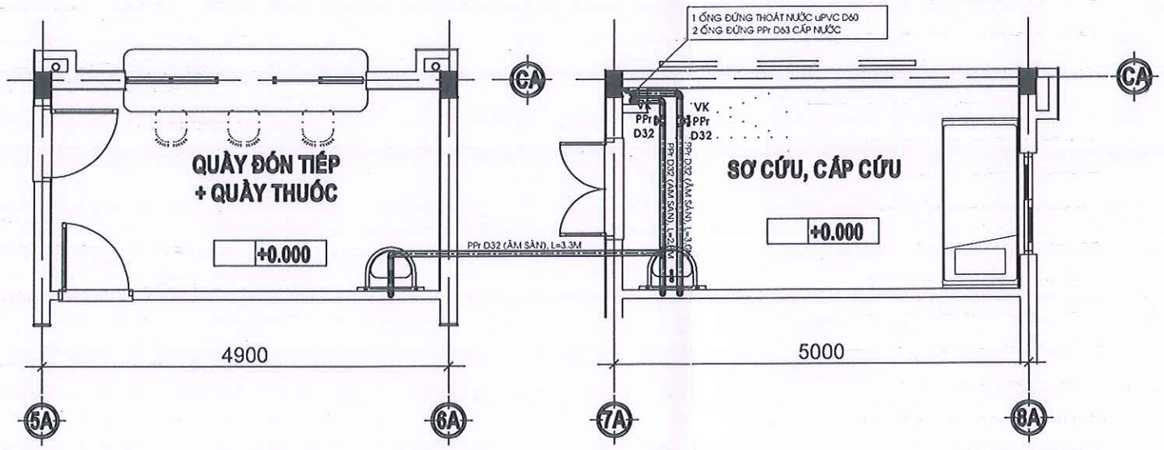

CT CẤP NƯỚC SH QUẦY ĐÓN TIẾP,QUẦY THUỐC + SƠ CỨU, CẤP CỨU TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

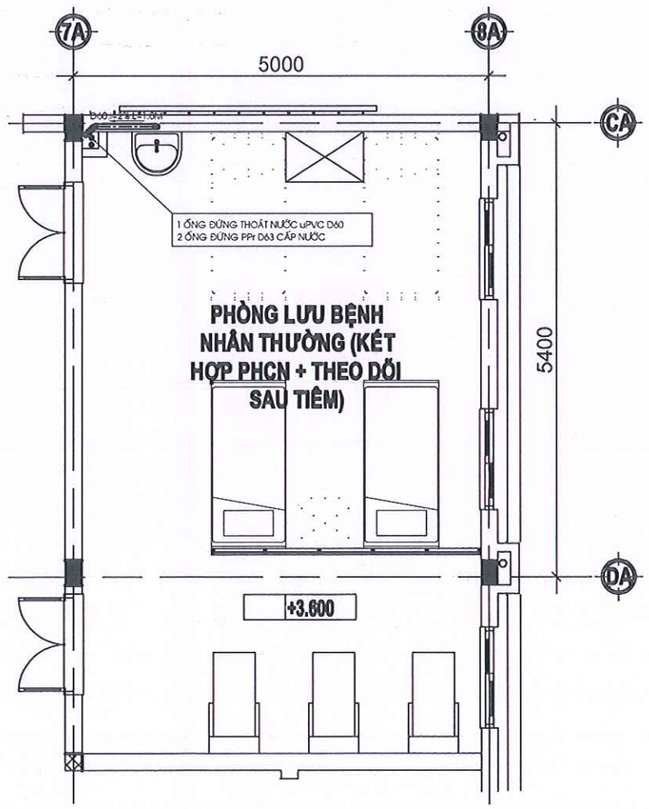

CT THOÁT NƯỚC SH PHÒNG LƯU BỆNH NHÂN THƯỜNG TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

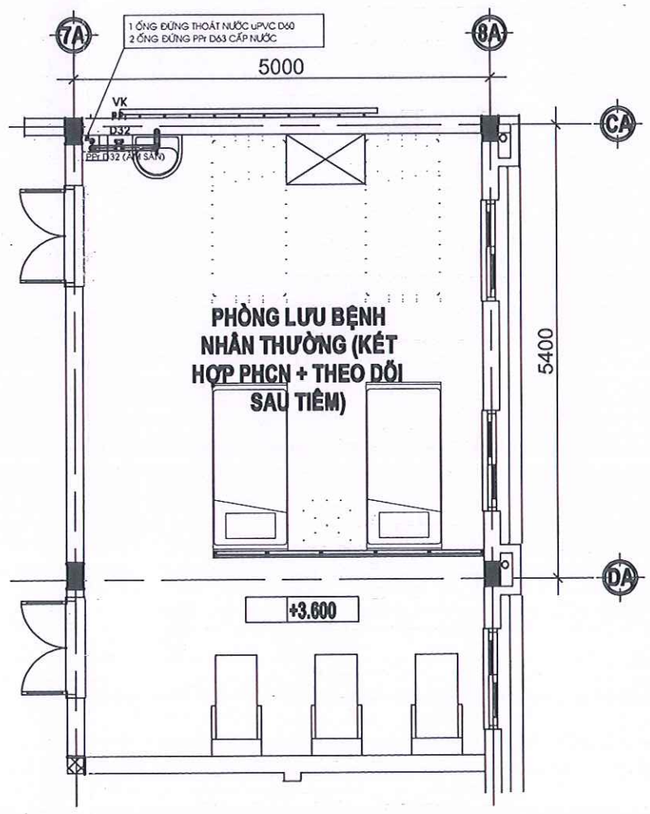

CT CẤP NƯỚC SH PHÒNG LƯU BỆNH NHÂN THƯỜNG TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc:
Ngô Tấn Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

_CT CẤP NƯỚC SH QUẦY ĐÓN TIẾP, QUẦY THUỐC + SƠ CỨU, CẤP CỨU TẦNG 1
_CT CẤP NƯỚC PHÒNG LƯU BỆNH NHÂN THƯỜNG TẦNG 2

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Bình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành	
N-07/11	1	2	3	TKCS	TKTC
	4	5	6	TKCT	BVHS
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:				
1/50	2023				

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT THẢI

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		ỐNG HDPE D160, DÀY 11.8mm	M	30
02		LƠI HDPE D160 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
03		ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm	M	21
04		LƠI HDPE D200 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
05		ỐNG HDPE D90, DÀY 5.4mm	M	19
06		LƠI HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	05
07		Y HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
08		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x850, H=1100	CÁI	02
09		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x850, H=1400	CÁI	01
10		HẦM TỰ HOẠI (2.7X1.8X1.4)m	HẦM	02
11		BƠM CHÌM NƯỚC THẢI 1.5HP, 12M3/H, H=8M	MÁY	01
12		BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (2.0X2.0X1.5)m	BỂ	01
13		HỆ THỐNG XLNT Y TẾ 5M³/NGÀY ĐÊM	HỆ	01
14		ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm (NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ)	M	5.5
15		PHỄU THU SÀN 150x150	CÁI	03
16		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

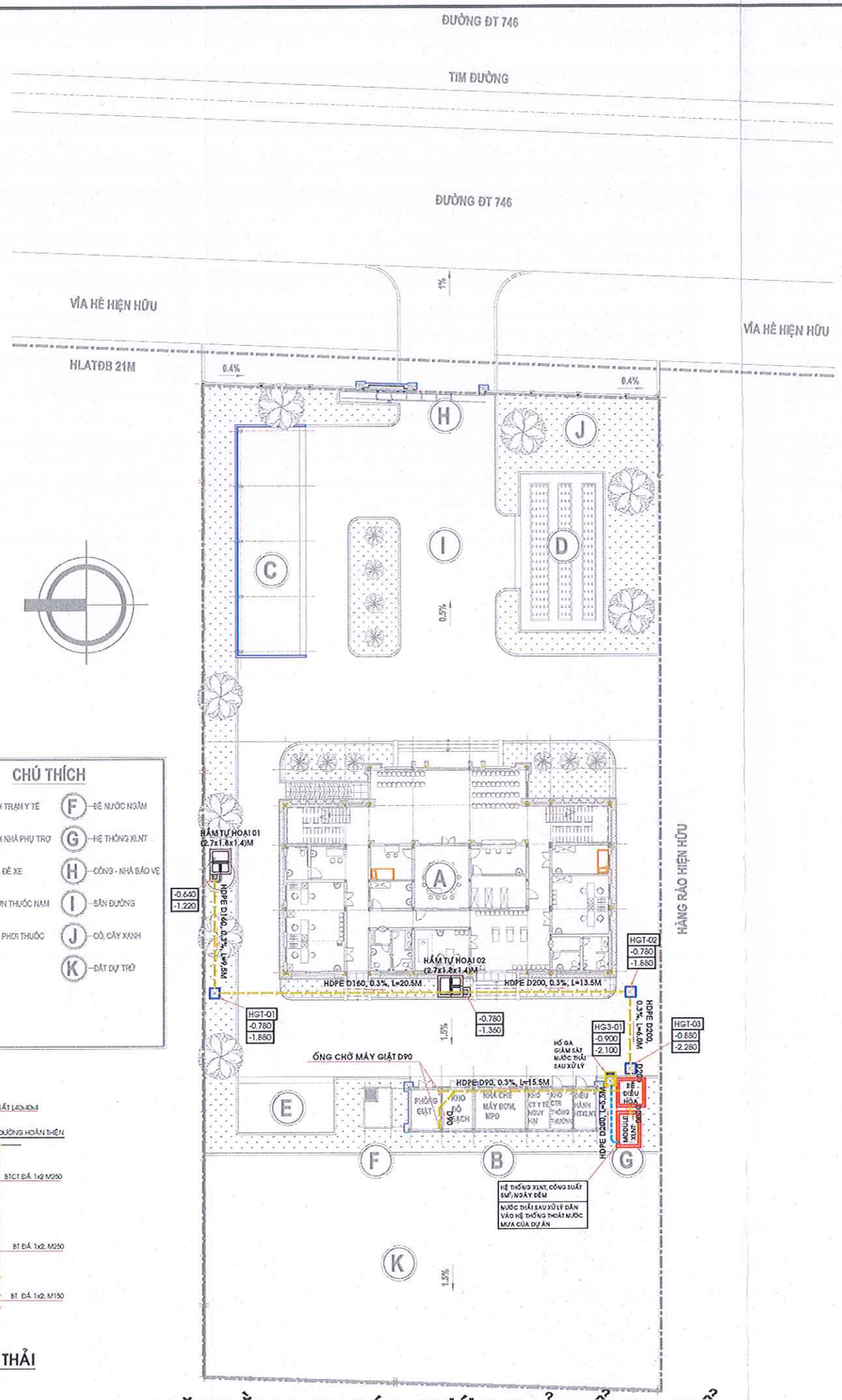

CHÚ THÍCH

- A – KHỐI TRẠM Y TẾ
- B – KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- C – NHÀ ĐỂ XE
- D – VƯỜN THUỐC NAM
- E – SÂN PHƠI THUỐC
- F – BỂ NƯỚC NGẦM
- G – HỆ THỐNG XLNT
- H – CỔNG - NHÀ BẢO VỆ
- I – SÂN ĐƯỜNG
- J – CỎ, CÂY XANH
- K – ĐẤT DỰ TRỮ

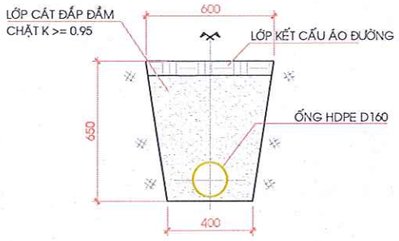

CHI TIẾT ỐNG NƯỚC THẢI
TL : 1/25

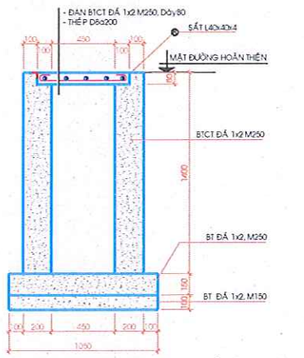

CT HG THOÁT NƯỚC THẢI H=1400
TL : 1/25

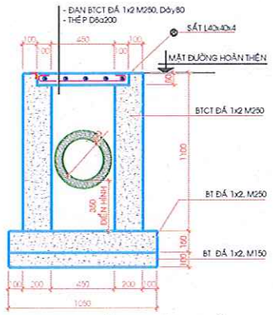

CT HG THOÁT NƯỚC THẢI H=1100
TL : 1/25

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 9, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 268

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ
Chủ nhiệm thiết kế:	Ks. Trương Đình Phúc
Chủ trì thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Thiết kế:	Ks. Trương Tấn Thanh
Kiểm tra thiết kế:	Ks. Trần Ngọc Kha
Ký hiệu Bản vẽ:	N:TT-05/11
Lần phát hành	1 2 3 / 4 5 6
Mục đích phát hành	TKCS / TKTC / TKKT / BVTC
Tỷ lệ:	1/300
Ngày phát hành:	2023

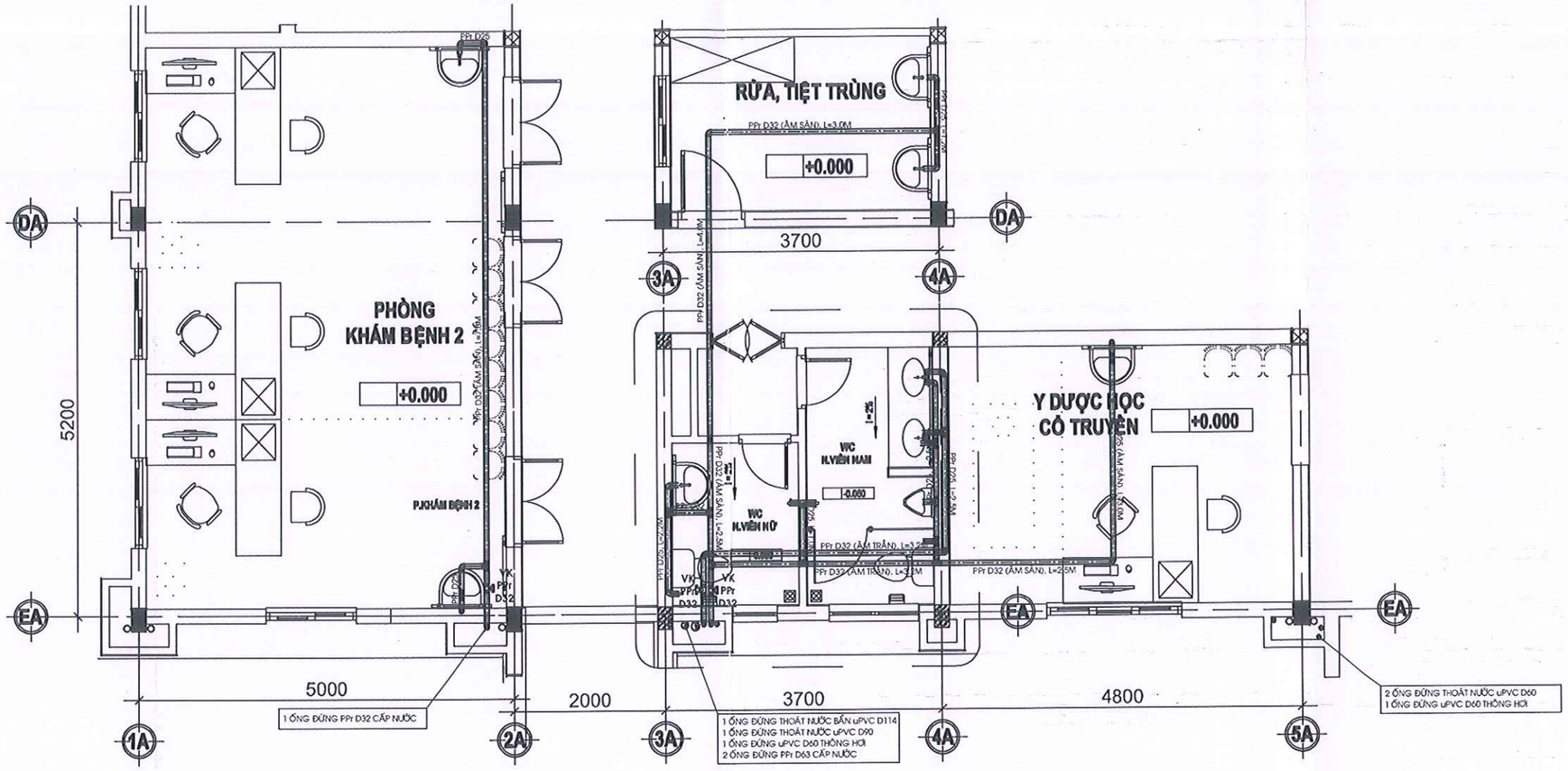

CT CẤP NƯỚC SH P.KHÁM BỆNH 2 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

CT CẤP NƯỚC SH NSV-01 + RỬA,TIỆT TRÙNG + Y HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

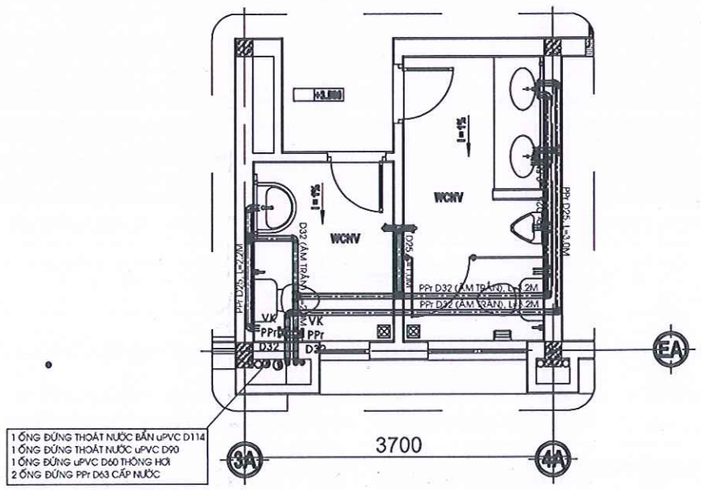

CT CẤP NƯỚC SH NSV-01 TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

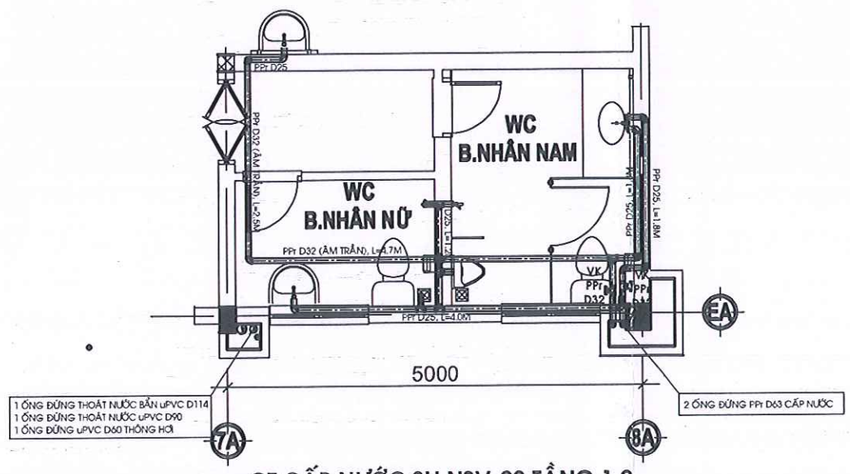

CT CẤP NƯỚC SH NSV-02 TẦNG 1,2

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/c: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3865 283

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

_CHI TIẾT CẤP NƯỚC P.KHÁM BỆNH 2 + RỬA, TIỆT TRÙNG & Y HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1
_CHI TIẾT CẤP THOÁT NƯỚC NVS-01,NVS-02 TẦNG 1,2

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành:	
N-05/11	1	2	3	TKCS	DTXD
	4	5	6	TKKT	BVTC
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:				
1/50	2023				

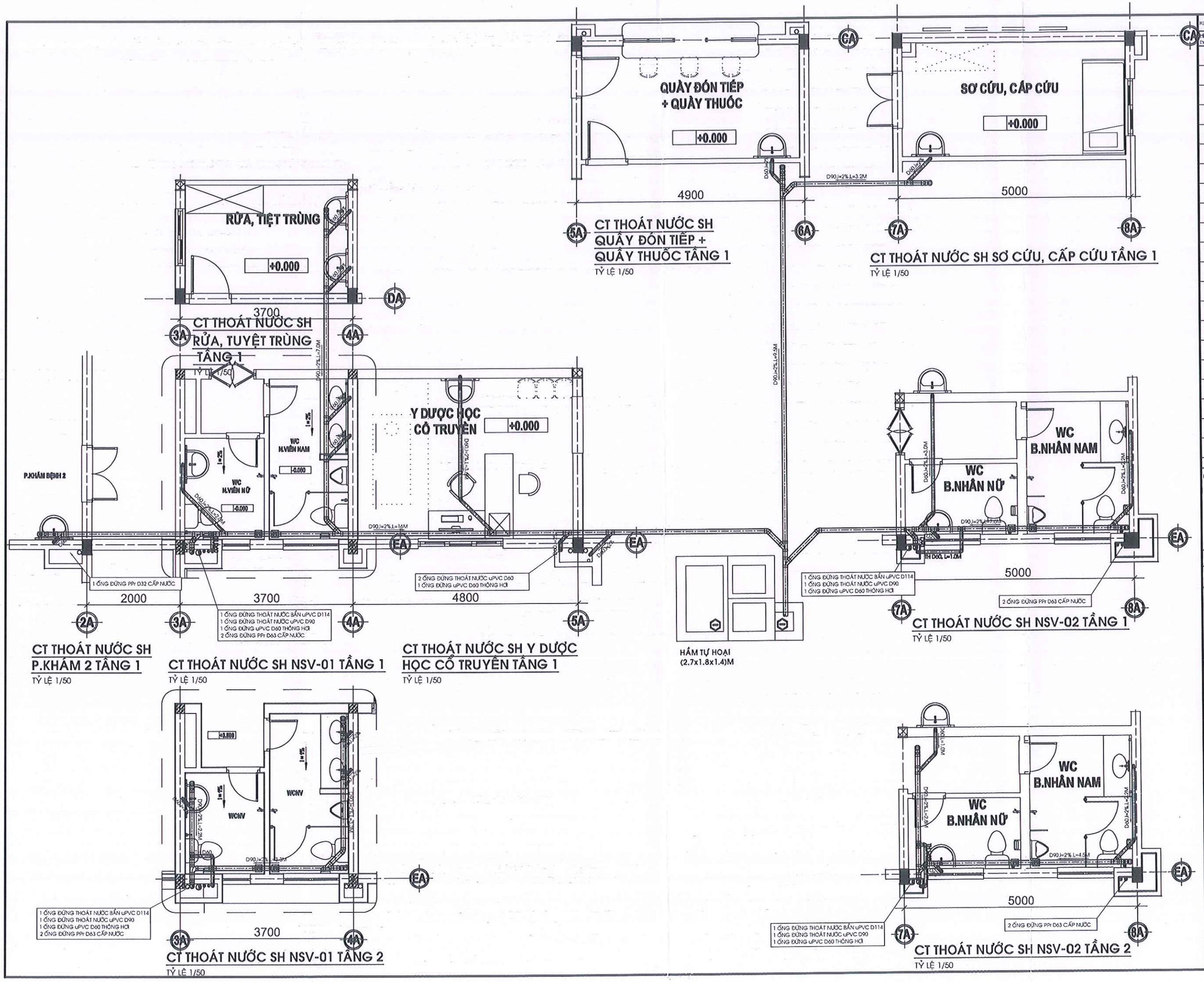

CT THOÁT NƯỚC SH
QUẦY ĐÓN TIẾP +
QUẦY THUỐC TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH SƠ CỨU, CẤP CỨU TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH
RỬA, TUYỆT TRÙNG
TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH
P.KHÁM 2 TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-01 TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH Y DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-02 TẦNG 1
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-01 TẦNG 2
TỶ LỆ 1/50

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-02 TẦNG 2
TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Tiến

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:
- CHI TIẾT THOÁT NƯỚC NVS 01, 02 TẦNG 1,2
- CHI TIẾT THOÁT NƯỚC QUẦY ĐÓN TIẾP + QUẦY THUỐC & SƠ CỨU ,CẤP CỨU,KHÁM BỆNH 2 + Y HỌC CỔ TRUYỀN & RỬA, TIỆT TRÙNG TẦNG 1

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành	
N-05/11	1	2	3	TKCS	TKTC
	4	5	6	TKĐT	BVTC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023				

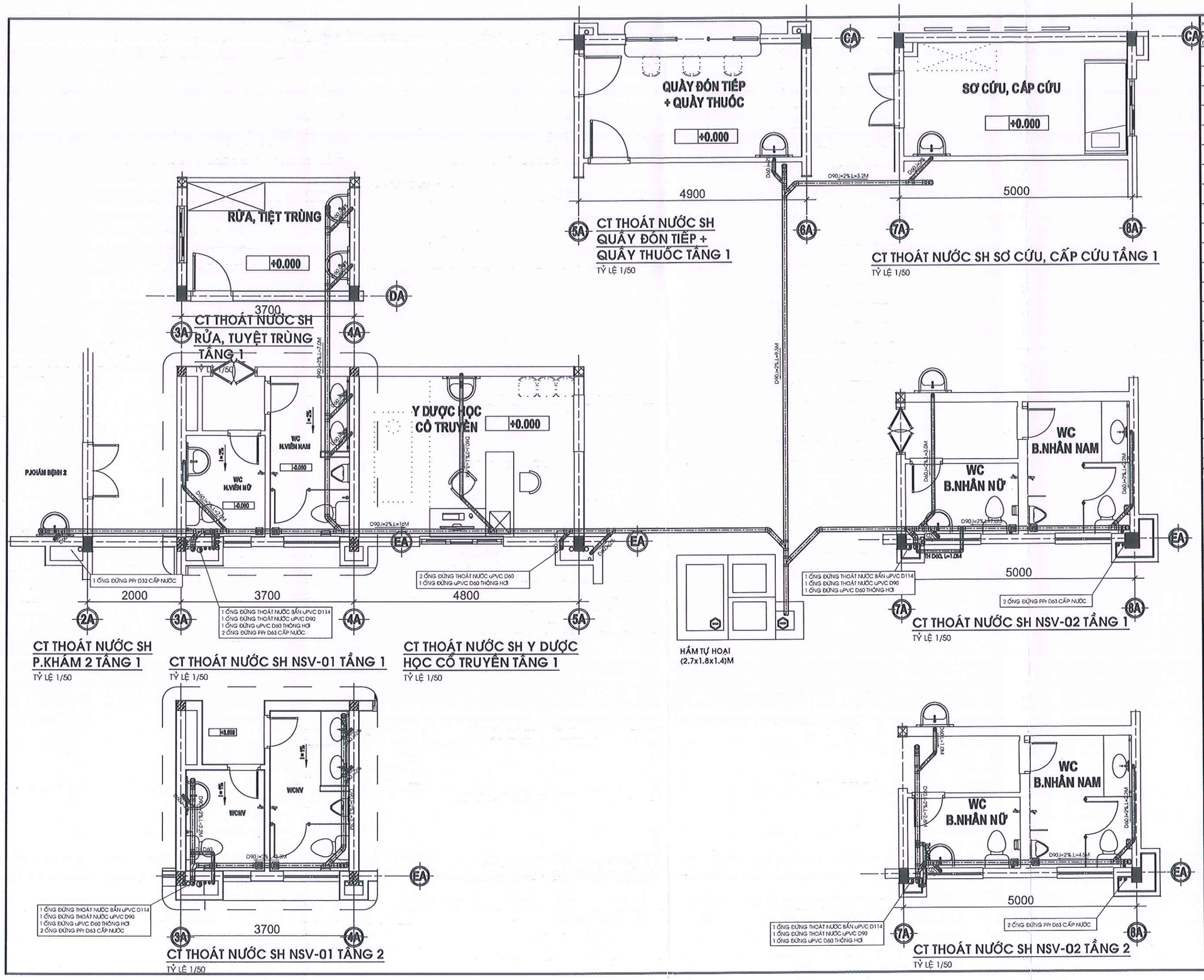

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3836 263
Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:
- CHI TIẾT THOÁT NƯỚC NVS 01, 02 TẦNG 1,2
- CHI TIẾT THOÁT NƯỚC QUẦY ĐÓN TIẾP + QUẦY THUỐC & SƠ CỨU ,CẤP CỨU,KHÁM BỆNH 2 + Y HỌC CỔ TRUYỀN & RỬA, TIỆT TRÙNG TẦNG 1

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành	
N-05/11	2	3		TKCS	TKTC
	5	6		TKKT	BVTC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023				

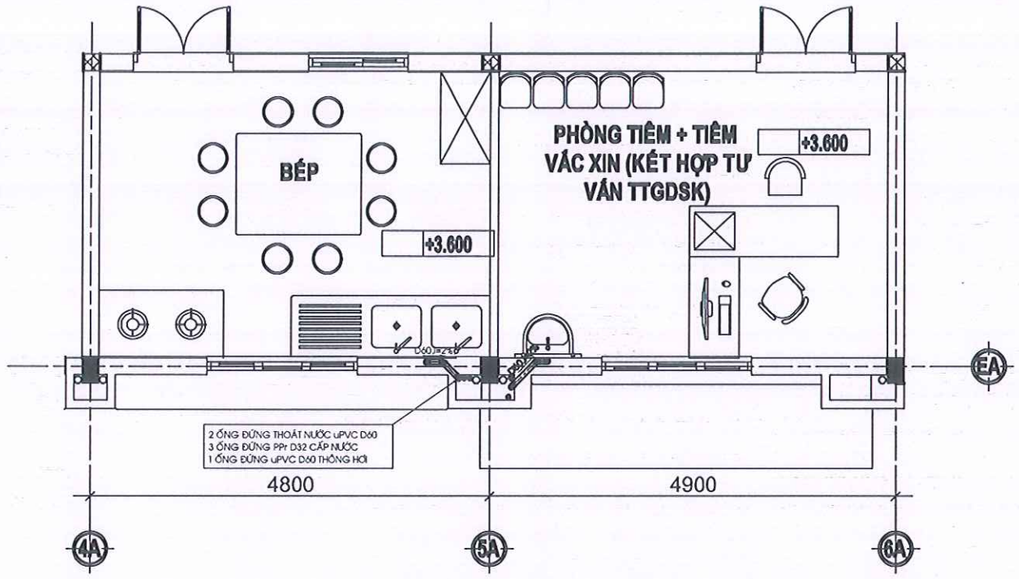

CT THOÁT NƯỚC SH BẾP + PHONG TIÊM+TIÊM VẮC XIN (KẾT HỢP TƯ VẤN TTGDSK) TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

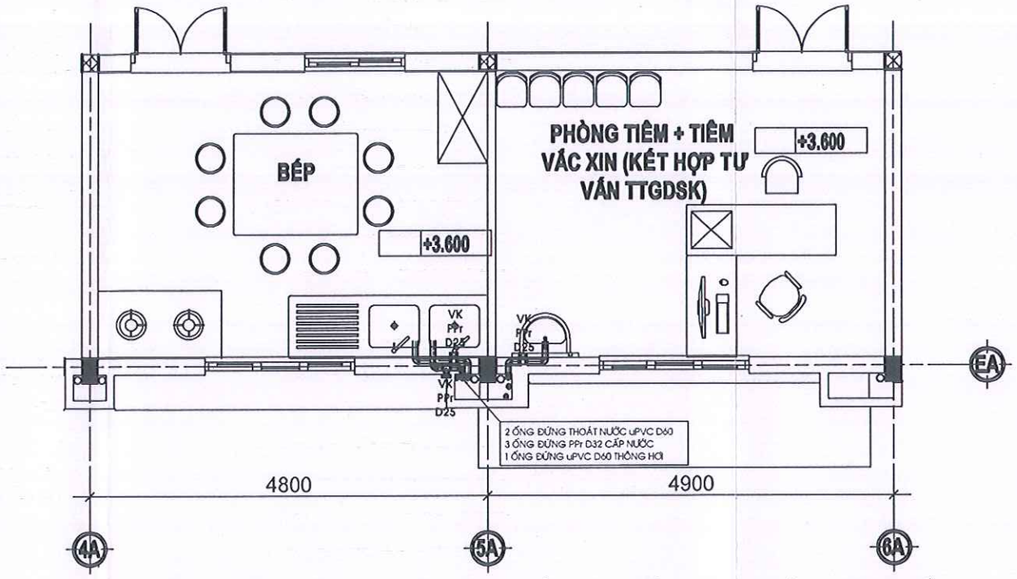

CT CẤP NƯỚC SH BẾP + PHONG TIÊM+TIÊM VẮC XIN (KẾT HỢP TƯ VẤN TTGDSK) TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

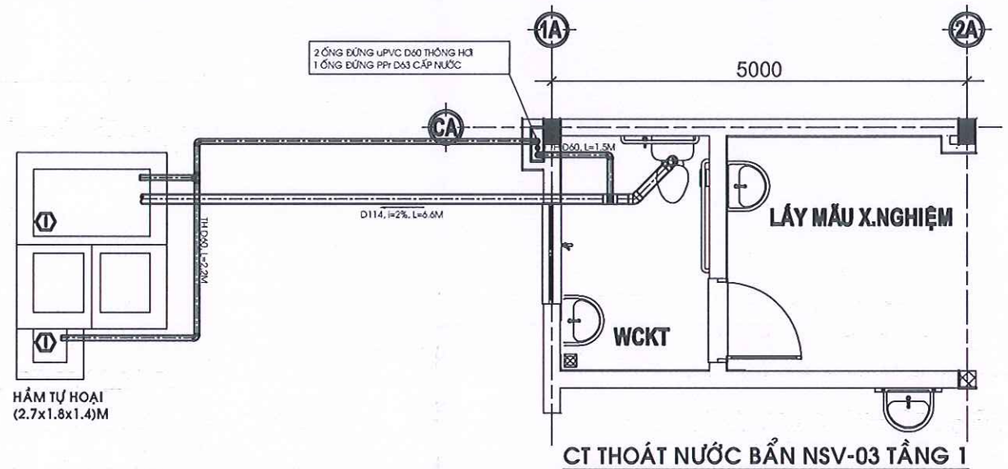

CT THOÁT NƯỚC BẨN NSV-03 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

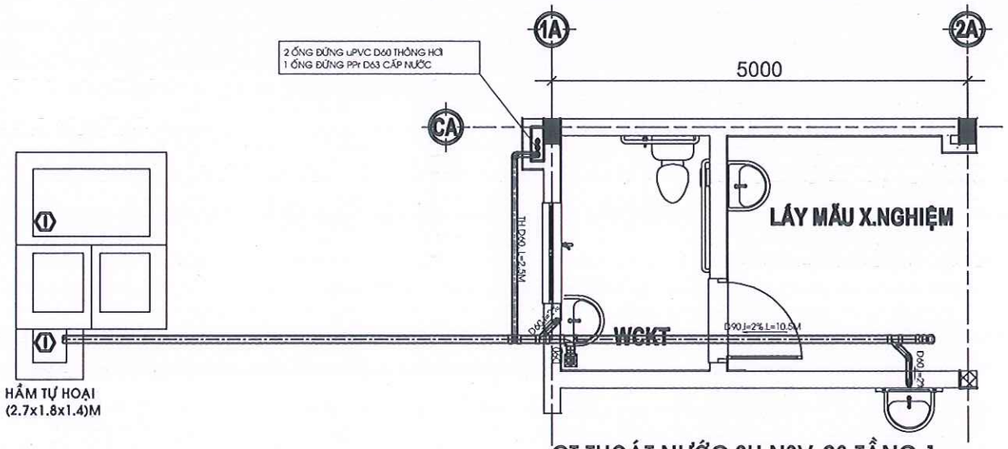

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-03 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

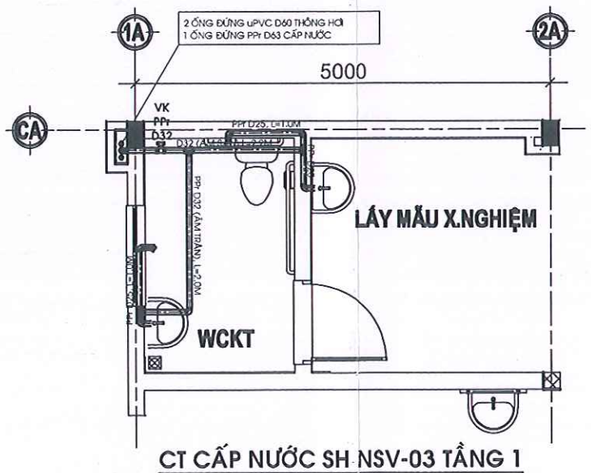

CT CẤP NƯỚC SH NSV-03 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần hiệu chỉnh	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, khối B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hoà Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 02743855 263

Giám đốc:

Nguyễn Vĩnh Xuân

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ TÂN THANH
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	- CHI TIẾT CẤP THOÁT NƯỚC SH BẾP + PHÒNG TIÊM + TIÊM VẮC XIN TẦNG 2 - CHI TIẾT CẤP THOÁT NƯỚC NVS-03 TẦNG 1
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N-08/11	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKBVTC TKKT
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:	
1/50	2023	

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT MƯA

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		HỐ GA LOẠI 2 ,1000x1000, H=1300	CÁI	03
02		HỐ GA LOẠI 1 , 850x850, H=1100	CÁI	07
03		HỐ GA HẦM ẾCH LOẠI 4, 1100x1100, H=1300	CÁI	01
04		HỐ GA HẦM ẾCH LOẠI 3, 850x850, H=1200	CÁI	08
05		CỐNG BTLT D400-VH	M	40
06		CỐNG BTLT D300-VH	M	146
07		GỐI CỐNG D400	CÁI	20
08		GỐI CỐNG D300	CÁI	73
09		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

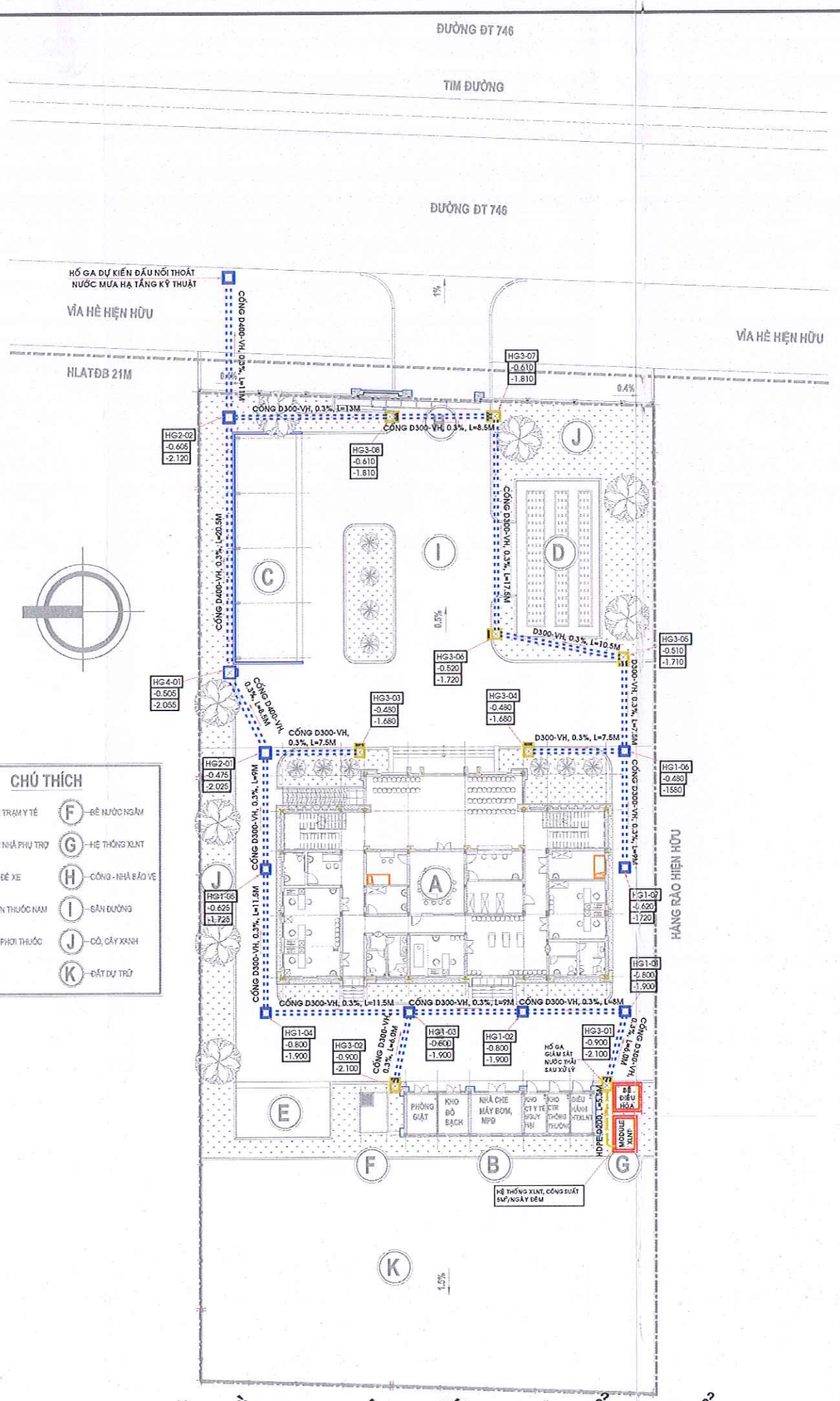

CHÚ THÍCH

- A — KHỐI TRẠM Y TẾ
- B — KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- C — NHÀ ĐỂ XE
- D — VƯỜN THUỐC NAM
- E — SÂN PHƠI THUỐC
- F — BỂ NƯỚC NGẦM
- G — HỆ THỐNG XLNT
- H — CỔNG - NHÀ BẢO VỆ
- I — SÂN ĐƯỜNG
- J — CỎ, CÂY XANH
- K — ĐẤT DỰ TRỮ

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3855 163

Giám đốc: Nguyễn Vinh Xuân

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Bình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế: Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-04/11	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS / TKTC / TKKT / BVHC
Tỷ lệ: 1/300	Ngày phát hành: 2023

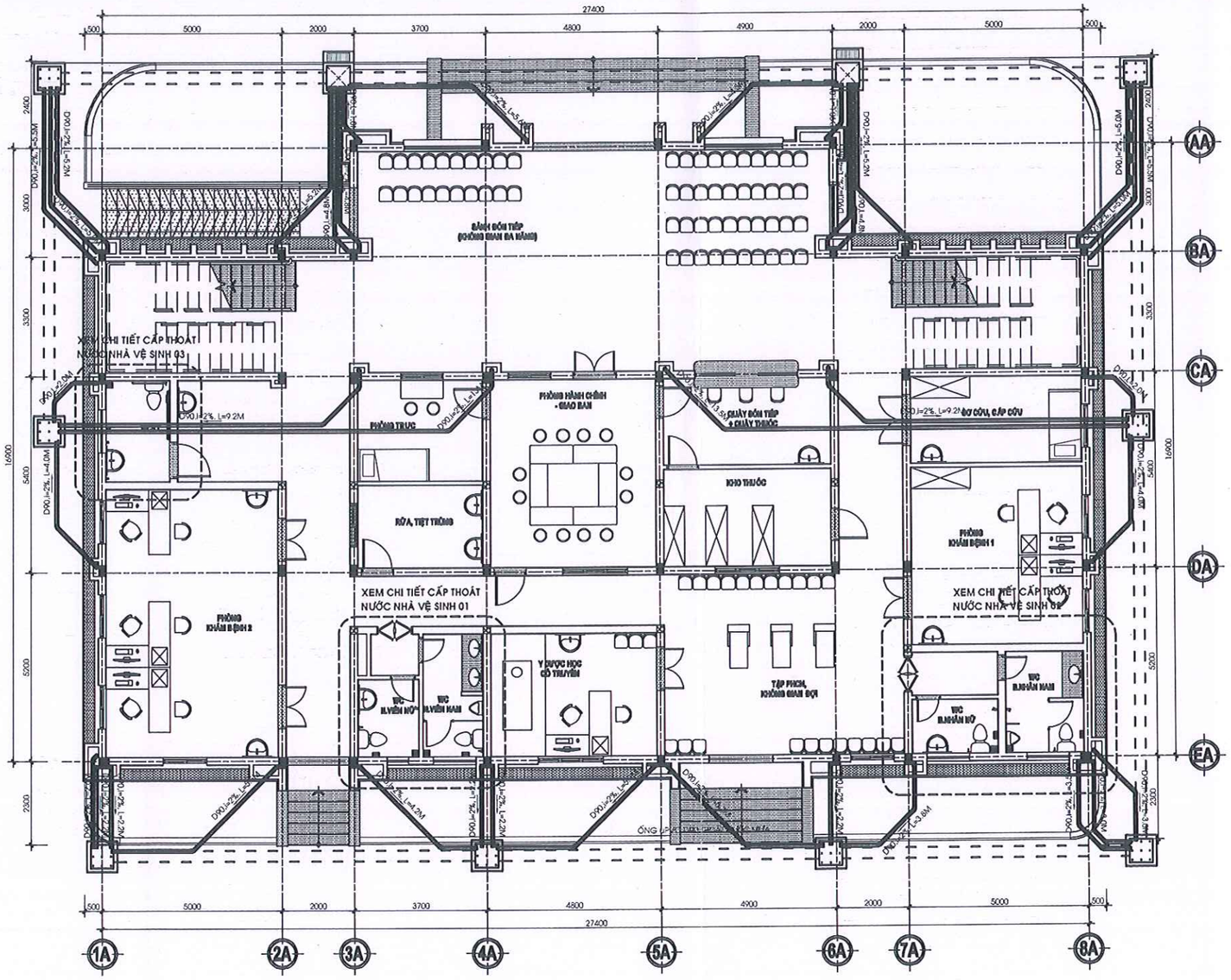

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1

TỶ LỆ 1/100

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.268

Giám đốc:
Nguyễn Xuân Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKDS TKTC TKTK BVHS
N-01/11	
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:
1/100	2023

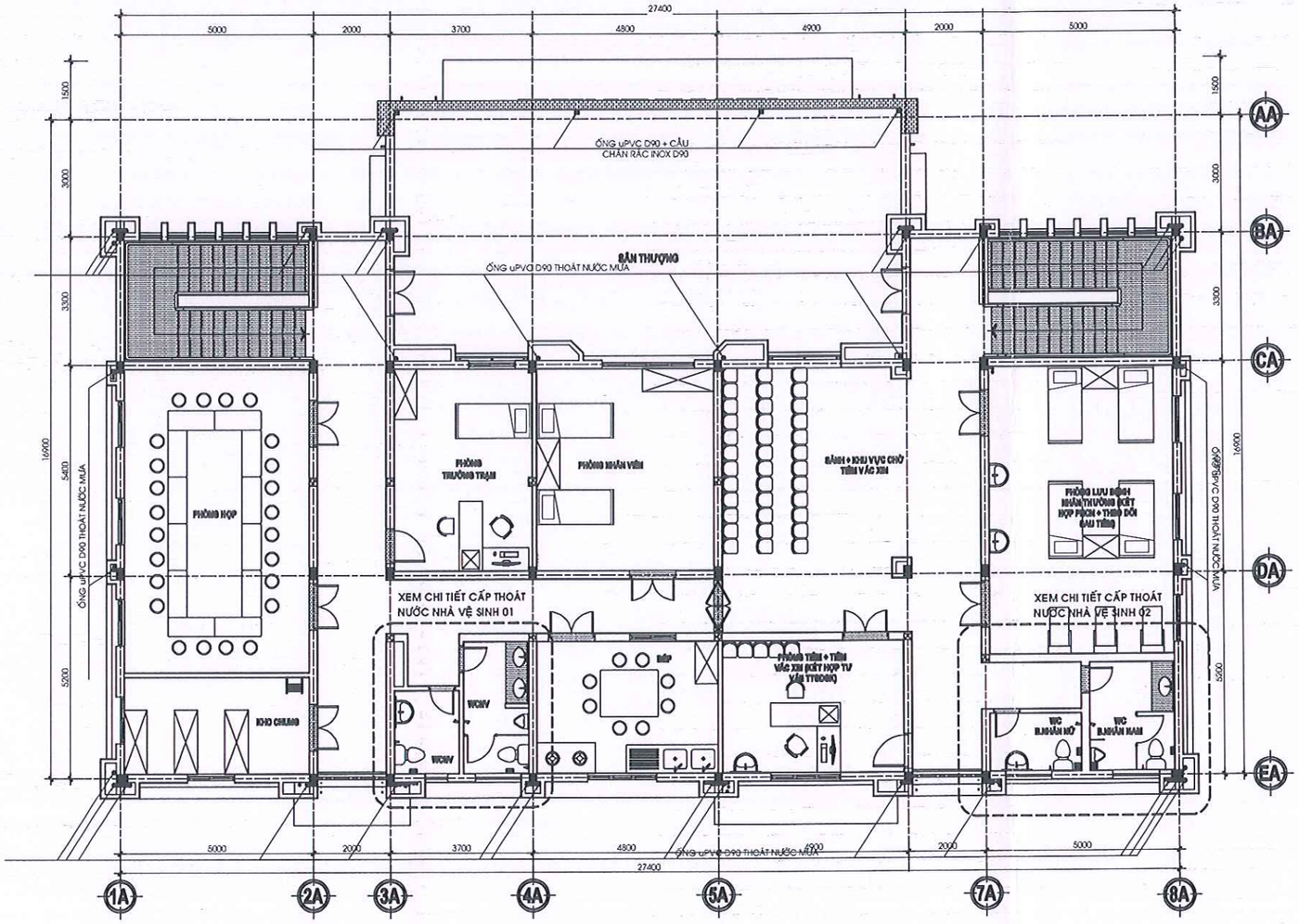

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 2

TỶ LỆ 1/100

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		LAVABO+ VÒI CẤP + BỘ XẢ(LOẠI ÂM) + TRỌN BỘ PHỤ KIỆN	BỘ	05
02		LAVABO+ VÒI CẤP + BỘ XẢ(LOẠI TREO) + TRỌN BỘ PHỤ KIỆN	BỘ	15
03		XÍ BỆT (BỒN CẦU 1 KHỐI) + VÒI XỊT + HỘP GIẤY- TRỌN BỘ	BỘ	07
04		TIỂU NAM (LOẠI ĐỨNG) + VAN XẢ CẢM ỨNG - TRỌN BỘ	BỘ	03
05		VÒI RỬA SÂN NHÀ VỆ SINH (INOX) - TRỌN BỘ	BỘ	07
06		PHỄU THU SÀN 150X150 (NHÀ VỆ SINH)	BỘ	07
07		BỒN RỬA BẾP ĂN + VÒI CẤP + BỘ XẢ+ TRỌN BỘ PHỤ KIỆN	BỘ	01
08		MÓC TREO QUẦN ÁO	CÁI	07
09		CẦU CHẮN RÁC INOX D90	CÁI	38
10		ỐNG uPVC D114, PN9	M	40
11		ỐNG uPVC D90, PN9	M	523
12		ỐNG uPVC D60, PN9	M	91
13		LƠI uPVC D114	CÁI	45
14		LƠI uPVC D90	CÁI	152
15		LƠI uPVC D60	CÁI	73
16		Co uPVC D60	CÁI	42
17		Y uPVC D114	CÁI	12
18		Y uPVC D90	CÁI	06
19		T uPVC D60	CÁI	04
20		T CONG uPVC D114	CÁI	08
21		T CONG uPVC D90	CÁI	12
22		T GIẢM uPVC D114 - D60	CÁI	05
23		T GIẢM uPVC D90 - D60	CÁI	06
24		T CONG uPVC D114 - D60	CÁI	01
25		T CONG uPVC D90 - D60	CÁI	01
26		Y GIẢM uPVC D114 - D60	CÁI	03
27		Y GIẢM uPVC D90 - D60	CÁI	22
28		BỘ NỐI THÔNG TẮC REN NGOÀI uPVC D114	BỘ	04
29		BỘ NỐI THÔNG TẮC REN NGOÀI uPVC D90	BỘ	12
30		NỐI GIẢM uPVC D90 - D60	CÁI	03
31		NẮP KHÓA uPVC D114	CÁI	07
32		NẮP KHÓA uPVC D90	CÁI	07
33		NẮP KHÓA uPVC D60	CÁI	24
34		THỞ uPVC D90	CÁI	07
35		TÚ THÔNG D90	CÁI	01
36		KEO DÁN ỐNG	KG	10
37		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, Tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT : 0274.3855.263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 2

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N-02/11	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023	

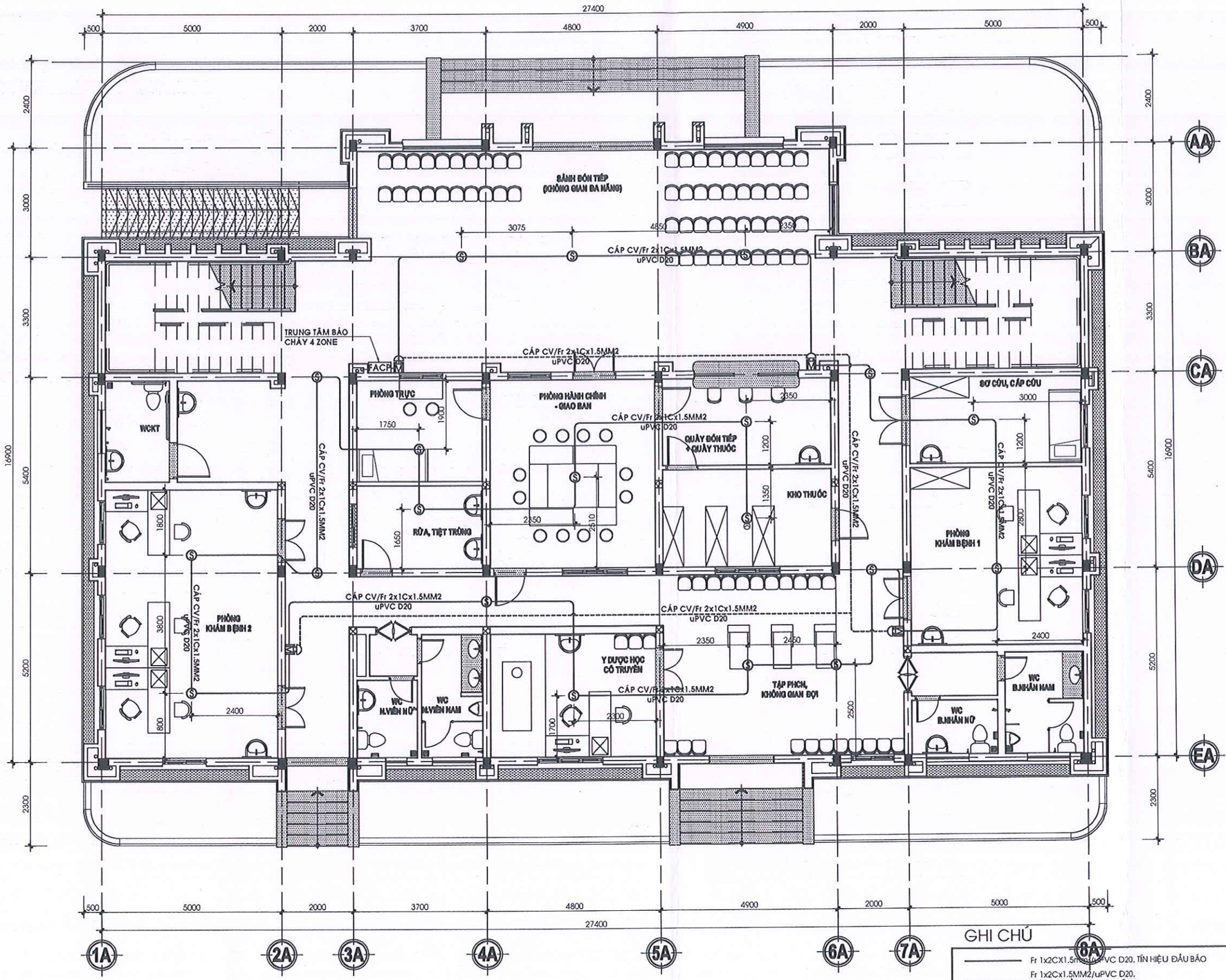

MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 1

TỶ LỆ 1/100

GHI CHÚ

- Fr 1x2CX1.5mm2/uPVC D20, TÍN HIỆU ĐẦU BÁO
- Fr 1x2Cx1.5MM2/uPVC D20, CẤP NGUỒN CHO CHUÔNG
- Ⓢ ĐẦU BÁO KHÓI, LOẠI THƯỜNG
- Ⓗ ĐẦU BÁO NHIỆT GIA TĂNG, LOẠI THƯỜNG
- CHUÔNG BÁO ĐỘNG
- Ⓜ NÚT NHẤN BÁO ĐỘNG BẰNG TAY
- ĐIỆN TRỞ CUỐI NGUỒN
- FACP TRUNG TÂM BÁO CHÁY

CÁC ĐƯỜNG ỐNG ÂM TƯỜNG SAU KHI CẮT TƯỜNG LẮP ĐẶT ỐNG uPVC (ỐNG CỨNG) PHẢI ĐÓNG LƯỚI CHIỀU RỘNG TỐI THIỂU LÀ 300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, Khối B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc: Nguyễn Anh Toàn
Ký đóng dấu xác nhận

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	_MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 1
Chủ nhiệm thiết kế: Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Thiết kế: Ks. Nguyễn Tiến	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Ký hiệu Bản vẽ: EX-02/05	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6; Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023

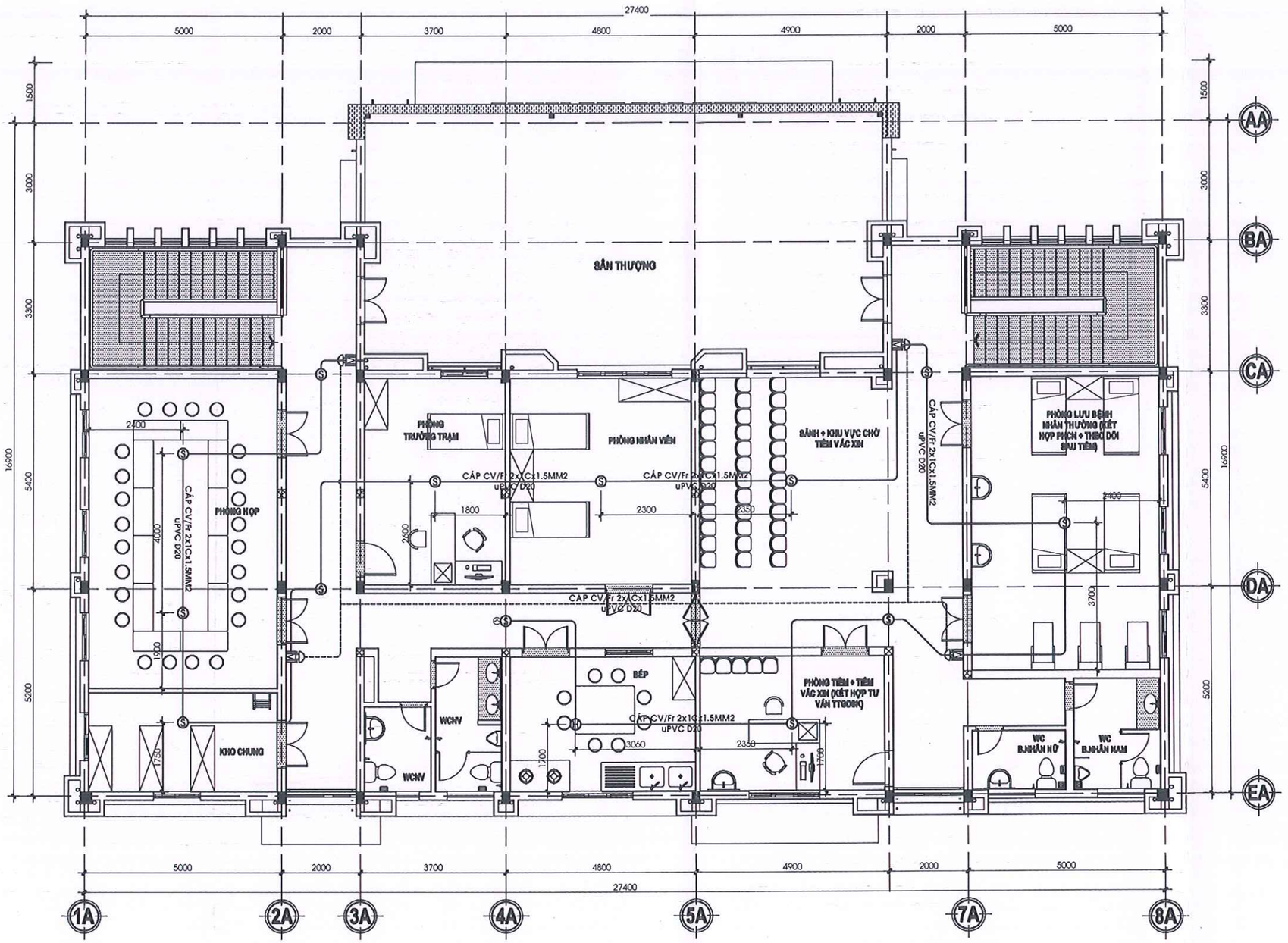

MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 2

TỶ LỆ 1/100

GHI CHÚ

———	Fr 1x2CX1.5mm²/uPVC D20, TÍN HIỆU ĐẦU BÁO
- - - - -	Fr 1x2Cx1.5MM2/uPVC D20, CẤP NGUỒN CHO CHUÔNG
Ⓢ	ĐẦU BÁO KHÓI, LOẠI THƯỜNG
Ⓗ	ĐẦU BÁO NHIỆT GIA TĂNG, LOẠI THƯỜNG
	CHUÔNG BÁO ĐỘNG
Ⓜ	NÚT NHẤN BÁO ĐỘNG BẰNG TAY
	ĐIỆN TRỞ CUỐI NGUỒN
FACP	TRUNG TÂM BÁO CHÁY

CÁC ĐƯỜNG ỐNG ÂM TƯỜNG SAU KHI CẮT TƯỜNG LẮP ĐẶT ỐNG uPVC (ỐNG CỨNG) PHẢI ĐÓNG LƯỚI CHIỀU RỘNG TỐI THIỂU LÀ 300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc:

Nguyễn Anh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

_MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 2

Chủ nhiệm thiết kế:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Thiết kế:	
Ks. Nguyễn Tiện	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Ký hiệu Bản vẽ:	EX-03/05
Tỷ lệ:	1/100
Lần phát hành:	1 2 3 4 5 6
Mục đích phát hành:	TKCS TKTC TKKT BVHS
Ngày phát hành:	2023

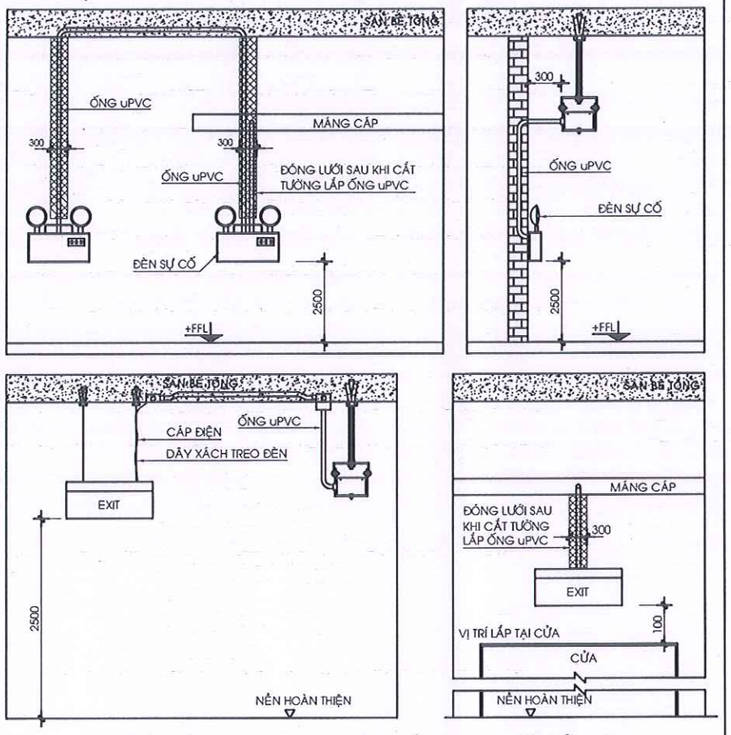

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐÈN THOÁT HIỂM + SỰ CỐ ĐIỂN HÌNH

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	KL
01		ỐNG uPVC D20, DÀY 1.55MM	M	100
02		DÂY CV/Fr 1CX1.5MM2	M	700
03		DÂY CV 1CX1.5MM2	M	350
04	EXIT	ĐÈN THOÁT HIỂM EXIT/PCCC(2 MẶT) BÓNG LED 2.2W CÓ BỘ LƯU ĐIỆN 2H	BỘ	06
05	EMER	ĐÈN SỰ CỐ EMERGENCY PCCC BÓNG LED 10W CÓ BỘ LƯU ĐIỆN 2H	BỘ	14
06	ABC	TỦ CHỨA BÌNH CHỮA CHÁY 500x700x200 + 2 BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY + 1 TIÊU LỆNH CHỮA CHÁY	TỦ	06
07		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

CHỈ DẪN KỸ THUẬT ĐÈN THOÁT HIỂM:

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ
01	EXIT	ĐÈN ĐÈN THOÁT HIỂM EXIT/PCCC(2 MẶT) BÓNG LED 2.2W: + CÔNG SUẤT 2.2W + DUNG LƯỢNG PIN 400 mAh + CHIẾU SÁNG DỰ PHÒNG 3H + THỜI GIAN NẠP ĐẦY 20H + KÍCH THƯỚC (DxRxC) : (370x25x202)mm
02	EMER	ĐÈN ĐÈN SỰ CỐ EMERGENCY PCCC BÓNG LED 10W : + NGUỒN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG 220V/50Hz + CÔNG SUẤT 10W + DUNG LƯỢNG PIN 6VDC-4Ah + CHIẾU SÁNG DỰ PHÒNG 6H + THỜI GIAN NẠP ĐẦY 20H + QUANG THÔNG 1000 LM

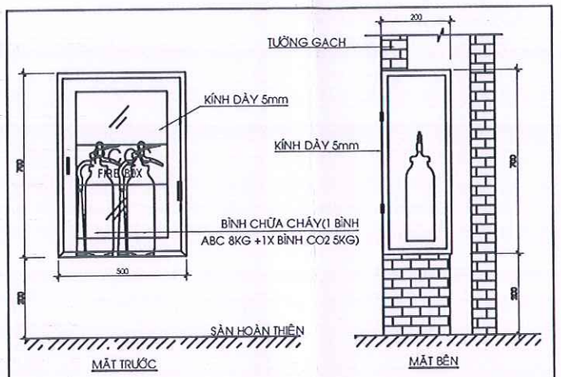

CT ĐIỂN HÌNH LẮP ĐẶT TỦ BÌNH CHỮA CHÁY TRONG NHÀ

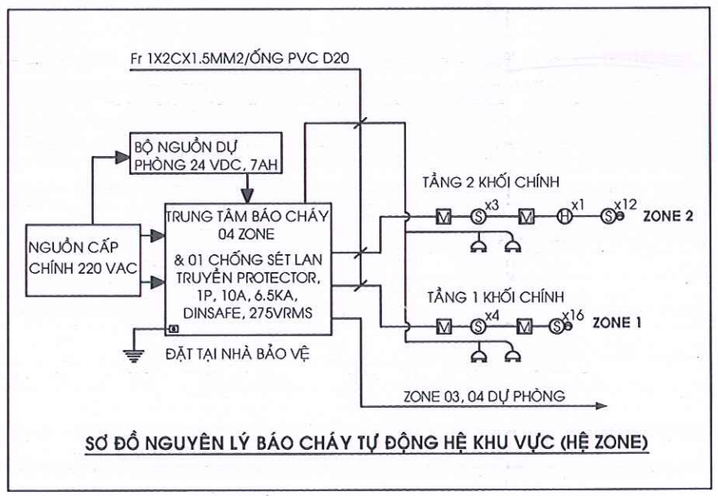

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG HỆ KHU VỰC (HỆ ZONE)

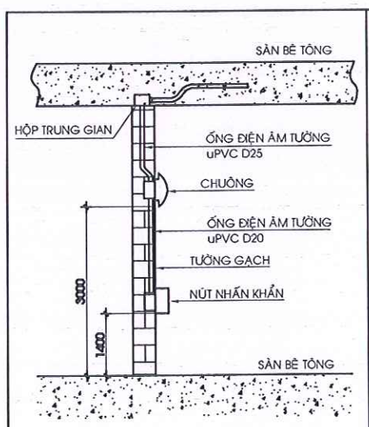

CT LẮP ĐẶT CHUÔNG BÁO ĐỘNG

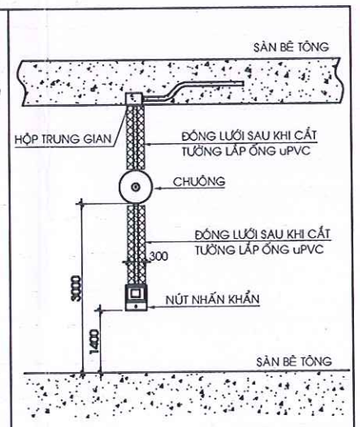

CT LẮP ĐẶT NÚT NHẤN KHẨN

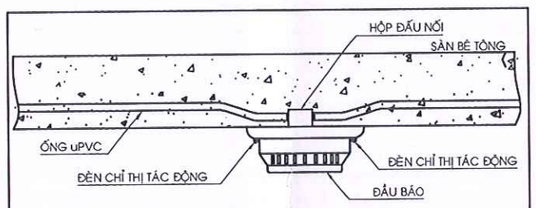

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BÁO KHÓI

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ BÁO CHÁY

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	KL
01	FACP	TRUNG TÂM BÁO CHÁY 4 ZONE, KÈM CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN VÀ BỘ ACCQUY 7AH	BỘ	01
02	S	ĐẦU BÁO KHÓI	CÁI	33
03	H	ĐẦU BÁO NHIỆT	CÁI	01
04	M	NÚT NHẤN KHẨN	CÁI	08
05		CHUÔNG BÁO	CÁI	08
06		CÁP CV/Fr 1CX1.5MM2	M	800
07		ỐNG uPVC D20, DÀY 1.55MM	M	400
08		ỐNG uPVC D25, DÀY 1.8MM	M	30
09		VẬT TƯ PHỤ + PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT	LÔ	01

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 260

Giám đốc:
Nguyễn Anh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	_CHI TIẾT LẮP ĐẶT BÁO CHÁY + ĐÈN EXIT ĐIỂN HÌNH _BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ
Chủ nhiệm thiết kế:	Kts. Trương Đình Phúc
Chủ trì thiết kế:	Ks. Nguyễn Anh Hoàng
Thiết kế:	Ks. Nguyễn Tiên
Kiểm tra thiết kế:	Ks. Nguyễn Anh Hoàng
Ký hiệu Bản vẽ:	EX-01/05
Tỷ lệ:	1/100
Lần phát hành	1 2 3 4 5 6
Mục đích phát hành	TKCS TKTC TKKT BVHC
Ngày phát hành:	2023

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN

ĐỊA ĐIỂM KHẢO SÁT: THỊ TRẤN TÂN THÀNH - HUYỆN BẮC TÂN UYÊN - TỈNH BÌNH DƯƠNG
TỶ LỆ 1/200

Diện tích khảo sát: 3.190,3m2

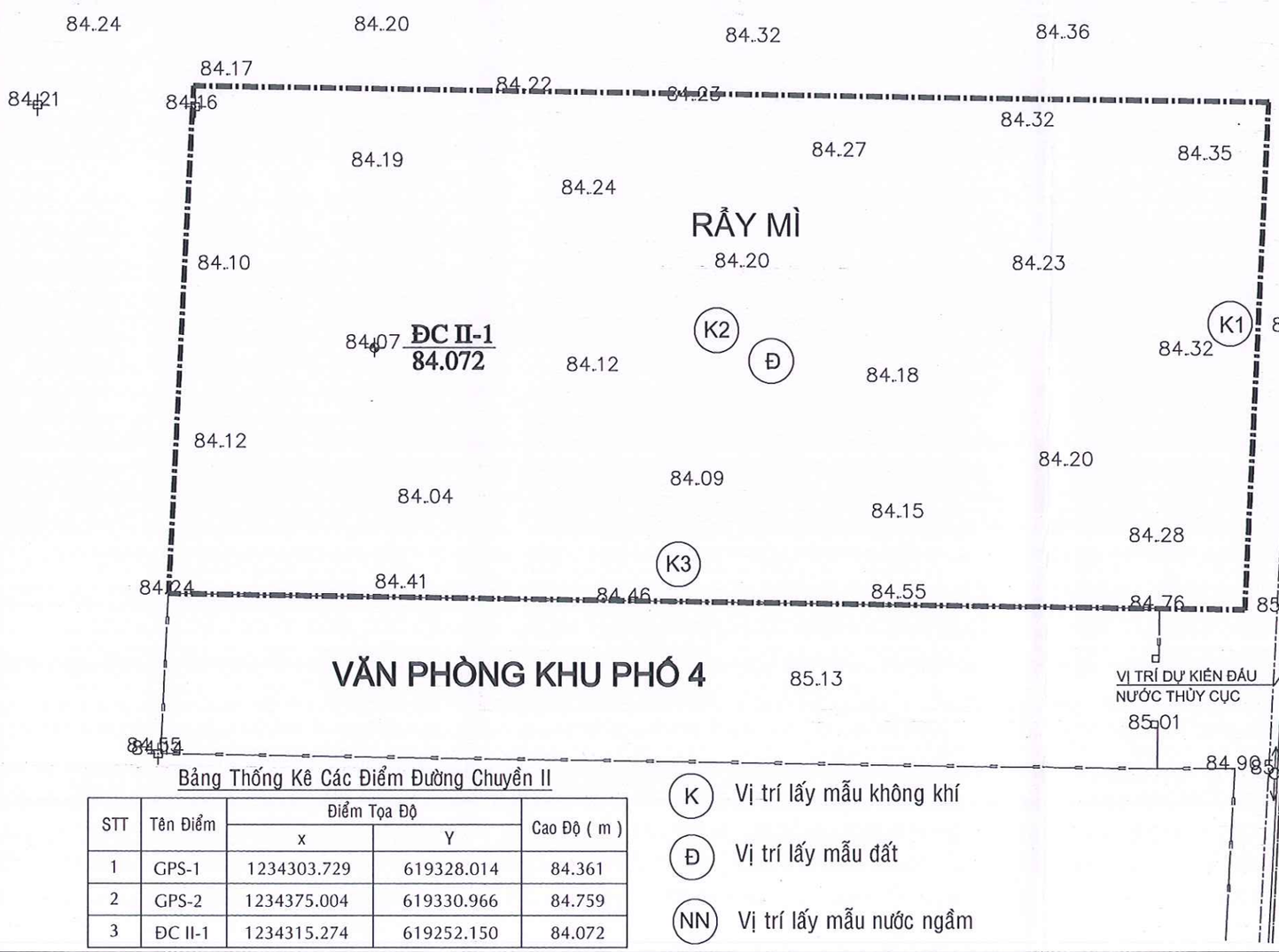

Bảng Thống Kê Các Điểm Đường Chuyền II

STT	Tên Điểm	Điểm Tọa Độ		Cao Độ (m)
		X	Y	
1	GPS-1	1234303.729	619328.014	84.361
2	GPS-2	1234375.004	619330.966	84.759
3	ĐC II-1	1234315.274	619252.150	84.072

- (K) Vị trí lấy mẫu không khí
- (Đ) Vị trí lấy mẫu đất
- (NN) Vị trí lấy mẫu nước ngầm

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 4, Khối 6 Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.355
Giám đốc:
Phụ trách KT:
Trưởng phòng:

Đơn vị tư vấn:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481
Giám đốc: Trần Thị Tín

Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHẢO SÁT
Bản vẽ:	SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Chủ nhiệm khảo sát:
Ks. Trương Quang Định
Khảo sát:
Ks. Lương Quốc Sơn
Vẽ:
Ks. Lương Quốc Sơn
Ký hiệu Bản vẽ: KS_01/02
Tỷ lệ: 1/200
Ngày phát hành: 2023

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT THẢI

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01	—⊢—⊢—	ỐNG HDPE D160, DÀY 11.8mm	M	30
02		LƠI HDPE D160 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
03	—⊢—⊢—	ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm	M	21
04		LƠI HDPE D200 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
05	—⊢—⊢—	ỐNG HDPE D90, DÀY 5.4mm	M	19
06		LƠI HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	05
07		Y HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
08	⊠	HỐ GA NƯỚC THẢI 850x850, H=1100	CÁI	02
09	⊠	HỐ GA NƯỚC THẢI 850x850, H=1400	CÁI	01
10		HẦM TỰ HOẠI (2.7X1.8X1.4)m	HẦM	02
11		BƠM CHÌM NƯỚC THẢI 1.5HP, 12M3/H, H=8M	MÁY	01
12		BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (2.0X2.0X1.5)m	BỂ	01
13		HỆ THỐNG XLNT Y TẾ 5M³/NGÀY ĐÊM	HỆ	01
14	———	ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm (NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ)	M	5.5
15		PHỄU THU SÀN 150x150	CÁI	03
16		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

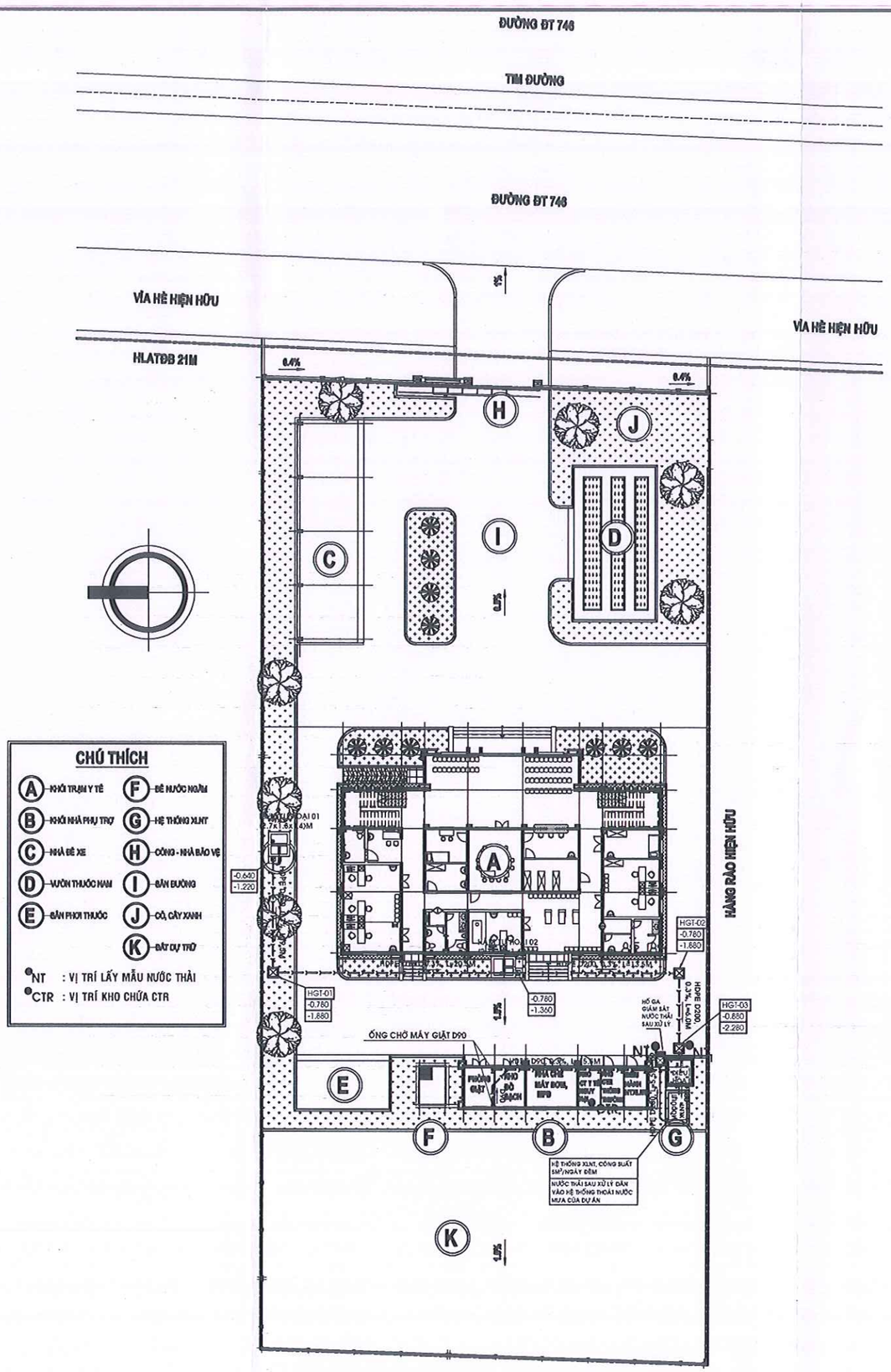

CHÚ THÍCH

- (A) KHỐI TRẠM Y TẾ
- (B) KHỐI NHÀ PHỤ TRỢ
- (C) NHÀ ĐỂ XE
- (D) VƯỜN THUỐC NAM
- (E) SÂN PHƠI THUỐC
- (F) BỂ NƯỚC NGẦM
- (G) HỆ THỐNG XLNT
- (H) CỔNG - NHÀ BẢO VỆ
- (I) SÂN ĐƯỜNG
- (J) CỎ, CÂY XANH
- (K) ĐẤT DỰ TRỮ

NT : VỊ TRÍ LẤY MẪU NƯỚC THẢI

CTR : VỊ TRÍ KHO CHỨA CTR

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

HIỆU CHỈNH

Lần HC	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc:
Nguyễn Văn Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	Trần Thị Thi
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN TÂN THÀNH, HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thành	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N:TT-05/11	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVTC
Tỷ lệ: 1/300	Ngày phát hành: 2023	

DỰ ÁN: XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT

ĐỒ KHẢO SÁT: PHƯỜNG HÒA LỢI - THỊ XÃ BẾN CÁT - TỈNH BÌNH DƯƠNG

TỶ LỆ 1/200

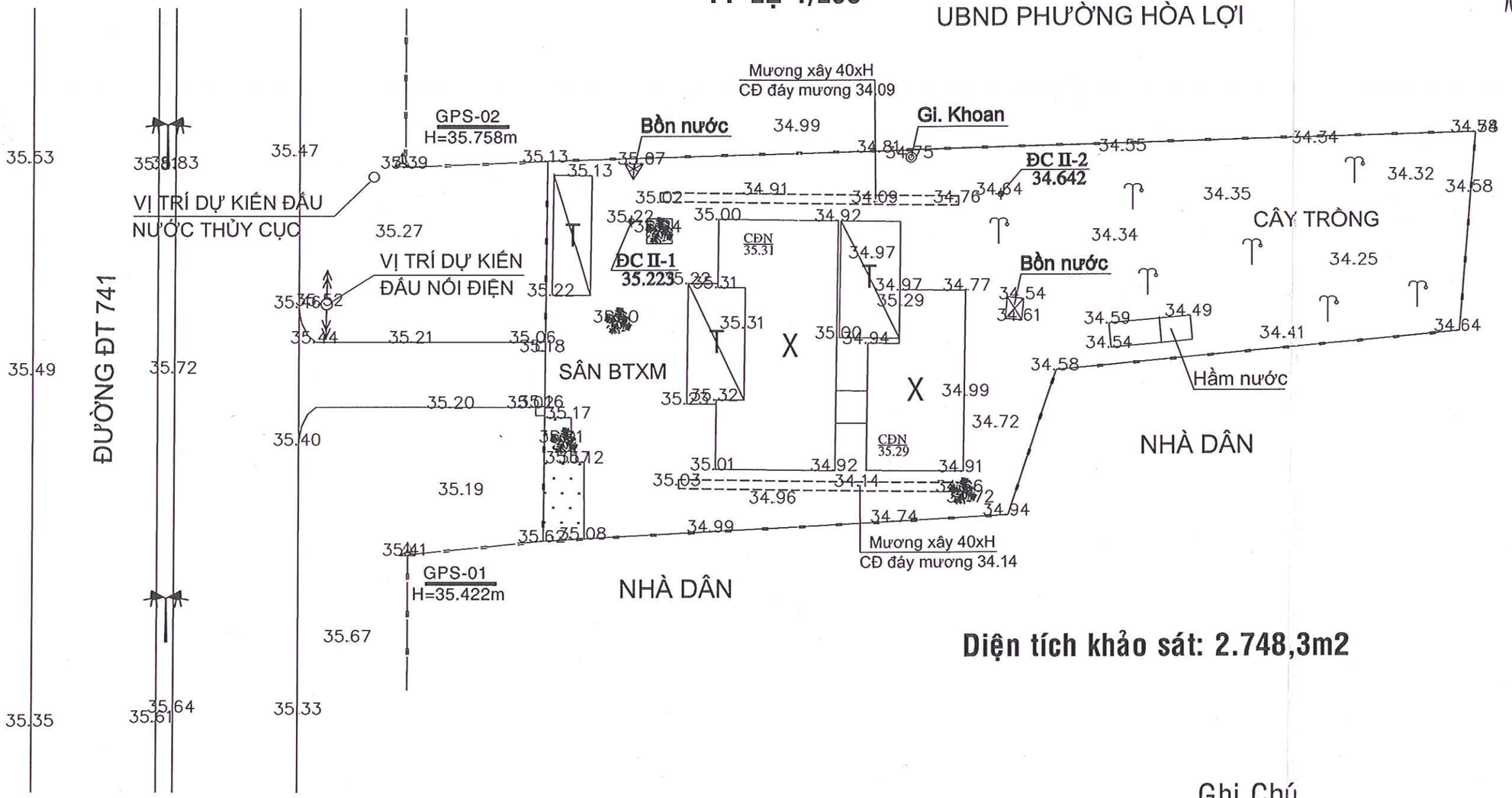

Diện tích khảo sát: 2.748,3m2

STT	Tên Điểm	Điểm Tọa Độ		Cao Độ (m)
		X	Y	
1	GPS-1	1227799.383	599550.724	35.422
2	GPS-2	1227833.723	599550.187	35.758
3	ĐC II-1	1227828.520	599570.537	35.223
4	ĐC II-2	1227830.866	599603.247	34.642

Ghi Chú

- Trụ điện thoại
- Trụ điện trung thế
- Trụ điện hạ thế
- Nhà tạm, tol
- ĐC II-1 / 35.223 — Điểm ĐC II
- Tường xây
- Rào kẽm
- X — Nhà xây

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT

1/200

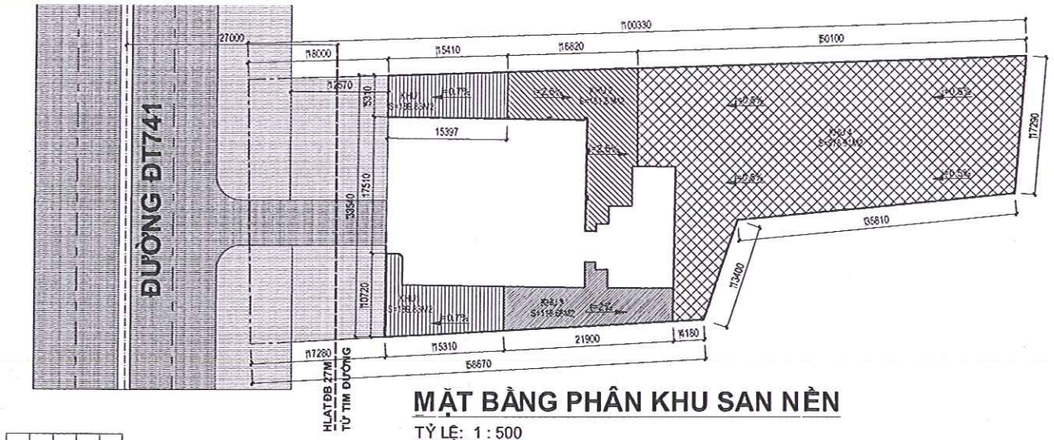

MẶT BẰNG PHÂN KHU SAN NỀN

TỶ LỆ: 1 : 500

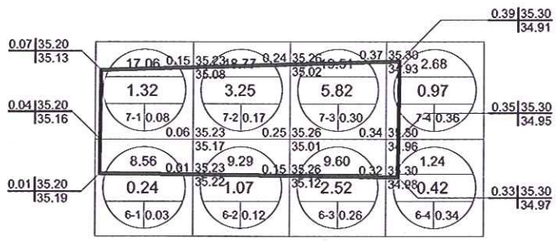

HÀNG	1	2	3	4	5	6	7	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-8.10	-22.58	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-6.66
S ĐẮP	10.09	7.48	38.91	84.24	10.44	29.70	58.02	183.22
V ĐÀO	-0.94	-2.01	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.21
V ĐẮP	0.40	0.19	8.88	22.12	2.07	4.26	11.36	32.90

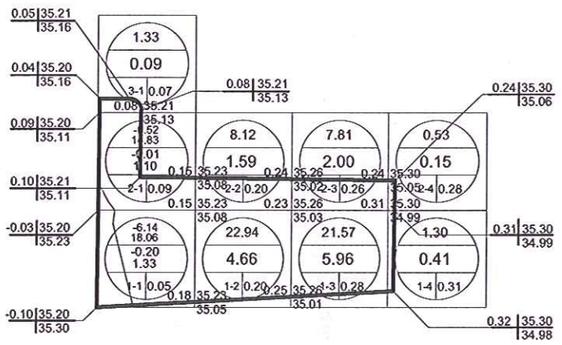

HÀNG	1	2	3	4	5	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-6.14	-0.52	0.00	0.00	0.00	-6.66
S ĐẮP	63.87	31.30	1.33	0.00	0.00	183.22
V ĐÀO	-0.20	-0.01	0.00	0.00	0.00	-0.21
V ĐẮP	12.36	4.84	0.09	0.00	0.00	32.90

CỘT	1	2	3	4	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-6.66	0.00	0.00	0.00	-6.66
S ĐẮP	59.85	59.12	58.50	5.75	183.22
V ĐÀO	-0.21	0.00	0.00	0.00	-0.21
V ĐẮP	4.09	10.57	16.31	1.94	32.90

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 1

TỶ LỆ: 1 : 200

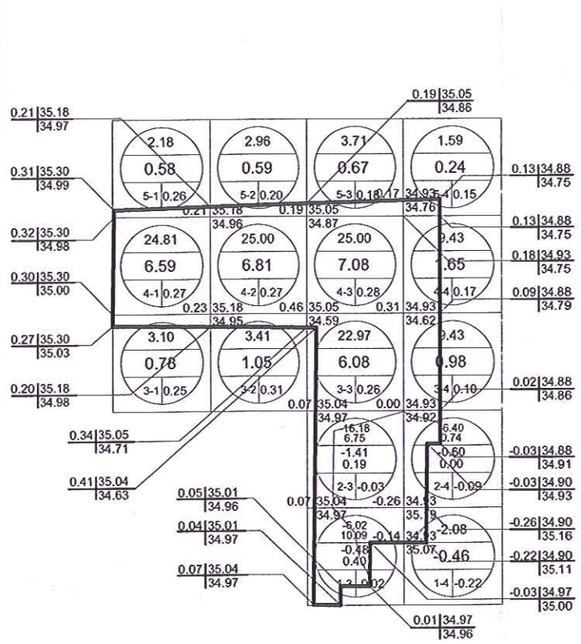

HÀNG	1	2	3	4	5	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-8.10	-22.58	0.00	0.00	0.00	-30.68
S ĐẮP	10.09	7.48	38.91	84.24	10.44	151.15
V ĐÀO	-0.94	-2.01	0.00	0.00	0.00	-2.95
V ĐẮP	0.40	0.19	8.88	22.12	2.07	33.68

CỘT	1	2	3	4	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	0.00	0.00	-22.20	-8.49	-30.68
S ĐẮP	30.09	31.36	68.52	21.18	151.15
V ĐÀO	0.00	0.00	-1.89	-1.06	-2.95
V ĐẮP	7.94	8.44	14.42	2.87	33.68

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 2

TỶ LỆ: 1 : 200

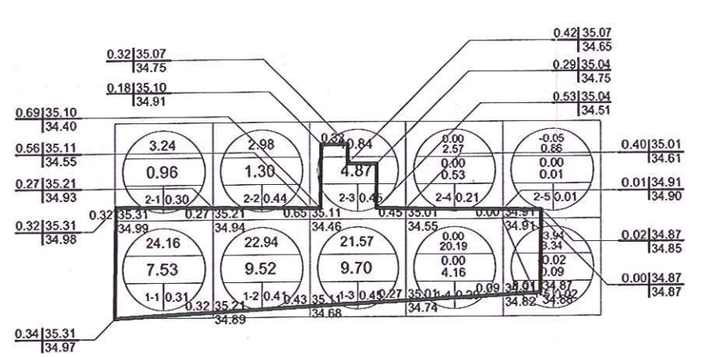

HÀNG	1	2	3	4	5	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-3.94	-0.05	0.00	0.00	-3.99	-3.99
S ĐẮP	92.19	20.48	0.00	0.00	0.00	112.67
V ĐÀO	-0.02	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.02
V ĐẮP	30.99	7.68	0.00	0.00	0.00	38.67

CỘT	1	2	3	4	5	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	-3.99	-3.99
S ĐẮP	27.40	25.92	32.41	22.76	4.19	112.67
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.02	-0.02
V ĐẮP	8.49	10.82	14.57	4.69	0.10	38.67

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 3

TỶ LỆ: 1 : 200

LẦN SỬA	NGÀY HIỆU CHỈNH	NGƯỜI HIỆU CHỈNH	NỘI DUNG HIỆU CHỈNH

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274 3855 253

Đơn vị đo:

Người ký duyệt: Ngô Xuân Vinh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYÊN XÁ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, TX BẾN CÁT
Hạng mục	01.TỔNG THỂ
Bản vẽ:	BẢN VẼ SAN NỀN KHU 1,2,3

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Hữu Hoàng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	
Ký hiệu bản vẽ: KT-TT.02/07	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/500_1/200	Ngày phát hành: 2023

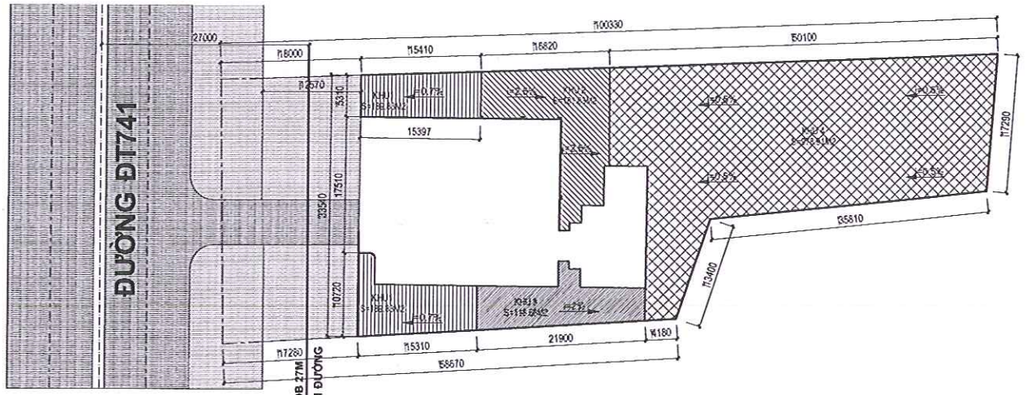

MẶT BẰNG PHÂN KHU SAN NỀN

TỶ LỆ: 1 : 500

THUYẾT MINH

1 - RANH GIỚI KHU ĐẤT CĂN CỨ BẢN VẼ ĐO ĐẠC DO BÊN A CUNG CẤP;

2 - TÍNH TOÁN KHỐI LƯỢNG SAN NỀN THEO LƯỚI Ô VUÔNG 5M x 5M;

3 - LƯỚI Ô VUÔNG TRONG TÍNH TOÁN SAN NỀN CHỈNH LÀ LƯỚI Ô VUÔNG ĐO VẼ ĐỊA HÌNH;

4 - DIỆN TÍCH KHU ĐẤT SAN NỀN LÀ: S = 1467.28M2;

5 - CAO TRÌNH THIẾT KẾ LÀ: H thiết kế = +34.870 ~ +35.300M;

6 - BIỆN PHÁP THI CÔNG VÀ NGHIỆM THU: DÙNG PHƯƠNG PHÁP ƯỚT, CÂN TỪNG LỚP DÀY 0.2~0.3M. TƯỚI NƯỚC ĐẠT ĐỘ ẨM KHÔNG THẤP HƠN ĐỘ ẨM QUI ĐỊNH 2% HOẶC KHÔNG CAO HƠN 1%, VÀ NGHIỆM THU THEO TCVN 4447-2012;

7 - HỆ SỐ NÉN PHẢI ĐẠT ĐỘ CHẶT K = 0.9Ko (ĐỘ CHẶT TIÊU CHUẨN PROCTOR CẢI TIẾN);

8 - CAO ĐỘ SAN LẤP LÀ CAO ĐỘ HOÀN THIỆN;

9 - KHỐI LƯỢNG SAN NỀN NHƯ SAU:

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KÍ HIỆU	DIỄN GIẢI		KHỐI LƯỢNG	ĐV
A	DIỆN TÍCH SAN NỀN:	S	=S1+S2=41.44+1425.84	=	1,467.28	M2
1	DIỆN TÍCH ĐÀO (THEO BV SAN NỀN):	S1	=6.66+30.68+3.99+0.11	=	41.44	M2
2	DIỆN TÍCH ĐẮP (THEO BV SAN NỀN):	S2	=183.22+151.15+112.67+978.8	=	1,425.84	M2
B	ĐÀO BỎ LỚP HỮU CƠ BỀ MẶT:	V1	=V1.1+V1.2=4.14+142.58	=	146.72	M3
1	CHIỀU DÀY LỚP HỮU CƠ CẦN ĐÀO BỎ:	H		=	0.10	M
2	ĐÀO BỎ LỚP HỮU CƠ BỀ MẶT KHU VỰC ĐÀO:	V1.1	=S1xH=41.44x0.1	=	4.14	M3
3	ĐÀO BỎ LỚP HỮU CƠ BỀ MẶT KHU VỰC ĐẮP:	V1.2	=S2xH=1425.84x0.1	=	142.58	M3
C	KHỐI LƯỢNG ĐÀO (THEO BV SAN NỀN):	V2	=0.21+2.95+0.02	=	3.18	M3
D	KHỐI LƯỢNG ĐẮP (THEO BV SAN NỀN):	V3	=32.9+33.68+38.67+486.77	=	592.02	M3
E	TRỪ ĐẤT ĐÀO CÁC HẠNG MỤC:	V4	=V4.1+V4.2+V4.3=52.26+44.23+71.92	=	168.41	M3
1	TRỪ LỚP CẤU TẠO SÂN TERRAZZO LOẠI 1:	V4.1	=373.3x0.14	=	52.26	M3
2	TRỪ LỚP CẤU TẠO SÂN TERRAZZO LOẠI 2:	V4.2	=368.6x0.12	=	44.23	M3
3	TRỪ LỚP ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH:	V4.3	=359.62x0.2	=	71.92	M3
G	KHỐI LƯỢNG ĐẤT ĐẮP:	V	=((V3+V1.2)-(V2+V4-V1.1))x1.33= ((592.02+142.58)-(3.18+168.41-4.14))x1.33	=	754.31	M3

CHÚ Ý:

- CAO ĐỘ SAN NỀN LÀ CAO ĐỘ HOÀN THIỆN;
- COSTE SAN NỀN THIẾT KẾ +34.900 TƯƠNG ỨNG COSTE SÂN ĐƯỜNG -0.470;
- COSTE ±0.000 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH SAU KHI ĐỔ NỀN XEM BVKT (TƯƠNG ĐƯƠNG CAO ĐỘ +35.370).

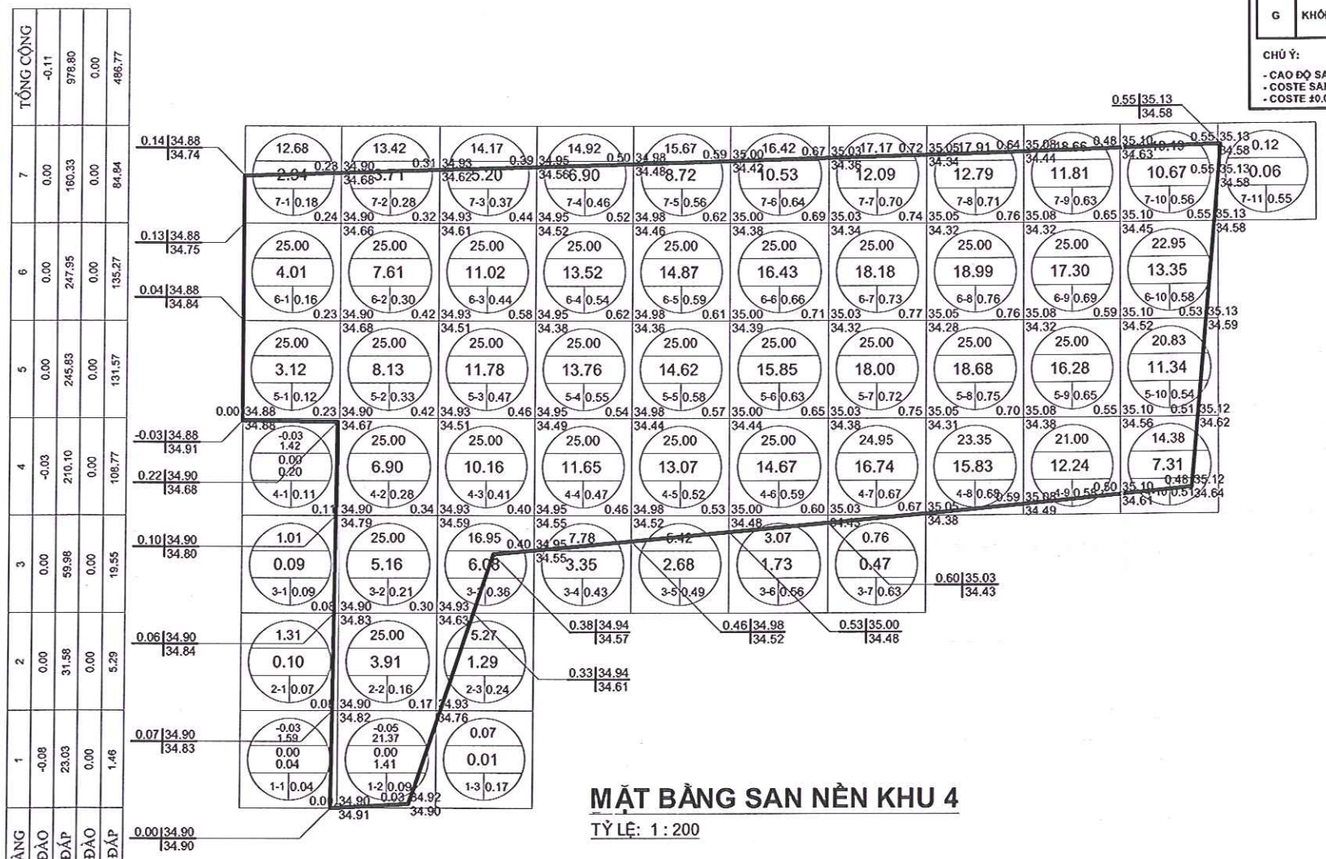

MẶT BẰNG SAN NỀN KHU 4

TỶ LỆ: 1 : 200

CỘT	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-0.06	-0.05	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	-0.11
S ĐẮP	68.01	159.79	111.46	97.70	96.09	94.48	92.88	91.27	89.66	77.34	0.12	978.80
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V ĐẮP	9.90	36.82	45.54	49.19	53.97	59.22	65.48	66.28	57.63	42.67	0.06	486.77

HÀNG	1	2	3	4	5	6	7	TỔNG CỘNG
S ĐÀO	-0.08	0.00	0.00	-0.03	0.00	0.00	0.00	-0.11
S ĐẮP	23.03	31.58	59.98	210.10	245.83	247.95	160.33	978.80
V ĐÀO	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
V ĐẮP	1.46	5.29	19.55	108.77	131.57	135.27	84.84	486.77

GHI CHÚ:

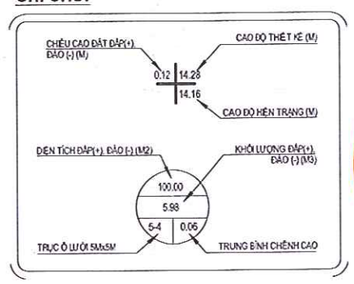

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, Khu B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274 3855 263

Giám đốc:

Ngô Tấn Vĩnh Toàn

Tổ chức thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:

Trần Thị Thi

Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục	01.TỔNG THỂ

Bản vẽ:

BẢN VẼ SAN NỀN KHU 4
THUYẾT MINH SAN NỀN

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Hữu Hoàng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	
Ký hiệu bản vẽ:	Lần phát hành: / Mục đích phát hành:
KT-TT.03/07	1 2 3 / TKCS TKĐ 4 5 6 / TKKT TKBVTC
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:
1/500_1/200	2023

CHÚ THÍCH

	TÊN HẠNG MỤC	HIỆN HỮU	ĐẦU TƯ XÂY MỚI
Ⓐ	KHỐI TRẠM Y TẾ XÂY MỚI		X
Ⓑ	KHỐI TRẠM Y TẾ HIỆN HỮU	X	
Ⓒ	CỔNG CHÍNH	X	
Ⓓ	CỔNG PHỤ		X
Ⓔ	NHÀ XE	X	
Ⓕ	KHỐI PHỤ TRỢ (PHÒNG GIẶT, KHO ĐỒ SẠCH, NHÀ ĐIỀU HÀNH HTXLNT, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG)		X
Ⓖ	ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH		X
Ⓗ	SÂN BÊ TÔNG HIỆN HỮU	X	
Ⓘ	SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO		X
Ⓙ	KHO RÁC		X
Ⓚ	VƯỜN THUỐC NAM		X
Ⓛ	HẦM THẤM		X

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m2)	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	SỐ TẦNG	TỔNG DIỆN TÍCH SÀN
I	**ĐẤT THUỘC DỰ ÁN (A+B+C)**	**2,369.80**	**100.00**		
A	**ĐẤT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH (A1+A2)**	**659.78**	**27.85**		**1,014.38**
A1	**Đất xây dựng công trình hiện hữu**	**195.38**	**8.25**		**195.38**
1	Khối trạm y tế	159.38	6.73	1	159.38
2	Nhà xe	36.00	1.52	1	36.00
A.2	**Đất xây dựng công trình đầu tư mới**	**464.40**	**19.60**		**819.00**
1	Khối trạm y tế	427.40	18.04	2	782.00
2	Khối nhà phụ trợ (phòng giặt, kho đồ sạch, nhà điều hành HTXLNT, máy phát điện dự phòng)	29.00	1.22	1	29.00
5	Kho rác	8.00	0.34	1	8.00
B	**ĐẤT SÂN VƯỜN, CÂY XANH**	**1,165.52**	**49.17**		
1	Đất trồng cỏ, cây xanh	359.62	15.16		
2	Bó vỉa chiếm chỗ	32.52	1.33		
3	Sân lát gạch Terrazzo	741.90	31.31		
4	Vườn thuốc nam	31.48	1.37		
C	**ĐẤT GIAO THÔNG NỘI BỘ**	**544.50**	**22.98**		
1	Sân đường bê tông hiện hữu	544.50	22.98		
II	**ĐẤT GIAO THÔNG TIẾP CẬN CÔNG TRÌNH**	**378.50**			
1	Sân đường BTXM, vỉa hè hiện hữu	378.50			
**	**TỔNG CỘNG (I+II)**	**2,748.30**			

HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT

STT	THÀNH PHẦN	DIỆN TÍCH (m2)
1	Diện tích khu đất thuộc dự án	2,369.80
2	Tổng diện tích sàn toàn công trình	1,014.38
*	Công trình hiện hữu	195.38
2.1	*Khối trạm y tế*	159.38
2.2	*Nhà xe*	36.00
*	Công trình đầu tư mới	819.00
2.3	*Khối trạm y tế*	782.00
2.4	*Khối nhà phụ trợ (phòng giặt, kho đồ sạch, nhà điều hành HTXLNT, máy phát điện dự phòng)*	29.00
2.5	*Kho rác*	8.00
**	Hệ số sử dụng đất (2/1)	0.43

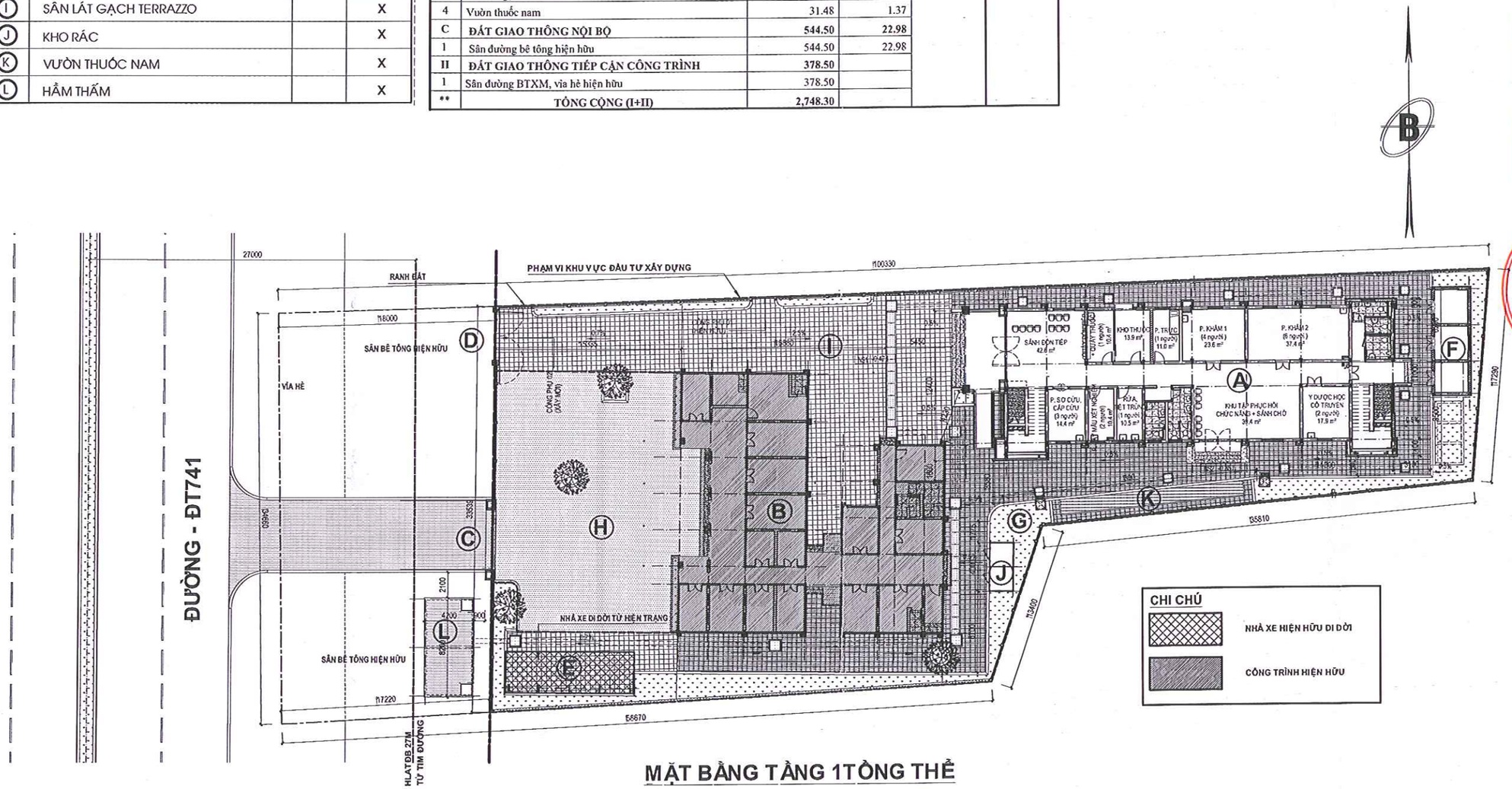

MẶT BẰNG TẦNG 1TỔNG THỂ

TỶ LỆ: 1 : 250

HIỆU CHỈNH			
Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, Khối B Trung tâm Hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274 3835 263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục	01.TỔNG THỂ
Bản vẽ:	_MẶT BẰNG TỔNG THỂ TẦNG 1
Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Hữu Hoàng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	
Ký hiệu bản vẽ: KT-TT.04/07	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT TKDC
Tỷ lệ: 1/250	Ngày phát hành: 2023

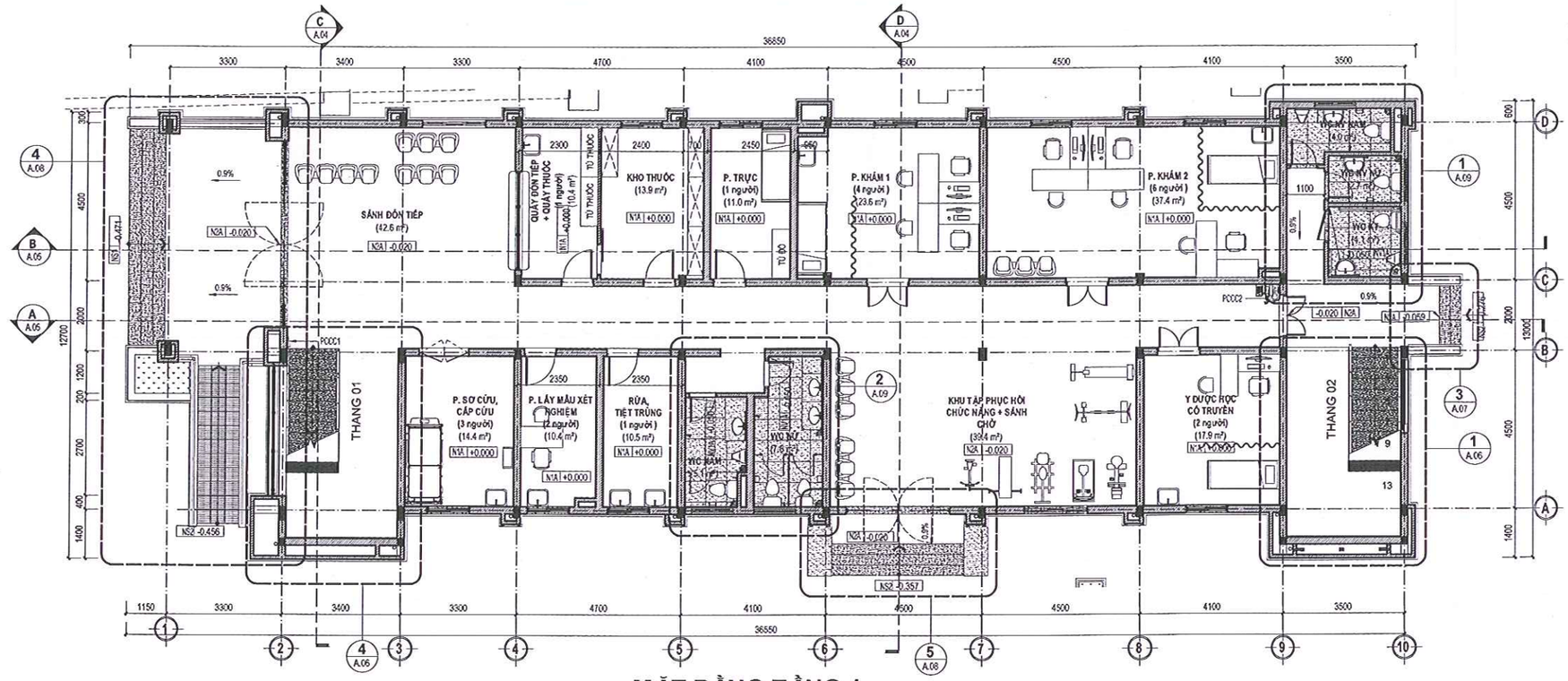

MẶT BẰNG TẦNG 1

TỶ LỆ: 1 : 100

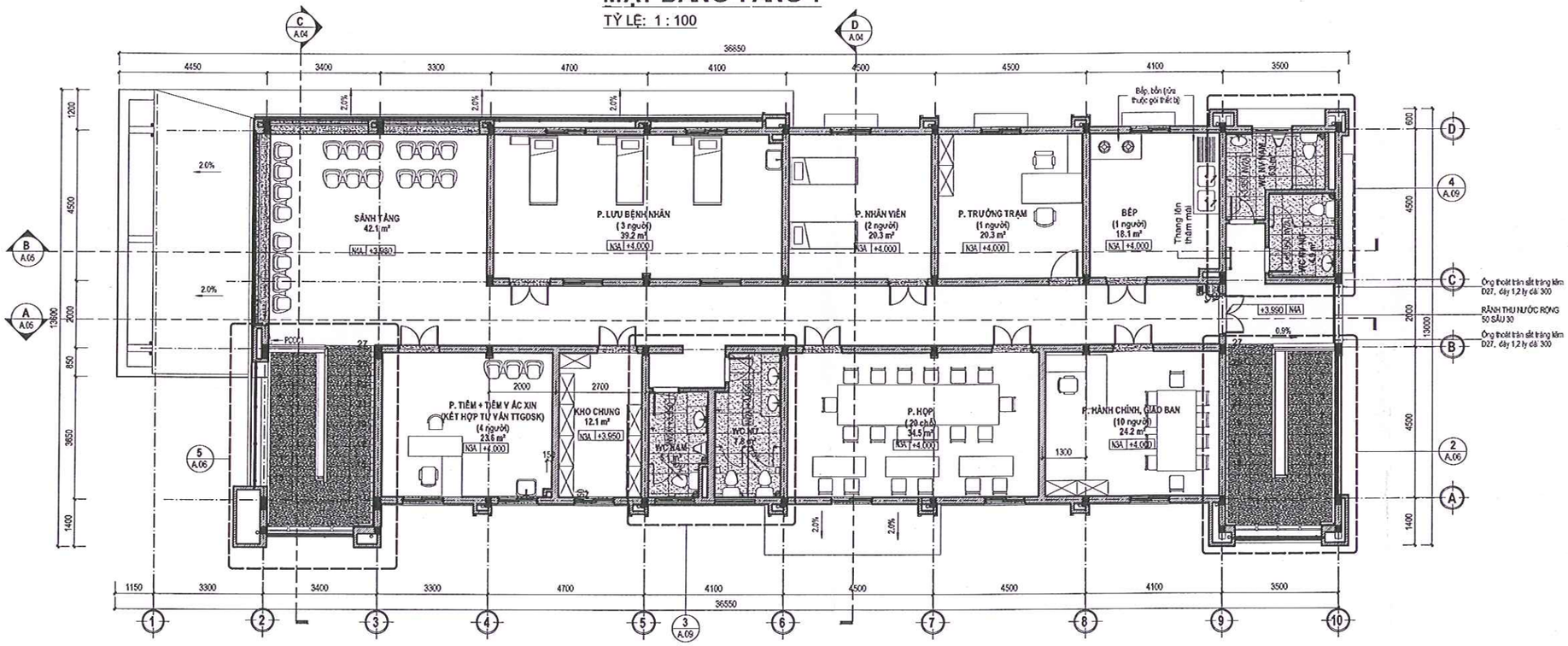

MẶT BẰNG TẦNG 2

TỶ LỆ: 1 : 100

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/c: Tầng 4, khối B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, Phường Hoà Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.783

Giám đốc:

Nguyễn Việt Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 02743 801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYÊN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục	02.KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

MẶT BẰNG TẦNG 1 & 2

Chủ nhiệm dự án:	
Kts. Tương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Kts. Phan Huy Phượng	
Thiết kế:	
Kts. Nguyễn Hữu Hoàng	
Kiểm tra thiết kế:	
Kts. Lê Mạnh Nhiên	
Ký hiệu bản vẽ:	Lần phát hành: / Mục đích phát hành:
KT-A.01/12	1 2 3 / TKCS TKTC 4 5 6 / DTXD BVKC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023

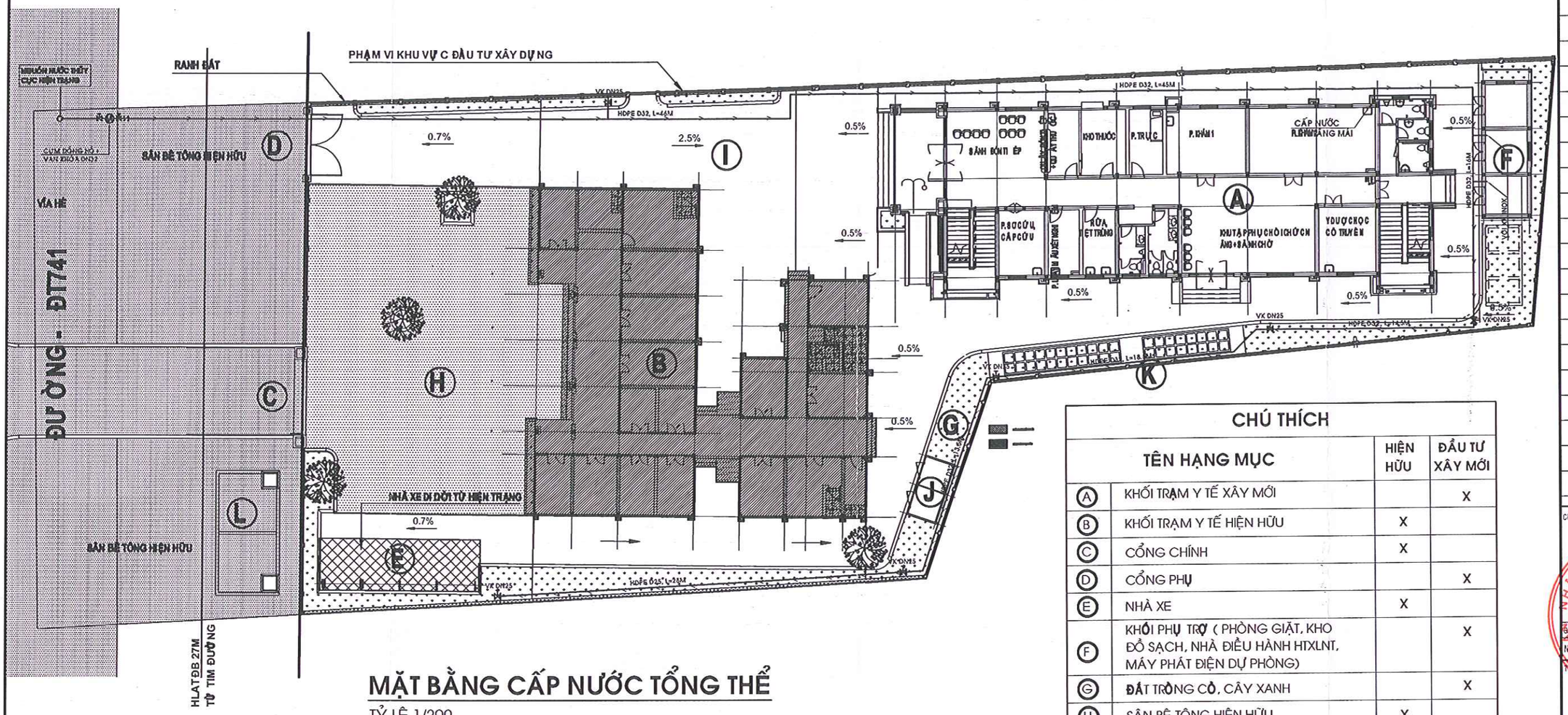

MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/200

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC CẤP

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01	Ⓜ	ĐỒNG HỒ NƯỚC DN32	CÁI	01
02	⋈	VAN KHÓA DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	06
03	⋈	VAN KHÓA DN25 (THÂN ĐỒNG) + KHỐI BÊ TÔNG CỐ ĐỊNH VAN	CÁI	06
04		VAN 1 CHIỀU DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	01
05		KHỚP MỀM DN32 (CAO SU)	CÁI	02
06		Y LỌC DN32 (THÂN ĐỒNG)	CÁI	02
07		ĐỒNG HỒ ÁP 0-7BAR	CÁI	02
08	——	ỐNG HDPE D32, DÀY 3.0MM	M	154
09	——	ỐNG HDPE D25, DÀY 2.3MM	M	28
10		CO HDPE D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	15
11		CO HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	23
12		CO HDPE D50 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
13		T GIẢM HDPE D50-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
14		T GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	04
15		CO GIẢM HDPE D32-D25 (LOẠI DÀY)	CÁI	02
16		T HDPE D32 (LOẠI DÀY)	CÁI	01
17		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

CHÚ THÍCH

	TÊN HẠNG MỤC	HIỆN HỮU	ĐẦU TƯ XÂY MỚI
Ⓐ	KHỐI TRẠM Y TẾ XÂY MỚI		X
Ⓑ	KHỐI TRẠM Y TẾ HIỆN HỮU	X	
Ⓒ	CỔNG CHÍNH	X	
Ⓓ	CỔNG PHỤ		X
Ⓔ	NHÀ XE	X	
Ⓕ	KHỐI PHỤ TRỢ (PHÒNG GIẶT, KHO ĐỒ SẠCH, NHÀ ĐIỀU HÀNH HTXLNT, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG)		X
Ⓖ	ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH		X
Ⓗ	SÂN BÊ TÔNG HIỆN HỮU	X	
Ⓘ	SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO		X
Ⓙ	KHO RÁC		X
Ⓚ	VƯỜN THUỐC NAM		X
Ⓛ	HẦM THẤM		X

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3895.263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG CẤP NƯỚC TỔNG THỂ
Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế: Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N-TT-03/09	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS / TKTC / TDCT / DTMC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023

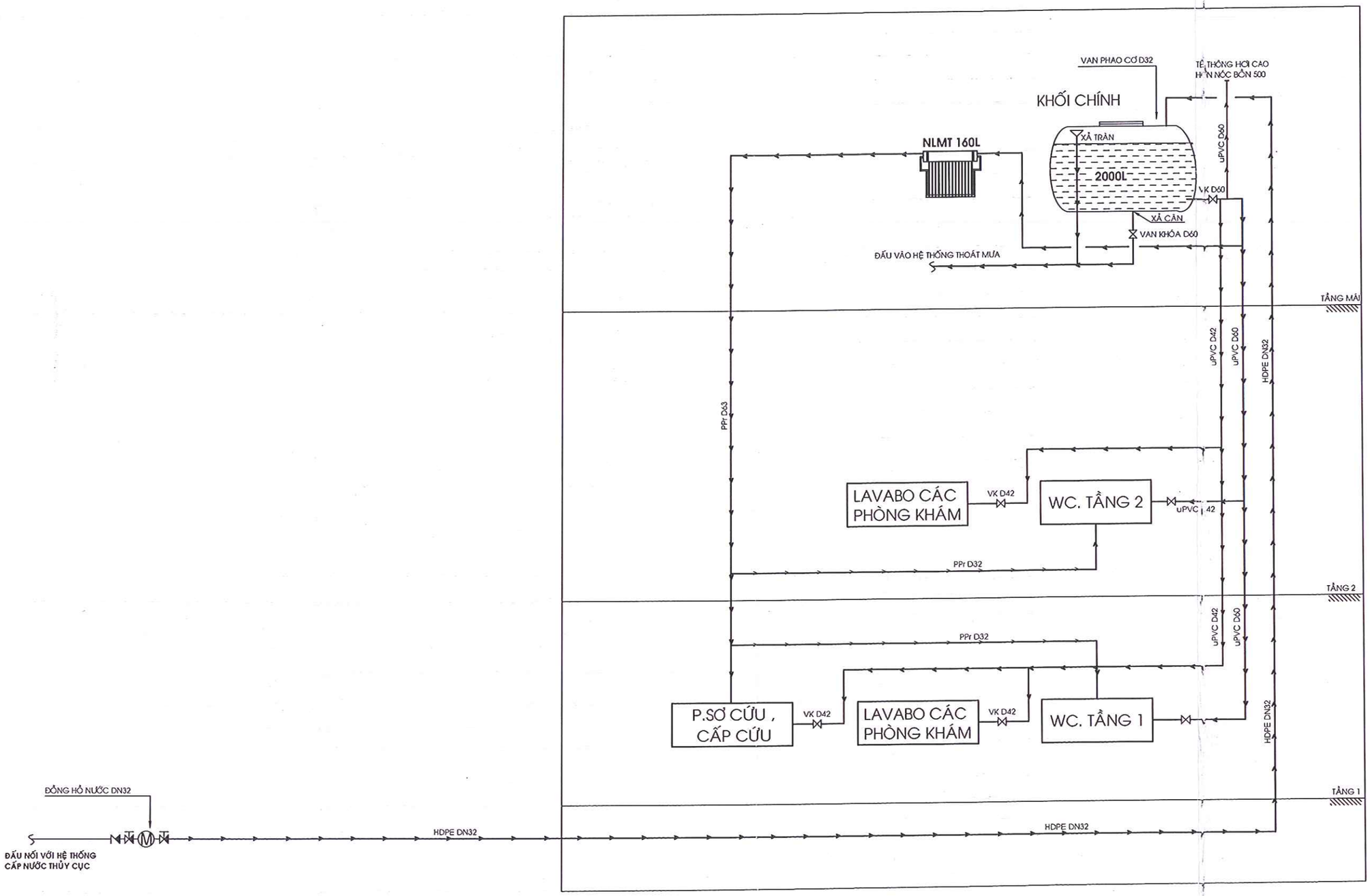

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP NƯỚC

HIỆU CHỈNH

Lần hiệu chỉnh	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3856.283

Giám đốc:
Ngô Văn Vĩnh Toàn

Đơn vị tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ CẤP NƯỚC

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N:TT-01/09	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKBVTC BVTC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023	

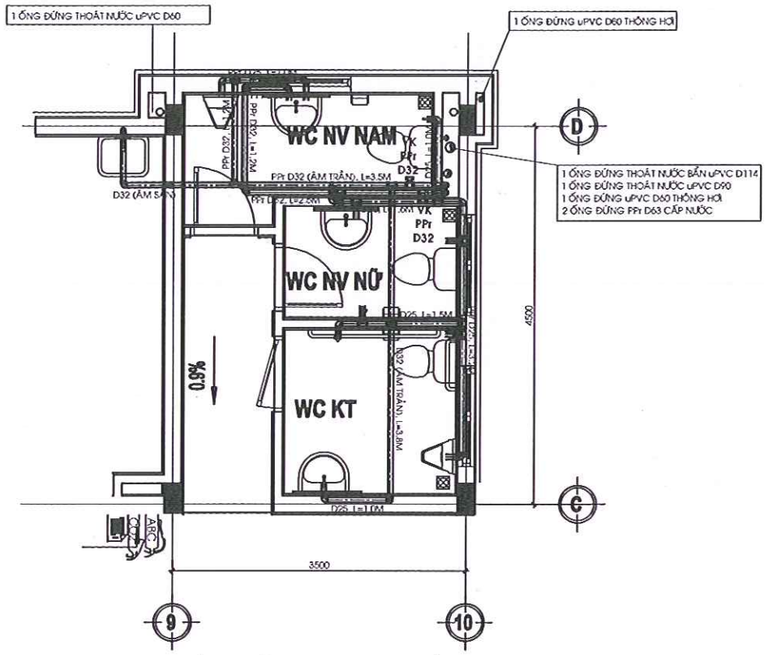

CT CẤP NƯỚC SH NSV-01 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

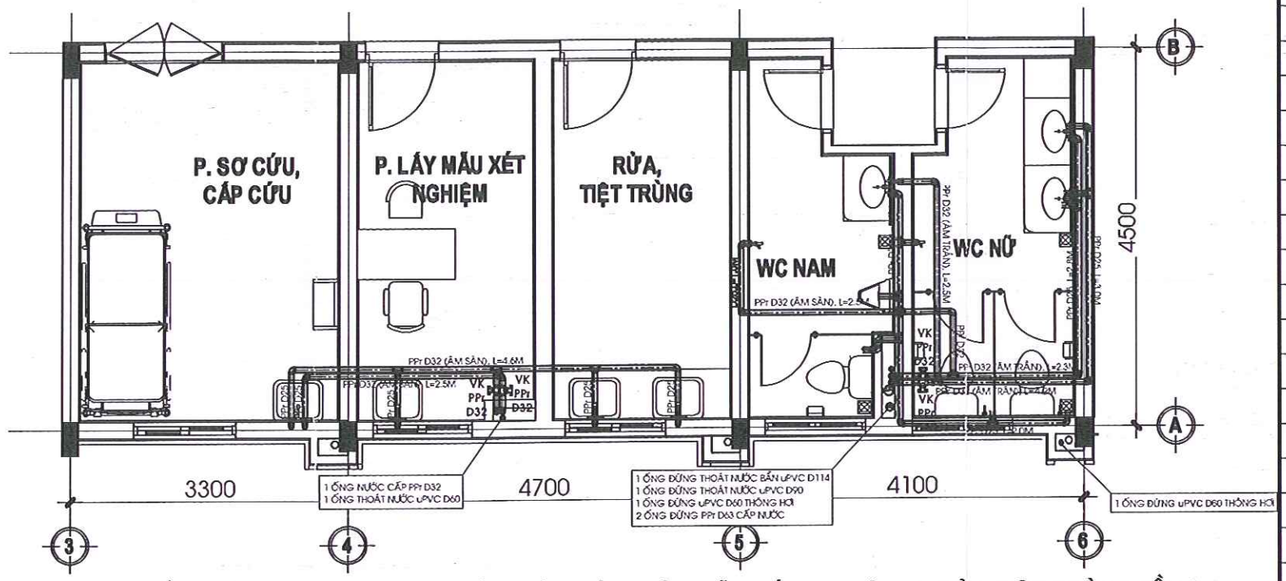

CT CẤP NƯỚC SH NSV-03, P. SƠ CỨU,CẤP CỨU, LẤY MẪU XÉT NGHIỆM, & RỬA TIỆT TRÙNG TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

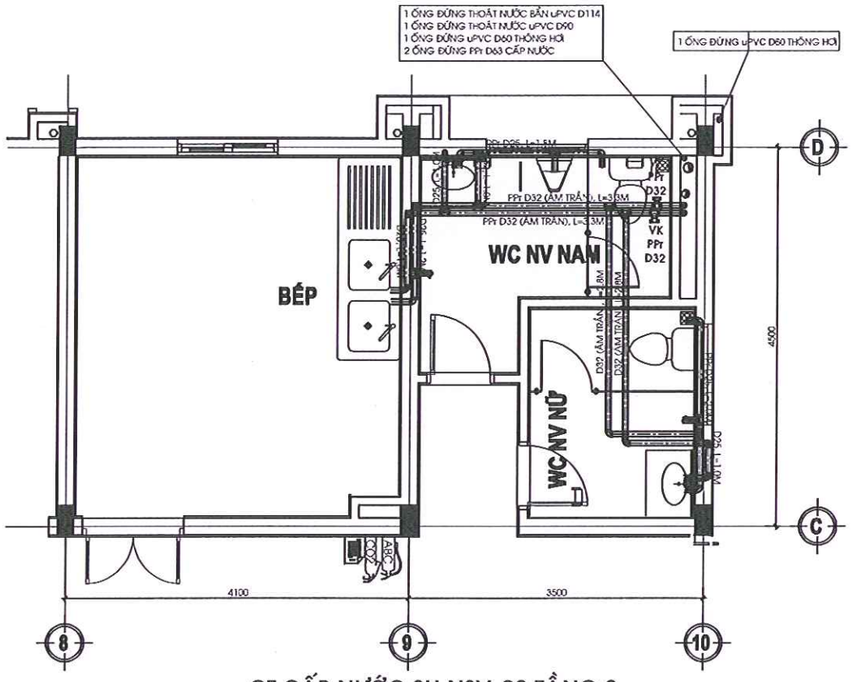

CT CẤP NƯỚC SH NSV-02 TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

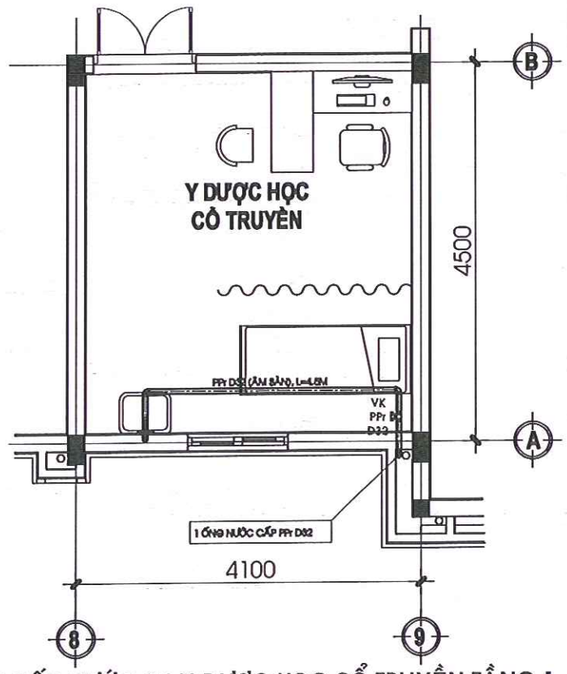

CT CẤP NƯỚC SH Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc:
Nguyễn Văn Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	_CT CẤP NƯỚC NVS 01,02,03,P.SƠ CỨU,CẤP CỨU, LẤY MẪU XÉT NGHIỆM & RỬA TIỆT TRÙNG TẦNG 1, 2
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N-04/10	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023	

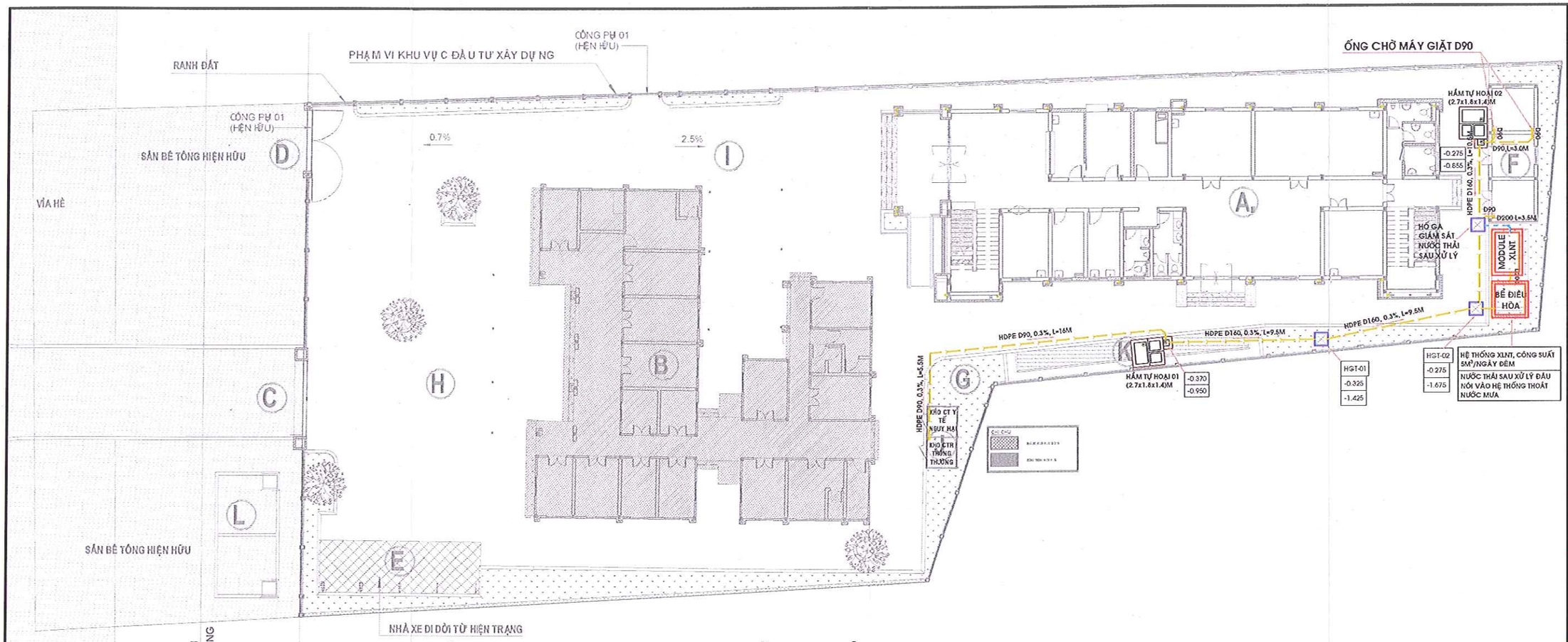

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/200

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT THẢI

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		ỐNG HDPE D160, DÀY 11.6mm	M	30
02		LƠI HDPE D160 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
03		ỐNG HDPE D90, DÀY 5.4mm	M	28
04		LƠI HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	17
05		Y HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	03
06		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x650, H=1100	CÁI	01
07		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x650, H=1400	CÁI	01
08		HẦM TỰ HOẠI (2.7X1.8X1.4)m	HẦM	02
09		BƠM CHÌM NƯỚC THẢI 1.5HP, 12M3/H, H=8M	MÁY	01
10		BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (2.0X2.0X1.5)m	BỂ	01
11		HỆ THỐNG XLNT Y TẾ 6M³/NGÀY ĐÊM	HỆ	01
12		ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm (NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ)	M	3.5
13		PHỄU THU SÀN 150X150	CÁI	03
14		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

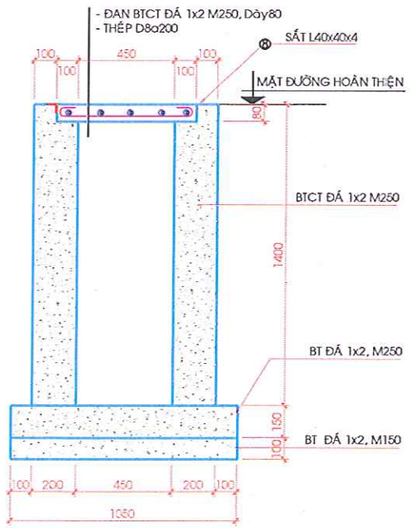

CT HG THOÁT NƯỚC THẢI H=1400

TL : 1/25

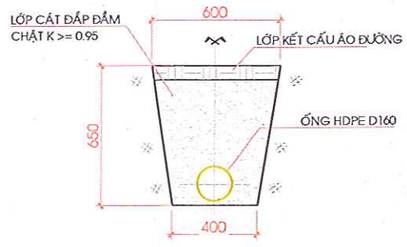

CHI TIẾT ỐNG NƯỚC THẢI

TL : 1/25

CHÚ THÍCH

	TÊN HẠNG MỤC	HIỆN HỮU	ĐẦU TƯ XÂY MỚI
A	KHỐI TRẠM Y TẾ XÂY MỚI		X
B	KHỐI TRẠM Y TẾ HIỆN HỮU	X	
C	CỔNG CHÍNH	X	
D	CỔNG PHỤ		X
E	NHÀ XE	X	
F	KHỐI PHỤ TRỢ (PHÒNG GIẶT, KHO ĐỒ SẠCH, NHÀ ĐIỀU HÀNH HTXLNT, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG)		X
G	ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH		X
H	SÂN BÊ TÔNG HIỆN HỮU	X	
I	SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO		X
J	KHO RÁC		X
K	VƯỜN THUỐC NAM		X
L	HẦM THẤM		X

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số 6 Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi

Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ

Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Khá	
Thiết kế: Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Khá	

Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-05/10	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6	Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKXT BVH
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023	

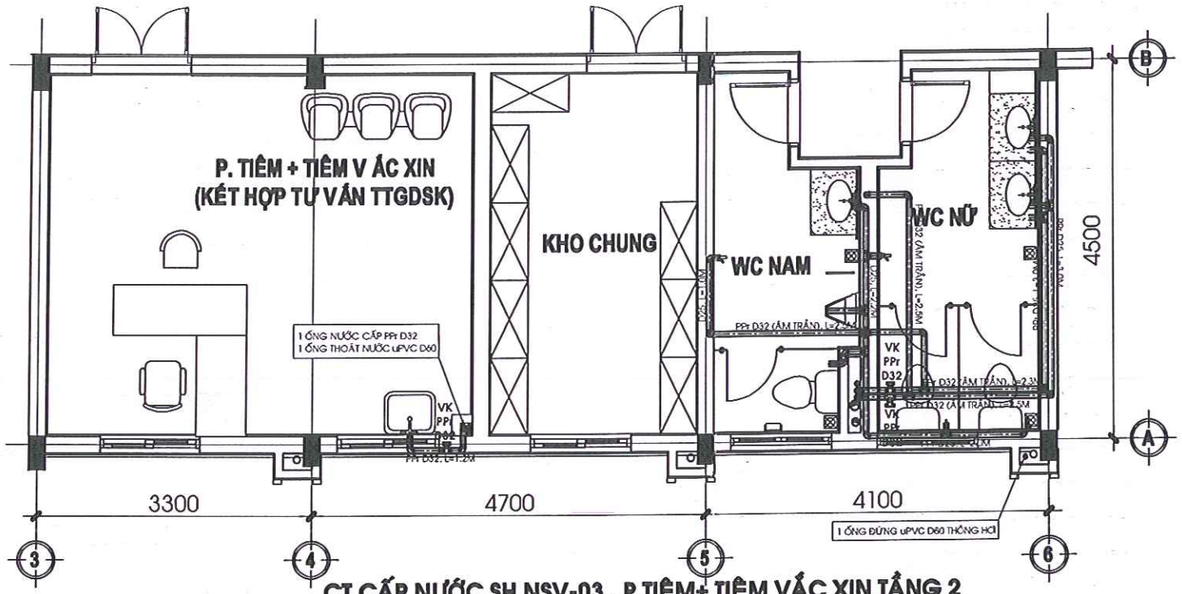

CT CẤP NƯỚC SH NSV-03 , P.TIÊM+ TIÊM VẮC XIN TẦNG 2

TỶ LỆ 1/60

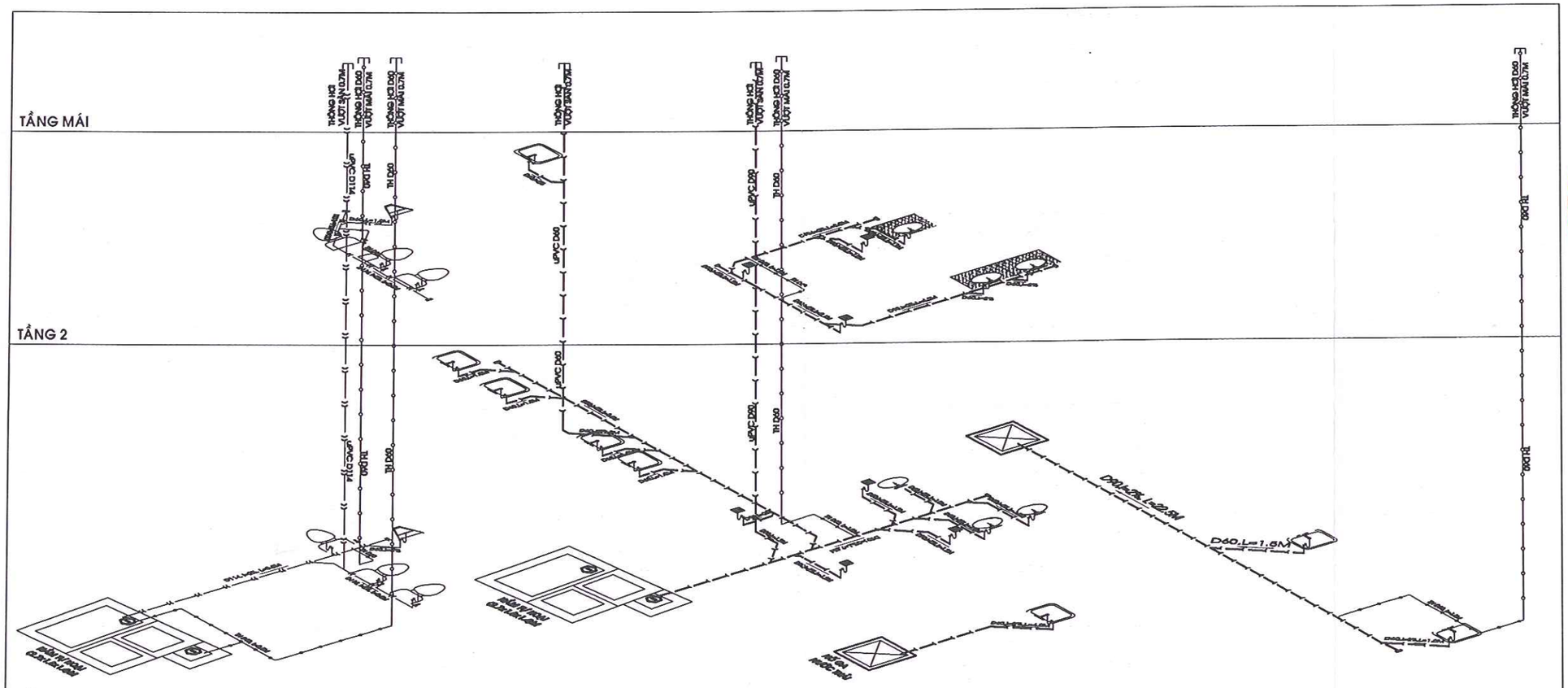

SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH 01- LAVABO P.KHÁM 1-QUẦY ĐÓN TIẾP + QUẦY THUỐC- SẢNH ĐÓN TIẾP

TỶ LỆ 1/50

KIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3865.263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

CHI TIẾT CẤP NƯỚC NVS 03 & P.TIÊM + TIÊM VẮC XIN TẦNG 2
SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NVS 01,LAVABO PHÒNG KHÁM 1-QUẦY ĐÓN TIẾP+QUẦY THUỐC-SẢNH ĐÓN TIẾP TẦNG 1

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N-08/10	2 3 4 5 6	DCCT TKTC DCBV
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023	

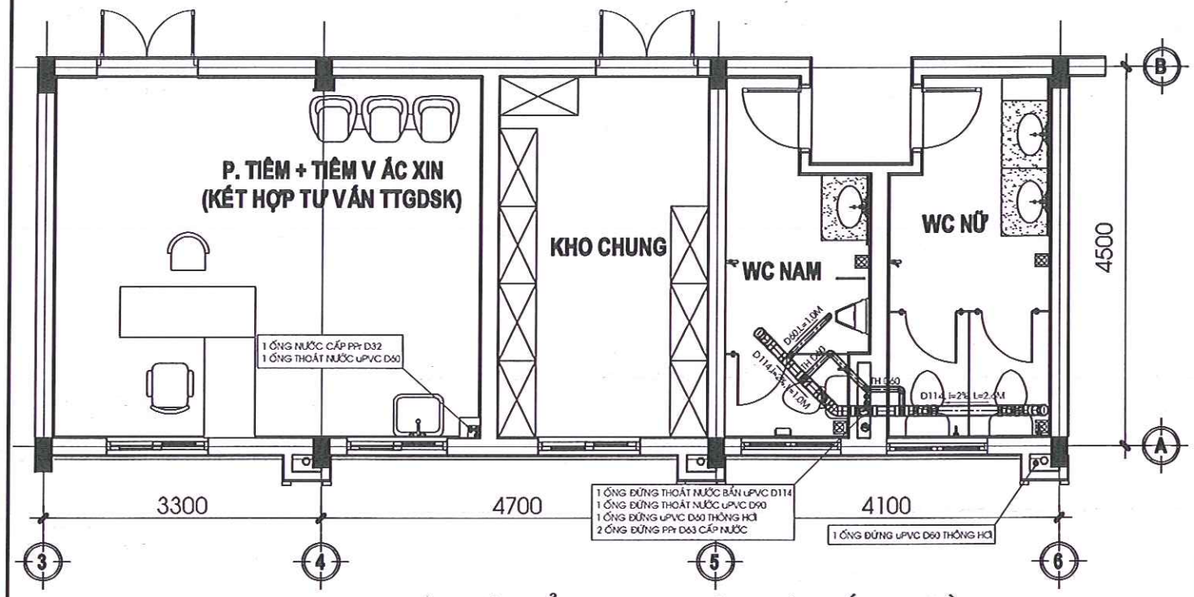

CT THOÁT NƯỚC BẨN NSV-03, P.TIÊM+ TIÊM VẮC XIN TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

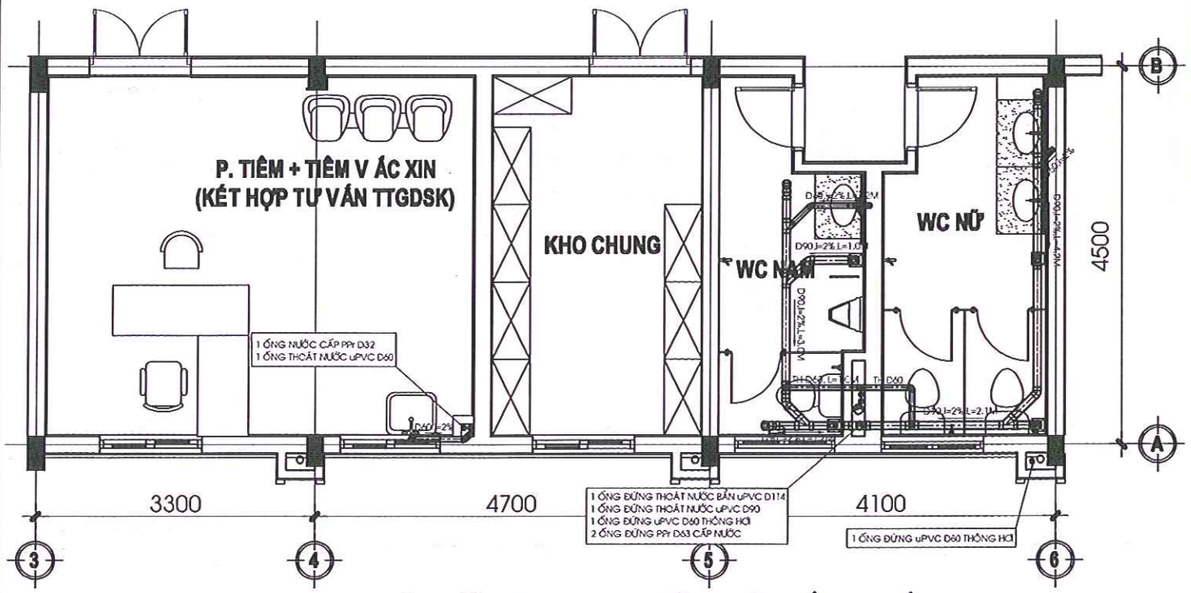

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-03, P.TIÊM+ TIÊM VẮC XIN TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

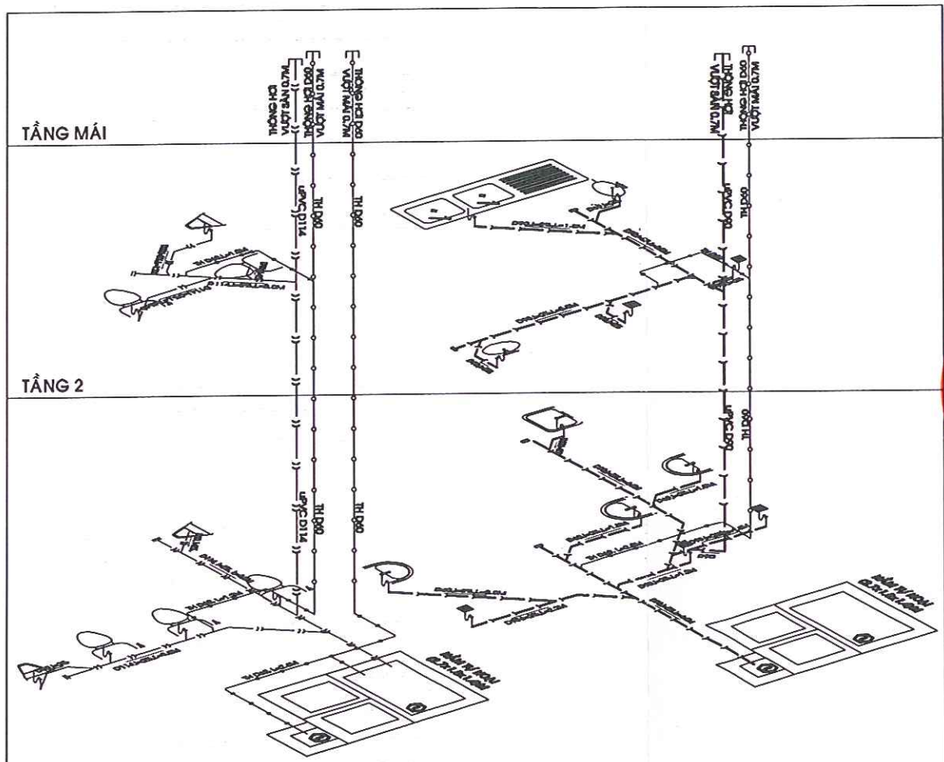

SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH 02,03

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3835.363

Giám đốc:

Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	CHI TIẾT THOÁT NƯỚC NVS 03 & P.TIÊM+TIÊM VẮC XIN TẦNG 2 SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NVS 02,03
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Khá	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Khá	
Ký hiệu Bản vẽ: N-07/10	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTH TKBVTC TDT BVTC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023

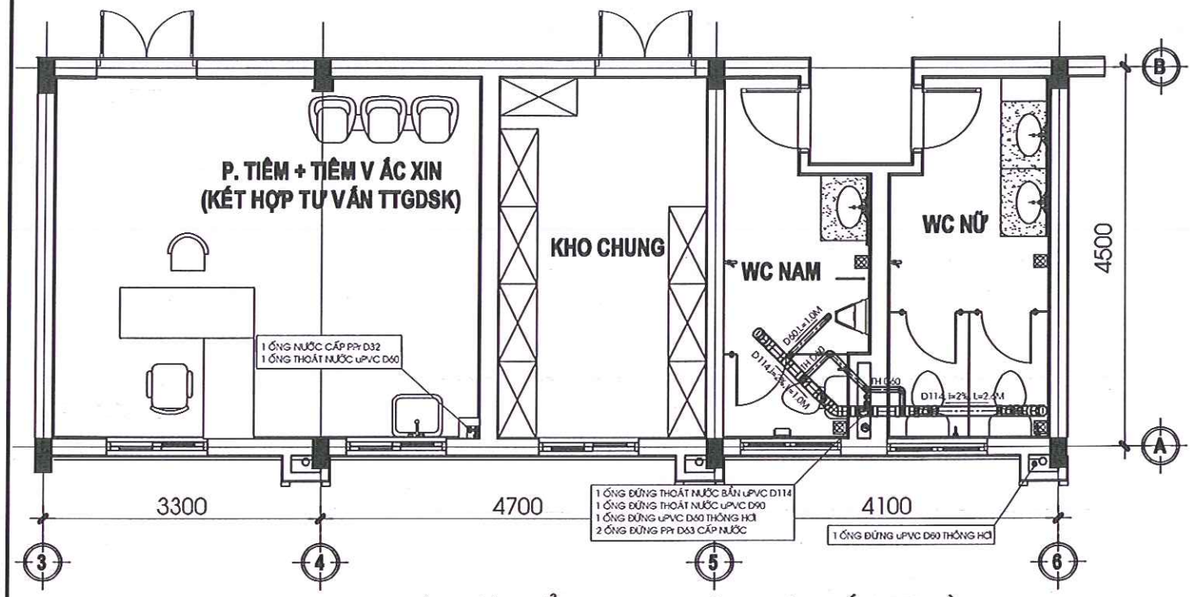

CT THOÁT NƯỚC BẨN NSV-03, P.TIÊM+ TIÊM VẮC XIN TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

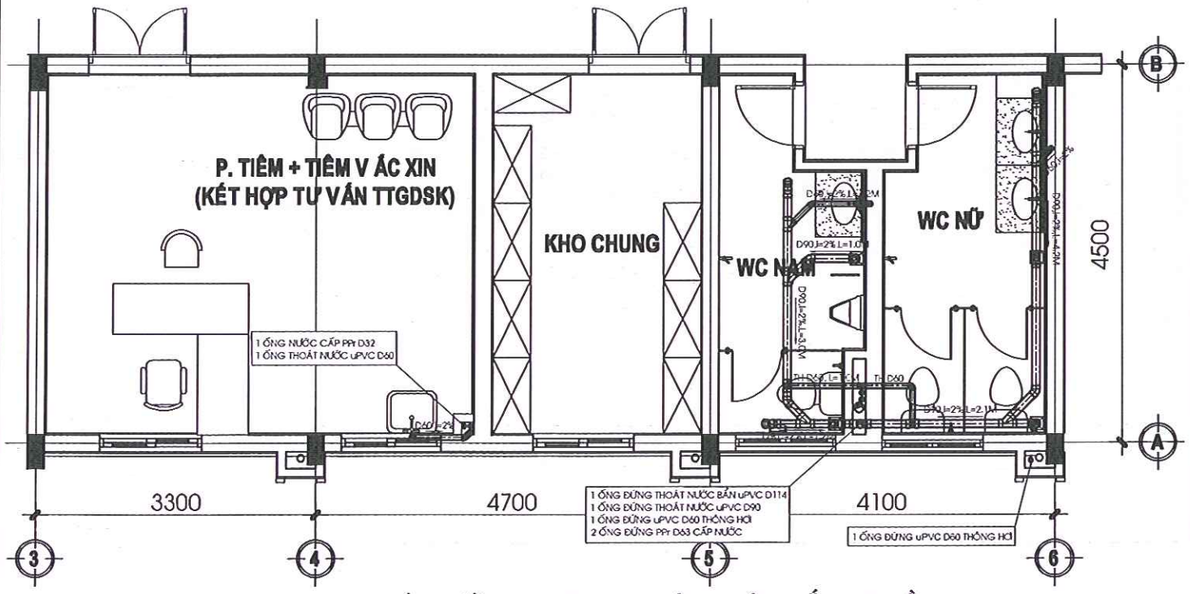

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-03, P.TIÊM+ TIÊM VẮC XIN TẦNG 2

TỶ LỆ 1/50

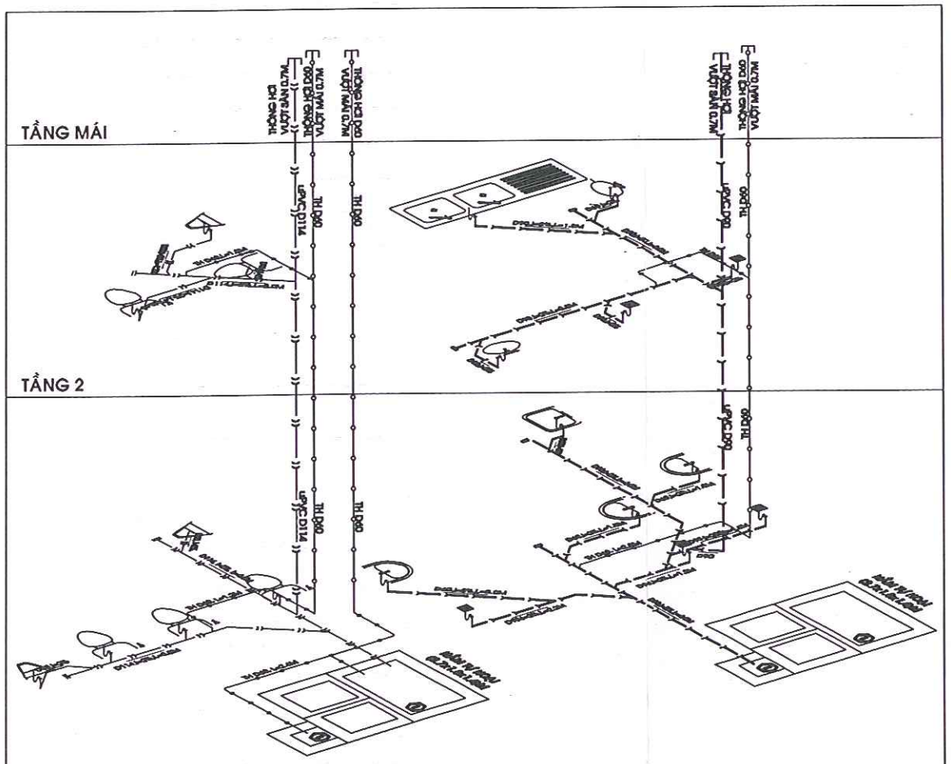

SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NHÀ VỆ SINH 02,03

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần hiệu chỉnh	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274 3856 568

Giám đốc:
Nguyễn Tấn Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	CHI TIẾT THOÁT NƯỚC NVS 03 & P.TIÊM+TIÊM VẮC XIN TẦNG 2 SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN THOÁT NƯỚC NVS 02,03

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: THDT TKTC TKBVTC
N-07/10	
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:
1/50	2023

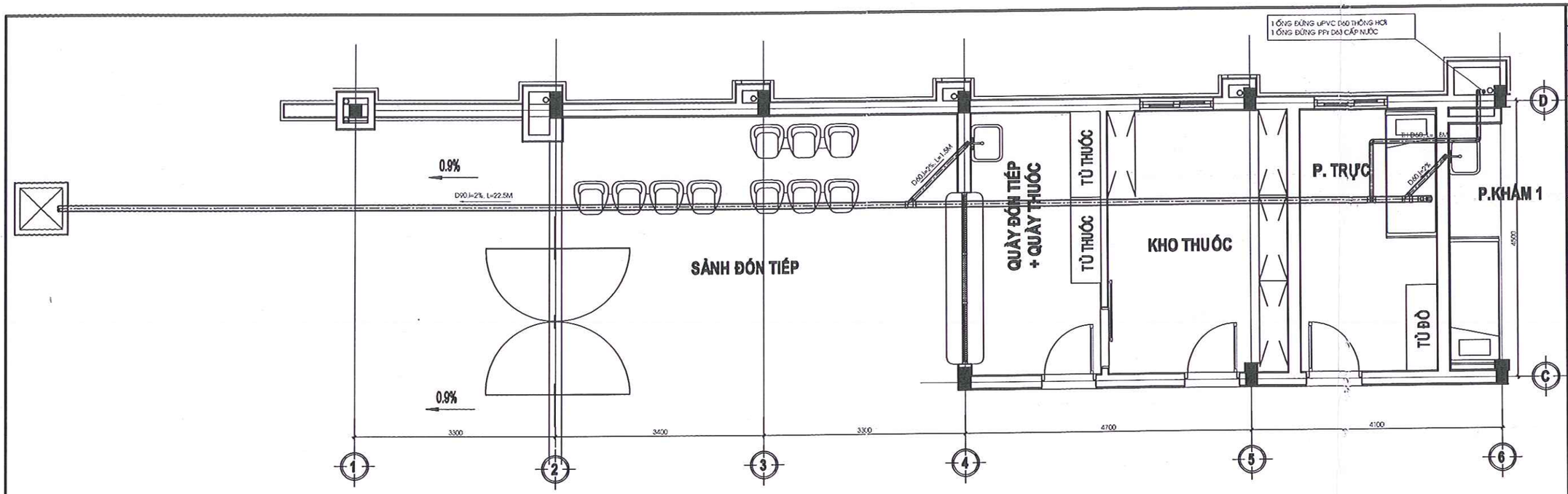

CT THOÁT NƯỚC SH LAVABO P. KHÁM 1-QUẦY ĐÓN TIẾP + QUẦY THUỐC- SẢNH ĐÓN TIẾP TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

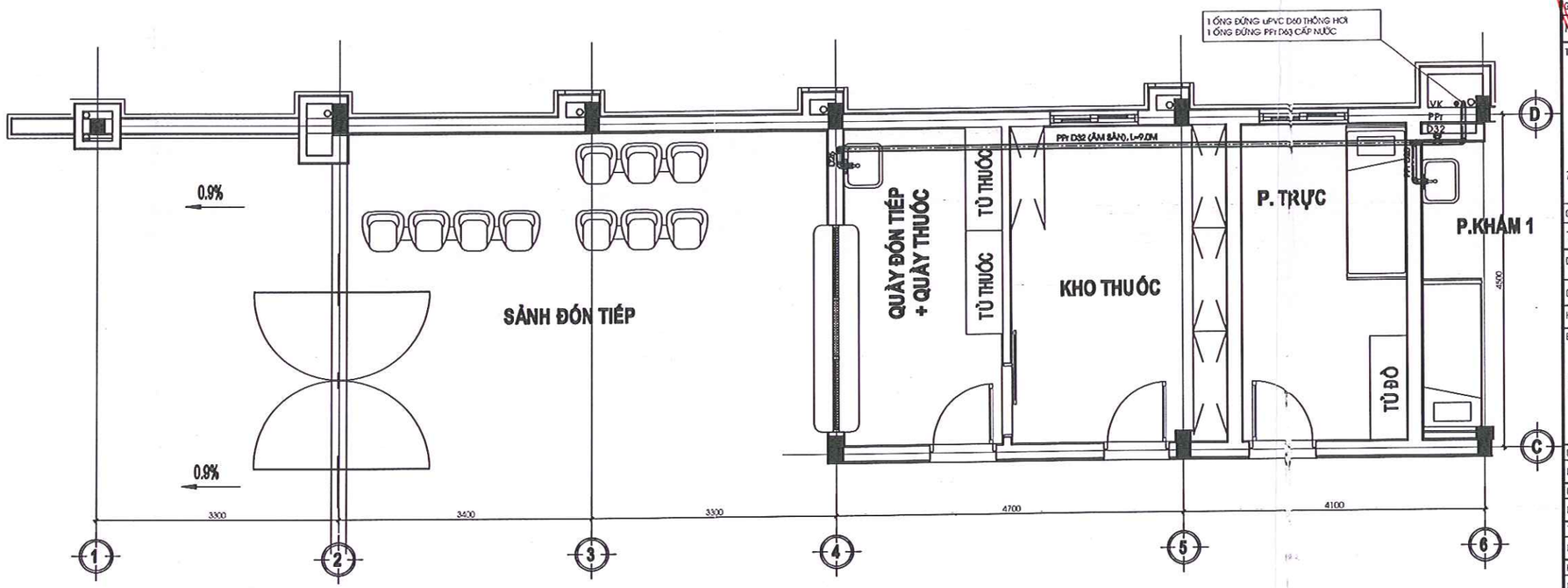

CT CẤP NƯỚC SH LAVABO P. KHÁM 1-QUẦY ĐÓN TIẾP + QUẦY THUỐC- SẢNH ĐÓN TIẾP TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, khối B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.283

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

CHI TIẾT CẤP THOÁT NƯỚC LAVABO SẢNH ĐÓN, KHO THUỐC, PHÒNG KHÁM 1 TẦNG 1

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành	
N-05/10	2	3		TK CS	TK TC
	4	5	6	TK KT	HT
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:				
1/50	2023				

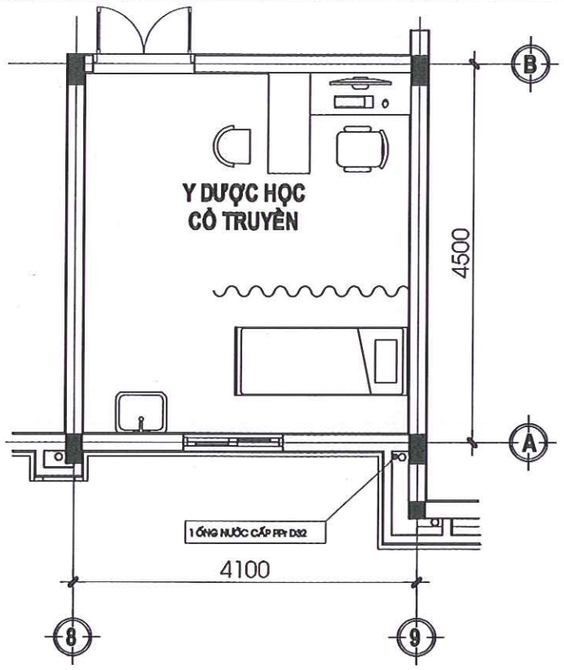

CT THOÁT NƯỚC BẨN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

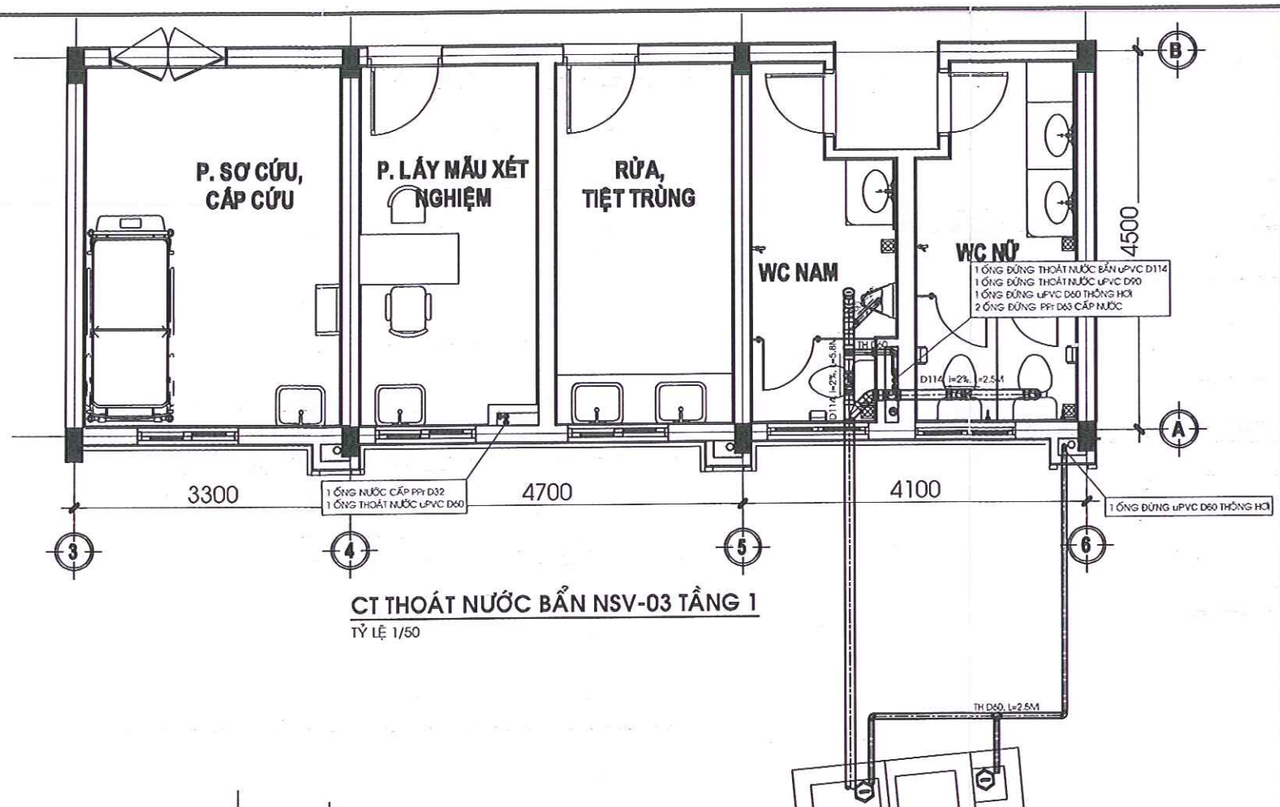

CT THOÁT NƯỚC BẨN NSV-03 TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

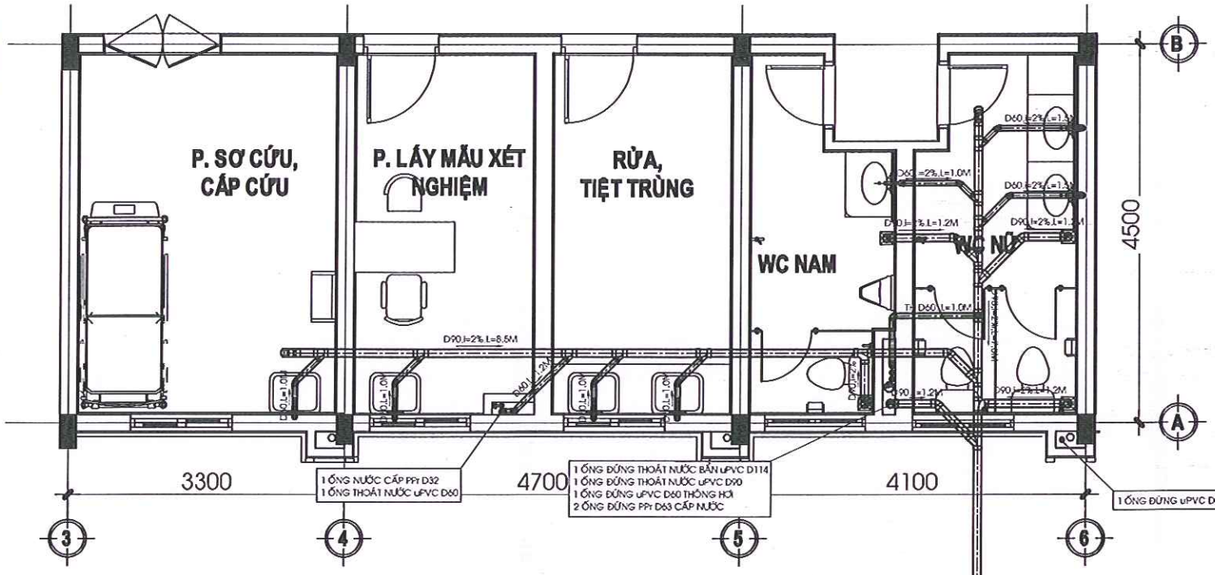

CT THOÁT NƯỚC SH NSV-03, P. SƠ CỨU,CẤP CỨU,
LẤY MẪU XÉT NGHIỆM, & RỬA TIỆT TRÙNG TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

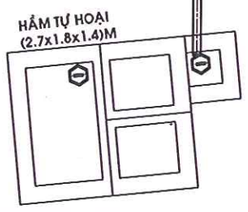

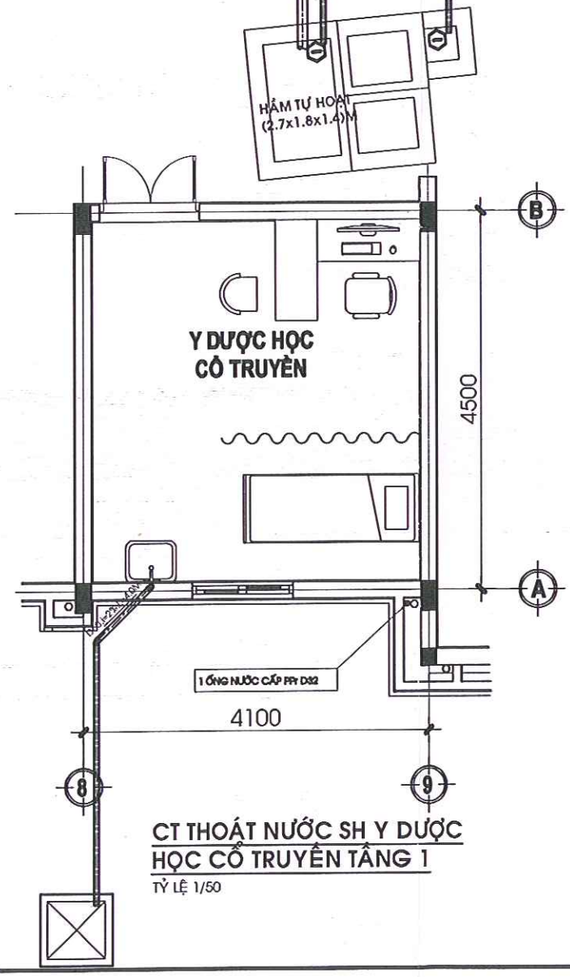

CT THOÁT NƯỚC SH Y DƯỢC
HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1

TỶ LỆ 1/50

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.6855 262

Đại diện:

Nguyễn Xuân Toản

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	CHI TIẾT THOÁT NƯỚC NVS 03,P.SƠ CỨU, CẤP CỨU, LẤY MẪU XÉT NGHIỆM & Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN TẦNG 1
Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế: Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N-06/10	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6; Mục đích phát hành: TK CS TKTC TKBVTC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023

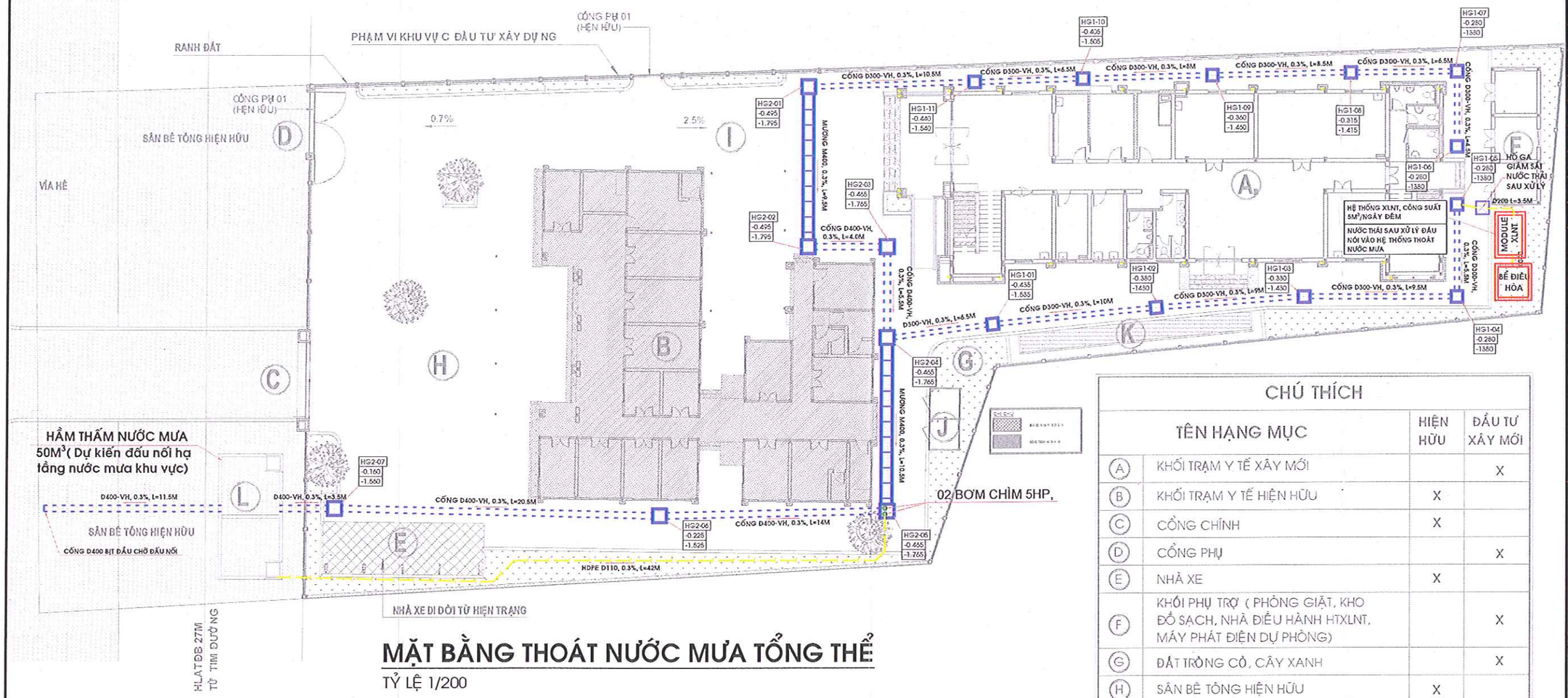

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ

TỶ LỆ 1/200

CHÚ THÍCH

	TÊN HẠNG MỤC	HIỆN HỮU	ĐẦU TƯ XÂY MỚI
A	KHỐI TRẠM Y TẾ XÂY MỚI		X
B	KHỐI TRẠM Y TẾ HIỆN HỮU	X	
C	CỔNG CHÍNH	X	
D	CỔNG PHỤ		X
E	NHÀ XE	X	
F	KHỐI PHỤ TRỢ (PHÒNG GIẶT, KHO ĐỒ SẠCH, NHÀ ĐIỀU HÀNH HTXLNT, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG)		X
G	ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH		X
H	SÂN BÊ TÔNG HIỆN HỮU	X	
I	SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO		X
J	KHO RÁC		X
K	VƯỜN THUỐC NAM		X
L	HẦM THẤM		X

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT MƯA

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		HỐ GA LOẠI 2 ,1000x1000, H=1300	CÁI	07
02		HỐ GA LOẠI 1, 850x850, H=1100	CÁI	10
03		CỐNG BTLT D400-VH	M	47
04		CỐNG BTLT D300-VH	M	85
05		GỐI CỐNG D400	CÁI	24
06		GỐI CỐNG D300	CÁI	43
07		MƯƠNG M400 ĐOẠN HG1-04 ĐẾN HG1-05	M	11
08		MƯƠNG M400 ĐOẠN HG1-01 ĐẾN HG1-02	M	10
09		ỐNG HDPE D110, DÀY 6.3mm	M	42
10		LƠI HDPE D110 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
11		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

A - Tính toán Lưu Lượng Nước Mưa

Tính toán lưu lượng nước mưa theo công thức: Q = q.F

Trong đó:

q: Lưu lượng đơn vị (l/s/ha); tra từ biểu đồ mưa thời đoạn của trạm đo mưa Tân Sơn Nhất, q =496 l/s/ha

F: Diện tích thu nước (ha) F= F1 - F2 - F3

- **F1: tổng diện tích dự án 2.748,3m²**
- **F2: tổng diện tích phần cây xanh, trồng cỏ 362,62m2**
- **F3: Diện tích khu vực xả tràn ra ngoài không thu nước 458,872 (Khu san nền 1)**

F = 2.748,3 - 362,62 - 458,872 = 1.926,86 m²

Q = 496*1926.86/10000 = 95 l/s = 344 m³/h

B - Giải Pháp Thoát Nước Mưa:

1/ Giếng thấm 50m³:

Tính toán lưu lượng nước mưa theo công thức: Q1 = k*S , trong đó:

S : diện tích thấm nước 29.64m²

k : Hệ số thấm theo công thức thực nghiệm

k = .C.f(n).de2 = 10.5.10-4 (m/s)

Q1 = 10.5.10-4*29.64 = 0.0311 m³/s = 112 m³/h

2/ Lắp mới 2 bơm ch ìm 5.0 HP - 180 m³/h - 4m

Q2 = Q3 = 180 m³/h

Kết luận: Q = Q1 + Q2 + Q3 = 112 + 180 +180 = 472 m³/h

Tổng lưu lượng thoát nước của giếng thấm và bơm đảm bảo hoàn toàn thoát nước mưa

CHỈ DẪN KỸ THUẬT BƠM CHÌM THOÁT NƯỚC:

- + TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG: EN 733
- + CÔNG SUẤT 5.0HP, LƯU LƯỢNG 180M³/H, CỘT ÁP 4M
- + LOẠI BƠM TRỤC NGANG
- + MOTOR ĐIỆN, ĐIỆN ÁP: 3 PHA 380V-50Hz
- + VẬT LIỆU THÂN BƠM: GANG ĐÚC
- + VẬT LIỆU CÁNH BƠM VÀ TRỤC BƠM : THÉP KHÔNG GỈ 420
- + NHIỆT ĐỘ HOẠT ĐỘNG : 0°C ĐẾN 50°C

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn chính:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Khá	
Thiết kế: Ks. Trương Tiến Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Khá	
Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-04/10	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS / TKTC / TKDT / BVTC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023

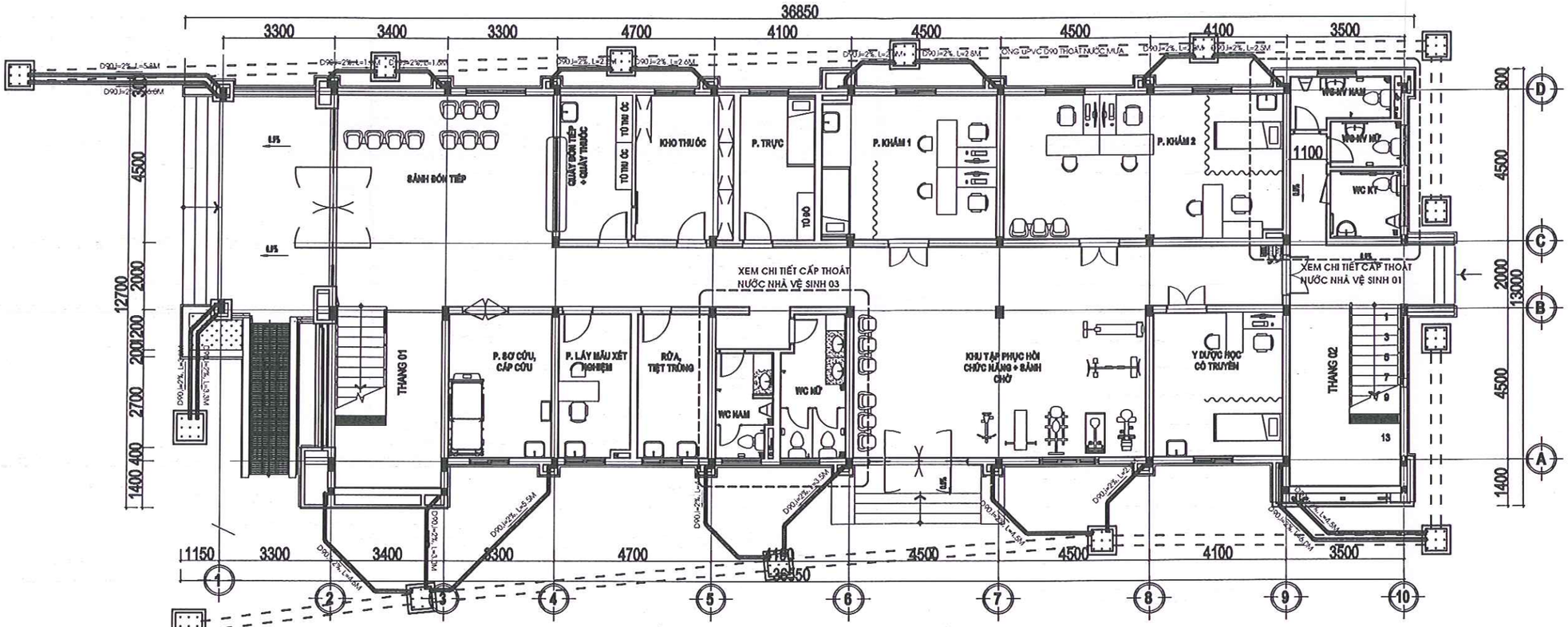

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1

TỶ LỆ 1/100

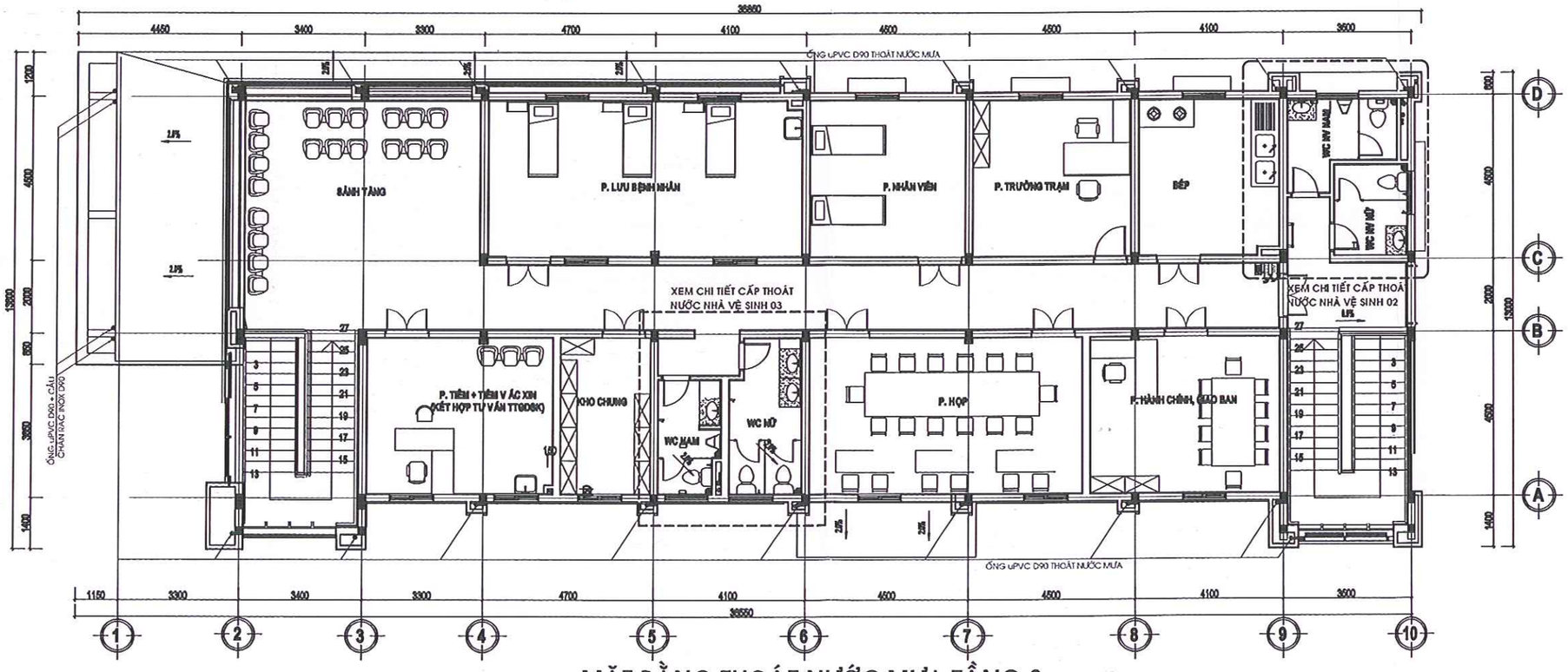

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 2

TỶ LỆ 1/100

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc:

Nguyễn Minh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	_MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 1 _MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TẦNG 2
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
N-01/10	1 2 3 4 5 6	THCS TKTC THKT BVTC
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:	
1/100	2023	

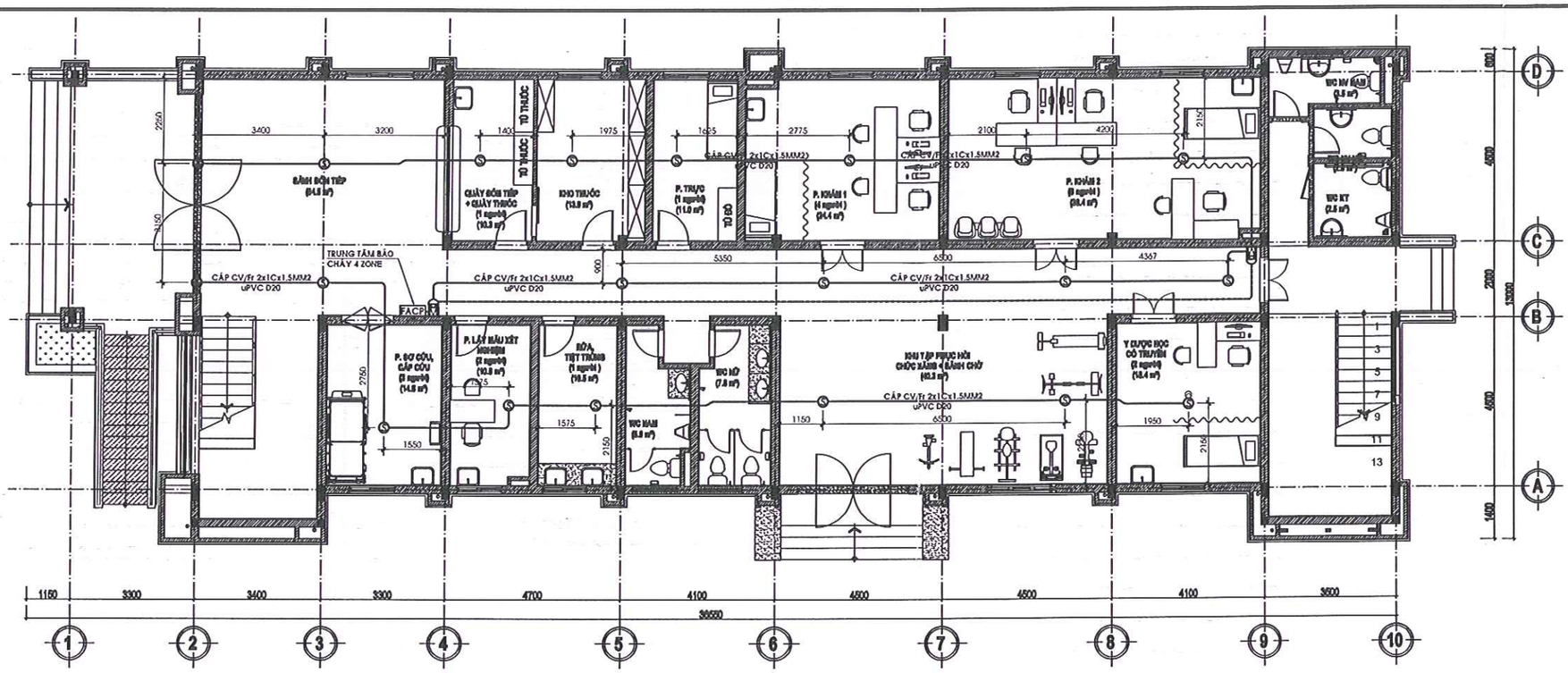

MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 1

TỶ LỆ 1/100

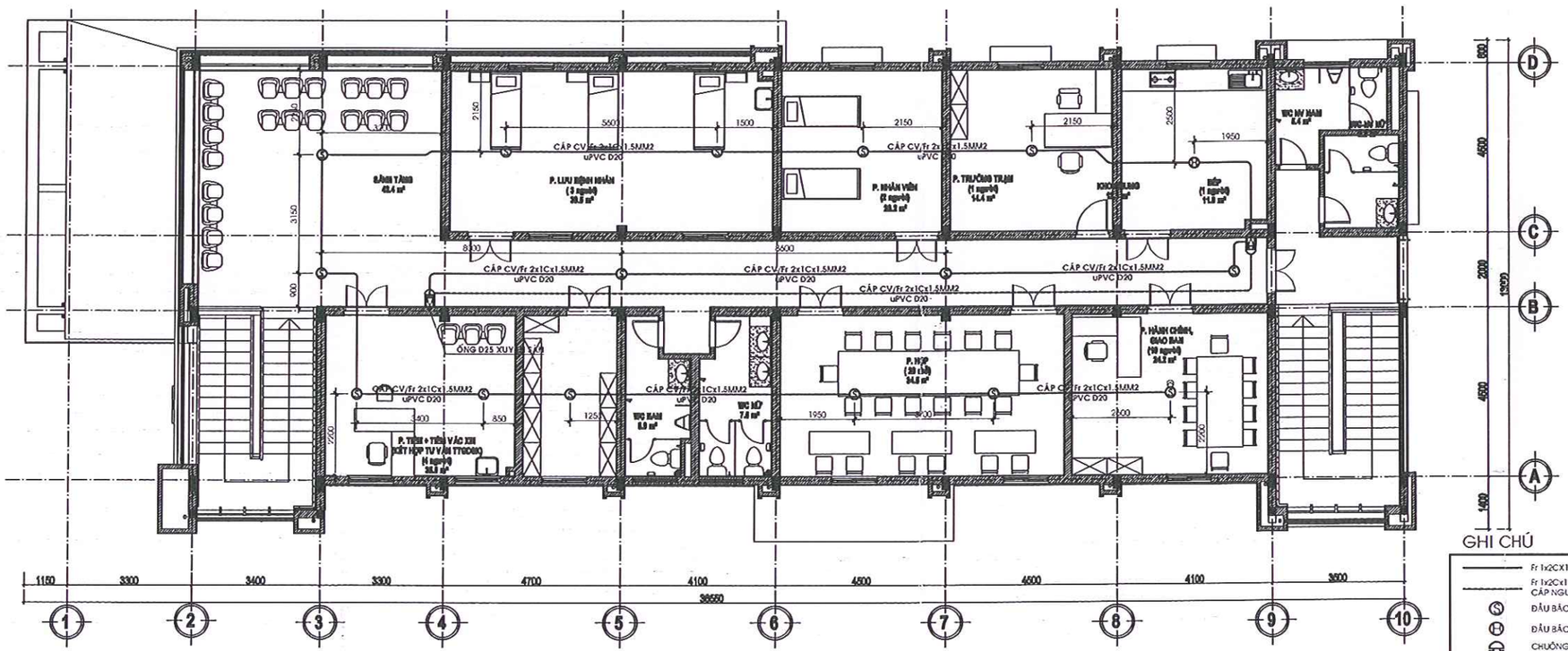

MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 2

TỶ LỆ 1/100

GHI CHÚ

- Fr 1x2CX1.5mm²/uPVC D20, TÍN HIỆU ĐẦU BÁO
- Fr 1x2Cx1.5MM2/uPVC D20, CẤP NGUỒN CHO CHUÔNG
- ĐẦU BÁO KHÓI, LOẠI THƯỜNG
- ĐẦU BÁO NHIỆT GIA TĂNG, LOẠI THƯỜNG
- CHUÔNG BÁO ĐỘNG
- NÚT NHẤN BÁO ĐỘNG BẰNG TAY
- ĐIỆN TRỞ CUỐI NGUỒN
- FACP TRUNG TÂM BÁO CHÁY

CÁC ĐƯỜNG ỐNG ÂM TƯỜNG SAU KHI CẤT TƯỜNG LẮP ĐẶT ỐNG uPVC (ỐNG CỨNG) PHẢI ĐỒNG LƯỚI CHIỀU RỘNG TỐI THIỂU LÀ 300

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3835.263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:
Trần Thị Thi

Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	- MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 1 - MẶT BẰNG BÁO CHÁY TẦNG 2

Chủ nhiệm thiết kế:	
Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Thiết kế:	
Ks. Nguyễn Tiến	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Nguyễn Anh Hoàng	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành			Mục đích phát hành	
EX-02/03	1	2	3	TKCS	TKTC
	4	5	6	TKDC	BVTC
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:				
1/100	2023				

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐÈN THOÁT HIỂM + SỰ CỐ ĐIỂN HÌNH

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	KL
01		ỐNG uPVC D20, DÀY 1.55MM	M	100
02		DÂY CV/Fr 1CX1.5MM2	M	700
03		DÂY CV 1CX1.5MM2	M	350
04	EXIT	ĐÈN THOÁT HIỂM EXIT/PCCC(2 MẶT) BÓNG LED 2.2W CÓ BỘ LƯU ĐIỆN 2H	BỘ	06
05	EMER	ĐÈN SỰ CỐ EMERGENCY PCCC BÓNG LED 10W CÓ BỘ LƯU ĐIỆN 2H	BỘ	15
06		TỦ CHỮA BÌNH CHỮA CHÁY 500x700x200 + 2 BÌNH CHỮA CHÁY XÁCH TAY + 1 TIÊU LỆNH CHỮA CHÁY	TỦ	04
07		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

CHỈ DẪN KỸ THUẬT ĐÈN THOÁT HIỂM:

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ
01	EXIT	ĐÈN ĐÈN THOÁT HIỂM EXIT/PCCC(2 MẶT) BÓNG LED 2.2W: + CÔNG SUẤT 2.2W + DUNG LƯỢNG PIN 400 mAh + CHIẾU SÁNG DỰ PHÒNG 3H + THỜI GIAN NẠP ĐẦY 20H + KÍCH THƯỚC (DxRxC) : (370x25x202)mm
02	EMER	ĐÈN ĐÈN SỰ CỐ EMERGENCY PCCC BÓNG LED 10W : + NGUỒN ĐIỆN HOẠT ĐỘNG 220V/50Hz + CÔNG SUẤT 10W + DUNG LƯỢNG PIN 6VDC-4Ah + CHIẾU SÁNG DỰ PHÒNG 6H + THỜI GIAN NẠP ĐẦY 20H + QUANG THÔNG 1000 LM

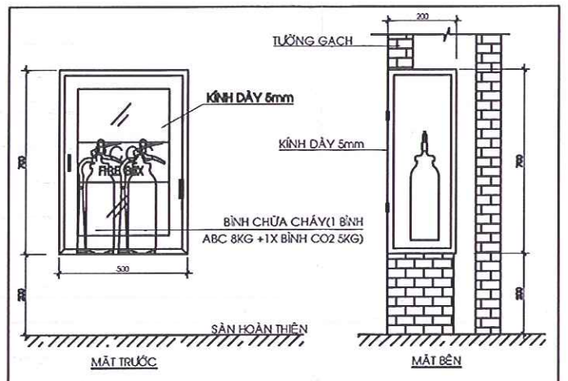

CT ĐIỂN HÌNH LẮP ĐẶT TỦ BÌNH CHỮA CHÁY TRONG NHÀ

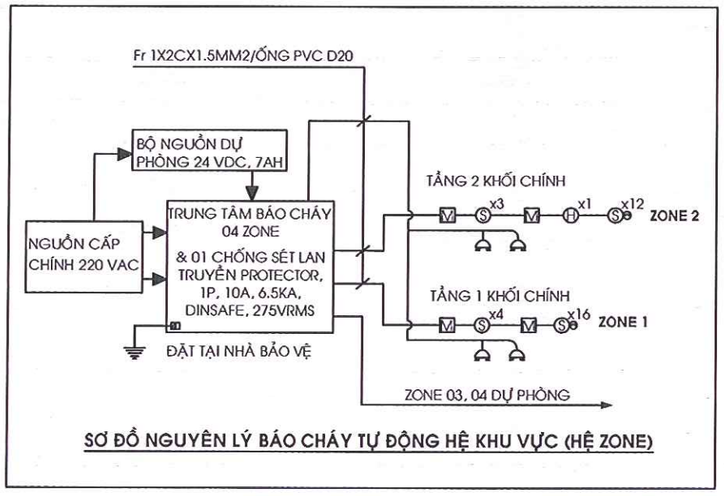

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG HỆ KHU VỰC (HỆ ZONE)

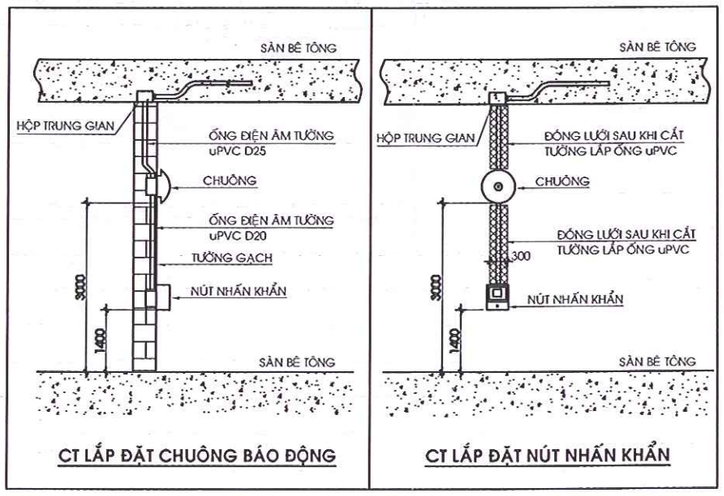

CT LẮP ĐẶT CHUÔNG BÁO ĐỘNG

CT LẮP ĐẶT NÚT NHẤN KHẨN

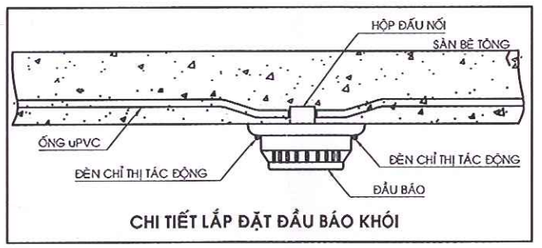

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐẦU BÁO KHÓI

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ BÁO CHÁY

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	KL
01	FACP	TRUNG TÂM BÁO CHÁY 4 ZONE, KÈM CHỐNG SÉT LAN TRUYỀN VÀ BỘ ACCQUY 7AH	BỘ	01
02	S	ĐẦU BÁO KHÓI	CÁI	35
03	H	ĐẦU BÁO NHIỆT	CÁI	01
04	M	NÚT NHẤN KHẨN	CÁI	04
05		CHUÔNG BÁO	CÁI	04
06		CÁP CV/Fr 1CX1.5MM2	M	700
07		ỐNG uPVC D20, DÀY 1.55MM	M	350
08		ỐNG uPVC D25, DÀY 1.8MM	M	20
09		VẬT TƯ PHỤ + PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT	LÔ	01

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, khối B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3856 253

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc: Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH

Bản vẽ:

- CHI TIẾT LẮP ĐẶT BÁO CHÁY + ĐÈN EXIT ĐIỂN HÌNH
- BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ

Chủ nhiệm thiết kế: Kts. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Thiết kế: Ks. Nguyễn Tiên	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Nguyễn Anh Hoàng	
Ký hiệu Bản vẽ: EX-01/03	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: KCCT / TKTC / TDT / BVTC
Tỷ lệ: 1/100	Ngày phát hành: 2023

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG
CÔNG TRÌNH: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
ĐỊA ĐIỂM KHẢO SÁT: PHƯỜNG HÒA LỢI - THỊ XÃ BẾN CÁT - TỈNH BÌNH DƯƠNG

TỶ LỆ 1/200

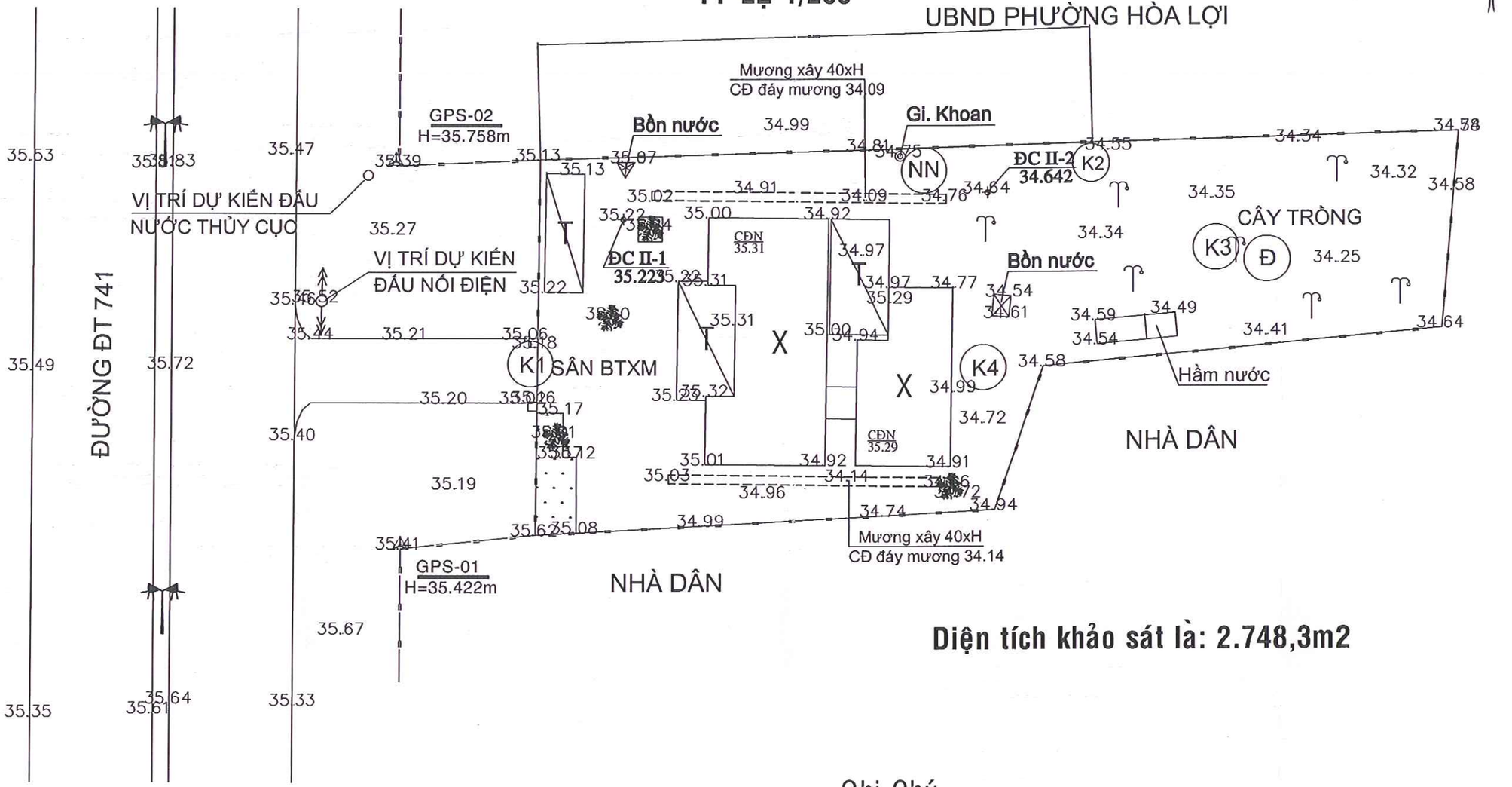

Diện tích khảo sát là: 2.748,3m2

Ghi Chú

STT	Tên Điểm	Điểm Tọa Độ		Cao Độ (m)
		X	Y	
1	GPS-1	1227799.383	599550.724	35.422
2	GPS-2	1227833.723	599550.187	35.758
3	ĐC II-1	1227828.520	599570.537	35.223
4	ĐC II-2	1227830.866	599603.247	34.642

- Trụ điện thoại
- Trụ điện trung thế
- Trụ điện hạ thế
- Nhà tạm, tol
- ĐC II-1 / 35.223 — Điểm ĐC II
- Tường xây
- Rào kẽm
- X — Nhà xây
- (K) Vị trí lấy mẫu không khí
- (Đ) Vị trí lấy mẫu đất
- (NN) Vị trí lấy mẫu nước ngầm

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tx. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274.3.831.451

Giám đốc: Trần Thị Thi

Dự án: XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình: XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục: KHẢO SÁT
Bản vẽ: SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

Chủ nhiệm khảo sát: Ks. Trương Quang Bình
Khảo sát: Ks. Lương Quốc Sơn
Ks. Lương Quốc Sơn
Tỷ lệ: 1/200
Ngày phát hành: 2023

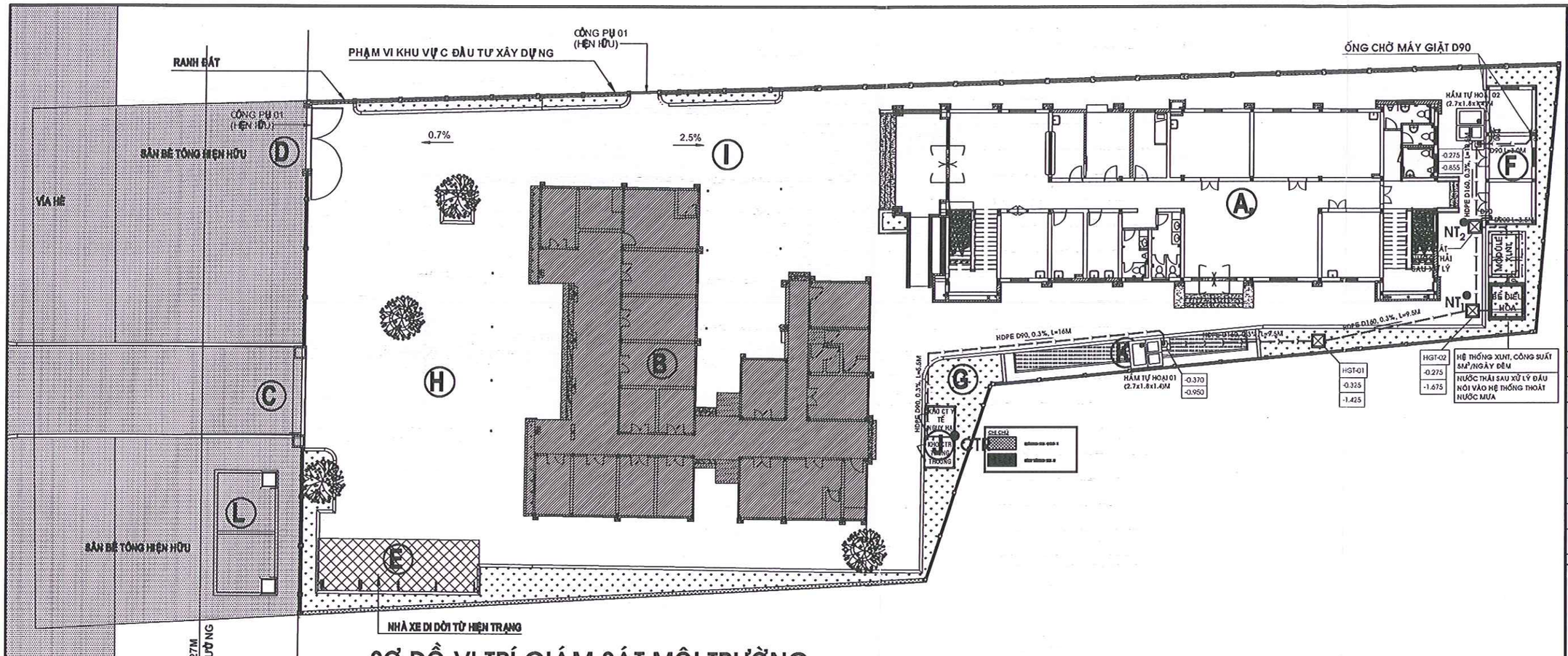

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

GHI CHÚ:

- NT : VỊ TRÍ LẤY MẪU NƯỚC THẢI
- CTR : VỊ TRÍ KHO CHỨA CTR

BẢNG THỐNG KÊ VẬT TƯ NƯỚC THOÁT THẢI

STT	KÝ HIỆU	TÊN VẬT TƯ	ĐVT	SL
01		ỐNG HDPE D160, DÀY 11.8mm	M	30
02		LƠI HDPE D160 (LOẠI DÀY)	CÁI	06
03		ỐNG HDPE D90, DÀY 5.4mm	M	28
04		LƠI HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	17
05		Y HDPE D90 (LOẠI DÀY)	CÁI	03
06		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x650, H=1100	CÁI	01
07		HỐ GA NƯỚC THẢI 850x650, H=1400	CÁI	01
08		HẦM TỰ HOẠI (2.7X1.8X1.4)m	HẦM	02
09		BƠM CHÌM NƯỚC THẢI 1.5HP, 12M3/H, H=8M	MÁY	01
10		BỂ CHỨA NƯỚC THẢI (2.0X2.0X1.5)m	BỂ	01
11		HỆ THỐNG XLNT Y TẾ 5M³/NGÀY ĐÊM	HỆ	01
12		ỐNG HDPE D200, DÀY 14.7mm (NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ)	M	3.5
13		PHỄU THU SÀN 150X150	CÁI	03
14		VẬT TƯ PHỤ	LÔ	01

CHÚ THÍCH			
	TÊN HẠNG MỤC	HIỆN HỮU	ĐẦU TƯ XÂY MỚI
A	KHỐI TRẠM Y TẾ XÂY MỚI		X
B	KHỐI TRẠM Y TẾ HIỆN HỮU	X	
C	CỔNG CHÍNH	X	
D	CỔNG PHỤ		X
E	NHÀ XE	X	
F	KHỐI PHỤ TRỢ (PHÒNG GIẶT, KHO ĐỒ SẠCH, NHÀ ĐIỀU HÀNH HTXLNT, MÁY PHÁT ĐIỆN DỰ PHÒNG)		X
G	ĐẤT TRỒNG CỎ, CÂY XANH		X
H	SÂN BÊ TÔNG HIỆN HỮU	X	
I	SÂN LÁT GẠCH TERRAZZO		X
J	KHO RÁC		X
K	VƯỜN THUỐC NAM		X
L	HẦM THẤM		X

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 263

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274.3 791 781

Giám đốc: Trần Thị Thi

Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	XÂY MỚI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HÒA LỢI, THỊ XÃ BẾN CÁT
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

Chủ nhiệm thiết kế: Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế: Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế: Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-05/10	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKBVTC TKBVTC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023

BẢN VẼ THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

MODULE HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRẠM Y TẾ CÔNG NGHỆ AAO-SBR
(công nghệ hợp khối sinh học kết hợp giá thể di động và lọc màng MBR)
CÔNG SUẤT 5M3/NGÀY ĐÊM

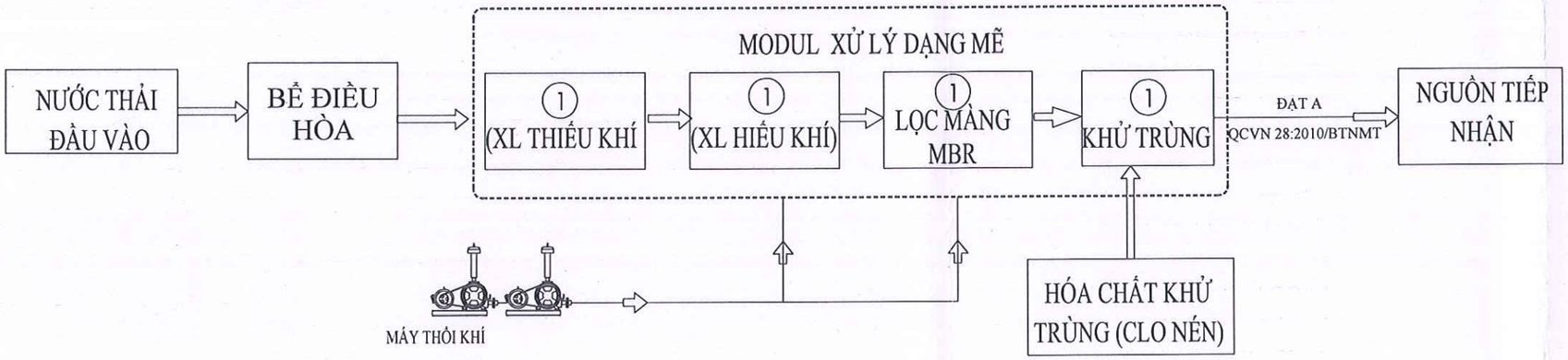

Ghi chú:
1.Module xử lý nước thải :
- Vật liệu chế tác bồn bằng inox 304
- Ống truyền dẫn và ống phân phối khí sử dụng ống u.PVC class 2
- Sàn đỡ , khung màng bằng Inox 304
- Vật liệu đệm vi sinh bằng nhựa HDPE

YÊU CẦU :
1. Điện nguồn "
- Kéo tớ vị trí trạm
- Công suất xử dụng: 3kw
- Điện 1 pha
2. Tuyến thoát nước thải được dẫn vào bể thu gom tại trạm
3. Tuyến thoát sau xử lý được dẫn từ trạm ra điểm thoát
4. Nước sạch để dùng rửa màng được cấp tới trạm

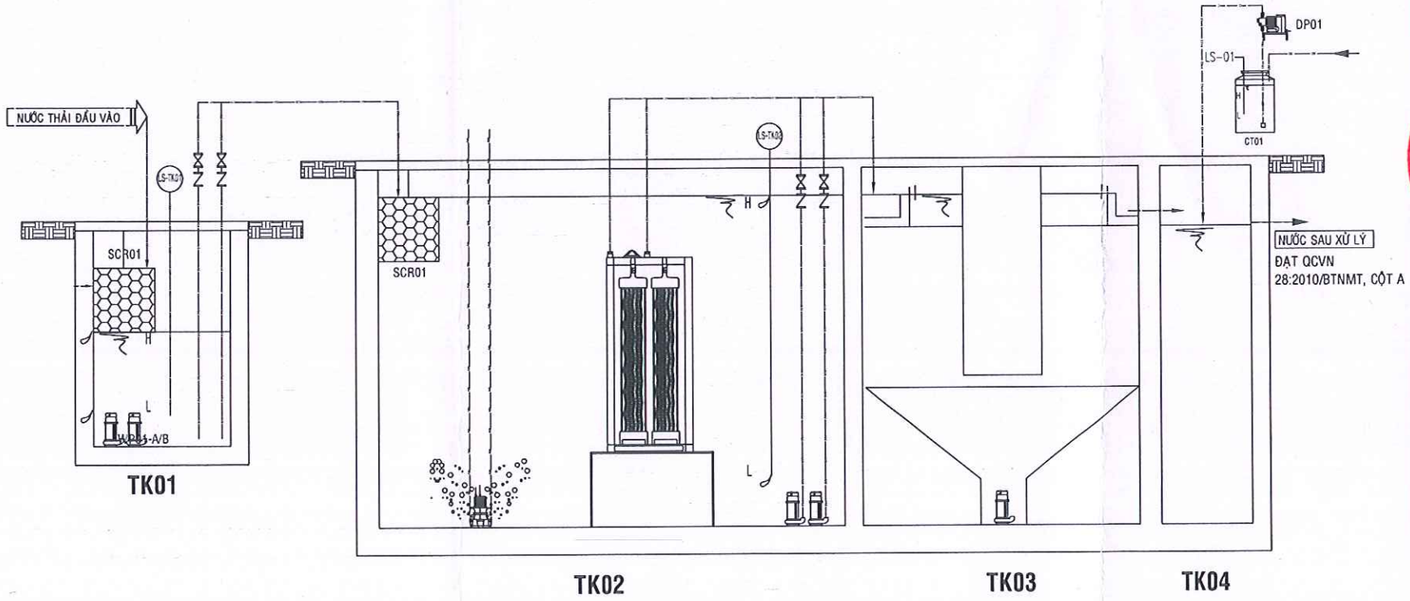

GHI CHÚ:

TK-01: TÁCH RÁC, ĐIỀU HÒA (BTCT)	WP01 : BƠM ĐIỀU HÒA
TK-02: NGĂN SBR, CHỨA MÀNG	WP02 : BƠM KHUẤY TRỘN
TK-03: NGĂN CHỨA NƯỚC SẠCH	AB01 : MÁY THỔI KHÍ
TK-04: NGĂN KHỬ TRÙNG	WP03 : BƠM HÚT MÀNG
	WP02 : BƠM RỬA MÀNG

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XLNT

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG
Đ/C: Tầng 3, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 268

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	HỆ THỐNG XLNT
Bản vẽ:	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
XLNT-01/05	
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:
1/50	2023

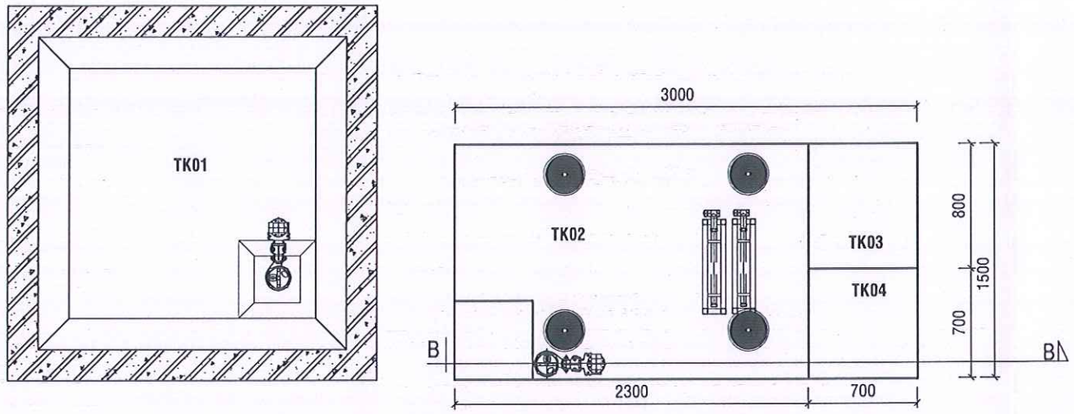

MẶT BẰNG THIẾT BỊ XỬ LÝ

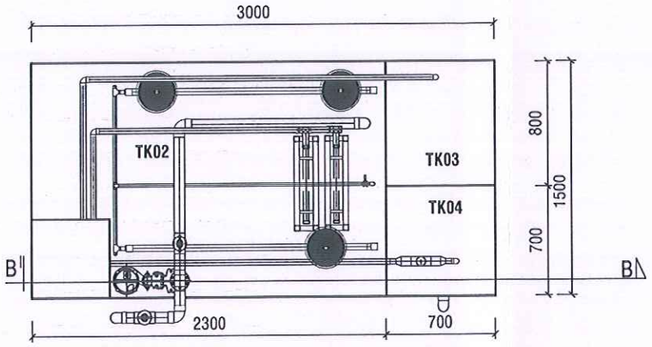

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ XLNT

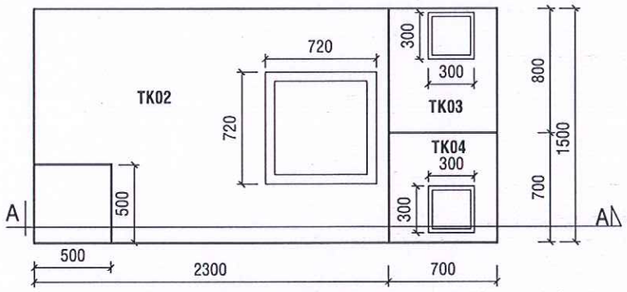

MẶT BẰNG MODUL XỬ LÝ

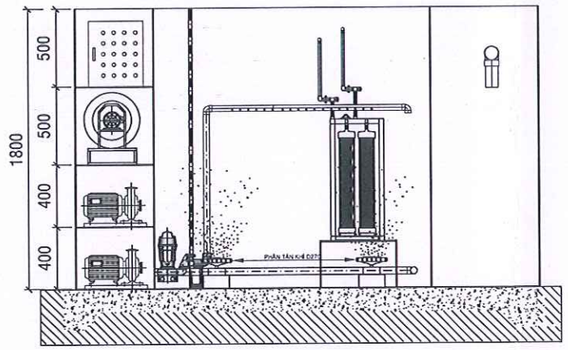

MẶT CẮT B-B

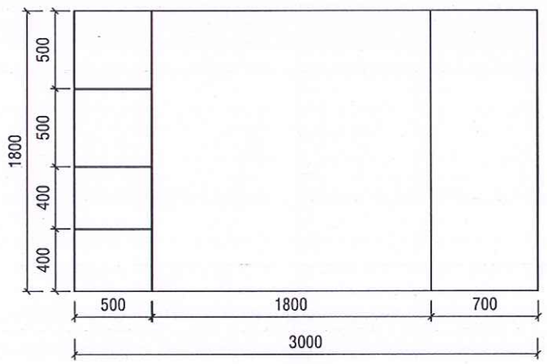

MẶT CẮT A-A

THÔNG SỐ BỂ	BỂ ĐIỀU HÒA TK-01	NGĂN SBR TK-02	NGĂN CHỨA NƯỚC SẠCH TK-03	NGĂN KHỬ TRÙNG TK-04
Q_{tb} (m^3/h)	0.41	0.48	0.201	0.176
KÍCH THƯỚC (m) D x R x C	2 x 2 x 1.7	2.3 x 2.5 x 1.8	0.8 x 0.7 x 1.8	0.7 x 0.7 x 1.8
CHIỀU CAO HỮU ÍCH (m)	1.25	1.8	1.8	1.8
THỂ TÍCH HỮU ÍCH (m^3)	5.0	5.76	1.008	0.882
THỜI GIAN LƯU (h)	12	12	5	5

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	HỆ THỐNG XLNT
Bản vẽ:	CHI TIẾT MODULE XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
XLNT-02/05	
Tỷ lệ:	Ngày phát hành:
1/50	2023

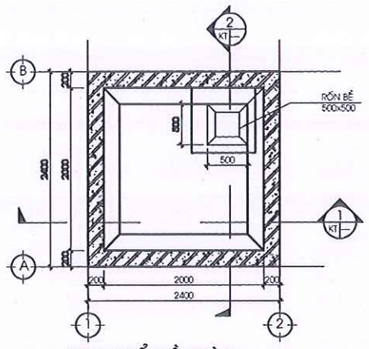

MB 3-3 BỂ ĐIỀU HÒA

TỶ LỆ 1/50

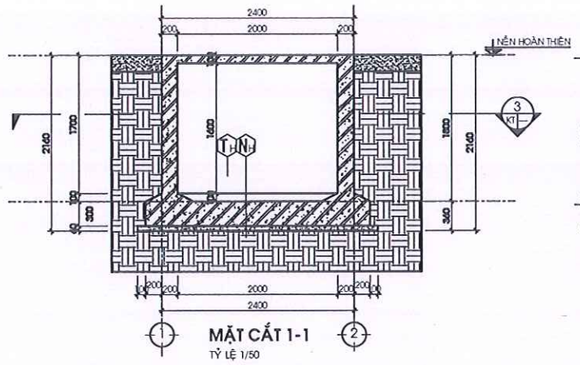

MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ 1/50

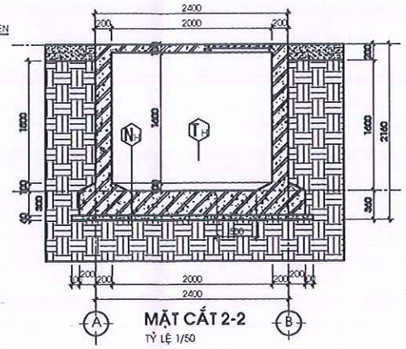

MẶT CẮT 2-2

TỶ LỆ 1/50

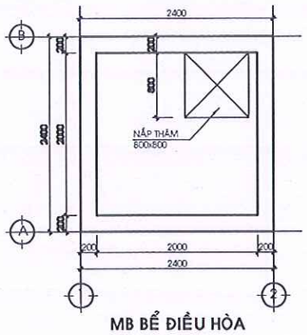

MB BỂ ĐIỀU HÒA

TỶ LỆ 1/50

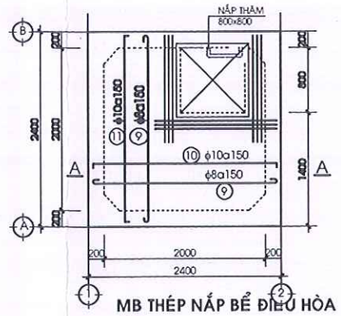

MB THÉP NẮP BỂ ĐIỀU HÒA

TỶ LỆ 1/50

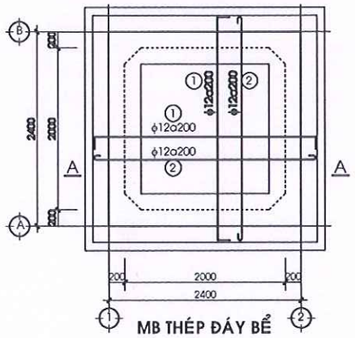

MB THÉP ĐÁY BỂ

TỶ LỆ 1/50

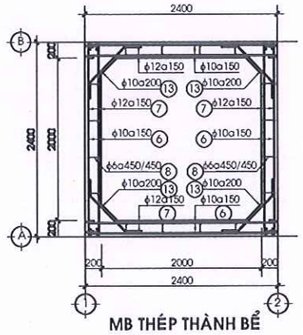

MB THÉP THÀNH BỂ

TỶ LỆ 1/50

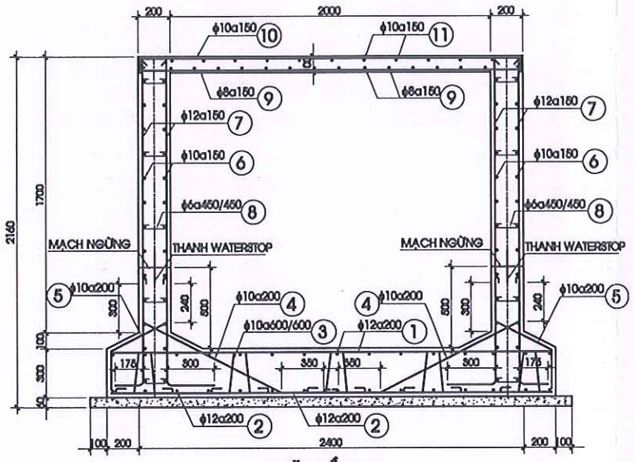

MẶT CẮT A-A

TỶ LỆ:1/25

SÀN BỂ	-Cán vữa ximăng tạo dốc 2% về rốn bể, chỗ mỏng nhất dày 30 -Chống thấm sàn bể bê tông theo quy trình nhà sản xuất -Sàn BTCT ĐÁ 10x20 #300 -Lớp bê tông lót đá 10x20 #150 dày 60 -Lớp đất tự nhiên	TƯỜNG BỂ	Tường hồ bên trong : -Tô vữa xi măng #75 dày 15 -Chống thấm thuận vách bê tông theo quy trình nhà sản xuất -Vách BTCT ĐÁ 110x20 #300

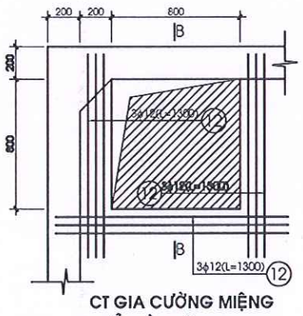

CT GIA CƯỜNG MIỆNG BỂ ĐIỀU HÒA TỈ LỆ 1/25

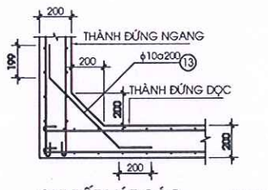

CHI TIẾT VÁT GÓC THÀNH BỂ TL:1/25

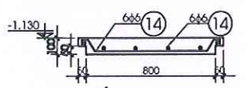

ĐAN NẮP 1 (SL:01) TỈ LỆ 1/25

MẶT CẮT B-B

TỈ LỆ 1/10

CHI TIẾT BỂ ĐIỀU HÒA

TỶ LỆ 1/50

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP BỂ ĐIỀU HÒA

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
HỐ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SỐ lượng: 1	1	250 2750 250	12	3250	30	30	97.5	86.56
	2	2750	12	2750	30	30	82.5	73.24
	3	200 250 150 250 200	10	1050	36	36	37.8	23.31
	4	350 970 350	10	1570	48	48	75.36	46.46
	5	250 300 250	10	890	48	48	42.72	26.34
	6	2350	10	2350	112	112	263.2	162.27
	7	250 2050	12	2300	128	128	294.4	261.37
	8	75 150 75	6	300	104	104	31.2	6.92
	9	75 2370 75	8	2520	34	34	85.68	33.81
	10	70 2370 70	10	2510	17	17	42.67	26.31
	11	70 2370 70	10	2510	17	17	42.67	26.31
	12	1300	12	1300	9	9	11.7	10.39
	13	200 600 200	10	1000	52	52	52	32.06
	14	50 80 700 80 50 70 70	6	1120	12	12	13.44	2.98

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 9.92 kg; Chiều dài = 44.64 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ8 = 33.81 kg; Chiều dài = 85.68 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ10 = 343.06 kg; Chiều dài = 556.42 mét
- Trọng lượng thép có đường kính Φ12 = 431.56 kg; Chiều dài = 486.1 mét

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương

ĐT: 0274.3855.288

Giám đốc:

Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOÀNG PHÚC

782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD

ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	CHI TIẾT BỂ ĐIỀU HÒA
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-B8/09	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6; Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023

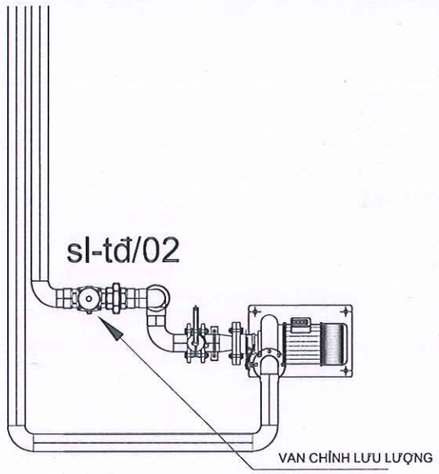

CHI TIẾT BƠM RỬA MÀNG

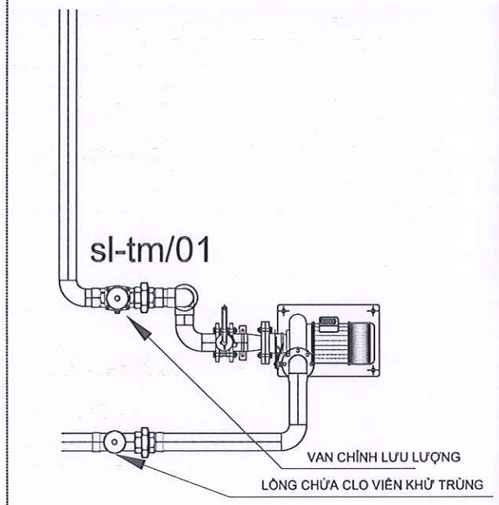

CHI TIẾT BƠM HÚT MÀNG

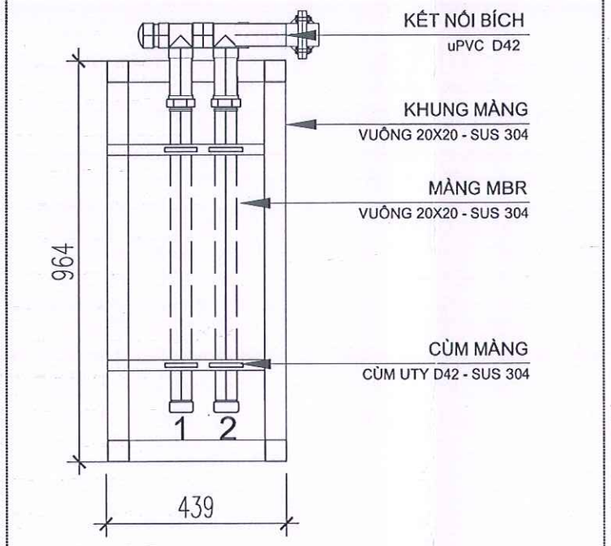

CHI TIẾT MÀNG LỌC

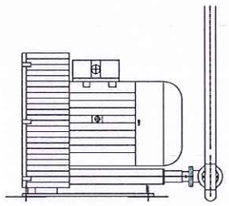

CHI TIẾT MÁY THỔI KHÍ

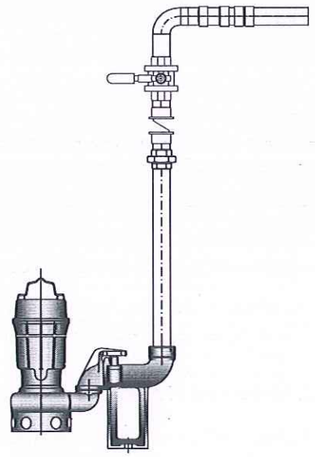

CT LẮP ĐẶT BƠM CHÌM

THÔNG SỐ BỂ	BỂ ĐIỀU HÒA TK-01	NGĂN SBR TK-02	NGĂN CHỨA NƯỚC SẠCH TK-03	NGĂN KHỬ TRÙNG TK-04
Q_{lh} (m^3/h)	0.41	0.48	0.201	0.176
KÍCH THƯỚC (m) D x R x C	2 x 2 x 1.7	2.3 x 2.5 x 1.8	0.8 x 0.7 x 1.8	0.7 x 0.7 x 1.8
CHIỀU CAO HỮU ÍCH (m)	1.25	1.8	1.8	1.8
THỂ TÍCH HỮU ÍCH (m^3)	5.0	5.76	1.008	0.882
THỜI GIAN LƯU (h)	12	12	5	5

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Địa: Tầng 9, Nhập B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855 283

Giám đốc:
Nguyễn Văn Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	HỆ THỐNG XLNT

Bản vẽ:

- CHI TIẾT LẮP ĐẶT MÀNG LỌC
- CHI TIẾT LẮP ĐẶT BƠM XỬ LÝ

Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
XLNT-03/05	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023	

Bể điều hòa(bể rast):
- Kích thước: LxWxH= 2x2x1.25= 5m3
- Q_{max}: 5/12=0.41(m3/h)(chọn 12 giờ max)
- $Q_{bơm}$: điều chỉnh lưu lượng bơm: 6(m3/h)
- Thời gian lưu: 5.0025/0.41=12.02(h)

Bể phản ứng:
- Kích thước bể : (2.3x1.5x1.8)- (0.5x0.5x1.8)=5.76m3.
- Nước được bơm vào hệ thống : 2.5 m3
- Hệ thống bắt đầu hoạt động phản ứng dựa theo phao (báo cạn, báo đầy)
- Pha làm đầy : Mất : 25phút
- Chọn xử lý khuấy trộn thiếu khí : 2 giờ.
- Chọn xử lý sục khí: 6 giờ ->9 giờ 15phút.
- Pha rút nước: chọn thời gian rút nước từ màng: 3giờ 15phút.(trong thời gian này vẫn xử lý hiếu khí)
- Thời gian rửa ngược màng: 5 phút.

- Bể chứa nước rửa màng: LxWxH= 0.8x0.7x1.8= 1.008m3
- Công suất bơm 2.7 (m3/h).
- Bơm 5 phút vào rửa màng mất 220 lít.

Bể khử trùng:
- LxWxH= 0.7x0.7x1.8= 0.882m3
- Thời gian lưu nước: 0.882/0.8=1h10p.

- Hóa chất sử dụng : Clo viên nén
- 0.6g cho 1m3 nước thải
- nồng độ pha loãng từ 1-4ppm.

. Lượng sinh khối sinh ra

$$\frac{QY(S_o - S)}{(1 + k_d SRT)} + \frac{(f_d)(k_d)Q(Y)(S_o - S)SRT}{(1 + k_d SRT)}$$ — 35.49 (g ngđ) / 0.04 (kg ngđ)

Xác định nồng độ MLVSS

$$(P_{XVSS}) \times SRT = \frac{QY(S_o - S)SRT}{(1 + k_d SRT)} + Q(nbVSS)SRT + \frac{(f_d)(k_d)Q(Y)(S_o - S)SRT^2}{(1 + k_d SRT)}$$ — 509.23 (g ngđ)

Suy ra MLVSS — 2.04 (mg/l)

Kiểm tra tỷ lệ F/M

$$\frac{F}{M} = \frac{Q \times S_o}{MLVSS \times V}$$ — 0.14 g/g ngày

Good

F/M cho phép 0.05 - 0.3

10. Kiểm tra độ kiềm nước thải

Độ kiềm đóng vào	140 mgCaCO3/l
Lượng nitrate được tạo thành	0 mg/l
Độ kiềm cần chuyển hóa 1 gam NH4 thành 1 gam NO3	7.14 gCaCO3/gNNH4
Tính toán độ kiềm sử dụng cho quá trình nitrate hóa	199.92 gCaCO3/m3
Độ kiềm cần thiết để duy trì pH khoảng 6.8-7 được tính dựa vào cân bằng sau	
Độ kiềm duy trì pH 6.8-7 = Độ kiềm	
Độ kiềm để duy trì pH khoảng 6.8-7 dao động 70-80 g/m3 CaCO3	
Chọn	80 g/m3 CaCO3
Do vậy độ kiềm cần thêm vào =	139.92 g/m3 CaCO3
Độ kiềm tiêu thụ trong một ngày =	0.06996 **kgCaCO3/ngày**

11. Xác định lượng Na2CO3 cần thiết để duy trì độ kiềm trên

Đương lượng gam của CaCO3	50 g đương lượng
Đương lượng gam của NaHCO3	85 g đương lượng
Lượng Na2CO3 cần thiết để duy trì độ kiềm trên	0 **kgNaHCO3/ngày**

8. Tính toán lượng oxy cần thiết

AOTR — **Tính toán lượng khí thực tế cần sử dụng** — 0.02 kg/h

$$R_o = Q(S_o - S) - 1.42 P_{X_{VSS}} + 4.33 Q(NO_3)$$

SOTR — **Tính toán lượng khí lý thuyết cần sử dụng**

$$SOTR = AOTR\left[\frac{C_{s,20}}{\alpha F(\beta C_{s,TH} - C)}\right](1.024^{20-T})$$

α	*Hệ số ảnh hưởng khả năng vào trộn và cấu tạo của bể*	0.3
β	*Hệ số ảnh hưởng bởi nồng độ muối trong nước thải*	0.95
F	*Hệ số tức nghiên*	0.8
Cs,T,H	Nồng độ trung bình oxi bão hòa trong nước sạch ở nhiệt độ thực tế và cao độ	
CT	Dựa vào nhiệt độ và nồng độ muối trong nước thải, lựa chọn nồng độ oxi	10.77 mg/l
C20	Dựa vào nhiệt độ và nồng độ muối trong nước thải, lựa chọn nồng độ oxi ở nhiệt độ 20	9.08 mg/l
Pb/Pa	Sự thay đổi của áp suất khí quyển với độ cao	1.00

BẢNG TÍNH TOÁN HỆ THỐNG XLNT

KHỐI LƯỢNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

STT	Nội dung thiết bị	Đơn vị	Số lượng
	Hệ thống Module hợp khối thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt : - Chia các khoang xử lý đồng bộ theo công nghệ SBR dạng mẻ - Chế tạo theo tiêu chuẩn hợp khối độ bền cao, chống ăn mòn hóa học. - Gia công hệ treo, giá đỡ thiết bị, vách ngăn.... lắp ráp cho thiết bị hợp khối. - Công nghệ xử lý - BIO: Gồm các công đoạn xử lý: Yếm khí, hiếu khí giá thể MBBR, lắng lọc, khử trùng. - Vận hành tự động theo mẻ. - Tiêu chuẩn nước thải: Loại A - QCVN 28:2010/BTNMT (QC nước thải y tế) - Diện tích chiếm dụng: 10 m2 - 15m2 - Chi tiết.	Hệ thống	1
1	**Module inox XLNT** - Chia các khoang xử lý đồng bộ theo công nghệ SBR dạng mẻ - Chế tạo theo tiêu chuẩn hợp khối độ bền cao, chống ăn mòn hóa học. - Gia công hệ treo, giá đỡ thiết bị, vách ngăn.... lắp ráp cho thiết bị hợp khối. - Vật liệu : Inox 304, dày 1.5li, - Gia cố hệ U xung quanh. - Chia làm 3 ngăn theo công nghệ hợp khối - Hệ khung đặt hộp thiết bị - Kích thước: LxWxH: 3000x1500x1800mm	Module	1
	Chi tiết các ngăn xử lý:		
2	**Ngăn xử lý Hiếu Khí – OXIC** Giá thể vi sinh di động MBBR hệ XLNT công suất 05m3/ngày.đêm. - Tỉ lệ s/v: ≥ 1200 m2/1m3 - Hệ lưới chắn giá thể	Hệ	1
3	**Máy thổi khí :** - Điện áp 220V/1pha/50Hz. - Công suất: 0,55kw - Bộ support cố định thiết bị, Gối đệm cao su chống rung cho máy thổi khí, Hệ ống giảm thanh, Lưới chắn côn trùng đầu khí vào inox 304	Cái	1
4	**Hệ thống cấp phối khí cho hệ XLNT công suất 05m3/ngày.đêm::** Đường ống cấp phân phối khí: - Ống PPR/ PVC - Xuất xứ: Việt Nam **Hệ siêu khuếch tán tia – Super Jet 50** - Công suất motor 0,25 kw - Điện áp: 1 pha x 220v; 50Hz - Công suất đẩy: 0,25kW - Giàn tia khuếch tán Super Jet 50	Hệ	1
	Ngăn lắng /lọc màng MBR		
5	Module màng lọc MBR công suất lọc 05m3/ngày.đêm.	Hệ	1
6	Hệ phân phối khí sục rửa màng: PVC cho hệ XLNT công suất 05m3/ngày.đêm	Hệ	1
7	Bơm hút màng công suất 0,37kw	Cái	2
8	**Phao điện** Báo mức nước bơm, kết nối với hệ điều khiển chế độ hoạt động của toàn hệ thống.	Cái	1
	Ngăn khử trùng		
9	Hệ thống định lượng khử trùng bằng clo viên nén.	Hệ	1
10	**Hệ thống điều khiển tự động**		
	Thiết lập, cài đặt lập trình chế độ vận hành tự động theo mẻ.	Hệ	1
	Hệ thống thiết bị đầu vào		
11	**Bơm chuyển nước đầu vào kèm đồng bộ van phao:** - Công suất : 0,37 kw, điện 1 pha - Nguồn điện: 220V/1pha/50Hz. - Cột áp : H = 5m - 12m - Lưu lượng: Q = 5-10m3/h - Bộ co bơm chìm (bộ nối bơm) PVC, Xích kéo bơm inox 304, Phụ kiện lắp đặt (Việt Nam)	Cái	1
12	**Lồng lọc rác bằng Inox** Khung inox 304, mắt lưới 5mm, Thanh trượt inox 304, Xích kéo inox 304	Cái	1
13	**Nuôi cấy vi sinh, dinh dưỡng hệ xử lý nước thải**	Hệ	1
14	**Hóa chất chạy thử**	Hệ	1
	Hệ thống bao gồm đầy đủ các chi phí: + Vật tư, phụ kiện lắp đặt, máy móc phục vụ thi công. + Vận chuyển thiết bị đến công trình. + Thi công lắp đặt hoàn chỉnh hệ thống. + Cài đặt thiết lập hệ thống. + Vận hành chạy thử. + Phân tích mẫu nước thải đầu ra. + Hướng dẫn vận hành. + Hậu chỉnh hệ thống. + Chuyển giao công nghệ + Bàn giao hệ thống đưa vào sử dụng. + Bảo hành thiết bị 1 năm. + Bảo trì định kỳ 3 tháng/lần trong thời gian bảo hành.		

BẢNG THỐNG KÊ HỆ THỐNG XLNT

HIỆU CHỈNH

Lần thứ:	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

Đ/C: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.263

Giám đốc: Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	HỆ THỐNG XLNT
Bản vẽ:	_BẢNG TÍNH TOÁN HỆ THỐNG XLNT _BẢNG THỐNG KÊ THIẾT BỊ HT XLNT
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	

Ký hiệu Bản vẽ:	Lần phát hành	Mục đích phát hành
XLNT-05/05	1 2 3 4 5 6	TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/50	Ngày phát hành: 2023	

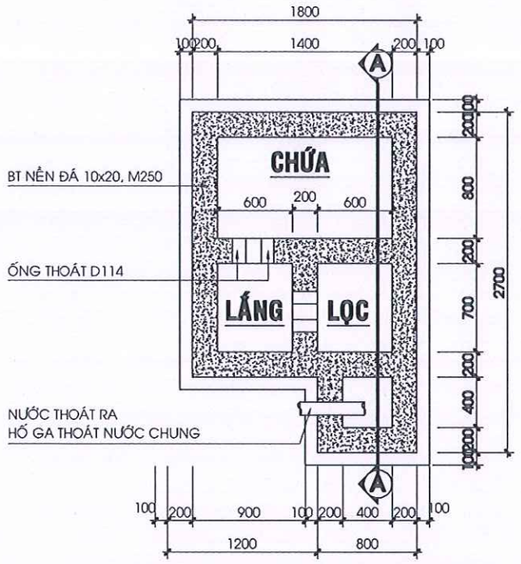

MB HẦM TỰ HOẠI (2.7x1.8x1.4)m

TỶ LỆ 1/50

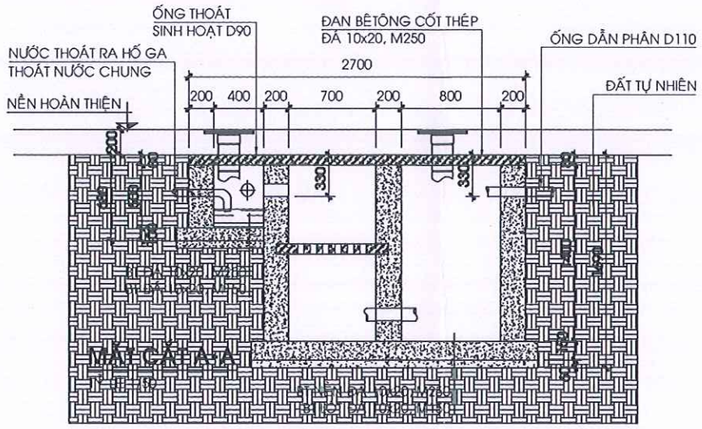

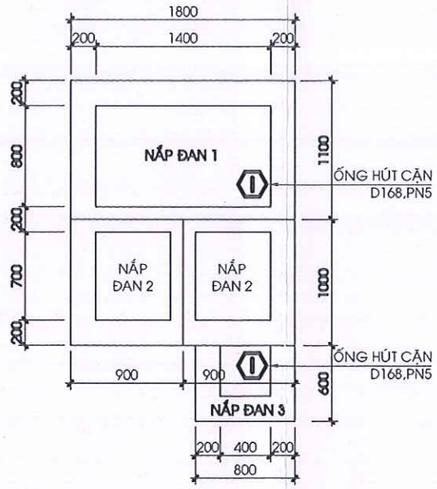

MB NẮP ĐAN TỰ HOẠI (2.7x1.8x1.4)m

TỶ LỆ 1/50

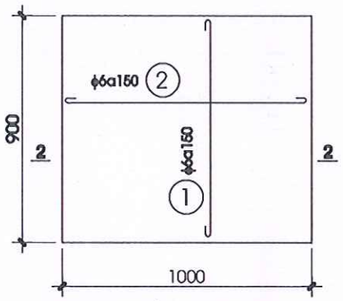

CHI TIẾT NẮP ĐAN 2 (SL:02)

TỶ LỆ 1/25

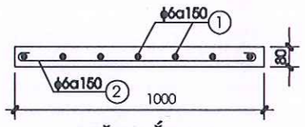

MẶT CẮT 2-2

TỶ LỆ 1/25

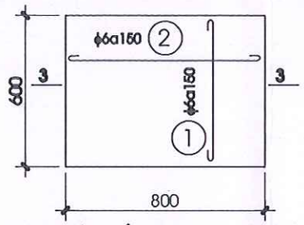

CHI TIẾT NẮP ĐAN 3 (SL:01)

TỶ LỆ 1/25

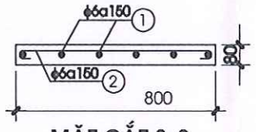

MẶT CẮT 3-3

TỶ LỆ 1/25

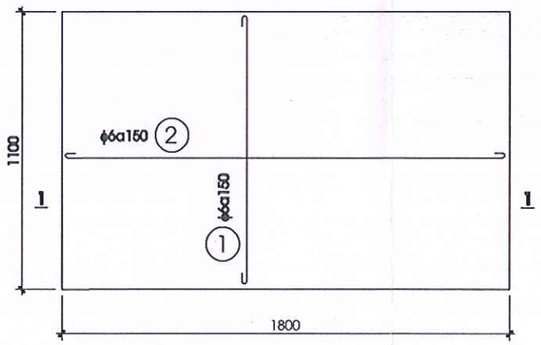

CHI TIẾT NẮP ĐAN 1 (SL:01)

TỶ LỆ 1/25

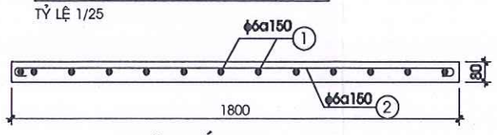

MẶT CẮT 1-1

TỶ LỆ 1/25

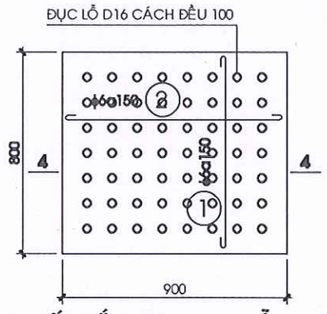

CHI TIẾT NẮP ĐAN ĐỤC LỖ (SL:01)

TỶ LỆ 1/25

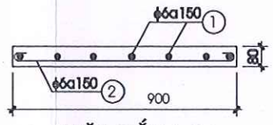

MẶT CẮT 4-4

TỶ LỆ 1/25

BẢNG THỐNG KÊ CỐT THÉP HẦM TỰ HOẠI

TÊN C.KIỆN	SỐ HIỆU	HÌNH DẠNG - KÍCH THƯỚC	ĐƯỜNG KÍNH (mm)	CHIỀU DÀI 1 THANH (mm)	SỐ LƯỢNG 1 C.KIỆN	SỐ LƯỢNG T.BỘ	TỔNG CHIỀU DÀI (m)	TỔNG T.LƯỢNG (Kg)
DAN 1 Số lượng: 1	1	75 1050 75	6	1200	13	13	15.6	3.46
DAN 1 Số lượng: 2	2	75 1750 75	6	1900	8	8	15.2	3.37
DAN 2 Số lượng: 1	1	75 850 75	6	1000	7	14	14	3.11
DAN 2 Số lượng: 1	2	75 950 75	6	1100	7	14	15.4	3.42
DAN 3 Số lượng: 1	1	75 550 75	6	700	7	7	4.9	1.09
DAN 3 Số lượng: 1	2	75 750 75	6	900	5	5	4.5	1.00
DAN 4 Số lượng: 1	1	75 750 75	6	900	7	7	6.3	1.40
DAN 4 Số lượng: 1	2	75 850 75	6	1000	6	6	6	1.33

- Trọng lượng thép có đường kính Φ6 = 18.18 kg; Chiều dài = 81.9 mét

HIỆU CHỈNH

Lần thứ	Ngày hiệu chỉnh	Người hiệu chỉnh	Nội dung hiệu chỉnh:

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG

ĐC: Tầng 4, tháp B Trung tâm hành chính tập trung tỉnh Bình Dương, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương
ĐT: 0274.3855.283

Giám sát:
Nguyễn Vĩnh Toàn

Tư vấn thiết kế:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
HOÀNG PHÚC
782 Lý Thái Tổ, P.Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, BD
ĐT: 0274. 3.801 481

Giám đốc:	
Trần Thị Thi	
Dự án:	XÂY MỚI 02 TRẠM Y TẾ TUYẾN XÃ, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Công trình:	
Hạng mục:	KHỐI CHÍNH
Bản vẽ:	CHI TIẾT HẦM TỰ HOẠI
Chủ nhiệm thiết kế:	
Ks. Trương Đình Phúc	
Chủ trì thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Thiết kế:	
Ks. Trương Tấn Thanh	
Kiểm tra thiết kế:	
Ks. Trần Ngọc Kha	
Ký hiệu Bản vẽ: N:TT-08/09	Lần phát hành: 1 2 3 4 5 6 — Mục đích phát hành: TKCS TKTC TKKT BVHC
Tỷ lệ: 1/200	Ngày phát hành: 2023